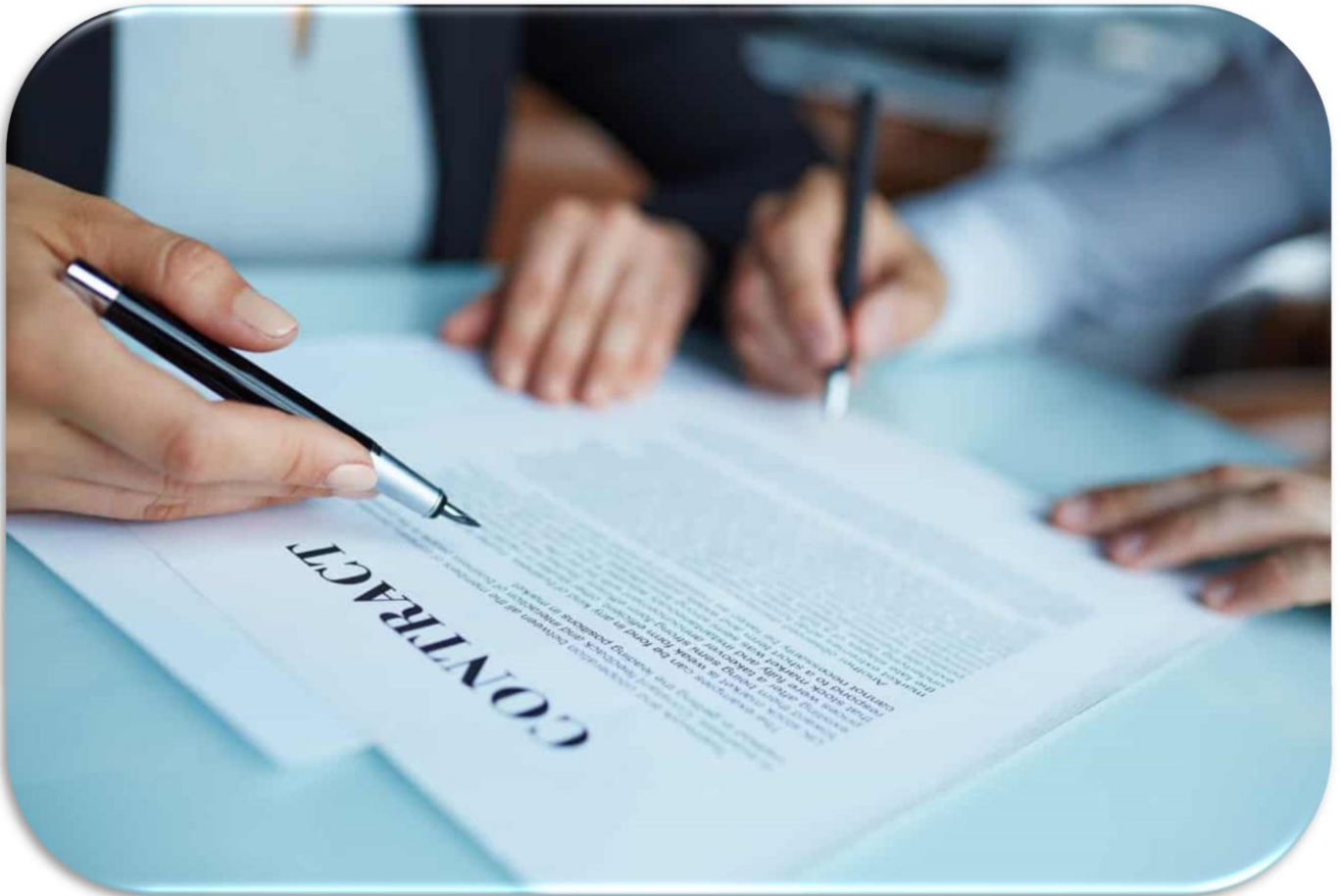




TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI MIỀN TRUNG  
THE MIDDLE COMMERCIAL ARBITRATION CENTER

# 20 MẪU HỢP ĐỒNG

## THÔNG DỤNG TRONG KINH DOANH, THƯƠNG MẠI



## MỤC LỤC

Lời giới thiệu .....	trang 03
Ban biên soạn .....	trang 04
Mẫu 1. Biên bản ghi nhớ (MOU).....	trang 05
Mẫu 2. Thỏa thuận bảo mật (NDA) .....	trang 09
Mẫu 3. Hợp đồng mua bán hàng hóa .....	trang 12
Mẫu 4. Hợp đồng dịch vụ.....	trang 20
Mẫu 5. Hợp đồng cho thuê mặt bằng .....	trang 28
Mẫu 6. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC).....	trang 38
Mẫu 7. Hợp đồng liên doanh.....	trang 47
Mẫu 8. Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần.....	trang 55
Mẫu 9. Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp.....	trang 61
Mẫu 10. Hợp đồng nhượng quyền thương mại.....	trang 68
Mẫu 11. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa .....	trang 79
Mẫu 12. Hợp đồng cung ứng dịch vụ sàn thương mại điện tử .....	trang 87
Mẫu 13. Hợp đồng gia công.....	trang 98
Mẫu 14. Hợp đồng mua bán hàng hóa qua mạng .....	trang 107
Mẫu 15. Hợp đồng đào tạo nghề giữa người lao động và người sử dụng lao động .....	trang 117
Mẫu 16. Hợp đồng thi công công trình xây dựng .....	trang 121
Mẫu 17. Hợp đồng sửa chữa .....	trang 151
Mẫu 18. Hợp đồng li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu .....	trang 160
Mẫu 19. Hợp đồng đại lý .....	trang 167
Mẫu 20. Hợp đồng mua bán và lắp đặt thiết bị.....	trang 179

## LỜI GIỚI THIỆU

Hợp đồng là nền tảng cốt lõi trong kinh doanh, là “luật” giữa các chủ thể trong các giao dịch. Từ những giao dịch đơn giản đến những giao dịch phức tạp, quyết định đến “sinh mệnh” của một doanh nghiệp, các điều khoản trong hợp đồng đều giữ vị trí then chốt giúp định hình khung giao dịch, xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên và tạo cơ chế bảo vệ bên bị vi phạm trước hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng của (các) bên còn lại. Mặc dù có tầm quan trọng như vậy, song trên thực tế các điều khoản trong hợp đồng không phải bao giờ cũng được xây dựng một cách đầy đủ, phù hợp với mong muốn của các bên dẫn đến tình trạng khi có sự kiện, tình huống xảy ra, hợp đồng không thể bảo vệ được các bên liên quan.

Với mục đích hỗ trợ cho các doanh nhân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận với một số mẫu hợp đồng, thỏa thuận thông dụng trong kinh doanh; giúp giảm thiểu thời gian soạn thảo hợp đồng và tăng cường hiệu quả trong việc đàm phán, soạn thảo hợp đồng của các doanh nhân, doanh nghiệp, Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) đã tập hợp, điều chỉnh sơ bộ 20 mẫu thỏa thuận, hợp đồng cơ bản, thông dụng trong kinh doanh, thương mại.

Các mẫu thỏa thuận, hợp đồng do Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) biên soạn và công bố kèm theo được sưu tầm, tổng hợp từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau như từ các hợp đồng thực tế đã được soạn thảo bởi một số luật sư là Trọng tài viên thuộc MCAC, các mẫu hợp đồng tương tự được công bố công khai trên internet và nhiều nguồn tư liệu khác.

Các mẫu Hợp đồng kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; **không phải** là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của MCAC cũng như của Trọng tài viên MCAC và cũng không đại diện cho quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

Mặc dù đã cố gắng rà soát và hoàn thiện các biểu mẫu, tuy vậy sai sót là điều khó tránh khỏi. Do vậy, MCAC và nhóm biên soạn rất mong nhận được các ý kiến góp ý của quý vị độc giả. Mọi góp ý vui lòng gửi về Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC), địa chỉ tại: 115 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; điện thoại: (0236) 3656799; Email: [contact@mcac.vn](mailto:contact@mcac.vn), website: <https://mcac.vn>.

Trân trọng./.

## **BAN BIÊN SOẠN**

**1. Luật sư Trần Quang Huy**

*Chủ tịch Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC)*

**2. Luật sư – Thạc sĩ Kiều Anh Vũ**

*Phó Chủ tịch Trung tâm, Chủ tịch Hội đồng Khoa học MCAC*

**3. Luật sư – Thạc sĩ Lê Văn Cao**

*Phó Chủ tịch MCAC*

MCAC

---

## MẪU 1. BIÊN BẢN GHI NHỚ

---

### GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:

1. Biên Bản Ghi Nhớ (*Memorandum of Understanding - MOU*) thường được dùng để ghi nhận các nội dung thương lượng, đàm phán ban đầu giữa các Bên trước khi ký kết hợp đồng. Nội dung của Biên Bản Ghi Nhớ có thể có tính ràng buộc hoặc không có tính ràng buộc, tùy theo thỏa thuận giữa các bên.
2. Mẫu Biên Bản Ghi Nhớ kèm theo được dùng trong trường hợp hợp tác đầu tư, kinh doanh.
3. Ký hiệu [□] trong Mẫu Biên Bản Ghi Nhớ kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
4. Mẫu Biên Bản Ghi Nhớ kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN GHI NHỚ**

Số: [ ]

Biên Bản Ghi Nhớ này được lập và ký ngày [ ] giữa các Bên:

**BÊN A** :

**CÔNG TY [ ]**

Mã số thuế : [ ]

Địa chỉ trụ sở chính : [ ]

Đại diện bởi : [ ]

Chức danh : [ ] – Người đại diện theo pháp luật

*[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]*

**VÀ**

**BÊN B** :

**CÔNG TY [ ]**

Mã số thuế : [ ]

Địa chỉ trụ sở chính : [ ]

Đại diện bởi : [ ]

Chức danh : [ ] – Người đại diện theo pháp luật

*[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:]*

**ÔNG / BÀ** : [ ]

Ngày sinh : [ ]

CCCD / CMND : [ ]

Ngày cấp : [ ]

Địa chỉ: : [ ]

Điện thoại, email : [ ]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là “**Bên**”, gọi chung là “**các Bên**”.

## **XÉT RÀNG:**

- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên A];
- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên B];

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Biên Bản Ghi Nhớ này theo các điều khoản và điều kiện sau:

### **Điều 1. Mục đích, phạm vi hợp tác**

- 1.1. Bên A và Bên B đồng ý hợp tác đầu tư Dự án [ ] ("**Dự án**"), cùng chia sẻ kết quả kinh doanh phát sinh từ hoạt động của Dự án.
- 1.2. Địa điểm thực hiện Dự án: [ ].
- 1.3. Quy mô Dự án: [ ].

### **Điều 2. Phương thức hợp tác**

Hai Bên hợp tác theo hình thức liên doanh thành lập pháp nhân mới; phân chia lợi nhuận, kết quả kinh doanh tương ứng với tỷ lệ vốn góp.

### **Điều 3. Thời hạn hợp tác**

Thời hạn hợp tác dự kiến là [ ] năm liên tục kể từ ngày [ ].

### **Điều 4. Vốn góp**

- 4.1. Tài sản góp vốn: Mỗi Bên có thể góp vốn bằng tiền, quyền sử dụng đất, máy móc, thiết bị hoặc tài sản khác được góp vốn theo quy định của pháp luật.
- 4.2. Giá trị vốn góp được định giá theo thỏa thuận của các bên. Trường hợp không thể thỏa thuận được thì tài sản góp vốn sẽ được định giá bởi tổ chức định giá chuyên nghiệp do các Bên thống nhất lựa chọn.
- 4.3. Tỷ lệ góp vốn của các Bên
  - a) Mức vốn góp của Bên A là [ ]  
Hình thức góp vốn: [ ]
  - b) Mức vốn góp của Bên B là [ ]  
Hình thức góp vốn: [ ]
- 4.4. Tiến độ góp vốn: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng được ký kết bởi các Bên.  
Tiến độ dự kiến như sau: [ ]

### **Điều 5. Điều khoản chung**

- 5.1. Đại diện của các Bên cam kết có đủ thẩm quyền để ký kết Biên Bản Ghi Nhớ này. Các Bên cam kết bảo mật nội dung Biên Bản Ghi Nhớ này.

- 5.2. Biên Bản Ghi Nhớ này có hiệu lực kể từ ngày ký và có hiệu lực trong thời hạn [□] tháng. Trong thời hạn hiệu lực của Biên Bản Ghi Nhớ này, các Bên sẽ thương lượng ký kết Hợp đồng hợp tác; nếu sau thời hạn này mà Hợp đồng hợp tác không được ký kết thì Biên bản ghi nhớ này sẽ chấm dứt hiệu lực.
- 5.3. Các Bên được quyền ưu tiên trong việc đầu tư, khai thác cùng ngành nghề liên quan đến Dự án. Trong thời hạn hiệu lực của Biên Bản Ghi Nhớ, các Bên không được hợp tác với Bên thứ ba nào khác về Dự án.
- 5.4. Biên Bản Ghi Nhớ này và mọi vấn đề phát sinh, liên quan đến Biên bản ghi nhớ này chịu sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp có bất kỳ bất đồng, tranh chấp nào phát sinh, các Bên sẽ giải quyết bằng thương lượng hoặc hòa giải; mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Biên Bản Ghi Nhớ này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Địa điểm trọng tài, ngôn ngữ trọng tài, luật áp dụng, phí trọng tài và các chi phí pháp lý trong vụ tranh chấp do Hội đồng trọng tài quyết định.
- 5.5. Biên Bản Ghi Nhớ này được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản.

*Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Biên Bản Ghi Nhớ này.*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

---

## MẪU 2. THỎA THUẬN BẢO MẬT

---

### **GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:**

1. Thỏa Thuận Bảo Mật (*Non-Disclosure Agreement - NDA*) được dùng để ghi nhận thỏa thuận giữa các Bên về việc bảo mật, không tiết lộ các thông tin, tài liệu trong quá trình đàm phán, thương lượng; củng cố niềm tin giữa các Bên trong quá trình đàm phán, giao dịch.
2. Ký hiệu [□] trong Mẫu Thỏa Thuận Bảo Mật kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
3. Mẫu Thỏa Thuận Bảo Mật kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THỎA THUẬN BẢO MẬT**  
Số: [ ]

Thỏa Thuận Bảo Mật này (sau đây gọi là “**Thỏa Thuận**”) được lập và ký ngày [ ] giữa các Bên:

**BÊN A** :

**CÔNG TY [ ]**

Mã số thuế : [ ]

Địa chỉ trụ sở chính : [ ]

Đại diện bởi : [ ]

Chức danh : [ ] – Người đại diện theo pháp luật

*[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]*

**VÀ**

**BÊN B** :

**CÔNG TY [ ]**

Mã số thuế : [ ]

Địa chỉ trụ sở chính : [ ]

Đại diện bởi : [ ]

Chức danh : [ ] – Người đại diện theo pháp luật

*[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:]*

**ÔNG / BÀ** : [ ]

Ngày sinh : [ ]

CCCD / CMND : [ ]

Ngày cấp : [ ]

Địa chỉ: : [ ]

Điện thoại, email : [ ]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là “**Bên**”, gọi chung là “**các Bên**”.

## **XÉT RÀNG:**

- *[Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên A];*
- *[Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên B];*
- *Trong quá trình thương lượng, đàm phán, giao dịch, một Bên có thể cung cấp, tiết lộ Thông Tin Mật (như được định nghĩa trong Thỏa Thuận này) cho Bên còn lại,*

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Thỏa Thuận Bảo Mật này theo các điều khoản và điều kiện sau:

**1. Định nghĩa.** Trong Thỏa thuận này, trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác đi:

1.1. **“Giao Dịch”** có nghĩa là việc thương thảo, đàm phán, giao kết hợp đồng giữa Bên A và Bên B.

1.2. **“Người Được Cho Phép”** có nghĩa là người đại diện hợp pháp; nhân viên, nhân sự của Bên Nhận Thông Tin; Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, cố vấn mà sẽ được tiếp cận Thông Tin Mật khi cần thiết liên quan đến Giao Dịch và Mục Đích Được Cho Phép.

1.3. **“Thông Tin Mật”** nghĩa là:

(a) Giao Dịch, Thỏa thuận này hoặc các nội dung, thông tin thảo luận và đàm phán giữa Các Bên liên quan đến Giao Dịch;

(b) Các Dự thảo Hợp đồng, Hợp đồng hiện có giữa Bên A và Bên B; bất kỳ và toàn bộ các thông tin về hoặc liên quan đến thông tin nội bộ của mỗi Bên và/hoặc bí mật kinh doanh hoặc thông tin vụ việc, thông tin tài chính của mỗi Bên chưa được công khai được tiết lộ, cung cấp cho Bên Nhận Thông Tin và/hoặc bất kỳ Người Được Cho Phép nào của Bên Nhận Thông Tin; nhưng không bao gồm các thông tin mà:

(i) đã được công khai hoặc sau ngày của Thỏa thuận này được công khai mà không phải do bất kỳ vi phạm nào đối với Thỏa thuận này;

(ii) vào thời điểm tiết lộ, được Bên Nhận Thông Tin nắm giữ hợp pháp mà không phải thông qua việc tiết lộ theo Thỏa thuận này; hoặc

(iii) Bên Nhận Thông Tin nhận được từ một bên thứ ba không bị hạn chế và không vi phạm nghĩa vụ bảo mật.

1.4. **“Mục Đích Được Cho Phép”** là mục đích thương lượng, đàm phán, xác lập, thực hiện Giao Dịch giữa các Bên; nghiên cứu, đánh giá, đưa ra tư vấn pháp lý.

**2. Các Cam Kết.** Bên Nhận Thông Tin cam kết rằng tùy thuộc vào các quy định của Thỏa thuận này, Bên Nhận Thông Tin sẽ:

(a) giữ bí mật và bảo mật toàn bộ mọi Thông Tin Mật và sẽ không tiết lộ hoặc cung cấp hoặc cho phép tiết lộ bất kỳ Thông Tin Mật nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác trừ khi được quy định rõ ràng trong Thỏa thuận này hoặc có sự đồng ý của Bên A;

(b) không sử dụng bất kỳ Thông Tin Mật nào cho bất kỳ mục đích nào ngoài Mục Đích Được Cho Phép.

3. **Tiết Lộ cho Những Người Được Cho Phép.** Mặc dù có các quy định tại Điều 2 (*Các Cam Kết*) nói trên, Bên Nhận Thông Tin có thể tiết lộ một số hoặc toàn bộ Thông Tin Mật cho bất kỳ Người Được Cho Phép nào hoàn toàn trên cơ sở cần phải biết để phục vụ Mục Đích Được Cho Phép và những người đó trước khi nhận bất kỳ Thông Tin Mật nào như vậy đã đồng ý chịu ràng buộc bởi các điều khoản của Thỏa Thuận này.
4. **Các Biện Pháp Bảo Mật.** Bên Nhận Thông Tin sẽ tiến hành tất cả các biện pháp phòng ngừa bảo mật hợp lý và sẽ đảm bảo rằng tất cả Những Người Được Cho Phép sẽ tiến hành tất cả các biện pháp phòng ngừa an ninh hợp lý để bảo mật và bảo vệ Thông Tin Mật không bị tiết lộ, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc bảo vệ Thông Tin Mật không bị đánh cắp hoặc tiếp cận khi chưa được phép.
5. **Việc Tiết Lộ Bất Buộc.** Nếu Bên Nhận Thông Tin hoặc bất kỳ Người Được Cho Phép nào bị buộc phải tiết lộ bất kỳ Thông Tin Mật nào theo quy định của pháp luật hoặc theo lệnh của một cơ quan có thẩm quyền thì Bên Nhận Thông Tin sẽ ngay lập tức thông báo cho Bên cung cấp thông tin về sự việc đó và Thông Tin Mật phải tiết lộ.
6. **Sao Chép.** Bên Nhận Thông Tin được sao chép, nhân bản hoặc sao lục bất kỳ Thông Tin Mật để phục vụ Mục Đích Được Cho Phép.
7. **Chế tài do vi phạm.** Bên nào vi phạm Thỏa Thuận này thì phải bồi thường thiệt hại cho Bên bị vi phạm và chịu phạt vi phạm với mức phạt là [□].
8. **Luật áp dụng.** Thỏa thuận này được điều chỉnh theo quy định của pháp luật Việt Nam.
9. **Giải quyết tranh chấp.** Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Thỏa thuận này được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Địa điểm trọng tài, ngôn ngữ trọng tài, luật áp dụng, phí trọng tài và các chi phí pháp lý trong vụ tranh chấp do Hội đồng trọng tài quyết định.
10. **Hiệu Lực.** Thỏa thuận bảo mật này có hiệu lực trong thời hạn [□] năm từ ngày ký.

*Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Thỏa Thuận này.*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

---

## MẪU 3. HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

---

### *GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:*

1. Hợp đồng mua bán hàng hóa là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán.
2. Một số quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa có thể tham khảo: Điều 34 đến Điều 62 Luật Thương mại năm 2005.
3. Ký hiệu [□] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
4. Mẫu Hợp đồng kèm theo chỉ có giá trị tham khảo, dùng trong giao dịch mua bán hàng hóa trong nước; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA**  
**Số: [ ]**

Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa này (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") được lập và ký ngày [ ] giữa các Bên:

**BÊN A (BÊN MUA) :**

**CÔNG TY [ ]**

Mã số thuế : [ ]

Địa chỉ trụ sở chính : [ ]

Đại diện bởi : [ ]

Chức danh : [ ] – Người đại diện theo pháp luật

*[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]*

**VÀ**

**BÊN B (BÊN BÁN) :**

**CÔNG TY [ ]**

Mã số thuế : [ ]

Địa chỉ trụ sở chính : [ ]

Đại diện bởi : [ ]

Chức danh : [ ] – Người đại diện theo pháp luật

*[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:]*

**ÔNG / BÀ** : [ ]

Ngày sinh : [ ]

CCCD / CMND : [ ]

Ngày cấp : [ ]

Địa chỉ: : [ ]

Điện thoại, email : [ ]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là "**Bên**", gọi chung là "**các Bên**".

## **XÉT RÀNG:**

- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên A];
- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên B];

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa này theo các điều khoản và điều kiện sau:

## **ĐIỀU 1. HÀNG HÓA – GIÁ CẢ - SỐ LƯỢNG – CHUNG LOẠI – QUY CÁCH**

1.1 Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán hàng hóa là: [□], cụ thể như sau :

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VND)	THÀNH TIỀN (VND)
<b>Tổng cộng:</b>					

- 1.2 Tổng giá trị Hợp đồng là: [□] VND (*Bằng chữ*: [□]).
- 1.3 Đơn giá trên **đã bao gồm** thuế giá trị gia tăng và các chi phí vận chuyển bốc xếp (nếu có).
- 1.4 Trong trường hợp giá cả thị trường có biến động thay đổi tăng hoặc giảm từ [□]%, các Bên sẽ tiến hành thỏa thuận để điều chỉnh giá.
- 1.5 Số lượng hàng hóa trên là tạm tính. Số lượng hàng hóa để thanh toán sẽ căn cứ vào số lượng hàng hóa giao nhận thực tế theo xác nhận giao hàng có ký nhận giữa đại diện các Bên.

## **ĐIỀU 2. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

- 2.1 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng theo thông tin tài khoản sau đây: [□].
- 2.2 Tiến độ thanh toán :
- Đợt 1: Bên A tạm ứng cho Bên B [□]% giá trị Hợp đồng tương ứng số tiền: [□] VND (*Bằng chữ*: [□]) trong thời hạn [□] ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này.
  - Đợt 2: Bên A tạm ứng cho Bên B [□] % giá trị Hợp đồng (trong đó đã bao gồm tạm ứng Đợt 1), tương ứng số tiền : [□] VND (*Bằng chữ*: [□]) trong thời hạn [□] ngày Bên B thông báo giao hàng đến Bên A và trước khi Bên B giao hàng.
  - Đợt 3 (Quyết toán): Bên A thanh toán cho Bên B đủ 100% giá trị Hợp đồng (trong đó đã bao gồm tạm ứng Đợt 1, Đợt 2) trong thời hạn [□] ngày kể từ ngày giao hàng và Bên B cung cấp các hồ sơ thanh toán sau:
    - Hóa đơn giá trị gia tăng;
    - Biên bản giao nhận hàng ;
    - [□]

### **ĐIỀU 3. CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT**

- 3.1** Các loại hàng hóa do Bên B cung cấp cho Bên A đảm bảo tính hợp pháp, đúng điều kiện tiêu chuẩn, nguồn gốc, thông số kỹ thuật và chất lượng như các Bên đã thỏa thuận.
- 3.2** Bên B phải giao hàng có chất lượng tương đương với chất lượng hàng đã nghiệm thu sơ bộ và được Bên A chấp nhận trước khi giao hàng.
- 3.3** Khi giao nhận hàng, hai Bên phải cử người đại diện (nhân viên, nhân sự của mỗi Bên) để ký vào Biên bản giao nhận. Đây là cơ sở để làm chứng từ thanh toán.
- 3.4** Bên B xuất hàng kèm theo đầy đủ các hồ sơ chứng từ, chứng chỉ xuất kho, xuất xưởng, chứng nhận chất lượng,....theo yêu cầu của Bên A (nếu có).

### **ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG**

- 4.1** Thời gian thực hiện Hợp đồng: Bên B thực hiện công việc theo quy định tại Điều 1.1 Hợp đồng này trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được tiền tạm ứng đợt 1 của Bên A.
- 4.2** Địa điểm giao hàng: Bên B sẽ giao hàng cho Bên A tại địa chỉ: [□].
- 4.3** Phương thức giao hàng: Khi tiến hành nhận hàng, Bên A phải kiểm tra phẩm chất, quy cách, số lượng hàng hóa tại chỗ, nếu phát hiện hàng thiếu hoặc hỏng, vỡ không đúng tiêu chuẩn chất lượng, không phù hợp với Hợp đồng thì phải lập biên bản tại chỗ yêu cầu Bên B hoặc bên vận chuyển, giao hàng xác nhận. Nếu không phát hiện lỗi, hỏng, thiếu hoặc không đúng quy cách chất lượng từ hàng hóa thì Bên A phải kết hợp với Bên B ký vào biên bản bàn giao hàng hóa để tiện cho các thủ tục thanh lý Hợp đồng về sau. Bên A sẽ phải trả toàn bộ chi phí vận chuyển, đóng gói và bảo hiểm nếu Bên A yêu cầu Bên B vận chuyển hàng hóa đến địa điểm khác với quy định trong hợp đồng. Thời điểm chuyển rủi ro hàng hóa phát sinh kể từ thời điểm Bên B giao hàng đến địa điểm các bên đã thỏa thuận.

Trường hợp Bên A không có người nhận hàng, không chuẩn bị kho hàng theo quy định tại Điều này hoặc không thực hiện nhận hàng hoặc không ký vào biên bản giao hàng hóa thì Bên B chuyển hàng về kho của Bên B. Lúc này, Bên A phải cử người và phương tiện đến nhận hàng tại kho của Bên B sau khi đã thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh liên quan.

- 4.4** Thông báo giao hàng: Bộ phận bán hàng của Bên B sẽ thông báo cho Bên A trước [□] ngày khi giao hàng, Bên A có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ thanh toán lần 2 theo Điều 2 Hợp đồng này và có nghĩa vụ bố trí người nhận hàng, chuẩn bị kho hàng trước thời điểm giao hàng.

Khi nhận được thông báo giao hàng của Bên B thì Bên A có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật đến xưởng của Bên B để kiểm tra hàng hoá trước khi nhận hàng. Trường hợp Bên A không cử cán bộ kỹ thuật đến sau [□] ngày Bên B thông báo thì các Bên thống nhất xác định hàng hóa đã được kiểm tra hoàn thành và đủ điều kiện để Bên B giao hàng cho Bên A.

- 4.5** Thời điểm chuyển quyền sở hữu hàng hóa từ Bên B sang Bên A được tính kể từ thời điểm Bên A hoàn thành 100% việc thanh toán cho Bên B. Trường hợp Bên A chưa thanh toán đầy đủ 100% giá trị Hợp đồng này cho Bên B thì Bên B được bảo lưu quyền sở hữu đối với toàn bộ hàng hóa đã bàn giao cho Bên A.

## **ĐIỀU 5. KHIẾU NẠI**

- 5.1** Thời hạn khiếu nại về số lượng, chất lượng hàng hóa là 03 (ba) tháng kể từ ngày giao hàng.
- 5.2** Bên bán được miễn trừ trách nhiệm về số lượng, chất lượng hàng hóa nếu Bên mua không khiếu nại trong thời hạn nêu trên.

## **ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

### **6.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên mua (Bên A)**

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B.
- Bố trí thời gian và địa điểm nhận hàng theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng. Cử nhân sự tiếp nhận hàng khi Bên B giao hàng. Trường hợp quá thời hạn 02 ngày kể từ ngày Bên B yêu cầu nhận bàn giao mà Bên A không nhận bàn giao thì mặc nhiên xác định Bên B đã bàn giao, hàng hóa đáp ứng đầy đủ điều kiện.
- Kiểm tra chất lượng, số lượng, quy cách hàng hóa khi nhận hàng và xác nhận hàng theo Biên bản bàn giao.
- Sử dụng hàng hóa theo đúng hướng dẫn kỹ thuật mà Bên B cung cấp.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định pháp luật.

### **6.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên bán (Bên B)**

- Cung cấp kịp thời, đầy đủ số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa theo Hợp đồng này. Nếu hàng hóa không phù hợp với Hợp đồng, Bên A có quyền trả hàng và Bên B phải hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng cho Bên A (nếu có).
- Cung cấp các chứng từ cần thiết liên quan đến hàng hóa do Bên A yêu cầu khi giao nhận hàng (nếu có).
- Xuất hóa đơn cho Bên A sau khi hai bên hoàn thành việc giao hàng.
- Có quyền từ chối thực hiện các yêu cầu trái pháp luật.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định pháp luật.

## **ĐIỀU 7. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

Bên nào vi phạm Hợp đồng này thì phải chịu phạt vi phạm là  % giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm và phải bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm.

## **ĐIỀU 8. BẢO HÀNH**

- 8.1** Bên B đảm bảo hàng hóa cung cấp là hàng mới 100%, chất lượng tốt và các chỉ tiêu kỹ thuật phù hợp với yêu cầu kỹ thuật được mô tả trong Hợp đồng. Mọi lý do sử dụng không đúng với bản hướng dẫn sử dụng thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm bảo hành.
- 8.2** Thời hạn bảo hành là  tháng kể từ ngày Bên B giao hàng cho Bên A.

- 8.3** Trong thời gian bảo hành, nếu có bất kỳ một phần hoặc toàn bộ hàng hóa bị hỏng hóc hoặc không phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật như trong Hợp đồng, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trong thời hạn 48 (Bốn mươi tám) giờ kể từ thời điểm phát sinh sự cố cần bảo hành.

Sau khi nhận được Thông báo của Bên A, Bên B tiến hành xem xét lỗi, nếu lỗi được xác định là do vật liệu và kỹ thuật sản xuất của Bên B không đạt chất lượng như quy định trong Hợp đồng thì Bên B sẽ chịu mọi chi phí sửa chữa và khắc phục, nếu không thể sửa chữa được thì Bên B thay thế bằng sản phẩm mới cho Bên A. Bên B không chịu trách nhiệm bảo hành nếu lỗi được xác định không phải là do vật liệu và kỹ thuật sản xuất của Bên B. Đồng thời, Bên B sẽ không chịu trách nhiệm nào đối với công việc sửa chữa do Bên A và Bên thứ ba thực hiện.

## **ĐIỀU 9. TẠM NGỪNG HOẶC ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

- 9.1** Bên A được quyền tạm ngừng thực hiện Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trước thời hạn trong trường hợp Bên B không thực hiện nghĩa vụ giao hàng theo Hợp đồng và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào tại Hợp đồng này và/hoặc hàng hóa không đảm bảo quy cách, chủng loại, chất lượng.
- 9.2** Bên B được quyền tạm ngừng thực hiện Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trước thời hạn trong trường hợp Bên A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào tại Hợp đồng này và/hoặc địa điểm làm việc không an toàn, bất hợp pháp.

## **ĐIỀU 10. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

- 10.1** Sự kiện bất khả kháng là sự kiện khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các sự kiện sau đây, bao gồm nhưng không giới hạn, được xem là các sự kiện bất khả kháng:
- Thiên tai;
  - Động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh và những thảm họa thiên nhiên khác;
  - Chiến tranh, phá hoại, nội chiến, khủng bố.
- 10.2** Bên bị cản trở việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên kia và không quá 15 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, nêu rõ sự bắt đầu, ngày bắt đầu, ngày dự tính kết thúc của sự kiện bất khả kháng, nghĩa vụ theo Hợp đồng bị ảnh hưởng.
- 10.3** Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng được hai Bên công nhận là đúng, Bên gặp sự kiện bất khả kháng sẽ được hoãn thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng tương với thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng và được miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng từ sự kiện bất khả kháng gây ra.

## **ĐIỀU 11. THÔNG BÁO**

- 11.1** Bất kỳ thông báo, đồng ý, chấp thuận, hoặc liên hệ, trao đổi thông tin, khiếu nại giữa các Bên về các nội dung, vấn đề liên quan đến Hợp đồng này ("**Thông Báo**") phải thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực khi được chuyển bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm chuyển trực tiếp, gửi qua bưu điện, fax hoặc email hoặc các phương tiện truyền tin khác đến một trong các địa chỉ nhận tin của các Bên như sau:

a) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên A:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

b) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên B:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

**11.2** Thông báo cũng có thể được gửi trực tiếp, bằng dịch vụ chuyển phát hoặc bằng e-mail, các phương tiện trực tuyến với điều kiện là phải có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng chứng rõ ràng về việc gửi. Các thông báo được gửi trực tiếp, hoặc được gửi bằng bất kỳ phương tiện nào khác được phép sẽ được xem là đã nhận được vào thời điểm gửi.

**11.3** Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận các Thông Báo của mình bằng cách gửi Thông Báo cho Bên kia về việc thay đổi địa chỉ nhận thông báo theo phương thức được quy định tại Hợp Đồng này.

## **ĐIỀU 12. BẢO MẬT**

**12.1** Trong Hợp đồng này, các Thông Tin Mật được hiểu là toàn bộ các thông tin của bất kỳ Bên nào, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ các thông tin về hoạt động kinh doanh, thông tin tài chính, cơ cấu tổ chức, thông tin khách hàng, thông tin tiếp thị, bí quyết và bí mật kinh doanh liên quan đến hoạt động của Bên đó, thông tin liên quan đến việc hợp tác theo Hợp đồng này hay việc kinh doanh.

**12.2** Một Bên đảm bảo, thừa nhận và cam kết với Bên kia rằng: Tất cả các Thông Tin Mật sẽ được sử dụng duy nhất cho mục đích của Hợp đồng này; được bảo mật tuyệt đối; không được sao chép trừ trường hợp thật sự cần thiết trong phạm vi được ủy quyền; và được hoàn trả và/hoặc hủy bỏ sau khi chấm dứt Hợp đồng.

**12.3** Nghĩa vụ bảo mật thông tin nêu tại Điều này không được áp dụng cho bất kỳ thông tin nào: (i) đã được phổ biến ra công chúng (trừ trường hợp thông tin bị tiết lộ là hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin quy định tại Hợp đồng này); hoặc (ii) đã được thể hiện trong các báo cáo có trước ngày Hợp đồng này có hiệu lực; hoặc (iii) được tiết lộ một cách độc lập từ một Bên thứ ba có quyền được tiết lộ những thông tin này; hoặc (iv) buộc phải tiết lộ theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc theo yêu cầu của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền.

**12.4** Nếu một Bên vi phạm quy định về bảo mật thông tin và không khắc phục trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên bị vi phạm, hoặc vi phạm lần 2 thì Bên bị vi phạm có quyền chấm dứt Hợp đồng này, sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm.

### **ĐIỀU 13. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

**13.1** Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Địa điểm trọng tài, ngôn ngữ trọng tài, luật áp dụng, phí trọng tài và các chi phí pháp lý trong vụ tranh chấp do Hội đồng trọng tài quyết định.

**13.2** Luật áp dụng cho Hợp đồng này là... (chỉ áp dụng đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài và trong trường hợp các bên không thỏa thuận về luật áp dụng trong một điều khoản khác).

### **ĐIỀU 14. CHỐNG TRỰC LỢI**

**14.1** Trục lợi là hành vi lợi dụng chức vụ, chức danh quản lý, vị trí công tác, lợi dụng thẩm quyền được giao, lợi dụng hoàn cảnh, cơ hội để đem lại lợi ích cho cá nhân/nhóm cá nhân trong quá trình chào giá, đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp đồng này.

**14.2** Hai Bên cam kết mỗi bên không chi/nhận hoa hồng; không chi/nhận chiết khấu, tiền chênh lệch giá; không bao che, hỗ trợ, thúc đẩy các hành vi trục lợi của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào; không thực hiện bất kỳ hành vi tương tự dưới bất kỳ hình thức nào trước, trong và sau quá trình thực hiện Hợp đồng.

**14.3** Nếu Bên A phát hiện hành vi trục lợi như trên thì Bên A có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên B và phối hợp với Bên B để xử lý. Trường hợp không có thông báo từ Bên A mà Bên B phát hiện có các hành vi trên thì ngay lập tức, Bên B có quyền chấm dứt hợp tác, chấm dứt Hợp đồng đang có hiệu lực với Bên A mà không phải chịu bất kỳ chế tài nào; Bên A phải có nghĩa vụ bồi thường đối với những thiệt hại mà Bên B phải chịu từ việc chấm dứt Hợp đồng trên. Ngoài ra, Bên A còn phải chịu phạt [] % tổng giá trị Hợp đồng này.

### **ĐIỀU 15. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**15.1** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**15.2** Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản quy định trong Hợp đồng và phụ lục khác kèm theo của Hợp đồng này. Các vấn đề còn lại không đề cập trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo pháp luật Việt Nam hiện hành.

**15.3** Hợp đồng này có thể sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận bằng phụ lục Hợp đồng, có đầy đủ chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của hai Bên. Các phụ lục Hợp đồng này là phần không tách rời và có giá trị pháp lý như Hợp đồng.

**15.4** Hợp đồng này được lập thành 02 bản chính bằng tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản.

*Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp đồng này.*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

---

## MẪU 4. HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

---

### *GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:*

1. Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ (*Điều 513 Bộ luật Dân sự năm 2015*).
2. Một số quy định của pháp luật về hợp đồng dịch vụ cần tham khảo khi soạn thảo hợp đồng dịch vụ: Điều 74 đến Điều 87 Luật Thương mại năm 2005, Điều 513 đến Điều 521 Bộ luật Dân sự năm 2015.
3. Ký hiệu [□] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
4. Mẫu Hợp đồng dịch vụ kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các Bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ [□]**  
**Số: [□]**

Hợp Đồng Dịch Vụ [□] này (sau đây gọi là “**Hợp đồng**”) được lập và ký ngày [□] giữa các Bên:

**BÊN A (BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ):**

**CÔNG TY [□]**

Mã số thuế : [□]  
Địa chỉ trụ sở chính : [□]  
Đại diện bởi : [□]  
Chức danh : [□] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]

**VÀ**

**BÊN B (BÊN CUNG ỨNG DỊCH VỤ):**

**CÔNG TY [□]**

Mã số thuế : [□]  
Địa chỉ trụ sở chính : [□]  
Đại diện bởi : [□]  
Chức danh : [□] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:]

**ÔNG / BÀ** : [□]  
Ngày sinh : [□]  
CCCD / CMND : [□]  
Ngày cấp : [□]  
Địa chỉ : [□]  
Điện thoại, email : [□]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là “**Bên**”, gọi chung là “**các Bên**”.

## **XÉT RÀNG:**

- *[Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên A];*
- *[Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên B];*

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Dịch Vụ [□] này theo các điều khoản và điều kiện sau:

### **ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA**

Trừ khi ngữ cảnh trong Hợp đồng này có quy định khác, các từ hoặc cụm từ dưới đây có nghĩa như sau:

- 1.1 “**Hợp đồng**” nghĩa là Hợp Đồng Dịch Vụ [□] này bao gồm tất cả các Phụ lục, bảng biểu đính kèm (nếu có).
- 1.2 “**Dịch Vụ**” nghĩa là các công việc được Bên B thực hiện cho Bên A theo Hợp đồng này được quy định và mô tả tại Điều 2 của Hợp đồng.
- 1.3 “**Thù lao Dịch vụ**” là khoản tiền thù lao do Bên A thanh toán cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.
- 1.4 “**VND**” nghĩa là Việt Nam đồng.

### **ĐIỀU 2. DỊCH VỤ**

- 2.1 Dịch vụ và phạm vi công việc Bên A yêu cầu và Bên B thực hiện cho Bên A như sau:

*[Nêu rõ và cụ thể các loại công việc, phạm vi công việc tương ứng Bên B thực hiện cho Bên A, nêu rõ thời hạn hoàn thành từng loại dịch vụ.]*

- 2.2 Đánh giá, nghiệm thu

*[Nêu rõ các yêu cầu, cách thức đánh giá, nghiệm thu dịch vụ, nếu có]*

### **ĐIỀU 3. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**

- 4.1 Thời Hạn của Hợp đồng này được bắt đầu và có hiệu lực kể từ ngày được đề cập ở phần đầu của Hợp đồng và có thời hạn [□] *[nêu rõ ngày hoặc tháng]*.
- 4.2 Sau khi kết thúc thời hạn thực hiện công việc theo Hợp đồng này mà công việc chưa hoàn thành và Bên B vẫn tiếp tục thực hiện công việc, Bên A biết nhưng không phản đối thì Hợp đồng này đương nhiên được tiếp tục thực hiện theo nội dung đã thoả thuận cho đến khi công việc được hoàn thành.

### **ĐIỀU 4. THÙ LAO DỊCH VỤ VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN**

- 4.1 Thù lao Dịch vụ *(chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)* là: [□] VND ([□] đồng). Bên A thanh toán đủ Thù lao Dịch vụ cho Bên B theo tiến độ như sau:

- a) **Đợt 1:** Bên A thanh toán cho Bên B số tiền [□] VND trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng.
- b) **Đợt 2:** Bên A thanh toán cho Bên B số tiền [□] VND trong thời hạn 02 (hai) ngày

kể từ ngày [□].

- c) **Đot 3:** Bên A thanh toán cho Bên B Thủ lao Dịch vụ còn lại (*tương đương*: [□] VND) trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày [□].

- 4.2 Thủ lao Dịch vụ đề cập tại Điều 4.1 trên sẽ không bao gồm Các khoản phí, lệ phí Nhà nước (nếu có); Phí chuyển khoản ngân hàng.
- 4.3 Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B bất kỳ khoản tiền nào thì phải chịu lãi chậm thanh toán là [□] %/năm trên số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong.

## **ĐIỀU 5. THANH TOÁN**

Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản ngân hàng theo thông tin người thụ hưởng như sau:

*Chủ tài khoản* : [□]

*Số tài khoản* : [□]

*Ngân hàng* : [□]

## **ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

Bên A có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 6.1 Bên A được Bên B cung cấp các dịch vụ theo phạm vi dịch vụ được xác định tại Hợp đồng này; được quyền tạm ngừng hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng này nếu Bên B vi phạm Hợp đồng.
- 6.2 Bên A có quyền yêu cầu Bên B thực hiện các công việc theo phạm vi dịch vụ đã thỏa thuận theo Hợp đồng này. Trường hợp Bên A có các yêu cầu tư vấn, trao đổi về Dịch Vụ, Bên A sẽ liên hệ với Bên B và nhân sự trực tiếp phụ trách vụ việc trong giờ làm việc của Bên B theo hình thức liên hệ phù hợp (điện thoại, email hoặc/và các phương thức liên lạc khác).
- 6.3 Bên A có nghĩa vụ thanh toán Thủ lao Dịch vụ cho Bên B theo đúng quy định tại Hợp đồng này.
- 6.4 Bên A có nghĩa vụ hợp tác chặt chẽ với Bên B trong tất cả các vấn đề liên quan đến việc thực hiện Dịch Vụ để Bên B có thể triển khai và hoàn thành Dịch Vụ theo Hợp đồng.
- 6.5 Trong quá trình thực hiện Dịch Vụ mà Bên B cần Bên A cung cấp bất kỳ thông tin, dữ liệu hoặc tài liệu nào, Bên A sẽ chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, tính chính xác, tính kịp thời, đầy đủ, trung thực và hiệu lực của các thông tin, dữ liệu hoặc tài liệu này.
- 6.6 Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

Bên B có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 7.1 Được yêu cầu, nhận thanh toán Thủ lao Dịch vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng này; được

quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng này nếu Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán Thủ lao Dịch vụ.

- 7.2 Được yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến Dịch Vụ và không chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, đầy đủ của các tài liệu.
- 7.3 Bên B có nghĩa vụ cung cấp dịch vụ, thực hiện các công việc theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.
- 7.4 Bên B có nghĩa vụ thông báo tiến độ thực hiện Dịch Vụ cho Bên A được biết.
- 7.5 Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 8. BẢO MẬT THÔNG TIN**

- 8.1 Mỗi Bên phải giữ bí mật toàn bộ các thông tin, tài liệu, thỏa thuận có được do Bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ nội dung của Hợp đồng này; các email, thư từ, tài liệu, văn bản tư vấn của Bên B; các văn bản do Bên B soạn thảo, cung cấp; các thông tin, dữ liệu, tài liệu do Bên A cung cấp,... (gọi chung là “**Thông Tin Mật**”), ngoại trừ:
  - a) Các thông tin đó là hoặc sẽ trở thành thông tin công khai, mà không do lỗi của bất kỳ Bên nào;
  - b) Các thông tin đó được cung cấp cho Cơ quan có thẩm quyền;
  - c) Một Bên nhận được thông tin từ bên thứ ba độc lập mà bên thứ ba này không chịu trách nhiệm đối với bên nào khác;
  - d) Các thông tin mà một Bên đã có sẵn tại thời điểm mà thông tin đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, được Bên kia cung cấp.
- 8.2 Một Bên không được, khi chưa có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia, sử dụng Thông Tin Mật mà Bên kia yêu cầu giữ bí mật cho bất kỳ mục đích nào khác trừ trường hợp tiết lộ vì mục đích thực hiện Dịch Vụ theo Hợp đồng này hoặc tiết lộ theo yêu cầu của pháp luật hoặc có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý Nhà nước.

## **ĐIỀU 9. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

- 9.1 Bên nào vi phạm Hợp đồng phải chịu các chế tài theo quy định của Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Đồng thời, bồi thường thiệt hại cho Bên kia theo đúng quy định của pháp luật.
- 9.2 Ngoại trừ các trách nhiệm quy định tại Hợp đồng này, Bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào khác đối với Bên A.

## **ĐIỀU 10. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN**

- 10.1 Bất kể quy định tại Điều 3 của Hợp đồng, Hợp đồng này có thể chấm dứt trước hạn nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

- b) Một Bên vi phạm bất cứ điều khoản nào của Hợp đồng này và Bên còn lại thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng cho Bên vi phạm trước 07 ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng;
- c) Một Bên ở trong tình trạng mất khả năng thanh toán hoặc đang trong quá trình đi đến phá sản (hoặc trong một trình trạng tương tự khác theo quy định của luật pháp Việt Nam) và Bên còn lại thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng cho Bên vi phạm trước 07 ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng; hoặc

10.2 Trong trường hợp Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn thì Bên A vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên B phần chi phí tương ứng với công việc thực tế hoặc từng giai đoạn dịch vụ mà Bên B đã thực hiện, hoàn trả các chi phí thực tế đã phát sinh không bao gồm trong Thủ lao Dịch vụ (xác định theo Điều 4 của Hợp đồng này).

## **ĐIỀU 11. THÔNG BÁO**

11.1 Bất kỳ thông báo, đồng ý, chấp thuận, hoặc liên hệ, trao đổi thông tin, khiếu nại giữa các Bên về các nội dung, vấn đề liên quan đến Hợp đồng này ("**Thông Báo**") phải thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực khi được chuyển bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm chuyển trực tiếp, gửi qua bưu điện, fax hoặc email hoặc các phương tiện truyền tin khác đến một trong các địa chỉ nhận tin của các Bên như sau:

a) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên A:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

b) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên B:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

11.2 Thông báo cũng có thể được gửi trực tiếp, bằng dịch vụ chuyển phát hoặc bằng e-mail, các phương tiện trực tuyến với điều kiện là phải có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng chứng rõ ràng về việc gửi. Các thông báo được gửi trực tiếp, hoặc được gửi bằng bất kỳ phương tiện nào khác được phép sẽ được xem là đã nhận được vào thời điểm gửi.

11.3 Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận các Thông Báo của mình bằng cách gửi Thông Báo cho Bên kia về việc thay đổi địa chỉ nhận thông báo theo phương thức được quy định tại Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 12. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

12.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các sự kiện sau đây, bao gồm nhưng không giới hạn, được xem là các sự kiện bất khả kháng:

- Thiên tai;
- Động đất, hoả hoạn, lũ lụt, dịch bệnh và những thảm hoạ thiên nhiên khác;
- Chiến tranh, phá hoại, nội chiến, khủng bố.

12.2 Bên bị cản trở việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên kia và không quá 15 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, nêu rõ sự bắt đầu, ngày bắt đầu, ngày dự tính kết thúc của sự kiện bất khả kháng, nghĩa vụ theo Hợp đồng bị ảnh hưởng.

12.3 Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng được hai Bên công nhận là đúng, bên gặp sự kiện bất khả kháng sẽ được hoãn thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng tương với thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng và được miễn trừ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng từ sự kiện bất khả kháng gây ra.

## **ĐIỀU 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

13.1 Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

13.2 Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng này, các Bên sẽ nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải trên tinh thần hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Địa điểm trọng tài, ngôn ngữ trọng tài, luật áp dụng, phí trọng tài và các chi phí pháp lý trong vụ tranh chấp do Hội đồng trọng tài quyết định.

## **ĐIỀU 14. CHỐNG TRỰC LỢI**

14.1 Trục lợi là hành vi lợi dụng chức vụ, chức danh quản lý, vị trí công tác, lợi dụng thẩm quyền được giao, lợi dụng hoàn cảnh, cơ hội để đem lại lợi ích cho cá nhân/nhóm cá nhân trong quá trình chào giá, đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp đồng này.

14.2 Hai Bên cam kết mỗi bên không chi/nhận hoa hồng; không chi/nhận chiết khấu, tiền chênh lệch giá; không bao che, hỗ trợ, thúc đẩy các hành vi trục lợi của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào; không thực hiện bất kỳ hành vi tương tự dưới bất kỳ hình thức nào trước, trong và sau quá trình thực hiện Hợp đồng.

14.3 Nếu Bên A phát hiện hành vi trục lợi như trên thì Bên A có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên B và phối hợp với Bên B để xử lý. Trường hợp không có thông báo từ Bên A mà Bên B phát hiện có các hành vi trên thì ngay lập tức, Bên B có quyền chấm dứt hợp tác, chấm dứt Hợp đồng đang có hiệu lực với Bên A mà không phải chịu bất kỳ chế tài nào; Bên A phải có nghĩa vụ bồi thường đối với những thiệt hại mà Bên B phải chịu từ việc chấm dứt Hợp đồng trên. Ngoài ra, Bên A còn phải chịu phạt  % tổng giá trị Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 15. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- 15.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 15.2 Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với các điều khoản của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được thực hiện bằng văn bản và được Bên A và Bên B cùng ký xác nhận.
- 15.3 Hợp đồng này hình thành toàn bộ thỏa thuận giữa Bên B và Bên A, và thay thế tất cả các đàm phán, tuyên bố hoặc thỏa thuận trước đây giữa các Bên, bằng hình thức trao đổi miệng hoặc bằng văn bản, liên quan đến nội dung của Hợp đồng.
- 15.4 Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản gốc bằng tiếng Việt, mỗi Bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

*Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp đồng này.*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

MNC A

## MẪU 5. HỢP ĐỒNG THUÊ MẶT BẰNG

### GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:

1. Hợp đồng thuê mặt bằng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc bên cho thuê giao tài sản là mặt bằng (nhà, văn phòng,...) cho bên thuê để bên thuê sử dụng trong một thời hạn, bên thuê phải trả tiền thuê.
2. Mẫu Hợp đồng thuê mặt bằng kèm theo được sử dụng trong trường hợp thuê mặt bằng (nhà ở, văn phòng) để kinh doanh (không phải để ở).
3. Một số quy định của pháp luật về hợp đồng thuê mặt bằng có thể tham khảo: Điều 472 đến Điều 482 Bộ luật Dân sự năm 2015 (*Hợp đồng thuê tài sản*); Điều 170 đến Điều 173 Luật Nhà ở năm 2023 (*thuê nhà ở*); Điều 44 đến Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 (*Hợp đồng kinh doanh bất động sản*).
4. Ký hiệu [□] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
5. Mẫu Hợp đồng kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG THUÊ MẶT BẰNG**

Số: [ ]

Hợp Đồng Thuê Mặt Bằng này (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") được lập và ký ngày [ ] giữa các Bên:

**BÊN A (BÊN CHO THUÊ):**

**CÔNG TY [ ]**

Mã số thuế : [ ]  
Địa chỉ trụ sở chính : [ ]  
Đại diện bởi : [ ]  
Chức danh : [ ] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]

VÀ

**BÊN B (BÊN THUÊ):**

**CÔNG TY [ ]**

Mã số thuế : [ ]  
Địa chỉ trụ sở chính : [ ]  
Đại diện bởi : [ ]  
Chức danh : [ ] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:]

**ÔNG / BÀ** : [ ]  
Ngày sinh : [ ]  
CCCD / CMND : [ ]  
Ngày cấp : [ ]  
Địa chỉ : [ ]  
Điện thoại, email : [ ]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là "**Bên**", gọi chung là "**các Bên**".

## **XÉT RẰNG:**

- Bên Cho Thuê là chủ sở hữu hợp pháp / Bên có quyền sử dụng và cho thuê hợp pháp của cao ốc văn phòng cho thuê Tòa Nhà [□], địa chỉ tại [□] (sau đây được gọi là “Tòa Nhà”).
- Bên Thuê có ý định thuê khu vực như được mô tả dưới đây nhằm mục đích tiến hành các hoạt động kinh doanh được pháp luật Việt Nam cho phép, và Bên Thuê mong muốn thuê khu vực này từ Bên Cho Thuê dựa trên những điều kiện và điều khoản dưới đây.

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Thuê Mặt Bằng này theo các điều khoản và điều kiện sau:

### **ĐIỀU 1. KHU VỰC THUÊ**

- 1.1 Bên A đồng ý cho Bên B thuê và Bên B đồng ý thuê khu vực [nêu rõ vị trí, tầng của Khu vực thuê – có thể đính kèm sơ đồ thuê tại Phụ lục kèm theo Hợp đồng] của Tòa Nhà tọa lạc tại số [□] (sau đây gọi là “**Khu Vực Thuê**”).
- 1.2 Khu Vực Thuê có đặc điểm như sau:
  - a) Hồ sơ pháp lý của Tòa Nhà: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số [□] do [□] cấp ngày [□] cho [□];
  - b) Khu Vực Thuê có diện tích là: [□] m<sup>2</sup>, chiều ngang [□]m, chiều dài: [□]m. Tiền Thuê không tính theo diện tích thuê.
  - c) Khu Vực Thuê được tính là diện tích thuần mặt sàn bao gồm toàn bộ các cột kết cấu dính liền hoặc nằm bên trong Khu Vực Thuê, nhưng không bao gồm hành lang, lối đi chung, cầu thang bộ, sảnh thang máy, khu vệ sinh và phòng kỹ thuật, được tính từ phần ở giữa của các tâm chấn và/ hoặc vách ngăn.

### **ĐIỀU 2. MỤC ĐÍCH THUÊ**

- 2.1 Bên B chỉ sử dụng Khu Vực Thuê cho mục đích làm trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của Bên B phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và/hoặc các giấy phép tương đương khác của Bên B.
- 2.2 Bên B tuyệt đối không được sử dụng Khu Vực Thuê cho mục đích ở (dù ngắn hạn hay dài hạn), không được cho thuê lại hoặc sử dụng vào các mục đích khác ngoài mục đích được nêu tại khoản 2.1 Điều này, trừ khi nhận được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A.
- 2.3 Trong trường hợp Bên B muốn bổ sung hoạt động kinh doanh mà có thể hoặc có khả năng ảnh hưởng tới các hoạt động của bên thuê khác hoặc cảnh quan/tiêu chuẩn chung của Tòa Nhà, Bên B phải thông báo và xin chấp thuận bằng văn bản của Bên A trước khi thực hiện. Bên A được quyền từ chối nếu việc bổ sung hoạt động kinh doanh của Bên B vi phạm quy định tại khoản này.

### **ĐIỀU 3. THỜI HẠN THUÊ, GIAI ĐOẠN HOÀN THIỆN NỘI THẤT VÀ GIAI ĐOẠN TÍNH TIỀN THUÊ**

- 3.1 Hợp Đồng Thuê này có thời hạn là [□] năm, (sau đây gọi là “**Thời Hạn Thuê**”), bắt đầu từ ngày [□] (sau đây gọi là “**Ngày Bắt Đầu Tính Tiền Thuê**”), và kết thúc vào ngày [□] (sau đây gọi là “**Ngày Hết Hạn**”), bao gồm cả hai ngày này.

- 3.2 Thời gian trang trí Khu Vực Thuê (sau đây gọi là “**Giai Đoạn Hoàn Thiện Nội Thất**”) bắt đầu tính từ ngày [ ] (sau đây gọi là “**Ngày Bàn Giao**”) đến ngày [ ] (bao gồm cả hai ngày này).

Bên Thuê sẽ tự thanh toán mọi chi phí cho việc trang trí Khu Vực Thuê, tự chịu trách nhiệm đối với mọi hành vi liên quan đến việc trang trí Khu Vực Thuê do Bên Thuê (bao gồm cả nhà thầu, nhà cung cấp hoặc nhân viên... của Bên Thuê) thực hiện. Tuy nhiên, mọi thiết kế và bảng hiệu phải được Bên Cho Thuê chấp thuận trước khi tiến hành hay lắp đặt, Bên Cho Thuê không được từ chối một cách vô lý. Ngoài ra trong khi tiến hành trang trí Khu Vực Thuê, Bên Thuê phải tuân thủ toàn bộ qui định của pháp luật, và các qui định của Bên Cho Thuê liên quan đến việc trang trí Khu Vực Thuê.

- 3.3 Giai đoạn tính Tiền Thuê, (sau đây gọi là “**Giai Đoạn Tính Tiền Thuê**”) bắt đầu tính từ ngày [ ] (sau đây gọi là “**Ngày Bắt Đầu Tính Tiền Thuê**”) đến Ngày Hết Hạn (bao gồm cả hai ngày này).

- 3.4 Trước khi hết hạn Thời Hạn Thuê, nếu Bên B có nhu cầu thuê tiếp thì trong thời hạn ít nhất 02 tháng trước khi kết thúc Thời Hạn Thuê, Bên B phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A về việc đề nghị gia hạn Hợp Đồng Thuê. Trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên B, Bên A trả lời cho Bên B bằng văn bản về việc đồng ý hay từ chối cho Bên B thuê tiếp, Tiền thuê trong trường hợp gia hạn Hợp Đồng Thuê, Các Bên sẽ thống nhất trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế.

#### **ĐIỀU 4. TIỀN THUÊ**

- 5.1 Trong suốt Thời Hạn Thuê, Bên Thuê phải thanh toán cho Bên Cho Thuê khoản tiền thuê hàng tháng là [ ] VND/**Tháng (bằng chữ: [ ] trên một tháng)** (sau đây gọi tắt “**Tiền Thuê**”). Tiền Thuê chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, các khoản chi phí khác, nếu có.

- 5.2 Tiền Thuê sẽ được Bên Thuê thanh toán cho Bên Cho Thuê theo định kỳ trả trước 01 (một) tháng một lần vào ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng. Bên Cho Thuê sẽ gửi cho Bên Thuê Đề nghị thanh toán về tổng số Tiền Thuê và Các Khoản Thuế tương ứng phải thanh toán cho kỳ đó và Bên Thuê phải thực hiện thanh toán khoản tiền này trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Bên Thuê nhận được Đề nghị thanh toán và hóa đơn tài chính hợp pháp, hợp lệ của Bên Cho Thuê. Khoản thanh toán Tiền Thuê và Các Khoản Thuế tương ứng kỳ thanh toán đầu tiên sẽ được tính theo thời gian thuê thực tế từ ngày bắt đầu thuê tới ngày cuối cùng của kỳ của ngày bắt đầu tính tiền thuê (tính trên cơ sở một tháng 30 ngày). Tiền Thuê và Các Khoản Thuế tương ứng của kỳ đầu tiên sẽ được thanh toán trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu tính tiền thuê.

- 5.3 Mọi khoản Tiền Thuê, Phí Dịch Vụ và các khoản chi phí khác phải thanh toán cho Bên Cho Thuê theo Hợp Đồng này sẽ được thanh toán vào tài khoản được chỉ định Cho Bên Cho Thuê như sau:

Tên tài khoản: [ ]

Số tài khoản: [ ]

Tại ngân hàng: [ ]

Hoặc bất kỳ tài khoản nào khác mà Bên Cho Thuê có thể tùy từng thời điểm thông báo bằng văn bản cho Bên thuê.

Tiền Thuê và các khoản phải thanh toán khác theo Hợp đồng này được thanh toán bằng Đồng Việt Nam.

- 5.4 Bên Thuê vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Bên Cho Thuê thì phải chịu lãi chậm thanh toán là  $[\square]\%$ /năm trên số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

## ĐIỀU 5. PHÍ QUẢN LÝ

- 5.1 Trong Thời Hạn Thuê, Bên Thuê phải thanh toán cho Bên Cho Thuê một khoản Phí Quản Lý hàng tháng là  $[\square]$  đồng (**bằng chữ**:  $[\square]$  đồng) (sau đây gọi là “**Phí Quản Lý**”).

- 5.2 Phí Quản Lý nêu trên sẽ được áp dụng như sau:

Phí Quản Lý có thể được điều chỉnh và áp dụng tùy thuộc vào sự thay đổi của các chi phí đầu vào của Phí Quản Lý trong năm đó. Bên Cho Thuê sẽ gửi văn bản thông báo trước **01 (một)** tháng cho Bên Thuê về sự điều chỉnh Phí Quản Lý này trước khi áp dụng. Để tránh hiểu nhầm, mức Phí Quản Lý điều chỉnh này sẽ có tính bắt buộc đối với Bên Thuê cũng như được áp dụng đồng loại cho tất cả các bên thuê khác trong Tòa nhà.

- 5.3 Phí Quản lý bao gồm những khoản phí cho các dịch vụ do Bên Cho Thuê cung cấp cho Bên Thuê như sau:

- a) Điện cung cấp cho khu vực công cộng.
- b) Vệ sinh khu vực công cộng.
- c) Bảo vệ 24/24 tại Tòa nhà.
- d) Thu dọn rác tại khu vực tập kết thu gom rác chung.
- e) Nước máy phục vụ nhà vệ sinh và khu vực rửa ly tách chung.
- f) Bảo trì thang máy.
- g) Bảo trì các khu vực công cộng.
- h) Diệt côn trùng ở các khu vực công cộng.

- 5.4 Để tránh hiểu nhầm, những tiện ích và dịch vụ không bao gồm trong Phí Quản Lý và Bên Thuê phải trả riêng là:

- a) Điện và nước sử dụng tại Khu Vực Thuê.
- b) Chi phí điện thoại, internet bao gồm cả chi phí lắp đặt, kết nối điện thoại, internet của Bên Thuê trong Khu Vực Thuê.
- c) Dọn dẹp vệ sinh bên trong Khu Vực Thuê.
- d) Toàn bộ các bảo trì và tiêu hao thay thế do sử dụng bên trong Khu Vực Thuê.

- 5.4 Bên Thuê sẽ chịu chi phí thực hiện kết nối điện thoại, ADSL, cáp, kết nối điện đến tủ điện và phòng viễn thông ở các tầng, và các chi phí kết nối tiện ích khác sử dụng trong Khu Vực Thuê kể từ Ngày Bàn Giao.

## **ĐIỀU 6. TIỀN ĐẶT CỌC**

- 6.1 Bên Thuê phải thanh toán cho Bên Cho Thuê một khoản tiền đặt cọc (sau đây gọi là "**Tiền Đặt Cọc**") tương ứng với 03 (ba) tháng của Tiền Thuê, Phí Quản lý với tổng số ban đầu là [ ] **đồng (bằng chữ: [ ] đồng)**.
- 6.2 Tiền Đặt Cọc sẽ được Bên Thuê thanh toán cho Bên Cho Thuê trong thời hạn [ ] ngày làm việc kể từ ngày ký kết Hợp Đồng Thuê.
- 6.3 Mục đích đặt cọc: Bên B thanh toán cho Bên A Tiền đặt cọc để bảo đảm việc tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ của Bên B theo các điều khoản được quy định trong Hợp Đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn ở nghĩa vụ thanh toán cho bất kỳ các khoản tiền nào mà Bên B phải trả cho Bên A, bao gồm cả các khoản tiền lãi, phạt chậm trả, bồi thường thiệt hại, đồng thời cũng là để bảo đảm việc thanh toán cho bất kỳ yêu cầu thanh toán nào của Bên A đối với Bên B khi có vấn đề phát sinh liên quan đến Khu Vực Thuê.
- 6.4 Tiền Đặt Cọc sẽ được hoàn trả cho Bên B sau khi Các Bên ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng và Bên B đã thanh toán đầy đủ cho Bên A các khoản Tiền Thuê, Phí dịch vụ và các nghĩa vụ thanh toán khác liên quan đến Hợp đồng này. Trong trường hợp Bên A thực hiện bất kỳ khoản khấu trừ nào đối với khoản Tiền đặt cọc trong Thời hạn thuê theo quy định của Hợp đồng thì khi có yêu cầu của Bên A, Bên B trong vòng năm (05) ngày làm việc phải bổ sung thêm một khoản tiền tương đương với khoản bị khấu trừ đó để bảo đảm đủ mức Tiền đặt cọc như đã thỏa thuận.
- 6.5 Trong trường hợp Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng này không có căn cứ thì Tiền Đặt Cọc sẽ không được hoàn trả. Trong trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng này không có căn cứ thì Bên A phải hoàn trả Tiền Đặt Cọc cho Bên B và một khoản tiền tương đương với Tiền Đặt Cọc.

## **ĐIỀU 7. CÁC KHOẢN THUẾ**

- 7.1 Bên Thuê phải trả bất kỳ và mọi khoản thuế và lệ phí, bao gồm nhưng không giới hạn thuế giá trị gia tăng trên Tiền Thuê và Phí Quản lý được áp dụng cho và có liên quan đến Hợp Đồng Thuê này, được pháp luật Việt Nam quy định tùy từng thời điểm trong suốt Thời Hạn Thuê (sau đây gọi là "**Các Khoản Thuế**").
- 7.2 Trừ khi pháp luật Việt Nam có quy định khác, Các Khoản Thuế phải được thanh toán cùng lúc với các khoản thanh toán có liên quan.

## **ĐIỀU 8. ĐIỀU KHOẢN VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

Bên nào vi phạm Hợp đồng này thì phải chịu phạt vi phạm là [ ] % giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm và phải bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm.

## **ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

- 9.1 Bên A có các quyền sau:
- Yêu cầu thanh toán đủ tiền thuê theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận tại Hợp đồng này.
  - Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất Khu Vực Thuê và yêu cầu Bên B chấm dứt những hành vi có thể làm hư hỏng Khu Vực Thuê và Tòa Nhà. Tuy nhiên, việc kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên B.

- c) Được thu hồi Khu Vực Thuê sau khi hai Bên ký Biên bản thanh lý Hợp đồng này hoặc Hợp đồng chấm dứt vì bất kỳ lý do gì.
- d) Được áp dụng bất kỳ biện pháp khắc phục nào đối với Bên Thuê trong trường hợp Bên Thuê vi phạm Hợp đồng này; được yêu cầu Bên B bồi thường những thiệt hại đã gây ra trong quá trình sử dụng Khu Vực Thuê, trừ những hao mòn thông thường trong quá trình sử dụng và không phải do Bên B gây ra.
- e) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Bên B nếu Bên B đã chậm thanh toán 10 ngày so với thời hạn thanh toán đến hạn hoặc Bên B có hành vi vi phạm nghiêm trọng (cơ bản) Hợp đồng này.
- f) Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

#### 9.2 Bên A có các nghĩa vụ sau:

- a) Cam kết phần diện tích cho thuê thuộc quyền sử dụng và cho thuê hợp pháp của Bên A và hiện không có bất kỳ tranh chấp nào.
- b) Trường hợp mặt bằng đang được thế chấp tại ngân hàng, Bên A cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thông báo cho ngân hàng về việc cho Bên B thuê mặt bằng theo đúng quy định pháp luật.
- c) Cam kết bàn giao mặt bằng theo đúng thời gian, diện tích đã quy định. Trong trường hợp chậm quá 30 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng đã quy định thì Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng do Bên A vi phạm. Bên A đảm bảo cung cấp bản sao y/công chứng các giấy tờ pháp lý cần thiết để chứng minh quyền cho thuê Khu Vực Thuê cho Bên B trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng để Bên B thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan.
- d) Bảo đảm cho Bên B quyền được sử dụng toàn vẹn, ổn định riêng rẽ, thuận tiện và an toàn Khu Vực Thuê trong suốt thời hạn thuê; trường hợp Khu Vực Thuê bị giải tỏa, hoặc bị ngân hàng hay bên thứ ba xử lý do quan hệ tín dụng hoặc các tranh chấp khác của Bên A mà Bên B không thể tiếp tục sử dụng toàn vẹn được thì xem như Hợp đồng bị chấm dứt do Bên A vi phạm.
- e) Bên A phải liên hệ với bên cung cấp điện, nước để làm thủ tục chuyển hợp đồng đăng ký sử dụng điện, nước cho Bên B đứng tên trong vòng 15 ngày kể từ ngày bàn giao Khu Vực Thuê nhằm Bên B chủ động thanh toán các chi phí này với cơ quan chức năng; hoặc Bên A cung cấp các hoá đơn hợp lệ về việc thanh toán các chi phí này tương ứng hàng tháng để Bên B có cơ sở thanh toán lại các chi phí nêu trên.
- f) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

### **ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

#### 10.1 Bên B có các quyền sau:

- a) Nhận Khu Vực Thuê theo đúng thời gian, diện tích đã quy định và được toàn quyền sử dụng Khu Vực Thuê trong Thời Hạn Thuê phù hợp với mục đích thuê.
- b) Được quyền trang trí, sửa chữa, cải tạo, bảo dưỡng Khu Vực Thuê theo mục đích kinh doanh và phù hợp với các phê duyệt của Bên A;

- c) Được quyền yêu cầu Bên A hỗ trợ và tạo điều kiện cho việc lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng Khu Vực Thuê;
- d) Được lắp đặt biển hiệu và bảng quảng cáo tại Khu Vực Thuê tuân theo sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.
- e) Yêu cầu Bên A sửa chữa Khu Vực Thuê trong trường hợp tài sản bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến việc sử dụng Khu Vực Thuê mà không phải do lỗi của Bên B gây ra.
- f) Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

#### 10.2 Bên B có các nghĩa vụ sau:

- a) Bảo quản, sử dụng Khu Vực Thuê đúng mục đích đã thỏa thuận; chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động xây dựng/sửa chữa (giấy phép, an toàn xây dựng,...) và kinh doanh của Bên B, bao gồm cả vấn đề phát sinh liên quan đến mọi việc phục vụ cho việc quảng cáo hoạt động kinh doanh của Bên B.
- b) Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật, cam kết Bên A không có trách nhiệm và không liên quan gì đến hoạt động kinh doanh của Bên B.
- c) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn Tiền đặt cọc, Tiền thuê, Phí dịch vụ, các chi phí phát sinh như điện, nước, điện thoại, internet, truyền hình cable ... trong Thời Hạn Thuê.
- d) Hoàn trả Khu Vực Thuê cho Bên A ngay khi Các Bên chấm dứt Hợp đồng một cách vô điều kiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng này. Trường hợp Bên B chậm trễ hoặc không đảm bảo thời hạn hoàn trả, Bên B sẽ chịu mọi trách nhiệm bồi thường cho tất cả thiệt hại, mất mát của Bên A do việc chậm hoàn trả Khu Vực Thuê của Bên B gây ra.
- e) Tuân thủ các quy định về an toàn và phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đảm bảo không kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật nghiêm cấm.
- f) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

### **ĐIỀU 11. THÔNG BÁO**

11.1 Bất kỳ thông báo, đồng ý, chấp thuận, hoặc liên hệ, trao đổi thông tin, khiếu nại giữa các bên về các nội dung, vấn đề liên quan đến Hợp đồng này ("**Thông Báo**") phải thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực khi được chuyển bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm chuyển trực tiếp, gửi qua bưu điện, fax hoặc email hoặc các phương tiện truyền tin khác đến một trong các địa chỉ nhận tin của các bên như sau:

- a) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên A:
  - Địa chỉ:
  - Điện thoại:
  - Fax:
  - Email:
  - Nhân sự liên hệ:

- Tài khoản zalo/ viber:
- b) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên B:

- Địa chỉ:
- Điện thoại
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

- 11.2 Thông báo cũng có thể được gửi trực tiếp, bằng dịch vụ chuyển phát hoặc bằng e-mail, các phương tiện trực tuyến với điều kiện là phải có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng chứng rõ ràng về việc gửi. Các thông báo được gửi trực tiếp, hoặc được gửi bằng bất kỳ phương tiện nào khác được phép sẽ được xem là đã nhận được vào thời điểm gửi.
- 11.3 Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận các Thông Báo của mình bằng cách gửi Thông Báo cho Bên kia về việc thay đổi địa chỉ nhận thông báo theo phương thức được quy định tại Hợp Đồng này.

## **ĐIỀU 12. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

- 12.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các sự kiện sau đây, bao gồm nhưng không giới hạn, được xem là các sự kiện bất khả kháng:
- Thiên tai;
  - Động đất, hoả hoạn, lũ lụt, dịch bệnh và những thảm hoạ thiên nhiên khác ;
  - Chiến tranh, phá hoại, nội chiến, khủng bố.
- 12.2 Bên bị cản trở việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng do sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia và không quá 15 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, nêu rõ sự bắt đầu, ngày bắt đầu, ngày dự tính kết thúc của sự kiện bất khả kháng, nghĩa vụ theo Hợp đồng bị ảnh hưởng.
- 12.3 Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng được hai Bên công nhận là đúng, bên gặp sự kiện bất khả kháng sẽ được hoãn thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng tương với thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng và được miễn trừ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng từ sự kiện bất khả kháng gây ra.

## **ĐIỀU 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- 13.1 Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.
- 13.2 Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng này, các Bên sẽ nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải trên tinh thần hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo thủ tục rút gọn quy định tại Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm Trọng tài này. Địa điểm trọng tài,

ngôn ngữ trọng tài, luật áp dụng, phí trọng tài và các chi phí pháp lý trong vụ tranh chấp do Hội đồng trọng tài quyết định.

## **ĐIỀU 14. CHỐNG TRỰC LỢI**

- 14.1 Trục lợi là hành vi lợi dụng chức vụ, chức danh quản lý, vị trí công tác, lợi dụng thẩm quyền được giao, lợi dụng hoàn cảnh, cơ hội để đem lại lợi ích cho cá nhân/nhóm cá nhân trong quá trình chào giá, đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp đồng này.
- 14.2 Hai Bên cam kết mỗi bên không chi/nhận hoa hồng; không chi/nhận chiết khấu, tiền chênh lệch giá; không bao che, hỗ trợ, thúc đẩy các hành vi trục lợi của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào; không thực hiện bất kỳ hành vi tương tự dưới bất kỳ hình thức nào trước, trong và sau quá trình thực hiện Hợp đồng.
- 14.3 Nếu Bên A phát hiện hành vi trục lợi như trên thì Bên A có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên B và phối hợp với Bên B để xử lý. Trường hợp không có thông báo từ Bên A mà Bên B phát hiện có các hành vi trên thì ngay lập tức, Bên B có quyền chấm dứt hợp tác, chấm dứt Hợp đồng đang có hiệu lực với Bên A mà không phải chịu bất kỳ chế tài nào; Bên A phải có nghĩa vụ bồi thường đối với những thiệt hại mà Bên B phải chịu từ việc chấm dứt Hợp đồng trên. Ngoài ra, Bên A còn phải chịu phạt [ ] % tổng giá trị Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 15. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- 15.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 15.2 Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với các điều khoản của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được thực hiện bằng văn bản và được Bên A và Bên B cùng ký xác nhận.
- 15.3 Hợp đồng này hình thành toàn bộ thỏa thuận giữa Bên B và Bên A, và thay thế tất cả các đàm phán, tuyên bố hoặc thỏa thuận trước đây giữa các Bên, bằng hình thức trao đổi miệng hoặc bằng văn bản, liên quan đến nội dung của Hợp đồng.
- 15.4 Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản gốc bằng tiếng Việt, mỗi Bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

*Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp Đồng này.*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

---

## MẪU 6. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

---

### **GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:**

1. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*còn gọi là BCC – Business Cooperation Contract*) là sự thỏa thuận giữa các bên nhằm hợp tác, cùng góp vốn, tài sản, công sức trong hoạt động kinh doanh, dự án đầu tư kinh doanh; phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm, cùng chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật mà không thành lập tổ chức kinh tế.
2. Một số quy định của pháp luật về hợp đồng hợp tác có thể tham khảo: khoản 14 Điều 3, Điều 27, Điều 28 Luật Đầu tư năm 2020; Điều 504 đến Điều 512 Bộ luật Dân sự năm 2015 (*Hợp đồng hợp tác*).
3. Ký hiệu [□] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
4. Mẫu Hợp đồng kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH**  
Số: [ ]

Hợp Đồng Hợp Tác Kinh Doanh này (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") được lập và ký ngày [ ] giữa các Bên:

**BÊN A:**

**CÔNG TY [ ]**

Mã số thuế : [ ]  
Địa chỉ trụ sở chính : [ ]  
Đại diện bởi : [ ]  
Chức danh : [ ] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]

**VÀ**

**BÊN B:**

**CÔNG TY [ ]**

Mã số thuế : [ ]  
Địa chỉ trụ sở chính : [ ]  
Đại diện bởi : [ ]  
Chức danh : [ ] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:]

**ÔNG / BÀ** : [ ]

Ngày sinh : [ ]

CCCD / CMND : [ ]

Ngày cấp : [ ]

Địa chỉ: : [ ]

Điện thoại, email : [ ]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là "**Bên**", gọi chung là "**các Bên**".

## **XÉT RẰNG:**

- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên A];
- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên B];

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Hợp Tác Kinh Doanh này theo các điều khoản và điều kiện sau:

## **ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH**

**1.1.** Trong Hợp đồng này các từ ngữ và thuật ngữ dưới đây được hiểu theo nghĩa như sau:

- a) **“Dự án”**: là
- b) **“Hợp đồng”**: Là Hợp đồng hợp tác kinh doanh này và kể cả các Phụ lục đính kèm làm thành một bộ phận không tách rời của Hợp đồng, cùng những sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung theo từng thời điểm (nếu có) được ký kết bởi Bên A và Bên B.
- c) **“Ban Quản lý Dự án”** hoặc **“Ban điều phối”**: Là đơn vị được thành lập nhằm giúp cho các Bên thực hiện việc hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng này và trực tiếp tổ chức, điều hành, quản lý Dự án; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo thỏa thuận giữa các Bên tại Hợp đồng này và Quy chế hoạt động của Ban Quản lý Dự án.
- d) **“Tỷ lệ góp vốn”**: là tỷ lệ % giữa số vốn góp mà các Bên phải thực hiện góp so với tổng vốn đầu tư của Dự án.
- e) **“Đồng”** hoặc **“VND”**: Nghĩa là đồng tiền lưu hành hợp pháp của Việt Nam.
- f) **“Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”**: nghĩa là bất kỳ cơ quan Nhà nước nào có các quyền và nghĩa vụ liên quan đến bất kỳ hoạt động nào của Dự án theo quy định của pháp luật.
- g) **“Pháp luật”**: là toàn bộ hệ thống pháp luật Việt Nam.
- h) **“Vi phạm cơ bản”**: là vi phạm của một Bên trong Hợp đồng này được xác định rõ là vi phạm cơ bản hoặc là sự vi phạm Hợp đồng của một Bên gây thiệt hại cho Bên kia đến mức làm cho Bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết Hợp đồng này.

i)

**1.2.** Các tiêu đề trong Hợp đồng này được đưa vào chỉ vì sự thuận tiện và sẽ không được sử dụng và giải thích như là một phần chủ yếu của Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 2. NỘI DUNG HỢP TÁC KINH DOANH**

*[Mô tả cụ thể mục tiêu hợp tác, nội dung hợp tác]*

**2.1.** Thông tin chi tiết về Dự án:

- a) Tên Dự án: Dự án

- b) Địa điểm thực hiện Dự án: [□]
- c) Quy mô diện tích đất của Dự án: [□]m<sup>2</sup>.
- d) Tổng vốn đầu tư của Dự án: [□] **đồng** (*Bằng chữ*: [□]).

**2.2.** Bên B đồng ý góp vốn đầu tư và Bên A đồng ý nhận vốn góp đầu tư của Bên A để cùng nhau hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh Dự án. Việc hợp tác kinh doanh này không thành lập một pháp nhân mới. Bên A sẽ thay mặt các Bên ký kết các Hợp đồng (kể cả Hợp đồng kinh doanh), các văn bản có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của Nhà nước sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

### **ĐIỀU 3. TỶ LỆ GÓP VỐN**

- 3.1.** Bên A góp vốn hợp tác kinh doanh bằng 30% tổng vốn đầu tư của Dự án, tương đương [□] **đồng** (*Bằng chữ*: [□]).
- 3.2.** Bên A góp vốn hợp tác kinh doanh bằng 30% tổng vốn đầu tư của Dự án, tương đương [□] **đồng** (*Bằng chữ*: [□]).

### **ĐIỀU 4. HÌNH THỨC, TIẾN ĐỘ GÓP VỐN**

**4.1.** Bên A thực hiện góp vốn như sau:

- a) Hình thức vốn góp: *[tiền; quyền sử dụng đất, máy móc, thiết bị,...]*
- b) Tiến độ góp vốn: *(ghi rõ số lần góp vốn, số vốn góp và thời điểm thực hiện nghĩa vụ góp vốn)*

**4.2.** Bên B thực hiện góp vốn như sau:

- a) Hình thức vốn góp: *[tiền; quyền sử dụng đất, máy móc, thiết bị,...]*
- b) Tiến độ góp vốn: *(ghi rõ số lần góp vốn, số vốn góp và thời điểm thực hiện nghĩa vụ góp vốn)*

**4.3.** Tài khoản vốn góp:

Bên A có nghĩa vụ lập tài khoản riêng cho Dự án tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam để phục vụ riêng biệt cho các giao dịch liên quan đến Dự án, bao gồm nhưng không giới hạn: nhận phần vốn góp của các bên trong các giai đoạn tiếp theo sau khi ký kết Hợp đồng này; thu, chi và thực hiện các giao dịch liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh Dự án. Tài khoản vốn góp cũng là tài khoản chung của Ban Quản lý Dự án.

### **ĐIỀU 5. PHÂN CHIA KẾT QUẢ KINH DOANH**

- 5.1.** Các Bên hợp doanh phân chia kết quả kinh doanh (lợi nhuận hoặc các khoản lỗ) tương ứng với tỷ lệ vốn thực góp của các Bên tại thời điểm phân chia kết quả kinh doanh.
- 5.2.** Thời điểm phân chia kết quả kinh doanh: Sau khi tổng kết năm tài chính, trừ trường hợp các Bên thỏa thuận về thời điểm phân chia khác.
- 5.3.** Phân chia lợi nhuận:

- a) Sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính (thuế, phí, lệ phí Nhà nước) đối với Nhà nước, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, khai thác Dự án được phân chia tương ứng với tỷ lệ vốn góp thực tế giữa các Bên tại thời điểm phân chia.
- b) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, các Bên phải lập kế hoạch phân chia kết quả kinh doanh, lợi nhuận (nếu có) cho các Bên hợp doanh. Mức lợi nhuận phân chia không thấp hơn  % lợi nhuận của Dự án tính đến thời điểm phân chia.

## **ĐIỀU 6. CƠ CHẾ QUẢN LÝ, GIÁM SÁT**

- 6.1. Tùy từng thời điểm và nhu cầu thực tế của Dự án, các Bên sẽ thành lập Ban Quản lý Dự án (Ban điều phối) để tổ chức, điều hành, quản lý Dự án. Mỗi bên hợp doanh cử  cá nhân làm người đại diện phần vốn góp của mình trong Dự án và tham gia vào Ban Quản lý Dự án.
- 6.2. Các Bên sẽ cùng thỏa thuận về cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Dự án, ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Dự án. Quy chế này là một phần không tách rời của Hợp đồng.

## **ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

### **8.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

- a) Đóng góp đầy đủ phần vốn đã cam kết theo đúng tiến độ theo quy định tại Hợp đồng này và quyết định, thỏa thuận giữa các Bên. Vi phạm nghĩa vụ này là vi phạm cơ bản.
- b) Sử dụng phần vốn góp của Bên B và thực hiện việc đầu tư theo đúng mục đích và các thỏa thuận tại Hợp đồng này.
- c) Cử người tham gia Ban Quản lý dự án theo quy định tại Hợp đồng này.
- d) Chịu trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, kết quả kiểm toán của Dự án cho Bên B khi có yêu cầu của Bên B hoặc ngay sau khi đã thực hiện xong báo cáo tài chính, kiểm toán này. Định kỳ hai tháng, Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B về tình hình, tiến độ triển khai Dự án để Bên B nắm bắt kịp thời và có kế hoạch phù hợp với việc góp vốn, các công tác đầu tư có liên quan khác của mình tại Dự án.
- e) Chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan đến Dự án để đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư, xây dựng và kinh doanh đảm bảo hiệu quả kinh doanh của Dự án. Trong trường hợp Dự án không được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc vì lý do khách quan nào khác mà Dự án không được triển khai, Bên B phải hoàn trả toàn bộ số vốn góp của Bên A cho Bên A.
- f) Được phân chia kết quả kinh doanh theo quy định của Hợp đồng này.
- g) Hỗ trợ, thực hiện các thủ tục có liên quan khi Bên B hưởng kết quả hợp tác đầu tư phù hợp theo quy định pháp luật. Vi phạm nghĩa vụ này là vi phạm cơ bản.
- h) Có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

### **8.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

- a) Đóng góp đầy đủ phần vốn đã cam kết theo đúng tiến độ theo quy định tại Hợp đồng này và quyết định, thỏa thuận giữa các Bên. Vi phạm nghĩa vụ này là vi phạm cơ bản.
- b) Yêu cầu Bên A cung cấp bằng văn bản cho mình về tình hình triển khai Dự án; yêu cầu Bên A cung cấp hồ sơ, văn bản về hạch toán chi phí, kết quả kinh doanh, hồ sơ tài chính (báo cáo tài chính, bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh,...) của Dự án.
- c) Có quyền đưa ra ý kiến, quyết định đồng ý hoặc không đồng ý trong toàn bộ các vấn đề có liên quan đến Dự án trong suốt quá trình triển khai đầu tư Dự án cho đến khi kết thúc đầu tư Dự án như việc phê duyệt Dự án đầu tư, thành lập Ban Quản lý Dự án, phương án kinh doanh sản phẩm,...
- d) Được quyền cử người tham gia Ban Quản lý dự án theo quy định của Hợp đồng này.
- e) Được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp đầu tư của mình tại Hợp đồng này cho Bên còn lại hoặc Bên thứ ba.
- f) Được phân chia kết quả kinh doanh theo quy định của Hợp đồng này.
- g) Thực hiện các nghĩa vụ thuế thuộc phần trách nhiệm của mình theo luật định.
- h) Có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 9. XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

### **9.1. Xử lý vi phạm về góp vốn:**

- Trường hợp một trong các Bên chậm góp vốn thì Bên chậm góp vốn sẽ chịu lãi chậm thanh toán là  $[\square] \%$ /số tiền chậm góp/ngày chậm góp vốn; tiền phạt được bên vi phạm thanh toán cho Bên còn lại. Thời hạn chậm góp vốn không quá 60 ngày kể từ ngày đến hạn góp vốn.
- Nếu một Bên chậm góp vốn quá 60 ngày kể từ ngày đến hạn phải góp vốn thì ngoài trách nhiệm chịu lãi chậm thanh toán như nêu trên, Bên chậm góp vốn bị mất quyền hợp tác đầu tư Dự án theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, khi đó phần vốn của bên vi phạm tiến độ góp vốn được xử lý như sau:

Phải chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho các Bên còn lại hoặc Bên thứ ba do các Bên còn lại chỉ định mà không cần có sự đồng ý của Bên vi phạm với giá chuyển nhượng bằng giá trị mà bên vi phạm đã góp. Bằng Hợp đồng này, các Bên đồng ý và xác nhận rằng Bên vi phạm về tiến độ góp vốn mặc nhiên ủy quyền và đồng ý cho Bên bị vi phạm xử lý toàn bộ phần vốn góp của mình theo thỏa thuận này trong trường hợp có vi phạm về tiến độ góp vốn quá 60 ngày kể từ ngày đến hạn góp vốn.

- Ngoài ra Bên chậm góp vốn còn phải bồi thường thiệt hại cho các Bên còn lại, những khoản thiệt hại mà các Bên này phải gánh chịu do việc chậm góp vốn của Bên chậm góp vốn gây ra.

### **9.2. Xử lý vi phạm Hợp đồng trong các trường hợp khác (không phải là vi phạm về góp vốn):**

- Trường hợp một Bên vi phạm nghĩa vụ cơ bản của Hợp đồng thì:
  - + Bên vi phạm bị phạt vi phạm với mức phạt vi phạm bằng [□] % tổng vốn đầu tư của Dự án được các Bên tạm tính tại Điều 2 của Hợp đồng này; và
  - + Phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh do hành vi vi phạm gây ra;
  - + Bên bị vi phạm được quyền lựa chọn áp dụng một hoặc nhiều các chế tài xử lý vi phạm đối với Bên vi phạm theo quy định của Luật Thương mại. Ngoài ra, khi Bên A vi phạm Hợp đồng thì các Bên còn lại có quyền nhưng không bắt buộc đơn phương chấm dứt Hợp đồng (đình chỉ thực hiện Hợp đồng) mà không phải chịu bất cứ trách nhiệm, nghĩa vụ nào đối với Bên vi phạm.
- Trường hợp vi phạm nghĩa vụ khác của Hợp đồng (không phải là vi phạm cơ bản) thì:
  - + Bên vi phạm bị phạt vi phạm với mức phạt vi phạm bằng [□] % tổng vốn đầu tư của Dự án được các Bên tạm tính tại Điều 2 của Hợp đồng này; và
  - + Phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh do hành vi vi phạm gây ra;
  - + Bên bị vi phạm được quyền lựa chọn áp dụng một hoặc nhiều các chế tài xử lý vi phạm đối với Bên vi phạm theo quy định của Luật Thương mại. Ngoài ra, khi Bên A vi phạm Hợp đồng thì các Bên còn lại có quyền nhưng không bắt buộc đơn phương chấm dứt Hợp đồng (đình chỉ thực hiện Hợp đồng) mà không phải chịu bất cứ trách nhiệm, nghĩa vụ nào đối với Bên vi phạm.

## **ĐIỀU 10. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

- 10.1.** Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện như: thiên tai, khủng bố, chiến tranh, dịch bệnh,...
- 10.2.** Bên gặp phải sự kiện Bất khả kháng dẫn đến vi phạm Hợp đồng thì được miễn trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng và không phải chịu các chế tài do vi phạm bởi gặp phải sự kiện Bất khả kháng. Trong suốt thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng, việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các Bên được hoãn lại.
- 10.3.** Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các Bên cam kết thông báo cho nhau sớm nhất để hạn chế tối đa thiệt hại cho các Bên.
- 10.4.** Các Bên có nghĩa vụ nỗ lực khắc phục hậu quả của sự kiện bất khả kháng. Nếu sự kiện bất khả kháng dẫn đến phải chấm dứt Hợp đồng thì sẽ bàn bạc, quyết định việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

## **ĐIỀU 11. THÔNG BÁO**

- 11.1.** Bất kỳ thông báo, đồng ý, chấp thuận, hoặc liên hệ, trao đổi thông tin, khiếu nại giữa các Bên về các nội dung, vấn đề liên quan đến Hợp đồng này ("**Thông Báo**") phải thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực khi được chuyển bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm chuyển trực tiếp, gửi qua bưu điện, fax hoặc email hoặc các phương tiện truyền tin khác đến một trong các địa chỉ nhận tin của các Bên như sau:
  - a) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên A:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

b) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên B:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

**11.2.** Thông báo cũng có thể được gửi trực tiếp, bằng dịch vụ chuyển phát hoặc bằng e-mail, các phương tiện trực tuyến với điều kiện là phải có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng chứng rõ ràng về việc gửi. Các thông báo được gửi trực tiếp, hoặc được gửi bằng bất kỳ phương tiện nào khác được phép sẽ được xem là đã nhận được vào thời điểm gửi.

**11.3.** Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận các Thông Báo của mình bằng cách gửi Thông Báo cho Bên kia về việc thay đổi địa chỉ nhận thông báo theo phương thức được quy định tại Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 12. BẢO MẬT**

**12.1.** Các Bên của Hợp đồng này đồng ý giữ bí mật tuyệt đối đối với các nội dung Hợp đồng, các thông tin về tình hình kinh doanh của mỗi Bên, ngoại trừ việc tiết lộ thông tin bắt buộc theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc/và theo thỏa thuận của các Bên.

**12.2.** Những nghĩa vụ được quy định trong Điều này sẽ tiếp tục có hiệu lực thực hiện đối với các Bên sau khi Hợp đồng này chấm dứt; kể cả khi bất cứ Bên nào không còn là một Bên trong Hợp đồng hay trong Dự án vì bất kỳ lý do nào, Bên đó vẫn bị ràng buộc bởi nghĩa vụ quy định tại Điều này.

**12.3.** Các Bên cũng đảm bảo rằng sẽ áp dụng các biện pháp phòng ngừa hợp lý, bao gồm việc ký kết các thỏa thuận về bảo mật đối với thành viên và nhân viên của mình để đảm bảo rằng những người này sẽ không sử dụng các thông tin bí mật vì lợi ích riêng của mình và sẽ không tiết lộ thông tin không được phép cho bên thứ ba bất kỳ.

## **ĐIỀU 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

**13.1.** Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

**13.2.** Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng này, các Bên sẽ nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải trên tinh thần hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của

Trung tâm Trọng tài này. Địa điểm trọng tài, ngôn ngữ trọng tài, luật áp dụng, phí trọng tài và các chi phí pháp lý trong vụ tranh chấp do Hội đồng trọng tài quyết định.

## **ĐIỀU 14. CHỐNG TRỰC LỢI**

- 14.1.** Trục lợi là hành vi lợi dụng chức vụ, chức danh quản lý, vị trí công tác, lợi dụng thẩm quyền được giao, lợi dụng hoàn cảnh, cơ hội để đem lại lợi ích cho cá nhân/nhóm cá nhân trong quá trình chào giá, đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp đồng này.
- 14.2.** Hai Bên cam kết mỗi bên không chi/nhận hoa hồng; không chi/nhận chiết khấu, tiền chênh lệch giá; không bao che, hỗ trợ, thúc đẩy các hành vi trục lợi của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào; không thực hiện bất kỳ hành vi tương tự dưới bất kỳ hình thức nào trước, trong và sau quá trình thực hiện Hợp đồng.
- 14.3.** Nếu Bên A phát hiện hành vi trục lợi như trên thì Bên A có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên B và phối hợp với Bên B để xử lý. Trường hợp không có thông báo từ Bên A mà Bên B phát hiện có các hành vi trên thì ngay lập tức, Bên B có quyền chấm dứt hợp tác, chấm dứt Hợp đồng đang có hiệu lực với Bên A mà không phải chịu bất kỳ chế tài nào; Bên A phải có nghĩa vụ bồi thường đối với những thiệt hại mà Bên B phải chịu từ việc chấm dứt hợp đồng trên. Ngoài ra, Bên A còn phải chịu phạt [ ] % tổng giá trị Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 15. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- 15.1.** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 15.2.** Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với các điều khoản của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được thực hiện bằng văn bản và được Bên A và Bên B cùng ký xác nhận.
- 15.3.** Các Bên cam kết đã thực hiện các thủ tục nội bộ và đại diện hợp pháp của các Bên tham gia ký kết Hợp đồng này là hoàn toàn có đủ thẩm quyền.
- 15.4.** Hợp đồng này hình thành toàn bộ thỏa thuận giữa Bên B và Bên A, và thay thế tất cả các đàm phán, tuyên bố hoặc thỏa thuận trước đây giữa các Bên, bằng hình thức trao đổi miệng hoặc bằng văn bản, liên quan đến nội dung của Hợp đồng.
- 15.5.** Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản gốc bằng tiếng Việt, mỗi Bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

*Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp Đồng này.*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

---

## MẪU 7. HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH

---

### **GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:**

1. Hợp đồng liên doanh là sự thỏa thuận giữa các bên cùng góp vốn trong việc thành lập pháp nhân mới (công ty) trong hoạt động đầu tư kinh doanh.
2. Hợp đồng liên doanh thường được ký kết giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài. Tuy vậy, hợp đồng liên doanh cũng có thể được ký kết giữa các nhà đầu tư trong nước. Các cổ đông sáng lập, thành viên của công ty trước khi thành lập công ty cũng có thể dựa vào mẫu Hợp đồng liên doanh đính kèm này để soạn thảo “Thỏa thuận cổ đông”, “Thỏa thuận giữa các thành viên công ty”.
3. Cần đảm bảo sự nhất quán giữa các điều khoản trong Hợp đồng liên doanh và Điều lệ công ty để tránh tranh chấp.
4. Mẫu Hợp đồng liên doanh kèm theo áp dụng trong trường hợp các nhà đầu tư thỏa thuận sẽ thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn.
5. Ký hiệu [□] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
6. Mẫu Hợp đồng kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH**

Số: [ ]

Hợp Đồng Liên Doanh này (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") được lập và ký ngày [ ] giữa các Bên:

**BÊN A:**

**CÔNG TY [ ]**

Mã số thuế : [ ]

Địa chỉ trụ sở chính : [ ]

Đại diện bởi : [ ]

Chức danh : [ ] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]

**VÀ**

**BÊN B:**

**CÔNG TY [ ]**

Mã số thuế : [ ]

Địa chỉ trụ sở chính : [ ]

Đại diện bởi : [ ]

Chức danh : [ ] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:]

**ÔNG / BÀ** : [ ]

Ngày sinh : [ ]

CCCD / CMND : [ ]

Ngày cấp : [ ]

Địa chỉ: : [ ]

Điện thoại, email : [ ]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là "**Bên**", gọi chung là "**các Bên**".

## **XÉT RÀNG:**

- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên A];
- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên B];

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Liên Doanh này theo các điều khoản và điều kiện sau:

### **ĐIỀU 1. THỎA THUẬN THÀNH LẬP CÔNG TY**

Các Bên thỏa thuận cùng hợp tác, liên doanh thành lập công ty như sau:

1.1. Tên đầy đủ của Công ty sẽ là:

- Tên tiếng Việt: [□]
- Tên tiếng Anh: [□]

1.2. Trụ sở chính của Công ty sẽ được đặt tại: số [□], Việt Nam.

1.3. Công ty có thể thành lập các Chi nhánh và/hoặc các Văn phòng đại diện tại các tỉnh/thành phố khác của Việt Nam theo quyết định của Hội đồng thành viên, tùy theo hoạt động kinh doanh của Công ty và sự phê chuẩn của các cơ quan có thẩm quyền liên quan tại Việt Nam.

### **ĐIỀU 2. TƯ CÁCH PHÁP NHÂN CỦA CÔNG TY**

2.1. Công ty là một Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, có tư cách pháp nhân theo luật pháp Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong quá trình hoạt động của mình, Công ty sẽ tuân thủ luật pháp Việt Nam, các điều khoản của Hợp đồng, Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có). Tất cả các hoạt động của Công ty và quyền lợi tương ứng của các Bên sẽ được luật pháp Việt Nam điều chỉnh.

2.2. Các Bên sẽ không phải chịu trách nhiệm gì về bất cứ khoản nợ hoặc nghĩa vụ nào của Công ty ngoại trừ:

- a) Chỉ trong phạm vi phần vốn góp tương ứng của mình vào vốn điều lệ của Công ty và sẽ không phải chịu trách nhiệm dù riêng rẽ hoặc liên đới vượt quá phần vốn đó đối với Công ty hoặc bất kỳ một Bên thứ ba nào;
- b) Bất kỳ khoản nợ hoặc nghĩa vụ nào khác do các bên phải gánh chịu theo Hợp đồng này.

2.3. Ngoài các khoản nợ và/hoặc nghĩa vụ phải gánh chịu theo Hợp đồng này, Công ty sẽ không phải chịu trách nhiệm về bất kỳ khoản nợ và/hoặc nghĩa vụ nào khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của các Bên trước hoặc sau khi thành lập Công ty.

2.4. Công ty sẽ có Điều lệ riêng để có thể tiến hành các hoạt động của mình một cách hợp pháp. Công ty và mỗi bên sẽ tuân theo Hợp đồng này và Điều lệ. Nếu có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa Hợp đồng này và Điều lệ, thì các điều khoản của Hợp đồng này sẽ có hiệu lực và các Bên sẽ sửa đổi Điều lệ cho phù hợp với Hợp đồng này.

- 2.5. Các Bên và Công ty sẽ căn cứ vào các luật hiện hành của Việt Nam liên quan đến đầu tư nước ngoài, quản lý ngoại hối và những vấn đề khác. Các Bên chấp thuận và đồng ý rằng tất cả các luật và các quy định hiện hành của Việt Nam áp dụng cho Công ty sẽ được tuân theo đầy đủ.

### **ĐIỀU 3. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY**

- 3.1. Công ty được thành lập với mục tiêu: *[Nêu rõ mục tiêu, lĩnh vực, ngành nghề]*
- 3.2. Công ty sẽ thực hiện tất cả những công việc hợp pháp có liên quan đến các mục tiêu của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn bởi những công việc sau đây:
- 3.2.1 Thuê, lập kế hoạch, thiết kế và cải tạo các địa điểm thuê phù hợp với các mục đích và hoạt động của Công ty như được nêu tại điều 3.1 trên đây;
  - 3.2.2 Lập kế hoạch mua sắm, lắp đặt trang thiết bị và các phương tiện cần thiết khác cho Công ty;
  - 3.2.3 Tuyển dụng, đào tạo, trả lương, kỷ luật, sa thải các cán bộ, nhà quản lý và nhân viên;
  - 3.2.4 Nhập khẩu những trang thiết bị và nguyên vật liệu cần thiết cho hoạt động của Công ty;
  - 3.2.5 Nhận các khoản thanh toán cho các dịch vụ của mình bằng ngoại tệ phù hợp với luật pháp Việt Nam;
  - 3.2.6 Cung cấp bảo lãnh cho các khoản vay bằng tài sản của Công ty;
  - 3.2.7 Tiến hành các hoạt động khác liên quan đến việc quản lý có hiệu quả đối với Công ty phù hợp với pháp luật Việt Nam.

### **ĐIỀU 4. NGÀY CÓ HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN**

- 4.1. Hợp đồng này sẽ có hiệu lực vào ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- 4.2. Hợp đồng sẽ có hiệu lực đến khi kết thúc thời hạn trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc cho đến khi bị chấm dứt trước thời hạn bởi các Bên và phù hợp với những điều khoản đã nêu ở đây.
- 4.3. Tất cả các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, Điều lệ sẽ được áp dụng trong suốt thời hạn hoặc thời hạn được gia hạn.

### **ĐIỀU 5. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ TIẾN ĐỘ GÓP VỐN ĐIỀU LỆ**

- 5.1. Vốn điều lệ của Công ty là [ ] đồng (*Bằng chữ: [ ]*), sẽ được các Bên đóng góp như sau:
- a) Bên A sẽ góp [ ] đồng (*Bằng chữ: [ ]*), tương đương với [ ]% vốn điều lệ của Công ty, bằng tiền mặt;
  - b) Bên B sẽ góp [ ] đồng (*Bằng chữ: [ ]*), tương đương với [ ]% vốn điều lệ của Công ty, bằng tiền mặt;

- 5.2. Các Bên đồng ý rằng, mỗi bên sẽ hoàn thành việc góp vốn trên đây trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- 5.3. Các Bên theo đây thống nhất rằng các khoản tiền, chi phí, phí tổn phát sinh mà mỗi Bên phải gánh chịu trong quá trình thực hiện các thủ tục thành lập Công ty và các thủ tục cần thiết khác vì lợi ích chung của các Bên và vì mục tiêu để Công ty được phép hoạt động sẽ được tính là số tiền góp vốn ứng trước cho Phần Vốn Góp của Bên đó, với điều kiện là Bên gánh chịu khoản tiền, chi phí, phí tổn phát sinh như trên phải cung cấp các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ chứng minh các khoản tiền, chi phí, phí tổn đã chi trả trên thực tế cho Công ty.

## **ĐIỀU 6. TĂNG VÀ GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ**

- 6.1. Bất cứ khoản tăng vốn điều lệ nào của Công ty phải được thông qua bằng biểu quyết nhất trí của các thành viên Hội đồng thành viên hoặc người được ủy quyền có mặt tại cuộc họp được triệu tập tập họp lệ.
- 6.2. Trong trường hợp tăng vốn điều lệ của Công ty, mỗi Bên sẽ có quyền được ưu tiên góp phần vốn tăng theo tỉ lệ phần góp vốn của mình trong Công ty.
- 6.3. Trong trường hợp bất kỳ Bên nào không góp được phần vốn góp của mình trong thời gian quy định thì Công ty sẽ đề nghị các Bên còn lại góp vốn.
- 6.4. Vốn điều lệ của Công ty không được giảm trong suốt thời hạn hoạt động, trừ khi được luật pháp Việt Nam cho phép.

## **ĐIỀU 7. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

- 7.1. Cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty là Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên sẽ chỉ đạo toàn bộ các công việc quản lý kinh doanh của Công ty. Hội đồng thành viên sẽ đưa ra các quyết định tại các cuộc họp của mình.
- 7.2. Hội đồng thành viên sẽ bao gồm 2 (hai) thành viên, trong đó Bên A chỉ định 1 (một) thành viên, Bên B chỉ định 1 (một) thành viên.
- 7.3. Chức danh Chủ tịch Hội đồng Thành viên sẽ được lựa chọn trong số các thành viên của Hội đồng thành viên;
- 7.4. Mỗi Bên có quyền thay đại diện của mình trong Hội đồng thành viên vào bất cứ thời điểm nào với điều kiện là Bên đó phải thông báo cho các Bên còn lại ít nhất 30 (ba mươi) ngày. Việc thay thế này trong mọi trường hợp sẽ không được gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 7.5. Hội đồng thành viên sẽ thực hiện các chức năng của mình phù hợp với Hợp đồng này, Điều lệ và luật pháp Việt Nam. Các quyền và nghĩa vụ sẽ được quy định trong Điều lệ.

## **ĐIỀU 8. BAN GIÁM ĐỐC**

- 8.1. Ban giám đốc của Công ty sẽ có trách nhiệm quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày. Ban giám đốc sẽ bao gồm một Tổng giám đốc do Bên A chỉ định, một Phó Tổng giám đốc do Bên B chỉ định; một kế toán trưởng do Bên [ ] chỉ định.
- 8.2. Thành viên Ban giám đốc nêu tại khoản 1 Điều này sẽ do Hội đồng thành viên bổ nhiệm. Các Bên đảm bảo các thành viên do mình chỉ định sẽ được Hội đồng thành viên bổ phiếu tán thành và chấp thuận những người được đề cử vào các chức danh quản lý trên.

- 8.3. Mỗi chức danh quản lý, trừ khi người đó chết, về hưu, từ chức hoặc bị bãi miễn sớm, sẽ giữ một nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Mỗi chức danh quản lý có thể được Hội đồng thành viên tái bổ nhiệm cho nhiệm kỳ tiếp theo hoặc bãi miễn khỏi chức danh quản lý.

## **ĐIỀU 9. KẾ TOÁN VÀ THỐNG KÊ, NĂM TÀI CHÍNH**

- 9.1. Tất cả các bản ghi kế toán và thống kê sẽ được lưu giữ phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam, theo quy định của pháp luật Việt Nam và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 9.2. Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong sổ sách kế toán sẽ là tiền đồng Việt Nam.
- 9.3. Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định của Công ty sẽ tuân theo Quy định về khấu hao tài sản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- 9.4. Năm tài chính của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 của mỗi năm dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Tuy nhiên, năm tài chính đầu tiên sẽ bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

## **ĐIỀU 10. NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ PHÂN CHIA LÃI, LỖ**

- 10.1. Công ty và các Bên phải thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.
- 10.2. Sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác, Công ty sẽ được quyền trích lợi nhuận còn lại để lập quỹ dự phòng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác.
- 10.3. Trong trường hợp Công ty chuyển lỗ từ năm trước sang thì lợi nhuận của năm hiện tại sẽ được dùng trước hết vào việc bù lỗ, trừ khi được Hội đồng thành viên quyết định khác. Tuy nhiên, thời hạn chuyển lỗ này sẽ không được vượt quá 05 (năm) năm.
- 10.4. Lợi nhuận thuần của Công ty được chia cho các Bên theo tỉ lệ tương ứng phần góp vốn của mỗi Bên theo quyết định của Hội đồng thành viên.

## **ĐIỀU 11. ĐIỀU KIỆN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng này sẽ chấm dứt ngay sau khi gửi văn bản thông báo nếu một trong các sự kiện sau đây xảy ra:

- 11.1. Do bất kỳ bên nào vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng mà không thể khắc phục trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu khắc phục sự vi phạm đó và phải bồi thường thiệt hại đã gây ra.
- 11.2. Do giải thể, phá sản Công ty.
- 11.3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 12. THÔNG BÁO**

- 12.1. Bất kỳ thông báo, đồng ý, chấp thuận, hoặc liên hệ, trao đổi thông tin, khiếu nại giữa các Bên về các nội dung, vấn đề liên quan đến Hợp đồng này ("**Thông Báo**") phải thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực khi được chuyển bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm chuyển trực tiếp, gửi qua bưu điện, fax hoặc email hoặc các phương tiện truyền tin khác đến một trong các địa chỉ nhận tin của các bên như sau:

a) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên A:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

b) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên B:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

**12.2.** Thông báo cũng có thể được gửi trực tiếp, bằng dịch vụ chuyển phát hoặc bằng e-mail, các phương tiện trực tuyến với điều kiện là phải có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng chứng rõ ràng về việc gửi. Các thông báo được gửi trực tiếp, hoặc được gửi bằng bất kỳ phương tiện nào khác được phép sẽ được xem là đã nhận được vào thời điểm gửi.

**12.3.** Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận các Thông Báo của mình bằng cách gửi Thông Báo cho Bên kia về việc thay đổi địa chỉ nhận thông báo theo phương thức được quy định tại Hợp đồng này.

### **ĐIỀU 13. BẢO MẬT**

**13.1.** Các Bên của Hợp đồng này đồng ý giữ bí mật tuyệt đối đối với các nội dung Hợp đồng, các thông tin về tình hình kinh doanh của mỗi Bên, ngoại trừ việc tiết lộ thông tin bắt buộc theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc/và theo thỏa thuận của các Bên.

**13.2.** Những nghĩa vụ được quy định trong Điều này sẽ tiếp tục có hiệu lực thực hiện đối với các Bên sau khi Hợp đồng này chấm dứt; kể cả khi bất cứ Bên nào không còn là một Bên trong Hợp đồng hay trong Dự án vì bất kỳ lý do nào, Bên đó vẫn bị ràng buộc bởi nghĩa vụ quy định tại Điều này.

**13.3.** Các Bên cũng đảm bảo rằng sẽ áp dụng các biện pháp phòng ngừa hợp lý, bao gồm việc ký kết các thỏa thuận về bảo mật đối với thành viên và nhân viên của mình để đảm bảo rằng những người này sẽ không sử dụng các thông tin bí mật vì lợi ích riêng của mình và sẽ không tiết lộ thông tin không được phép cho bên thứ ba bất kỳ.

### **ĐIỀU 14. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

**14.1.** Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

**14.2.** Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng này, các Bên sẽ nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải trên tinh thần hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng

tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm Trọng tài này. Địa điểm trọng tài, ngôn ngữ trọng tài, luật áp dụng, phí trọng tài và các chi phí pháp lý trong vụ tranh chấp do Hội đồng trọng tài quyết định.

## **ĐIỀU 15. CHỐNG TRỰC LỢI**

- 15.1.** Trục lợi là hành vi lợi dụng chức vụ, chức danh quản lý, vị trí công tác, lợi dụng thẩm quyền được giao, lợi dụng hoàn cảnh, cơ hội để đem lại lợi ích cho cá nhân/nhóm cá nhân trong quá trình chào giá, đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp đồng này.
- 15.2.** Hai Bên cam kết mỗi bên không chi/nhận hoa hồng; không chi/nhận chiết khấu, tiền chênh lệch giá; không bao che, hỗ trợ, thúc đẩy các hành vi trục lợi của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào; không thực hiện bất kỳ hành vi tương tự dưới bất kỳ hình thức nào trước, trong và sau quá trình thực hiện Hợp đồng.
- 15.3.** Nếu Bên A phát hiện hành vi trục lợi như trên thì Bên A có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên B và phối hợp với Bên B để xử lý. Trường hợp không có thông báo từ Bên A mà Bên B phát hiện có các hành vi trên thì ngay lập tức, Bên B có quyền chấm dứt hợp tác, chấm dứt Hợp đồng đang có hiệu lực với Bên A mà không phải chịu bất kỳ chế tài nào; Bên A phải có nghĩa vụ bồi thường đối với những thiệt hại mà Bên B phải chịu từ việc chấm dứt Hợp đồng trên. Ngoài ra, Bên A còn phải chịu phạt [] % tổng giá trị Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 16. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- 16.1.** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 16.2.** Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với các điều khoản của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được thực hiện bằng văn bản và được Bên A và Bên B cùng ký xác nhận.
- 16.3.** Các Bên cam kết đã thực hiện các thủ tục nội bộ và đại diện hợp pháp của các Bên tham gia ký kết Hợp đồng này là hoàn toàn có đủ thẩm quyền.
- 16.4.** Hợp đồng này hình thành toàn bộ thỏa thuận giữa Bên B và Bên A, và thay thế tất cả các đàm phán, tuyên bố hoặc thỏa thuận trước đây giữa các Bên, bằng hình thức trao đổi miệng hoặc bằng văn bản, liên quan đến nội dung của Hợp đồng.
- 16.5.** Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản gốc bằng tiếng Việt, mỗi Bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

*Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp đồng này.*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

---

## MẪU 8. HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

---

### *GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:*

1. Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần được dùng trong trường hợp tổ chức, cá nhân (bên chuyển nhượng) đang sở hữu cổ phần tại một công ty cổ phần chuyển quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ số cổ phần đó cho cá nhân, tổ chức khác (bên nhận chuyển nhượng) và nhận thanh toán từ bên nhận chuyển nhượng.
2. Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần được xác lập trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần không thông qua thị trường chứng khoán.
3. Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chịu sự điều chỉnh chung của Bộ luật Dân sự năm 2015 về hợp đồng, giao dịch dân sự; chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán đồng thời chịu sự điều chỉnh theo quy định của Điều lệ công ty.
4. Ký hiệu [□] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
5. Mẫu Hợp đồng kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN**  
Số: [ ]

Hợp Đồng Chuyển Nhượng Cổ Phần này (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") được lập và ký ngày [ ] giữa các Bên:

**BÊN A (BÊN CHUYỂN NHƯỢNG):**

ÔNG / BÀ : [ ]

Ngày sinh : [ ]

CCCD / CMND : [ ]

Ngày cấp : [ ]

Địa chỉ: : [ ]

VÀ

**BÊN B (BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG):**

ÔNG / BÀ : [ ]

Ngày sinh : [ ]

CCCD / CMND : [ ]

Ngày cấp : [ ]

Địa chỉ: : [ ]

ÔNG / BÀ : [ ]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là "**Bên**", gọi chung là "**các Bên**".

**XÉT RÀNG:**

- CÔNG TY CỔ PHẦN [ ] ("Công ty")** là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số [ ] do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư [ ] cấp lần đầu ngày [ ], đăng ký thay đổi lần thứ [ ] ngày [ ], và có vốn điều lệ là [ ] (Bằng chữ: [ ]), được chia thành [ ] cổ phần, mệnh giá cổ phần là [ ]đ;
- Bên Chuyển Nhượng hiện đang sở hữu [ ] cổ phần phổ thông có giá trị là: [ ] đồng (Bằng chữ: [ ]), chiếm [ ] % vốn điều lệ của Công ty;
- Bên Chuyển Nhượng đồng ý chuyển nhượng và Bên Nhận Chuyển Nhượng đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần phổ thông của Bên Chuyển Nhượng tại Công ty,

cụ thể: chuyển nhượng [ ] cổ phần phổ thông có giá trị [ ] đồng (Bằng chữ: [ ]), chiếm [ ]% vốn điều lệ của Công ty.

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Chuyển Nhượng Cổ Phần này theo các điều khoản và điều kiện sau:

## **ĐIỀU 1. NỘI DUNG CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN**

- 1.1. Bên A đồng ý chuyển nhượng cho Bên B và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng từ Bên A số lượng [ ] cổ phần phổ thông tại Công ty cổ phần [ ] (mã số doanh nghiệp: [ ]), tương ứng với [ ] đồng (Bằng chữ: [ ]), chiếm [ ] % vốn điều lệ của Công ty.
- 1.2. Số cổ phần được chuyển nhượng của Bên A quy định tại khoản 1.1 là số cổ phần Bên A đã góp và thanh toán đủ vào Công ty, đã được ghi nhận trong Sổ Đăng ký cổ đông của Công ty.

## **ĐIỀU 2. GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

- 2.1. Giá chuyển nhượng số cổ phần của Bên A quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này được hai Bên cùng thống nhất là: [ ] đồng (Bằng chữ: [ ]).
- 2.2. Phương thức thanh toán: Toàn bộ giá trị chuyển nhượng quy định tại Điều này sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản do Bên A chỉ định có thông tin như sau:

Chủ tài khoản : [ ]

Số tài khoản : [ ]

Ngân hàng : [ ]

## **ĐIỀU 3. XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỔ PHẦN ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG**

- 3.1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Bên B hoàn tất nghĩa vụ thanh toán khoản tiền quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này, Bên A chịu toàn bộ trách nhiệm thực hiện và hoàn thành thủ tục cần thiết ghi nhận thông tin cổ đông của Bên B vào Sổ đăng ký cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.
- 3.2. Cổ phiếu hoặc Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương ghi nhận số Cổ phần được chuyển nhượng của Bên A đã được cấp trước đây sẽ không có giá trị kể từ ngày Bên B hoàn tất nghĩa vụ thanh toán cho Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.
- 3.3. Cổ phiếu hoặc Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương ghi nhận số Cổ phần được chuyển nhượng sẽ được cấp mới hoặc sửa đổi cho Bên B và có giá trị kể từ ngày Bên B hoàn tất nghĩa vụ thanh toán cho Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 4. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A**

- 4.1. Chuyển nhượng số cổ phần theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Hợp đồng này và các quyền, lợi ích phát sinh và/hoặc kèm theo Cổ phần được chuyển nhượng cho Bên B. Đồng thời Bên A không được hưởng bất cứ quyền và lợi ích nào phát sinh hoặc có liên quan đến số cổ phần đã chuyển nhượng dưới bất cứ hình thức nào kể từ thời điểm Bên B xác lập quyền sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng này.

- 4.2. Tiến hành các bước cần thiết hoặc thích hợp để làm cho và duy trì việc chuyển nhượng toàn bộ Cổ phần được chuyển nhượng và Hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực tuyệt đối phù hợp với Điều lệ của Công ty, pháp luật Việt Nam và để bảo vệ cho quyền lợi của Bên B.
- 4.3. Cung cấp cho Bên B các tài liệu và thông tin có liên quan đến cổ phần của mình trong vốn điều lệ của Công ty và tình hình tài chính và kinh doanh của Công ty khi Bên B yêu cầu.
- 4.4. Được nhận các khoản tiền chuyển nhượng cổ phần quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này và chịu trách nhiệm kê khai, nộp thuế thu nhập cá nhân từ việc chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Hợp đồng này.
- 4.5. Tuân thủ nghiêm túc và hoàn thành đầy đủ tất cả các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định tại Hợp đồng chuyển nhượng này.
- 4.6. Những quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 5. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B**

- 5.1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản tiền quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.
- 5.2. Nỗ lực tối đa để hỗ trợ cho Bên A trong việc thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên A được quy định trong Hợp đồng này.
- 5.3. Miễn trừ mọi trách nhiệm pháp lý bao gồm cả việc tham gia giải quyết đối với mọi vấn đề phát sinh từ hoặc có liên quan đến số cổ phần nhận chuyển nhượng từ Bên A với bên thứ ba kể từ thời điểm xác lập quyền sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều 1, Điều 3 của Hợp đồng này trở về trước.
- 5.4. Kế thừa và hưởng toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh có liên quan đến cổ phần nhận chuyển nhượng từ Bên A theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật kể từ thời điểm xác lập quyền sở hữu cổ phần quy định tại Điều 1, Điều 3 của Hợp đồng này.
- 5.5. Tuân thủ nghiêm túc và hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình như quy định tại Hợp đồng này và Điều lệ của Công ty.
- 5.6. Những quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 6. CAM KẾT VÀ BẢO ĐẢM**

Bên A cam kết và bảo đảm một cách vô điều kiện và không huỷ ngang với Bên B rằng:

- 6.1. Theo các điều khoản của Hợp đồng này, Bên A sẽ chuyển nhượng và Bên B sẽ nhận Cổ phần được chuyển nhượng mà không có bất kỳ một khiếu nại nào và với tất cả các quyền lợi đính kèm hoặc phát sinh theo đó.
- 6.2. Bên A sẽ không còn bất kỳ quyền lợi hay lợi ích dưới bất kỳ hình thức nào đối với Cổ phần được chuyển nhượng sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng cho Bên B.

- 6.3. Không tồn tại bất kỳ nghĩa vụ hoặc thế chấp nào hoặc Bên A không tạo nên hoặc thỏa thuận tạo nên bất kỳ nghĩa vụ hoặc thế chấp nào đối với toàn bộ hoặc một phần của Cổ phần được chuyển nhượng.
- 6.4. Tài liệu và thông tin do Bên chuyển nhượng cung cấp theo qui định tại Hợp đồng này là đầy đủ, chính xác, đúng đắn.
- 6.5. Ngoại trừ khoản tiền phải thanh toán như quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này, việc chuyển nhượng Cổ phần được chuyển nhượng sẽ không làm phát sinh bất kỳ chi phí nào cho Bên B.

## **ĐIỀU 7. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

- 7.1. Hợp Đồng này chỉ bị chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp sau:
  - a) Thông qua thỏa thuận bằng văn bản của hai Bên; hoặc
  - b) Bởi một Bên bằng cách gửi thông báo chấm dứt cho Bên còn lại nếu Bên còn lại vi phạm bất kỳ nghĩa vụ, cam kết hoặc bảo đảm nào của mình theo Hợp đồng này tại bất kỳ thời điểm nào và không khắc phục trong thời hạn mười bốn (mười bốn) ngày kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu khắc phục của Bên bị vi phạm.
- 7.2. Nếu Hợp đồng này bị chấm dứt, thì tất cả quyền và nghĩa vụ của hai Bên sẽ ngưng ngay lập tức sau khi chấm dứt, trừ khi việc chấm dứt đó không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ tích lũy của hai Bên.

## **ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

- 8.1. Hai Bên cam kết thực hiện tất cả những điều khoản trong Hợp đồng. Bên nào vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng thì đều phải chịu phạt vi phạm với mức: % giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.
- 8.2. Bất kỳ bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại bao gồm vô hình và hữu hình cho Bên kia thì sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra.
- 8.3. Thời hạn thanh toán tiền phạt hợp đồng và bồi thường thiệt hại là 30 ngày, kể từ ngày Bên vi phạm nhận được văn bản thông báo về tiền phạt hợp đồng, bồi thường thiệt hại từ Bên bị vi phạm.

## **ĐIỀU 9. THÔNG BÁO**

- 9.1. Bất kỳ thông báo, đồng ý, chấp thuận, hoặc liên hệ, trao đổi thông tin, khiếu nại giữa các bên về các nội dung, vấn đề liên quan đến Hợp đồng này ("**Thông Báo**") phải thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực khi được chuyển bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm chuyển trực tiếp, gửi qua bưu điện, fax hoặc email hoặc các phương tiện truyền tin khác đến một trong các địa chỉ nhận tin của các bên như được nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.
- 9.2. Thông báo cũng có thể được gửi trực tiếp, bằng dịch vụ chuyển phát hoặc bằng e-mail, các phương tiện trực tuyến với điều kiện là phải có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng chứng rõ ràng về việc gửi. Các thông báo được gửi trực tiếp, hoặc được gửi bằng bất kỳ phương tiện nào khác được phép sẽ được xem là đã nhận được vào thời điểm gửi.

9.3. Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận các Thông Báo của mình bằng cách gửi Thông Báo cho Bên kia về việc thay đổi địa chỉ nhận thông báo theo phương thức được quy định tại Hợp Đồng này.

## **ĐIỀU 10. BẢO MẬT**

10.1. Các Bên của Hợp đồng này đồng ý giữ bí mật tuyệt đối đối với các nội dung Hợp đồng, các thông tin về tình hình kinh doanh của mỗi Bên, ngoại trừ việc tiết lộ thông tin bắt buộc theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc/và theo thỏa thuận của các Bên.

10.2. Những nghĩa vụ được quy định trong Điều này sẽ tiếp tục có hiệu lực thực hiện đối với các Bên sau khi Hợp đồng này chấm dứt; kể cả khi bất cứ Bên nào không còn là một Bên trong Hợp đồng hay trong Dự án vì bất kỳ lý do nào, Bên đó vẫn bị ràng buộc bởi nghĩa vụ quy định tại Điều này.

10.3. Các Bên cũng đảm bảo rằng sẽ áp dụng các biện pháp phòng ngừa hợp lý, bao gồm việc ký kết các thỏa thuận về bảo mật đối với thành viên và nhân viên của mình để đảm bảo rằng những người này sẽ không sử dụng các thông tin bí mật vì lợi ích riêng của mình và sẽ không tiết lộ thông tin không được phép cho bên thứ ba bất kỳ.

## **ĐIỀU 11. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

11.1. Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

11.2. Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng này, các Bên sẽ nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải trên tinh thần hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tố tụng trọng tài của Trung tâm Trọng tài này. Địa điểm trọng tài, ngôn ngữ trọng tài, luật áp dụng, phí trọng tài và các chi phí pháp lý trong vụ tranh chấp do Hội đồng trọng tài quyết định.

## **ĐIỀU 12. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

12.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

12.2. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với các điều khoản của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được thực hiện bằng văn bản và được Bên A và Bên B cùng ký xác nhận.

12.3. Hợp đồng này hình thành toàn bộ thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, và thay thế tất cả các đàm phán, tuyên bố hoặc thỏa thuận trước đây giữa các Bên, bằng hình thức trao đổi miệng hoặc bằng văn bản, liên quan đến nội dung của Hợp đồng.

12.4. Hợp đồng này được lập thành ba (03) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Công ty.

*Mỗi Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp đồng này.*

**BÊN A**

**BÊN B**

**XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY**

---

## MẪU 9. HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG PHẦN VỐN GÓP

---

### *GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:*

1. Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp được dùng trong trường hợp tổ chức, cá nhân (bên chuyển nhượng) đang sở hữu phần vốn góp tại một công ty trách nhiệm hữu hạn chuyển quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp đó cho cá nhân, tổ chức khác (bên nhận chuyển nhượng) và nhận thanh toán từ bên nhận chuyển nhượng.
2. Thủ tục, trình tự chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn cần thực hiện các thủ tục nội bộ (chào bán cho thành viên trong công ty,...) theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp chịu sự điều chỉnh chung của Bộ luật Dân sự năm 2015 về hợp đồng, giao dịch dân sự; chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, đồng thời chịu sự điều chỉnh theo quy định của Điều lệ công ty.
4. Ký hiệu [□] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
5. Mẫu Hợp đồng kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG PHẦN VỐN GÓP**

Số: [ ]

Hợp Đồng Chuyển Nhượng Phần Vốn Góp này (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") được lập và ký ngày [ ] giữa các Bên:

**BÊN A (BÊN CHUYỂN NHƯỢNG):**

ÔNG / BÀ : [ ]

Ngày sinh : [ ]

CCCD / CMND : [ ]

Ngày cấp : [ ]

Địa chỉ: : [ ]

VÀ

**BÊN B (BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG):**

ÔNG / BÀ : [ ]

Ngày sinh : [ ]

CCCD / CMND : [ ]

Ngày cấp : [ ]

Địa chỉ: : [ ]

ÔNG / BÀ : [ ]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là "**Bên**", gọi chung là "**các Bên**".

**XÉT RÀNG:**

- CÔNG TY TNHH [ ] ("Công ty")** là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số [ ] do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư [ ] cấp lần đầu ngày [ ], đăng ký thay đổi lần thứ [ ] ngày [ ], và có vốn điều lệ là [ ] (**Bằng chữ:** [ ]);
- Bên Chuyển Nhượng hiện đang sở hữu phần vốn góp trong Công ty có giá trị là: [ ] đồng (**Bằng chữ:** [ ]), chiếm [ ] % vốn điều lệ của Công ty;
- Bên Chuyển Nhượng đồng ý chuyển nhượng và Bên Nhận Chuyển Nhượng đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Bên Chuyển Nhượng tại Công ty, cụ thể: nhận chuyển nhượng phần vốn góp có giá trị [ ] đồng (**Bằng chữ:** [ ]), chiếm [ ]% vốn điều lệ của Công ty.

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Chuyển Nhượng Phần Vốn Góp này theo các điều khoản và điều kiện sau:

## **ĐIỀU 1. NỘI DUNG CHUYỂN NHƯỢNG**

- 1.1. Bên A đồng ý chuyển nhượng cho Bên B và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng từ Bên A toàn bộ phần vốn góp của Bên A tại Công ty TNHH [ ] (mã số doanh nghiệp: [ ]), giá trị phần vốn góp trong Vốn điều lệ là [ ] đồng (Bằng chữ: [ ]), chiếm [ ] % vốn điều lệ của Công ty.
- 1.2. Phần vốn góp được chuyển nhượng của Bên A quy định tại khoản 1.1 là phần vốn góp Bên A đã góp và thanh toán đủ vào Công ty, đã được ghi nhận trong Sổ Đăng ký thành viên của Công ty và Giấy chứng nhận phần vốn mà Công ty đã cấp cho Bên A.

## **ĐIỀU 2. GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

- 2.1. Giá chuyển nhượng phần vốn góp của Bên A quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này được hai Bên cùng thống nhất là: [ ] đồng (Bằng chữ: [ ]).
- 2.2. Phương thức thanh toán: Toàn bộ giá trị chuyển nhượng quy định tại Điều này sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản do Bên A chỉ định có thông tin như sau:

Chủ tài khoản : [ ]

Số tài khoản : [ ]

Ngân hàng : [ ]

## **ĐIỀU 3. XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU PHẦN VỐN GÓP**

- 3.1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Bên B hoàn tất nghĩa vụ thanh toán khoản tiền quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này, Bên A chịu toàn bộ trách nhiệm thực hiện và hoàn thành thủ tục cần thiết ghi nhận thông tin thành viên của Bên B vào Sổ đăng ký thành viên theo quy định tại Điều lệ của Công ty.
- 3.2. Giấy chứng nhận sở hữu phần vốn góp hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương ghi nhận phần vốn góp được chuyển nhượng của Bên A đã được cấp trước đây sẽ không có giá trị kể từ ngày Bên B hoàn tất nghĩa vụ thanh toán cho Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.
- 3.3. Giấy chứng nhận sở hữu phần vốn góp hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương ghi nhận phần vốn góp được chuyển nhượng sẽ được cấp mới hoặc sửa đổi cho Bên B và có giá trị kể từ ngày Bên B hoàn tất nghĩa vụ thanh toán cho Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 4. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A**

- 4.1. Chuyển nhượng phần vốn góp theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Hợp đồng này cho Bên B. Đồng thời Bên A không được hưởng bất cứ quyền và lợi ích nào phát sinh hoặc có liên quan đến phần vốn góp đã chuyển nhượng dưới bất cứ hình thức nào kể từ thời điểm Bên B hoàn tất nghĩa vụ thanh toán.
- 4.2. Bên A có nghĩa vụ cùng phối hợp với Bên B để ký kết các giấy tờ cần thiết để hoàn tất việc thay đổi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan Nhà nước có

thẩm quyền; bảo đảm Bên B trở thành thành viên của Công ty phù hợp với Điều lệ của công ty, pháp luật Việt Nam.

- 4.3. Được nhận tiền chuyển nhượng vốn góp theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.
- 4.4. Bên A cam kết chịu trách nhiệm thanh toán mọi nghĩa vụ, các khoản nợ của Bên A hoặc của Công ty với bên thứ ba mà phát sinh trước ngày Bên B nhận chuyển nhượng trở thành thành viên công ty.
- 4.5. Tuân thủ nghiêm túc và hoàn thành đầy đủ tất cả các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định tại Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp này.
- 4.6. Những trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 5. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B**

- 5.1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản tiền quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.
- 5.2. Nỗ lực tối đa để hỗ trợ cho Bên A trong việc thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên A được quy định trong Hợp đồng này.
- 5.3. Được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh có liên quan đến phần vốn nhận chuyển nhượng từ Bên A theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật kể từ thời điểm hoàn tất việc thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.
- 5.4. Bên B không chịu trách nhiệm gì đối với mọi khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của Bên A hoặc của công ty phát sinh trước ngày Bên B có tên trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.
- 5.5. Tuân thủ nghiêm túc và hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình như quy định tại Hợp đồng này và Điều lệ của Công ty.
- 5.6. Những trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 6. CAM KẾT VÀ BẢO ĐẢM**

Bên A cam kết và bảo đảm một cách vô điều kiện và không huỷ ngang với Bên B rằng:

- 6.1. Theo các điều khoản của Hợp đồng này, Bên A sẽ chuyển nhượng và Bên B sẽ nhận Phần vốn góp được chuyển nhượng mà không có bất kỳ một khiếu nại nào và với tất cả các quyền lợi đính kèm hoặc phát sinh theo đó.
- 6.2. Bên A sẽ không còn bất kỳ quyền lợi hay lợi ích dưới bất kỳ hình thức nào đối với Phần vốn góp được chuyển nhượng sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng cho Bên B.
- 6.3. Không tồn tại bất kỳ nghĩa vụ hoặc thế chấp nào hoặc Bên A không tạo nên hoặc thỏa thuận tạo nên bất kỳ nghĩa vụ hoặc thế chấp nào đối với toàn bộ hoặc một phần của Phần vốn góp được chuyển nhượng.
- 6.4. Tài liệu và thông tin do Bên chuyển nhượng cung cấp theo qui định tại Hợp đồng này là đầy đủ, chính xác, đúng đắn.

- 6.5. Ngoại trừ khoản tiền phải thanh toán như quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này, việc chuyển nhượng Phần vốn góp theo Hợp đồng này sẽ không làm phát sinh bất kỳ chi phí nào cho Bên B.

## **ĐIỀU 7. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

- 7.1. Hợp đồng này chỉ bị chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Thông qua thỏa thuận bằng văn bản của hai Bên; hoặc
  - b) Bởi một Bên bằng cách gửi thông báo chấm dứt cho Bên còn lại nếu Bên còn lại vi phạm bất kỳ nghĩa vụ, cam kết hoặc bảo đảm nào của mình theo Hợp đồng này tại bất kỳ thời điểm nào và không khắc phục trong thời hạn mười bốn (mười bốn) ngày kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu khắc phục của Bên bị vi phạm.
- 7.2. Nếu Hợp đồng này bị chấm dứt, thì tất cả quyền và nghĩa vụ của hai Bên sẽ ngưng ngay lập tức sau khi chấm dứt, trừ khi việc chấm dứt đó không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ tích lũy của hai Bên.

## **ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

- 8.1. Hai Bên cam kết thực hiện tất cả những điều khoản trong Hợp đồng. Bên nào vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng thì đều phải chịu phạt vi phạm với mức: % giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.
- 8.2. Bất kỳ bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại bao gồm vô hình và hữu hình cho Bên kia thì sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra.
- 8.3. Thời hạn thanh toán tiền phạt hợp đồng và bồi thường thiệt hại là 30 ngày, kể từ ngày bên vi phạm nhận được văn bản thông báo về tiền phạt hợp đồng, bồi thường thiệt hại từ Bên bị vi phạm.

## **ĐIỀU 9. THÔNG BÁO**

- 9.1. Bất kỳ thông báo, đồng ý, chấp thuận, hoặc liên hệ, trao đổi thông tin, khiếu nại giữa các Bên về các nội dung, vấn đề liên quan đến Hợp đồng này ("**Thông Báo**") phải thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực khi được chuyển bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm chuyển trực tiếp, gửi qua bưu điện, fax hoặc email hoặc các phương tiện truyền tin khác đến một trong các địa chỉ nhận tin của các Bên như được nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.
- 9.2. Thông báo cũng có thể được gửi trực tiếp, bằng dịch vụ chuyển phát hoặc bằng e-mail, các phương tiện trực tuyến với điều kiện là phải có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng chứng rõ ràng về việc gửi. Các thông báo được gửi trực tiếp, hoặc được gửi bằng bất kỳ phương tiện nào khác được phép sẽ được xem là đã nhận được vào thời điểm gửi.
- 9.3. Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận các Thông Báo của mình bằng cách gửi Thông Báo cho Bên kia về việc thay đổi địa chỉ nhận thông báo theo phương thức được quy định tại Hợp Đồng này.

## **ĐIỀU 10. BẢO MẬT**

- 10.1. Các Bên của Hợp đồng này đồng ý giữ bí mật tuyệt đối đối với các nội dung Hợp đồng, các thông tin về tình hình kinh doanh của mỗi Bên, ngoại trừ việc tiết lộ thông tin bắt buộc theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc/và theo thỏa thuận của các Bên.
- 10.2. Những nghĩa vụ được quy định trong Điều này sẽ tiếp tục có hiệu lực thực hiện đối với các Bên sau khi Hợp đồng này chấm dứt; kể cả khi bất cứ Bên nào không còn là một Bên trong Hợp đồng hay trong Dự án vì bất kỳ lý do nào, Bên đó vẫn bị ràng buộc bởi nghĩa vụ quy định tại Điều này.
- 10.3. Các Bên cũng đảm bảo rằng sẽ áp dụng các biện pháp phòng ngừa hợp lý, bao gồm việc ký kết các thỏa thuận về bảo mật đối với thành viên và nhân viên của mình để đảm bảo rằng những người này sẽ không sử dụng các thông tin bí mật vì lợi ích riêng của mình và sẽ không tiết lộ thông tin không được phép cho bên thứ ba bất kỳ.

## **ĐIỀU 11. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- 11.1. Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.
- 11.2. Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng này, Các Bên sẽ nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải trên tinh thần hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm Trọng tài này. Địa điểm trọng tài, ngôn ngữ trọng tài, luật áp dụng, phí trọng tài và các chi phí pháp lý trong vụ tranh chấp do Hội đồng trọng tài quyết định.

## **ĐIỀU 12. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- 12.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 12.2. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với các điều khoản của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được thực hiện bằng văn bản và được Bên A và Bên B cùng ký xác nhận.
- 12.3. Hợp đồng này hình thành toàn bộ thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, và thay thế tất cả các đàm phán, tuyên bố hoặc thỏa thuận trước đây giữa các Bên, bằng hình thức trao đổi miệng hoặc bằng văn bản, liên quan đến nội dung của Hợp đồng.
- 12.4. Hợp đồng này được lập thành ba (03) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Công ty.

*Mỗi Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp đồng này.*

**BÊN A**

**BÊN B**

**XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY**

## MẪU 10. HỢP ĐỒNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI

### GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:

1. Nhượng quyền thương mại (*franchise*) là hoạt động thương mại, theo đó bên nhượng quyền cho phép và yêu cầu bên nhận quyền tự mình tiến hành việc mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ theo các điều kiện sau đây:
  - Việc mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ được tiến hành theo cách thức tổ chức kinh doanh do bên nhượng quyền quy định và được gắn với nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại, bí quyết kinh doanh, khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng kinh doanh, quảng cáo của bên nhượng quyền;
  - Bên nhượng quyền có quyền kiểm soát và trợ giúp cho bên nhận quyền trong việc điều hành công việc kinh doanh.
2. Một số quy định của pháp luật cần tham khảo khi soạn thảo Hợp đồng nhượng quyền thương mại: Điều 284 đến Điều 291 Luật Thương mại năm 2005; Nghị định 35/2006/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thương mại về hoạt động nhượng quyền thương mại.
3. Ký hiệu [□] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
4. Mẫu Hợp đồng kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**  
**Số: [ ]**

Hợp Đồng Nhượng Quyền Thương Mại này (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") được lập và ký ngày [ ] giữa các Bên:

**BÊN A (BÊN NHƯỢNG QUYỀN):**

**CÔNG TY [ ]**

Mã số thuế : [ ]  
Địa chỉ trụ sở chính : [ ]  
Đại diện bởi : [ ]  
Chức danh : [ ] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]

**VÀ**

**BÊN B (BÊN NHẬN NHƯỢNG QUYỀN):**

**CÔNG TY [ ]**

Mã số thuế : [ ]  
Địa chỉ trụ sở chính : [ ]  
Đại diện bởi : [ ]  
Chức danh : [ ] – Người đại diện theo pháp luật

Mỗi bên sau đây gọi riêng là "**Bên**", gọi chung là "**các Bên**".

**XÉT RẰNG:**

- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên A];
- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên B];
- Bên A là một pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định pháp luật Việt Nam. Bên A là đơn vị đã thiết lập, vận hành, phát triển hệ thống [ ] mang thương hiệu [ ] (sau đây gọi là "**Hệ thống**") trên lãnh thổ Việt Nam;

- Bên B là một pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định pháp luật Việt Nam có nhu cầu kinh doanh [ ] mang thương hiệu [ ] mà Bên A đang kinh doanh;

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Hợp Tác Kinh Doanh này theo các điều khoản và điều kiện sau:

## **ĐIỀU 1. NỘI DUNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**

1.1. Bên A, bằng Hợp đồng này, cho phép Bên B được quyền tiến hành mở 01 cơ sở kinh doanh (sau đây gọi tắt là “**Cửa hàng**”) để kinh doanh [ ] mang thương hiệu [ ] theo hệ thống, thiết kế, nhận diện thương hiệu mà Bên A đã xây dựng, thiết lập và vận hành. Bên B được quyền gắn nhãn hiệu [ ], các chỉ dẫn thương mại khác như: kiểu dáng của sản phẩm, khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng kinh doanh và các nhận diện thương hiệu khác thuộc sở hữu của Bên A trong hoạt động kinh doanh tại Cửa hàng của Bên B, cụ thể như sau:

- a) Được quyền sử dụng nhãn hiệu [ ] của Bên A theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số [ ] được Cục Sở hữu trí tuệ cấp ngày [ ] để gắn lên các biển hiệu Cửa hàng, sản phẩm cung cấp và trên các giấy tờ giao dịch, phương tiện kinh doanh tại Cửa hàng của Bên B;
- b) Được quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp [ ] của Bên A theo Giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp số [ ] được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp ngày [ ] cho các sản phẩm được cung cấp bởi Cửa hàng Bên B;
- c) Được sử dụng khẩu hiệu kinh doanh của Bên A là: [ ];
- d) Được sử dụng cách thức hoạt động, các định hướng kinh doanh, quảng cáo do Bên A xây dựng để thực hiện hoạt động kinh doanh tại Cửa hàng của Bên B;
- e) Được sử dụng các nội dung trong các băng rôn, biển hiệu quảng cáo của Bên A đã và đang sử dụng để quảng cáo cho Hệ thống khi Bên B được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của Luật Quảng cáo;
- f) [ ] (các nội dung khác mà hai Bên mong muốn bổ sung).

1.2. Trong khi thực hiện Hợp đồng này, Bên B chịu sự kiểm soát của Bên A trong quá trình hoạt động kinh doanh tại Cửa hàng.

## **ĐIỀU 2. PHẠM VI NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**

- 2.1. Hợp đồng nhượng quyền thương mại này chỉ có hiệu lực trong phạm vi trên lãnh thổ Việt Nam.
- 2.2. Hình thức nhượng quyền: Không độc quyền. Bên B không được nhượng quyền lại cho Bên thứ ba.
- 2.3. Trong thời hạn Hợp đồng này có hiệu lực, Bên B được quyền mở 01 (một) Cửa hàng tại Việt Nam để tiến hành hoạt động kinh doanh theo phương thức kinh doanh như đã nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này. Cửa hàng này sẽ được mở tại địa chỉ: [ ].

Bên B chỉ được thay đổi địa điểm Cửa hàng hoặc mở thêm Cửa hàng thứ 2 trở lên khi được sự đồng ý của Bên A bằng văn bản. Đồng thời, Bên A cam kết sẽ không trực tiếp hoặc thông qua bất kỳ hình thức gián tiếp nào để mở Cửa hàng khác mang thương hiệu

[ ] trong phạm vi bán kính [ ]km xung quanh Cửa hàng, trừ trường hợp được bên B đồng ý bằng văn bản.

### **ĐIỀU 3. PHÍ NHƯỢNG QUYỀN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

3.1. Phí nhượng quyền bao gồm 02 khoản: phí nhượng quyền ban đầu và phí nhượng quyền hàng tháng.

3.1.1. Phí nhượng quyền ban đầu là [ ] đồng (Bằng chữ: [ ]) và được thanh toán trong thời hạn [ ] ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này.

3.1.2. Phí nhượng quyền hàng tháng: được tính bằng [ ] % tổng doanh thu tháng liền kề trước đó của Cửa hàng của Bên B trong 3 năm đầu tiên được tính bằng [ ] % trong 2 năm tiếp theo và [ ] % sau 5 năm kể từ ngày Cửa hàng chính thức đi vào hoạt động. Doanh thu này được tính trên doanh thu mà Bên B đạt được từ việc kinh doanh theo Hệ thống mà Bên A cung cấp và chưa trừ đi các chi phí của Cửa hàng.

Bên B có nghĩa vụ phải thanh toán Phí nhượng quyền hàng tháng cho Bên A trong thời hạn từ ngày [ ] đến ngày [ ] dương lịch của tháng sau liền kề tháng phát sinh phí nhượng quyền.

3.2. Phương thức thanh toán: Bên B sẽ thanh toán các khoản phí nêu trên cho Bên A theo hình thức chuyển khoản với thông tin thanh toán như sau:

Tên tài khoản: [ ]

Số tài khoản: [ ]

Ngân hàng: [ ]

### **ĐIỀU 4. PHÂN ĐỊNH QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM TRONG QUẢN LÝ VÀ TÀI CHÍNH CỦA CỬA HÀNG**

4.1. Dưới sự giám sát, hỗ trợ, quản lý của Bên A, Bên B sẽ thực hiện toàn bộ công việc kinh doanh để đảm bảo Cửa hàng được vận hành theo tiêu chuẩn chung của Hệ thống.

Bên B là chủ thể trực tiếp đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh của Cửa hàng; có quyền tự quyết các hoạt động chi tiêu nội bộ của Cửa hàng và phải tự chịu trách nhiệm với tình hình kinh doanh, các nghĩa vụ tài chính phát sinh của Cửa hàng đối với bên thứ ba và với Nhà nước.

4.2. Chi phí thực hiện quảng cáo chung cho toàn Hệ thống sẽ do Bên A thực hiện và chi trả.

4.3. Trừ khoản chi phí nêu tại khoản 4.2, Bên B phải chịu toàn bộ chi phí khác liên quan đến hoạt động của Cửa hàng, bao gồm cả chi phí cho những quảng cáo do Bên B đề nghị Bên A thực hiện để phục vụ riêng cho Cửa hàng.

4.4. Hàng tháng, từ ngày 01 đến ngày 04 của tháng dương lịch, Bên B phải thông báo cho Bên A về doanh thu của Cửa hàng bằng bản báo cáo chi tiết và đảm bảo tính trung thực trong quá trình kê khai. Nếu Bên A phát hiện Bên B không trung thực trong quá trình báo cáo doanh thu hàng tháng thì Bên A có quyền tạm ngừng hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng nhượng quyền thương mại này mà không phải báo trước cho Bên B.

## **ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

### **5.1. Bên A có các quyền sau đây:**

- 5.1.1. Quyền sở hữu về nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, nhận diện thương hiệu, khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng kinh doanh, [□] và tất cả các tài sản vô hình khác liên quan đến việc nhận diện thương hiệu thuộc sở hữu của Bên A;
- 5.1.2. Được thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn phí nhượng quyền thương mại theo Điều 3 của Hợp đồng này;
- 5.1.3. Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất hoạt động của Bên B nhằm đảm bảo sự thống nhất của hệ thống nhượng quyền thương mại và sự ổn định của chất lượng hàng hóa, dịch vụ;
- 5.1.4. Được yêu cầu Bên B báo cáo các vấn đề trong quá trình kinh doanh và nhập dữ liệu vào toàn bộ các phần mềm như phần mềm quản lý bán hàng, hệ thống tính tiền,... để Bên A thuận tiện trong quá trình giám sát hoạt động kinh doanh của Bên B;
- 5.1.5. Bên A có quyền thay đổi phần mềm, hệ thống tính tiền, công thức pha chế và các tiêu chuẩn vận hành khác khi Bên A nhận thấy cần thiết;
- 5.1.6. [□] (các quyền khác theo sự thống nhất của hai Bên).

### **5.2. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:**

- 5.2.1. Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn về hệ thống [□] mang thương hiệu [□] cho Bên B;
- 5.2.2. Cung cấp cho Bên B danh mục chi tiết các hạng mục cần xây dựng, tài sản cần mua sắm để đảm bảo yêu cầu nhận diện thương hiệu nói trên (bao gồm thiết kế biển hiệu, nội ngoại thất, [□] đồng phục, card visit, brochure) và hướng dẫn thiết kế, trưng bày, bài trí Cửa hàng cho Bên B theo chuẩn chung của Hệ thống;
- 5.2.3. Đào tạo ban đầu và cung cấp trợ giúp kỹ thuật thường xuyên cho bên B để điều hành hoạt động theo đúng tiêu chuẩn của Hệ thống Bên A đã xây dựng;
- 5.2.4. Thanh toán các khoản chi phí liên quan đến quảng cáo, chi phí đào tạo nhân viên ban đầu (trong thời hạn [□] tháng) cho Bên B;
- 5.2.5. Các cam kết và đảm bảo của Bên A:
  - Đào tạo nhân viên và cán bộ quản lý cho Bên B để đạt trình độ, chất lượng phục vụ theo tiêu chuẩn chung của Hệ thống;
  - Đảm bảo bên B được mua nguyên liệu tại nhà cung cấp của cả Hệ thống, đảm bảo giá mua không cao hơn giá ngoài thị trường;
  - Hướng dẫn cho nhân sự của Bên B công thức [□] để đảm bảo chất lượng [□] theo tiêu chuẩn chung của Hệ thống;
  - Đảm bảo tất cả các điều chỉnh của Hệ thống về sản phẩm, phong cách phục vụ, kiến trúc, bài trí và các yếu tố nhận diện thương hiệu khác sẽ được đồng nhất và được áp dụng tại Cửa hàng và không bị tranh chấp từ bên thứ ba khác.

- 5.2.6. Đối xử bình đẳng và tôn trọng với Bên B như các thương nhân nhận nhượng quyền khác trong cùng Hệ thống của Bên A;
- 5.2.7. Nghiên cứu thị trường, thực hiện các hình thức quảng cáo, xúc tiến thương mại...nhằm phát triển tốt nhất thương hiệu và nhận diện của cả Hệ thống;
- 5.2.8. [ ] (các nghĩa vụ khác theo sự thống nhất của hai Bên).

## **ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA B**

### **6.1. Bên B có những quyền sau đây:**

- 6.1.1. Được yêu cầu Bên A cung cấp đầy đủ các thông tin, trợ giúp kỹ thuật có liên quan đến Hệ thống thương hiệu [ ] để có thể hoạt động kinh doanh hiệu quả;
- 6.1.2. Được yêu cầu Bên A đối xử bình đẳng như với các thương nhân nhận quyền khác trong cùng hệ thống nhượng quyền thương mại của Bên A;
- 6.1.3. Trong thời hạn Hợp đồng có hiệu lực, Bên B được quyền sử dụng nhãn hiệu [ ] để thực hiện hoạt động kinh doanh tại Cửa hàng nhưng phải đảm bảo uy tín của thương hiệu do Bên A sở hữu. Bên B có quyền sử dụng nhãn hiệu [ ] để cung ứng [ ] theo tiêu chuẩn, chất lượng được áp dụng theo hệ thống [ ] của Bên A.

Những tiêu chuẩn này là tập hợp các yếu tố đặc trưng riêng để nhận diện thương hiệu [ ], bao gồm các yếu tố về chất lượng [ ], về phong cách phục vụ và các yếu tố nhận biết được bằng thị giác như kiến trúc, bài trí, trang phục;

- 6.1.4. [ ] (các quyền khác theo sự thống nhất của hai Bên).

### **6.2. Bên B có các nghĩa vụ như sau:**

- 6.2.1. Trả phí nhượng quyền theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng;
- 6.2.2. Tự mình đầu tư các cơ sở vật chất, nguồn tài chính và nhân lực theo yêu cầu của Bên A bao gồm:
- Trực tiếp đứng ra ký kết hợp đồng thuê mặt bằng/ cửa hàng với bên cho thuê sau khi được Bên A phê duyệt về địa điểm Cửa hàng của Bên B;
  - Thanh toán toàn bộ chi phí đầu tư Cửa hàng theo chuẩn của Hệ thống, bao gồm cả thanh toán tiền lương cho nhân viên làm việc tại cửa hàng của Bên B.
- 6.2.3. Chấp nhận sự kiểm soát, giám sát và hướng dẫn của Bên A; tuân thủ các yêu cầu về thiết kế, sắp xếp địa điểm bán hàng, cung ứng dịch vụ theo yêu cầu của Bên A;
- 6.2.4. Giữ bí mật về bí mật kinh doanh, công thức [ ] của sản phẩm [ ] mang thương hiệu [ ] của Bên A kể từ ngày ký Hợp đồng và có trách nhiệm bảo mật thông tin ngay cả sau khi Hợp đồng nhượng quyền thương mại này kết thúc hoặc chấm dứt;
- 6.2.5. Chấm dứt việc sử dụng nhãn hiệu [ ], tên thương mại, khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng kinh doanh và các quyền sở hữu trí tuệ khác hoặc hệ thống của Bên A khi Hợp đồng kết thúc hoặc chấm dứt mà các Bên không có thỏa thuận gia hạn Hợp đồng;
- 6.2.6. Điều hành hoạt động phù hợp với hệ thống nhượng quyền thương mại, cùng Bên A xây dựng và bảo vệ uy tín, hình ảnh thương hiệu dịch vụ [ ];

- 6.2.7. Không được nhượng lại các quyền và nghĩa vụ liên quan được quy định trong Hợp đồng này cho bên thứ ba khác khi không có sự chấp thuận của Bên A bằng văn bản;
- 6.2.8. Báo ngay cho bên A nếu phát hiện bên thứ ba có bất kỳ vi phạm về sở hữu trí tuệ nào có thể ảnh hưởng đến uy tín của thương hiệu [□];
- 6.2.9. Đề xuất để Bên A đưa vào áp dụng các ý tưởng, phương pháp để cải tiến Hệ thống;
- 6.2.10. Minh bạch trong công tác vận hành, báo cáo: Bên B có nghĩa vụ nhập liệu toàn bộ vào các phần mềm bán hàng, hệ thống tính tiền và các phần mềm khác mà Bên A yêu cầu để Bên A kiểm soát, giám sát hoạt động kinh doanh tại Cửa hàng;
- 6.2.11. Bên B không được quyền sử dụng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, tên thương mại, khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng kinh doanh, [□] hay bất kỳ yếu tố đặc trưng nào trong bộ nhận diện thương hiệu [□] nêu trên để mở cơ sở kinh doanh khác hay tạo ra các sản phẩm dịch vụ tương tự để bán hoặc bất cứ hành vi nào mà Bên A cho rằng sẽ gây ảnh hưởng đến uy tín và quyền lợi của Bên A. Trừ trường hợp Bên A đồng ý, Bên B không có quyền chuyển giao các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho bên thứ ba khác có nhu cầu;
- 6.2.12. Trong quá trình hoạt động kinh doanh của Cửa hàng, Bên B cam kết chỉ sử dụng nguyên vật liệu do Bên A cung cấp. Trong trường hợp nguyên vật liệu Bên A cung cấp không đáp ứng được yêu cầu của Bên B thì tùy từng trường hợp Bên A sẽ cho phép để Bên B được bổ sung nguyên vật liệu ngoài thị trường.
- Khi muốn bổ sung nguyên vật liệu từ thị trường bên ngoài, Bên B sẽ có nghĩa vụ thông báo với Bên A bằng văn bản và phải được Bên A đồng ý bằng văn bản.
- Các nguyên vật liệu ngoài thị trường mà Bên B muốn sử dụng phải đảm bảo chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm và các yêu cầu khác về y tế. Bên B sẽ phải nhập số liệu báo cáo vào phần mềm bán hàng mà Bên A yêu cầu;
- 6.2.13. Tuân thủ nghiêm chỉnh mọi sự thay đổi của Hệ thống sau khi nhận được thông báo thay đổi của Bên A;
- 6.2.14. [□] (các nghĩa vụ khác theo sự thống nhất của hai Bên).

## **ĐIỀU 7. THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG**

- 7.1. Thời hạn của Hợp đồng này là 05 (năm) năm kể từ ngày được hai Bên ký.
- 7.2. Hai Bên có thể thỏa thuận gia hạn Hợp đồng bằng việc ký Phụ lục hợp đồng.

## **ĐIỀU 8. PHẠT HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

- 8.1. Hai Bên cam kết thực hiện tất cả những điều khoản trong Hợp đồng. Bên nào vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng thì đều phải chịu phạt vi phạm với mức: [□]% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.
- 8.2. Bất kỳ bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại bao gồm vô hình và hữu hình cho Bên kia thì sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra.
- 8.3. Thời hạn thanh toán tiền phạt hợp đồng và bồi thường thiệt hại là 30 ngày, kể từ ngày Bên vi phạm nhận được văn bản thông báo về tiền phạt hợp đồng, bồi thường thiệt hại từ Bên bị vi phạm.

## **ĐIỀU 9. TẠM NGỪNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

- 9.1. Hợp đồng sẽ được tạm ngừng trong các trường hợp sau đây:
  - 9.1.1. Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 3 của Hợp đồng này;
  - 9.1.2. Chủ cho thuê mặt bằng làm ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu của Bên A.
- 9.2. Trong trường hợp tạm ngừng Hợp đồng, Bên B không được tiến hành hoạt động kinh doanh và phải đóng cửa Cửa hàng để đảm bảo việc thực thi nghĩa vụ tài chính của Bên B cũng như khắc phục hành vi của chủ thể cho thuê mặt bằng gây ra. Hợp đồng sẽ được tiếp tục thực hiện trở lại khi Bên B khắc phục xong thiệt hại và được Bên A chấp thuận bằng văn bản.
- 9.3. Hợp đồng nhượng quyền có thể chấm dứt trong các trường hợp sau đây:
  - 9.3.1. Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;
  - 9.3.2. Hợp đồng không thể tiếp tục thực hiện vì sự kiện bất khả kháng;
  - 9.3.3. Khi một trong các Bên vi phạm bất cứ nghĩa vụ nào trong Hợp đồng thì Bên kia có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng. Bên muốn đơn phương chấm dứt Hợp đồng cần phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết ít nhất 30 ngày trước khi đơn phương chấm dứt Hợp đồng;
  - 9.3.4. Trong mọi trường hợp chấm dứt Hợp đồng, toàn bộ tài sản được thiết kế theo tiêu chuẩn chung của Hệ thống nhằm mục đích nhận diện thương hiệu sẽ được tháo dỡ, tiêu hủy hoặc bán lại cho Bên A trong vòng 07 ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng.

## **ĐIỀU 10. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

- 10.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện như: thiên tai, khủng bố, chiến tranh, dịch bệnh,...
- 10.2. Bên gặp phải sự kiện Bất khả kháng dẫn đến vi phạm Hợp đồng thì được miễn trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng và không phải chịu các chế tài do vi phạm bởi gặp phải sự kiện Bất khả kháng. Trong suốt thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng, việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các Bên được hoãn lại.
- 10.3. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các Bên cam kết thông báo cho nhau sớm nhất để hạn chế tối đa thiệt hại cho các Bên.
- 10.4. Các Bên cố nghĩa vụ nỗ lực khắc phục hậu quả của sự kiện bất khả kháng. Nếu sự kiện bất khả kháng dẫn đến phải chấm dứt Hợp đồng thì sẽ bàn bạc, quyết định việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

## **ĐIỀU 11. THÔNG BÁO**

- 11.1. Bất kỳ thông báo, đồng ý, chấp thuận, hoặc liên hệ, trao đổi thông tin, khiếu nại giữa các Bên về các nội dung, vấn đề liên quan đến Hợp đồng này ("**Thông Báo**") phải thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực khi được chuyển bằng bất kỳ phương tiện nào, bao

gồm chuyển trực tiếp, gửi qua bưu điện, fax hoặc email hoặc các phương tiện truyền tin khác đến một trong các địa chỉ nhận tin của các Bên như sau:

a) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên A:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

b) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên B:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

11.2. Thông báo cũng có thể được gửi trực tiếp, bằng dịch vụ chuyển phát hoặc bằng e-mail, các phương tiện trực tuyến với điều kiện là phải có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng chứng rõ ràng về việc gửi. Các thông báo được gửi trực tiếp, hoặc được gửi bằng bất kỳ phương tiện nào khác được phép sẽ được xem là đã nhận được vào thời điểm gửi.

11.3. Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận các Thông Báo của mình bằng cách gửi Thông Báo cho Bên kia về việc thay đổi địa chỉ nhận thông báo theo phương thức được quy định tại Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 12. BẢO MẬT**

12.1. Các Bên của Hợp đồng này đồng ý giữ bí mật tuyệt đối đối với các nội dung Hợp đồng, các thông tin về tình hình kinh doanh của mỗi Bên, ngoại trừ việc tiết lộ thông tin bắt buộc theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc/và theo thỏa thuận của các Bên.

12.2. Những nghĩa vụ được quy định trong Điều này sẽ tiếp tục có hiệu lực thực hiện đối với các Bên sau khi Hợp đồng này chấm dứt; kể cả khi bất cứ Bên nào không còn là một Bên trong Hợp đồng hay trong Dự án vì bất kỳ lý do nào, Bên đó vẫn bị ràng buộc bởi nghĩa vụ quy định tại Điều này.

12.3. Các Bên cũng đảm bảo rằng sẽ áp dụng các biện pháp phòng ngừa hợp lý, bao gồm việc ký kết các thỏa thuận về bảo mật đối với thành viên và nhân viên của mình để

đảm bảo rằng những người này sẽ không sử dụng các thông tin bí mật vì lợi ích riêng của mình và sẽ không tiết lộ thông tin không được phép cho bên thứ ba bất kỳ.

### **ĐIỀU 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- 13.1. Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.
- 13.2. Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng này, các Bên sẽ nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải trên tinh thần hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Địa điểm trọng tài, ngôn ngữ trọng tài, luật áp dụng, phí trọng tài và các chi phí pháp lý trong vụ tranh chấp do Hội đồng trọng tài quyết định.

### **ĐIỀU 14. CHỐNG TRỤC LỢI**

- 14.1. Trục lợi là hành vi lợi dụng chức vụ, chức danh quản lý, vị trí công tác, lợi dụng thẩm quyền được giao, lợi dụng hoàn cảnh, cơ hội để đem lại lợi ích cho cá nhân/nhóm cá nhân trong quá trình chào giá, đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp đồng này.
- 14.2. Hai Bên cam kết mỗi Bên không chi/nhận hoa hồng; không chi/nhận chiết khấu, tiền chênh lệch giá; không bao che, hỗ trợ, thúc đẩy các hành vi trục lợi của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào; không thực hiện bất kỳ hành vi tương tự dưới bất kỳ hình thức nào trước, trong và sau quá trình thực hiện Hợp đồng.
- 14.3. Nếu Bên A phát hiện hành vi trục lợi như trên thì Bên A có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên B và phối hợp với Bên B để xử lý. Trường hợp không có thông báo từ Bên A mà Bên B phát hiện có các hành vi trên thì ngay lập tức, Bên B có quyền chấm dứt hợp tác, chấm dứt Hợp đồng đang có hiệu lực với Bên A mà không phải chịu bất kỳ chế tài nào; Bên A phải có nghĩa vụ bồi thường đối với những thiệt hại mà Bên B phải chịu từ việc chấm dứt hợp đồng trên. Ngoài ra, Bên A còn phải chịu phạt [ ] % tổng giá trị Hợp đồng này.

### **ĐIỀU 15. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- 15.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 15.2. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với các điều khoản của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được thực hiện bằng văn bản và được Bên A và Bên B cùng ký xác nhận.
- 15.3. Các Bên cam kết đã thực hiện các thủ tục nội bộ và đại diện hợp pháp của các Bên tham gia ký kết Hợp đồng này là hoàn toàn có đủ thẩm quyền.
- 15.4. Hợp đồng này hình thành toàn bộ thỏa thuận giữa Bên B và Bên A, và thay thế tất cả các đàm phán, tuyên bố hoặc thỏa thuận trước đây giữa các Bên, bằng hình thức trao đổi miệng hoặc bằng văn bản, liên quan đến nội dung của Hợp đồng.
- 15.5. Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản gốc bằng tiếng Việt, mỗi Bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

*Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp đồng này.*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

MCCAC

---

## MẪU 11. HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

---

### *GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:*

1. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên vận chuyển có nghĩa vụ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm đã định theo thỏa thuận và giao hàng hóa đó cho bên nhận, bên thuê vận chuyển có nghĩa vụ thanh toán cước phí vận chuyển đã thỏa thuận cho bên vận chuyển.
2. Một số quy định của pháp luật về hợp đồng vận chuyển hàng hóa có thể tham khảo Điều 74 đến Điều 87 Luật Thương mại năm 2005, Điều 530 đến Điều 541 Bộ luật Dân sự năm 2015.
3. Ký hiệu [•] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
4. Mẫu Hợp đồng kèm theo chỉ có giá trị tham khảo, dùng trong dịch vụ vận chuyển hàng hóa trong nước; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

Số: [•]

Hợp Đồng Vận Chuyển Hàng Hóa này (sau đây gọi là “**Hợp đồng**”) được lập và ký ngày [•] giữa các Bên:

**BÊN A (BÊN THUÊ VẬN CHUYỂN)**

**CÔNG TY [•]**

Mã số thuế : [•]

Địa chỉ trụ sở chính : [•]

Đại diện bởi : [•]

Chức danh : [•] - Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]

VÀ

**BÊN B (BÊN VẬN CHUYỂN)**

**CÔNG TY [•]**

Mã số thuế : [•]

Địa chỉ trụ sở chính : [•]

Đại diện bởi : [•]

Chức danh : [•] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:]

**ÔNG / BÀ** : [•]

Ngày sinh : [•]

CCCD / CMND : [•]

Ngày cấp : [•]

Địa chỉ: : [•]

Điện thoại, email : [•]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là “**Bên**”, gọi chung là “**các Bên**”.

## **XÉT RÀNG:**

- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên A];
- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên B];

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Vận Chuyển Hàng Hóa này theo các điều khoản và điều kiện sau:

### **ĐIỀU 1. HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN**

- 1.1 Tên hàng vận chuyển: Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ vận chuyển những hàng hóa sau: [•].
- 1.2 Số lượng hàng hóa: [•].
- 1.3 Tính chất hàng hóa: [•].

### **ĐIỀU 2. GIÁ CƯỚC VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

- 2.1 Cước dịch vụ: [•] (Theo bảng cước dịch vụ vận tải đường bộ tùy theo số lượng và địa chỉ giao hàng, bao gồm cả tiền phụ phí vận tải).
- 2.2 Trong trường hợp giá nhiên liệu tăng hoặc giảm, hai bên sẽ thương lượng và thống nhất mức cước mới phù hợp với tình hình thị trường.
- 2.3 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng theo thông tin tài khoản sau đây: [•].
- 2.4 Tiến độ thanh toán : [•].
- 2.5 Trong trường hợp chậm thanh toán quá [•] ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn VAT và các chứng từ liên quan Bên A sẽ phải chịu lãi suất theo lãi suất nợ quá hạn của ngân hàng [•] tương ứng với thời gian chậm thanh toán.
- 2.6 Nếu sau [•] ngày mà Bên A vẫn chưa thanh toán, Bên B sẽ tạm ngừng cung cấp toàn bộ dịch vụ và thực hiện việc khởi kiện sau [•] ngày, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng phụ lục của bản hợp đồng này.

### **ĐIỀU 3. ĐỊA ĐIỂM NHẬN HÀNG VÀ GIAO HÀNG**

- 3.1 Bên B đưa phương tiện đến nhận hàng tại (kho hàng) [•] do bên A giao.
- 3.2 Bên B giao hàng cho bên A tại địa điểm [•]
- 3.3 Khi giao nhận hàng, Bên A phải cử người đại diện để ký vào Biên bản giao nhận. Đây là cơ sở để làm chứng từ thanh toán.

### **ĐIỀU 4. PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN**

- 4.1 Bên A yêu cầu Bên B vận chuyển số hàng hóa trên bằng phương tiện [•].
- 4.2 Bên B chịu trách nhiệm về kỹ thuật cho phương tiện vận tải để bảo đảm vận tải trong thời gian là: [•].

- 4.3** Bên B phải chuẩn bị đầy đủ giấy tờ cho phương tiện đi lại hợp lệ trên tuyến giao thông đó để vận tải số hàng hóa đã thỏa thuận như trên và chịu mọi hậu quả về giấy tờ pháp lý của phương tiện vận tải.
- 4.4** Sau khi bên B đưa phương tiện đến nhận hàng mà bên A chưa có hàng để giao sau: [●] phút thì bên A phải chứng nhận cho bên B đem phương tiện về và phải trả giá cước của loại hàng thấp nhất về giá vận tải theo đoạn đường đã hợp đồng. Trong trường hợp không tìm thấy người đại diện của bên A tại địa điểm giao hàng, bên B chờ sau [●] phút, có quyền nhờ Ủy ban nhân dân cơ sở xác nhận phương tiện có đến và cho phương tiện về và yêu cầu thanh toán chi phí như trên.
- 4.5** Bên B có quyền từ chối không nhận hàng nếu bên A giao hàng không đúng loại hàng ghi trong vận đơn khi xét thấy phương tiện điều động không thích hợp với loại hàng đó, có quyền yêu cầu bên A phải chịu phạt [●] % giá trị tổng cước phí.
- 4.6** Trường hợp bên B đưa phương tiện đến nhận hàng chậm so với lịch giao nhận phải chịu phạt hợp đồng là: [●] đồng/ giờ.

## **ĐIỀU 5. GIẤY TỜ CHO VIỆC VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA**

- 5.1** Bên B phải làm giấy xác báo hàng hóa (phải được đại diện bên B ký, đóng dấu xác nhận) trước [●] giờ so với thời điểm giao hàng.
- 5.2** Bên B phải xác báo lại cho bên A số lượng và trọng tải các phương tiện có thể điều động trong [●] giờ trước khi bên A giao hàng. Nếu bên A không xác báo xin phương tiện thì bên B không chịu trách nhiệm.
- 5.3** Các giấy tờ khác nếu có.

## **ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

### **6.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

- a. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B.
- b. Yêu cầu Bên B cung cấp các dịch vụ vận chuyển theo nội dung tại Điều 1.
- c. Yêu cầu Bên B cung cấp thông báo thanh toán cước và hóa đơn để thanh toán các dịch vụ vận chuyển.
- d. Yêu cầu Bên B cung cấp bảng kê cước phí dịch vụ vận chuyển.
- e. Kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa khi nhận hàng và xác nhận hàng theo Biên bản bàn giao.
- f. Bên A có quyền khiếu nại và yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại (nếu có) trong quá trình sử dụng dịch vụ vận chuyển của Bên B.
- g. Bên A phải đảm bảo về giá trị pháp lý của hàng hóa gửi (hàng gửi không phải là hàng giả, hàng gian lận, hàng trốn thuế,...).
- h. Bên A phải bồi thường thiệt hại cho bên B và người thứ ba về thiệt hại do tài sản vận chuyển có tính chất nguy hiểm, độc hại mà không có biện pháp đóng gói, bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển.

- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định pháp luật.

## **6.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

- j. Yêu cầu bên A thanh toán đủ cước phí vận chuyển đúng thời hạn.
- k. Yêu cầu Bên A đóng gói hàng hóa, hoặc sử dụng các dịch vụ đóng gói đảm bảo (đóng gỗ, đóng xốp...) để bảo đảm an toàn cho các loại hàng hóa dễ bể, vỡ hoặc bị biến dạng.
- l. Kiểm tra sự xác thực của tài sản, của vận đơn hoặc chứng từ vận chuyển tương đương khác
- m. Từ chối nhận các mặt hàng cấm, các loại hàng hóa không có đầy đủ hóa đơn chứng từ theo quy định pháp luật.
- n. Yêu cầu Bên A kê khai chính xác, trung thực số lượng, chủng loại và đặc tính của hàng hóa. Bên B không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với các vấn đề liên quan đến những hàng hóa không được cung cấp thông tin theo yêu cầu.
- o. Đảm bảo cung cấp các dịch vụ vận chuyển theo nội dung ở Điều 1. Nhận và giao hàng theo số lượng thùng, kiện...nguyên đai kiện theo đúng tên hàng số lượng hàng hóa ghi trên hóa đơn.
- p. Chịu trách nhiệm an toàn về hàng hóa trong quá trình vận chuyển.
- q. Trường hợp hàng hóa bị hư hỏng, mất mát trong quá trình vận chuyển hoặc khi giao hàng Bên B có trách nhiệm phối hợp với các bên liên quan lập biên bản và phải thông báo ngay cho Bên A bằng văn bản để kịp thời xử lý.
- r. Bồi thường thiệt hại cho bên A trong trường hợp bên B để mất mát, hư hỏng tài sản do lỗi của mình, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.
- s. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định pháp luật.

## **ĐIỀU 7. GIẢI QUYẾT HAO HỤT HÀNG HÓA**

Nếu hao hụt theo quy định dưới mức [●] % tổng số lượng hàng thì bên B không phải bồi thường. Hao hụt trên tỷ lệ cho phép thì bên B phải bồi thường cho bên A theo giá trị thị trường tự do tại nơi giao hàng (áp dụng cho trường hợp bên A không cử người áp tải).

## **ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

- 8.1** Bên nào vi phạm hợp đồng, một mặt phải trả cho bên bị vi phạm tiền phạt vi phạm hợp đồng, mặt khác nếu có thiệt hại xảy ra do lỗi vi phạm hợp đồng dẫn đến như mất mát, hư hỏng, tài sản phải chi phí để ngăn chặn hạn chế thiệt hại do vi phạm gây ra, tiền phạt do vi phạm hợp đồng khác và tiền bồi thường thiệt hại mà bên bị vi phạm đã phải trả cho bên thứ ba là hậu quả trực tiếp của sự vi phạm này gây ra.
- 8.2** Nếu bên A đóng gói hàng mà không khai hoặc khai không đúng sự thật về số lượng, trọng lượng hàng hóa thì bên A phải chịu phạt đến [●] % số tiền cước phải trả cho lô hàng đó.

**8.3** Nếu bên B có lỗi làm hư hỏng hàng hóa trong quá trình vận chuyển thì:

- Trong trường hợp có thể sửa chữa được nếu bên A đã tiến hành sửa chữa thì bên B phải chịu trách nhiệm chi trả các khoản chi phí.
- Nếu hư hỏng đến mức không còn khả năng sửa chữa thì hai bên thỏa thuận mức bồi thường hoặc nhờ cơ quan chuyên môn giám định và xác nhận tỷ lệ bồi thường.

**8.4** Nếu bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán tổng cước phí vận chuyển thì phải chịu phạt theo mức lãi suất chậm trả của tín dụng ngân hàng là [●] % ngày (hoặc tháng) tính từ ngày hết hạn thanh toán.

**8.5** Bên nào đã ký hợp đồng mà không thực hiện hợp đồng hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới [●] % giá trị phần tổng cước phí dự chi.

## **ĐIỀU 9. TẠM NGỪNG HOẶC ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

**9.1** Bên A được quyền tạm ngừng thực hiện Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trước thời hạn trong trường hợp Bên B không thực hiện nghĩa vụ giao hàng theo Hợp đồng và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào tại Hợp đồng này và/hoặc theo quy định của pháp luật.

**9.2** Bên B được quyền tạm ngừng thực hiện Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trước thời hạn trong trường hợp Bên A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào tại Hợp đồng này và/hoặc theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 10. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

**10.1** Sự kiện bất khả kháng là sự kiện khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các sự kiện bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện nêu dưới đây, được xem là các sự kiện bất khả kháng:

- Thiên tai;
- Động đất, hoả hoạn, lũ lụt, dịch bệnh và những thảm họa thiên nhiên khác;
- Chiến tranh, phá hoại, nội chiến, khủng bố ;
- Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Bên B;
- Thay đổi chính sách pháp luật của nhà nước.

**10.2** Bên bị cản trở việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên kia và không quá [●] ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, nêu rõ sự bắt đầu, ngày bắt đầu, ngày dự tính kết thúc của sự kiện bất khả kháng, nghĩa vụ theo Hợp đồng bị ảnh hưởng.

**10.3** Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên gặp sự kiện bất khả kháng sẽ được hoãn thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng tương với thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng và được miễn trừ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

## **ĐIỀU 11. THÔNG BÁO**

**11.1** Bất kỳ thông báo, đồng ý, chấp thuận, hoặc liên hệ, trao đổi thông tin, khiếu nại giữa các Bên về các nội dung, vấn đề liên quan đến Hợp đồng này ("**Thông Báo**") phải thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực khi được chuyển bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm chuyển trực tiếp, gửi qua bưu điện, fax hoặc email hoặc các phương tiện truyền tin khác đến một trong các địa chỉ nhận tin của các Bên như sau:

a) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên A:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

b) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên B:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

**11.2** Thông báo cũng có thể được gửi trực tiếp, bằng dịch vụ chuyển phát hoặc bằng e-mail, các phương tiện trực tuyến với điều kiện là phải có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng chứng rõ ràng về việc gửi. Các thông báo được gửi trực tiếp, hoặc được gửi bằng bất kỳ phương tiện nào khác được phép sẽ được xem là đã nhận được vào thời điểm gửi.

**11.3** Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận các Thông Báo của mình bằng cách gửi Thông Báo cho Bên kia về việc thay đổi địa chỉ nhận thông báo theo phương thức được quy định tại Hợp Đồng này.

## **ĐIỀU 12. BẢO MẬT**

**12.1** Trong Hợp đồng này, các Thông Tin Mật được hiểu là toàn bộ các thông tin của bất kỳ Bên nào, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ các thông tin về hoạt động kinh doanh, thông tin tài chính, cơ cấu tổ chức, thông tin khách hàng, thông tin tiếp thị, bí quyết và bí mật kinh doanh liên quan đến hoạt động của Bên đó, thông tin liên quan đến việc hợp tác theo Hợp đồng này hay việc kinh doanh.

**12.2** Một Bên đảm bảo, thừa nhận và cam kết với Bên kia rằng: Tất cả các Thông Tin Mật sẽ được sử dụng duy nhất cho mục đích của Hợp đồng này; được bảo mật tuyệt đối; không được sao chép trừ trường hợp thật sự cần thiết trong phạm vi được ủy quyền; và được hoàn trả và/hoặc hủy bỏ sau khi chấm dứt Hợp đồng.

**12.3** Nghĩa vụ bảo mật thông tin nêu tại Điều này không được áp dụng cho bất kỳ thông tin nào: (i) đã được phổ biến ra công chúng (trừ trường hợp thông tin bị tiết lộ là hậu quả

của việc vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin quy định tại Hợp đồng này); hoặc (ii) đã được thể hiện trong các báo cáo có trước ngày Hợp đồng này có hiệu lực; hoặc (iii) được tiết lộ một cách độc lập từ một Bên thứ ba có quyền được tiết lộ những thông tin này; hoặc (iv) buộc phải tiết lộ theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc theo yêu cầu của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền.

**12.4** Nếu một Bên vi phạm quy định về bảo mật thông tin và không khắc phục trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên bị vi phạm, hoặc vi phạm lần 2 thì Bên bị vi phạm có quyền chấm dứt Hợp đồng này, sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm.

### **ĐIỀU 13. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

**13.1** Khi Bên B nhận được bất kỳ khiếu nại nào của Bên A về việc hư hỏng, thất lạc, mất mát hàng hóa của Bên A, Bên B có trách nhiệm trả lời và đưa ra hướng giải quyết cho Bên A trong vòng [•] ngày.

**13.2** Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

**13.3** Luật áp dụng cho Hợp đồng này là [•] (chỉ áp dụng đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài và trong trường hợp các bên không thỏa thuận về luật áp dụng trong một điều khoản khác).

### **ĐIỀU 14. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**14.1** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**14.2** Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản quy định trong Hợp đồng và phụ lục khác kèm theo của Hợp đồng này. Các vấn đề còn lại không đề cập trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo Luật áp dụng nêu tại khoản 13.3 Điều 13 Hợp đồng này.

**14.3** Hợp đồng này có thể sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận bằng phụ lục Hợp đồng, có đầy đủ chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của hai Bên. Các phụ lục Hợp đồng này là phần không tách rời và có giá trị pháp lý như Hợp đồng.

**14.4** Hợp đồng này được lập thành [•] bản chính bằng [•] và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ [•] bản.

*Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp đồng này.*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

---

## MẪU 12. HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ SÀN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

---

### *GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:*

1. Hợp đồng cung ứng dịch vụ sàn thương mại điện tử là hợp đồng dịch vụ, thể hiện sự thỏa thuận giữa bên cung ứng dịch vụ và bên sử dụng dịch vụ về việc cung cấp các dịch vụ trên môi trường điện tử, sau đó bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ.
2. Một số quy định của pháp luật về hợp đồng dịch vụ cần tham khảo khi soạn thảo hợp đồng dịch vụ: Điều 74 đến Điều 87 Luật Thương mại năm 2005, Điều 513 đến Điều 521 Bộ luật Dân sự năm 2015.
3. Ký hiệu [•] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
4. Mẫu Hợp đồng dịch vụ kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các Bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ SÀN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

Số: [•]

Hợp Đồng Cung Ứng Dịch Vụ Sàn Thương Mại Điện Tử [•] này (sau đây gọi là “**Hợp đồng**”) được lập và ký ngày [•] giữa các Bên:

**BÊN A (BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ):**

**CÔNG TY [•]**

Mã số thuế : [•]  
Địa chỉ trụ sở chính : [•]  
Đại diện bởi : [•]  
Chức danh : [•] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]

**VÀ**

**BÊN B (BÊN CUNG ỨNG DỊCH VỤ):**

**CÔNG TY [•]**

Mã số thuế : [•]  
Địa chỉ trụ sở chính : [•]  
Đại diện bởi : [•]  
Chức danh : [•] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:]

**ÔNG / BÀ** : [•]

Ngày sinh : [•]

CCCD / CMND : [•]

Ngày cấp : [•]

Địa chỉ: : [•]

Điện thoại, email : [•]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là “**Bên**”, gọi chung là “**các Bên**”.

## **XÉT RÀNG:**

- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên A];
- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên B];

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết **Hợp Đồng Cung Ứng Dịch Vụ Sàn Thương Mại Điện Tử** này theo các điều khoản và điều kiện sau:

### **ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA**

Trừ khi ngữ cảnh trong Hợp đồng này có quy định khác, các từ hoặc cụm từ dưới đây có nghĩa như sau:

- 1.1 “Hợp đồng”** nghĩa là Hợp Đồng Cung Ứng Dịch Vụ Sàn Thương Mại Điện Tử này bao gồm tất cả các Phụ lục, bảng biểu đính kèm (nếu có).
- 1.2 “Sàn Thương Mại Điện Tử”** là Website thương mại điện tử abc.vn cho phép người tham gia được mở gian hàng để kinh doanh trực tuyến (sau đây gọi tắt là Sàn TMĐT hoặc ABC).
- 1.3 “Bên Cung Ứng Dịch vụ”** là chủ sở hữu Sàn TMĐT có quyền cho phép một bên cung ứng dịch vụ trên ABC.
- 1.4 “Bên Sử Dụng Dịch Vụ”** là người tham gia tạo gian hàng trên ABC để kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.
- 1.5 “Khách hàng”** là người mua sản phẩm hoặc sử dụng dịch vụ trên website abc.vn.
- 1.6 “Thông tin Khách hàng”** là thông tin đủ để xác định chính xác danh tính của Khách hàng bao gồm ít nhất một trong những thông tin sau đây: họ tên, ngày sinh, nghề nghiệp, chức danh, địa chỉ liên hệ, địa chỉ thư điện tử, số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số hộ chiếu.
- 1.7 “Trung Tâm Bán Hàng”** là hệ thống mà Bên B xây dựng và cung cấp cho Bên A phục vụ việc kinh doanh trên Sàn TMĐT của Bên B.
- 1.8 “COD”** là phương thức thanh toán bằng tiền mặt khi nhận hàng.
- 1.9 “Phương Thức Kinh Doanh”** là phương thức hợp tác kinh doanh giữa Bên A và Bên B liên quan đến hình thức tồn kho, vận chuyển hàng.
- 1.10 “Khoản thanh toán”** là khoản tiền thanh toán giá trị hàng hóa, dịch vụ mà Bên B phải thanh toán lại cho Bên A cho mỗi đơn hàng Khách hàng đã mua hàng thành công trên ABC.
- 1.11 “Phí Dịch Vụ”** là chi phí mà Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B.

### **ĐIỀU 2. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

- 2.1** Bên B đồng ý cho Bên A được mở gian hàng trên website abc.vn để thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa.

## **2.2 Các Dịch vụ kinh doanh gian hàng trên website abc.vn bao gồm:**

### **2.2.1. Các Dịch Vụ chung bao gồm:**

- Khởi tạo gian hàng trên Sàn TMĐT abc.vn.
- Duy trì gian hàng trên Sàn TMĐT abc.vn.

### **2.2.2. Các Dịch Vụ chuyên biệt khác bao gồm:**

- Dịch vụ lưu trữ hàng hoá trong kho ABC
- Dịch vụ xử lý đơn hàng, đóng gói
- Dịch vụ bọc sách
- Dịch vụ chăm sóc khách hàng
- Dịch vụ giao hàng toàn quốc
- Dịch vụ vận chuyển
- Xuất kho và vận chuyển hàng hoá trả lại cho nhà bán hàng trong trường hợp nhà bán hàng muốn thu hồi hàng hoá khỏi kho ABC
- Dịch vụ marketing
- Dịch vụ trả góp cho khách hàng
- Dịch vụ xử lý hàng đổi/trả
- Dịch vụ thu hộ theo phương thức thanh toán COD hoặc trả trước thông qua cổng thanh toán

Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B các khoản Phí dịch vụ tùy vào phương thức kinh doanh mà Bên A lựa chọn. Bên A không thể phối hợp các phương thức kinh doanh khác nhau hoặc thay đổi một trong số những phương thức thực hiện trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản bởi Bên B.

## **2.3 Phí dịch vụ:**

### **2.3.1. Dịch vụ chung:**

Trong suốt thời hạn hợp đồng có hiệu lực, Bên B sẽ cung cấp miễn phí cho Bên A khoản Phí dịch vụ chung.

### **2.3.2. Dịch vụ chuyên biệt:**

Các khoản Phí dịch vụ chuyên biệt có thể bao gồm hoặc không bao gồm tùy theo Phương thức Kinh doanh mà hai bên ký kết được quy định tại Phụ Lục 01.

### **2.3.3. Thay đổi Phí Dịch Vụ**

Phí Dịch Vụ có thể được điều chỉnh bởi Bên B tại bất kỳ thời điểm nào. Trường hợp thay đổi Phí dịch vụ, Bên B sẽ gửi thông báo cho Bên A trước [•] ngày tính đến ngày thay đổi Phí dịch vụ, trong thời hạn này nếu Bên A không có bất kỳ phản hồi nào đối

với Phí dịch vụ sau khi đã được điều chỉnh thì coi như đã đồng ý với Phí dịch vụ mới.

### **ĐIỀU 3. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**

- 3.1** Thời hạn của Hợp đồng này được bắt đầu và có hiệu lực kể từ ngày được đề cập ở phần đầu của Hợp đồng và có thời hạn [•] [nêu rõ ngày hoặc tháng].
- 3.2** Sau khi kết thúc thời hạn thực hiện công việc theo Hợp đồng này mà công việc chưa hoàn thành và Bên B vẫn tiếp tục thực hiện công việc, Bên A biết nhưng không phản đối thì Hợp đồng này đương nhiên được tiếp tục thực hiện theo nội dung đã thoả thuận cho đến khi công việc được hoàn thành.

### **ĐIỀU 4. THÙ LAO DỊCH VỤ VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN**

- 4.1** Thù lao Dịch vụ (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) là: [•] VND ([•] đồng). Bên A thanh toán đủ Thù lao Dịch vụ cho Bên B theo tiến độ như sau:
- a) **Đợt 1:** Bên A thanh toán cho Bên B số tiền [•] VND trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng.
  - b) **Đợt 2:** Bên A thanh toán cho Bên B số tiền [•] VND trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày [•].
  - c) **Đợt 3:** Bên A thanh toán cho Bên B Thù lao Dịch vụ còn lại (trương đương: [•] VND) trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày [•].
- 4.2** Thù lao Dịch vụ đề cập tại Điều 4.1 trên sẽ không bao gồm Các khoản phí, lệ phí Nhà nước (nếu có); Phí chuyên khoản ngân hàng.
- 4.3** Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B bất kỳ khoản tiền nào thì phải chịu lãi chậm thanh toán là [•] %/năm trên số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong.

### **ĐIỀU 5. THANH TOÁN**

Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản ngân hàng theo thông tin người thụ hưởng như sau:

Chủ tài khoản : [•]

Số tài khoản : [•]

Ngân hàng : [•]

### **ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

Bên A có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 6.1** Bên A được Bên B cung cấp các dịch vụ theo phạm vi dịch vụ được xác định tại Hợp đồng này; được quyền tạm ngừng hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng này nếu Bên B vi phạm Hợp đồng.
- 6.2** Bên A có quyền nhận lại từ Bên B các khoản thanh toán đối với Hàng Hóa/ Dịch vụ theo phương thức được quy định tại [•] của Hợp Đồng này

- 6.3** Bên A có quyền sử dụng các tính năng, tiện ích gắn liền với tài khoản nhà cung cấp trên Trung Tâm Bán Hàng cũng như các dịch vụ do Bên B cung cấp trên Website abc.vn.
- 6.4** Bên A có nghĩa vụ thanh toán Thủ lao Dịch vụ cho Bên B theo đúng quy định tại Hợp đồng này.
- 6.5** Bên A phải tuân thủ chính sách của Sàn TMĐT.
- 6.6** Bên A phải đảm bảo về số lượng, chất lượng, chủng loại, nguồn gốc, tính hợp pháp của hàng hóa bán trên Sàn TMĐT.
- 6.7** Bên A phải đảm bảo có hàng bán trên Sàn TMĐT. Nếu hết hàng, phải lập tức cập nhật trạng thái hết hàng trên sàn TMĐT. Bên A chịu toàn bộ trách nhiệm trong trường hợp các thông tin về tình trạng Hàng hóa/Dịch vụ của Bên A cung cấp không chính xác dẫn đến Khách hàng đã đặt hàng nhưng không còn Hàng Hóa/Dịch Vụ để cung cấp.
- 6.8** Trong quá trình thực hiện Dịch Vụ mà Bên B cần Bên A cung cấp bất kỳ thông tin, dữ liệu hoặc tài liệu nào, Bên A sẽ chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, tính chính xác, tính kịp thời, đầy đủ, trung thực và hiệu lực của các thông tin, dữ liệu hoặc tài liệu này.
- 6.9** Giá bán được niêm yết trên ABC là giá cuối cùng mà Bên A bán cho Khách hàng đã bao gồm nhưng không giới hạn thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng (VAT), vv...mức thuế suất của mỗi loại thuế sẽ theo chính sách tính thuế suất của Bên B và theo quy định pháp luật hiện hành.
- 6.10** Xuất hoá đơn GTGT cho Khách hàng trong vòng [●] ngày kể từ khi Khách hàng đặt hàng. Thông tin xuất hoá đơn được thể hiện ở chi tiết đơn hàng trên Trung tâm bán hàng.
- 6.11** Trường hợp Bên A xuất hoá đơn GTGT trễ cam kết cho Khách hàng, Bên A sẽ bị phạt một khoản phí là [●] /hoá đơn (.....đồng trên một hóa đơn).
- 6.12** Trường hợp Bên A không xuất được hoá đơn GTGT cho Khách hàng, Bên B có quyền chấm dứt kinh doanh đối với sản phẩm của Bên A hoặc chấm dứt kinh doanh với Bên A đồng thời Khách hàng có quyền trả hàng.
- 6.13** Bằng nguyên tắc đạo đức kinh doanh, Bên A không được lợi dụng việc mở Gian hàng trên Sàn TMĐT để thực hiện các hành vi sau:
- Có hành vi lừa dối Khách hàng bằng việc bán hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng; vi phạm sở hữu trí tuệ, quyền của bên thứ ba;
  - Lợi dụng việc bán hàng trên Sàn TMĐT để bán các hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật.
  - Thực hiện các hành vi quảng cáo không đúng sự thật.
  - Tiến hành các hoạt động khuyến mại mà không thông báo, đăng ký về chương trình khuyến mại theo quy định của pháp luật.
  - Tự ý dùng thông tin Khách hàng để bán hàng không thông qua sàn TMĐT abc.vn hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác mà không được sự đồng ý của Khách hàng.

- 6.14** Cung cấp cho người mua những chính sách đổi/trả và bảo hành một cách rõ ràng và hợp lý, cung cấp cho Bên B nội dung các chính sách đổi trả của mình và đảm bảo quyền lợi của Khách hàng và tuân thủ theo chính sách đổi trả của Bên B được ban hành tại từng thời điểm. Việc giải quyết các dịch vụ sau bán hàng và đổi trả, bồi thường cho Khách hàng theo chính sách của Bên B được nêu tại Phụ Lục 03 của Hợp Đồng này.
- 6.15** Chịu trách nhiệm giải quyết và miễn trừ cho Bên B toàn bộ các khiếu nại của Khách hàng liên quan đến Hàng hóa/ Dịch vụ của Bên A.
- 6.16** Miễn trừ trách nhiệm cho Bên B và bồi thường cho Bên B và/ hoặc bất kì bên thứ ba toàn bộ thiệt hại phát sinh do các vấn đề liên quan đến chất lượng Hàng Hóa và/hoặc xuất xứ của Hàng Hóa và/hoặc vi phạm của Bên A do không tuân thủ pháp luật và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Bên B, các quyết định xử phạt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bằng việc đăng ký gian hàng trên ABC, Bên A có nghĩa vụ tuân thủ đầy đủ các Quy chế, Chính Sách và Điều khoản sử dụng Sàn TMĐT được công bố trên website abc.vn.
- 6.17** Đồng ý và tuân thủ bộ Quy Tắc Ứng Xử, Quy chế hoạt động, Điều khoản sử dụng và các Chính sách, Quy định khác đã được Bên B thông báo, niêm yết trên website abc.vn.
- 6.18** Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

Bên B có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 7.1** Được yêu cầu, nhận thanh toán Thù lao Dịch vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng này; được quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng này nếu Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán Thù lao Dịch vụ.
- 7.2** Có quyền yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến Hàng Hóa và được phép sử dụng các thông tin này phục vụ cho việc giới thiệu, bán Hàng Hóa trên Website abc.vn, nghiên cứu/bổ sung các tiện ích, dịch vụ GTGT khác và/hoặc phục vụ các công việc khác của Website abc.vn nhằm tăng cường chất lượng dịch vụ của Website abc.vn.
- 7.3** Có quyền yêu cầu Bên A cung cấp các hình ảnh và thông tin mô tả của Hàng Hóa, phù hợp với yêu cầu/tiêu chuẩn của Bên B và thỏa thuận của hai bên để đăng tải trên Website abc.vn.
- 7.4** Có quyền tạm ngừng cung ứng dịch vụ cho Bên A trong trường hợp hai bên xảy ra tranh chấp.
- 7.5** Các quyền khác theo quyết định của Bên B để đảm bảo duy trì hoạt động của Sàn TMĐT và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.
- 7.6** Đảm bảo quyền được mở gian hàng của Bên A trên website abc.vn. Bên B sẽ cung cấp cho Bên A một tài khoản duy nhất để đăng nhập vào “Trung tâm bán hàng” để quản lý và thực hiện hoạt động kinh doanh.

- 7.7 Bên B cam kết Sàn TMĐT của Bên B được hoạt động hợp pháp và có đầy đủ các giấy phép theo quy định của pháp luật.
- 7.8 Bằng chi phí của mình, Bên B có trách nhiệm xây dựng, vận hành và quản lý hệ thống một cách ổn định để đảm bảo các giao dịch mua bán hàng hóa đối với Gian Hàng của Bên A
- 7.9 Hướng dẫn và cung cấp cho Bên A các tài liệu có nội dung liên quan đến quy trình mở gian hàng và cách thực thực hiện việc mua bán hàng hóa trên website abc.vn.
- 7.10 Bên B có nghĩa vụ thông báo tiến độ thực hiện Dịch Vụ cho Bên A được biết.
- 7.11 Thanh toán cho Bên A đúng thời hạn theo quy định tại [●] của Hợp Đồng này;
- 7.12 Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 8. BẢO MẬT THÔNG TIN**

- 8.1 Mỗi Bên phải giữ bí mật toàn bộ các thông tin, tài liệu, thỏa thuận có được do Bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ nội dung của Hợp đồng này; các email, thư từ, tài liệu, văn bản tư vấn của Bên B; các văn bản do Bên B soạn thảo, cung cấp; các thông tin, dữ liệu, tài liệu do Bên A cung cấp,... (gọi chung là “**Thông Tin Mật**”), ngoại trừ:
- Các thông tin đó là hoặc sẽ trở thành thông tin công khai, mà không do lỗi của bất kỳ Bên nào;
  - Các thông tin đó được cung cấp cho Cơ quan có thẩm quyền;
  - Một Bên nhận được thông tin từ bên thứ ba độc lập mà bên thứ ba này không chịu trách nhiệm đối với bên nào khác;
  - Các thông tin mà một Bên đã có sẵn tại thời điểm mà thông tin đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, được Bên kia cung cấp.
- 8.2 Bên A sau khi nhận được tài khoản được cung cấp bởi Bên B có nghĩa vụ phải bảo mật thông tin tài khoản, không cho bất kỳ bên thứ ba nào khác sử dụng và xâm nhập vào hệ thống của Bên B. Bên A phải chịu mọi thiệt hại, tổn thất xảy ra cho Bên B nếu vi phạm nội dung theo quy định tại Điều này
- 8.3 Thông tin cá nhân của Khách Hàng phải được bảo mật theo quy định của pháp luật, Bên A có trách nhiệm và cam kết sẽ không thu thập thông tin Khách Hàng và/ hoặc tiết lộ thông tin Khách Hàng cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu không có sự đồng ý của Khách Hàng bằng văn bản.
- 8.4 Một Bên không được, khi chưa có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia, sử dụng Thông Tin Mật mà Bên kia yêu cầu giữ bí mật cho bất kỳ mục đích nào khác trừ trường hợp tiết lộ vì mục đích thực hiện Dịch Vụ theo Hợp đồng này hoặc tiết lộ theo yêu cầu của pháp luật hoặc có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý Nhà nước.

## **ĐIỀU 9. SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

### **9.1 Bên A không được:**

- a) Thực hiện bất kỳ sửa đổi nào đối với nhãn hiệu, tên thương mại của Bên B
- b) Sử dụng bất kỳ các nhãn hiệu dưới bất kỳ hình thức nào mà có thể phương hại đến chất lượng hay tính xác thực hay thương hiệu các Sản phẩm của Bên B
- c) Sử dụng trong lãnh thổ bất kỳ các nhãn hiệu hay thương hiệu giống với nhãn hiệu hay thương hiệu của Bên B mà có thể gây ra nhầm lẫn hay gian lận.
- d) Sử dụng bất kỳ nhãn hiệu, tên thương mại, hình ảnh hoặc bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ của Bên thứ ba mà không được sự đồng ý và cho phép bằng văn bản của bên đó.
- e) Không sao chép, lấy cắp công nghệ, bí mật kinh doanh của Bên B

**9.2** Bên A cam kết rằng mình sẽ thông báo bằng văn bản đầy đủ và kịp thời cho Bên B bất kỳ vi phạm thực tế, đe dọa hoặc nghi ngờ vi phạm trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ mà Bên A biết được. Bên A theo yêu cầu và bằng chi phí của mình sẽ thực hiện các việc có thể được yêu cầu hợp lý để giúp Bên B ngăn chặn hay chống lại các thủ tục liên quan đến bất kỳ vi phạm hay khiếu kiện như vậy.

## **ĐIỀU 10. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN**

**10.1** Bất kể quy định tại Điều 3 của Hợp đồng, Hợp đồng này có thể chấm dứt trước hạn nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;
- b) Một Bên vi phạm bất cứ điều khoản nào của Hợp đồng này và Bên còn lại thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng cho Bên vi phạm trước [•] ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng;
- c) Một Bên ở trong tình trạng mất khả năng thanh toán hoặc đang trong quá trình đi đến phá sản (hoặc trong một trình trạng tương tự khác theo quy định của luật pháp Việt Nam) và Bên còn lại thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng cho Bên vi phạm trước [•] ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng; hoặc

**10.2** Trong trường hợp Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn thì Bên A vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên B phần chi phí tương ứng với công việc thực tế hoặc từng giai đoạn dịch vụ mà Bên B đã thực hiện, hoàn trả các chi phí thực tế đã phát sinh không bao gồm trong Thù lao Dịch vụ (xác định theo Điều 4 của Hợp đồng này).

## **ĐIỀU 11. THÔNG BÁO**

**11.4** Bất kỳ thông báo, đồng ý, chấp thuận, hoặc liên hệ, trao đổi thông tin, khiếu nại giữa các Bên về các nội dung, vấn đề liên quan đến Hợp đồng này ("**Thông Báo**") phải thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực khi được chuyển bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm chuyển trực tiếp, gửi qua bưu điện, fax hoặc email hoặc các phương tiện truyền tin khác đến một trong các địa chỉ nhận tin của các Bên như sau:

- a) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên A:

- Địa chỉ:
  - Điện thoại:
  - Fax:
  - Email:
  - Nhân sự liên hệ:
  - Tài khoản zalo/ viber:
- b) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên B:

- Địa chỉ:
- Điện thoại
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

**11.5** Thông báo cũng có thể được gửi trực tiếp, bằng dịch vụ chuyển phát hoặc bằng e-mail, các phương tiện trực tuyến với điều kiện là phải có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng chứng rõ ràng về việc gửi. Các thông báo được gửi trực tiếp, hoặc được gửi bằng bất kỳ phương tiện nào khác được phép sẽ được xem là đã nhận được vào thời điểm gửi.

**11.6** Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận các Thông Báo của mình bằng cách gửi Thông Báo cho Bên kia về việc thay đổi địa chỉ nhận thông báo theo phương thức được quy định tại Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 12. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

**12.1** Sự kiện bất khả kháng là sự kiện khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các sự kiện sau đây, bao gồm nhưng không giới hạn, được xem là các sự kiện bất khả kháng:

- Thiên tai;
- Động đất, hoả hoạn, lũ lụt, dịch bệnh và những thảm hoạ thiên nhiên khác;
- Chiến tranh, phá hoại, nội chiến, khủng bố.

**12.2** Bên bị cản trở việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên kia và không quá [•] ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, nêu rõ sự bắt đầu, ngày bắt đầu, ngày dự tính kết thúc của sự kiện bất khả kháng, nghĩa vụ theo Hợp đồng bị ảnh hưởng.

**12.3** Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng, bên gặp sự kiện bất khả kháng sẽ được hoãn thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng tương với thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng và được miễn trừ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

## **ĐIỀU 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

**13.1** Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

**13.2** Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng này, các

Bên sẽ nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải trên tinh thần hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

## **ĐIỀU 14. CHỐNG TRỤC LỢI**

- 14.1** Trục lợi là hành vi lợi dụng chức vụ, chức danh quản lý, vị trí công tác, lợi dụng thẩm quyền được giao, lợi dụng hoàn cảnh, cơ hội để đem lại lợi ích cho cá nhân/nhóm cá nhân trong quá trình chào giá, đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp đồng này.
- 14.2** Hai Bên cam kết mỗi bên không chi/nhận hoa hồng; không chi/nhận chiết khấu, tiền chênh lệch giá; không bao che, hỗ trợ, thúc đẩy các hành vi trục lợi của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào; không thực hiện bất kỳ hành vi tương tự dưới bất kỳ hình thức nào trước, trong và sau quá trình thực hiện Hợp đồng.
- 14.3** Nếu Bên A phát hiện hành vi trục lợi như trên thì Bên A có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên B và phối hợp với Bên B để xử lý. Trường hợp không có thông báo từ Bên A mà Bên B phát hiện có các hành vi trên thì ngay lập tức, Bên B có quyền chấm dứt hợp tác, chấm dứt Hợp đồng đang có hiệu lực với Bên A mà không phải chịu bất kỳ chế tài nào; Bên A phải có nghĩa vụ bồi thường đối với những thiệt hại mà Bên B phải chịu từ việc chấm dứt Hợp đồng trên. Ngoài ra, Bên A còn phải chịu phạt [●] % tổng giá trị Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 15. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- 15.1** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 15.2** Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với các điều khoản của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được thực hiện bằng văn bản và được Bên A và Bên B cùng ký xác nhận.
- 15.3** Hợp đồng này hình thành toàn bộ thỏa thuận giữa Bên B và Bên A, và thay thế tất cả các đàm phán, tuyên bố hoặc thỏa thuận trước đây giữa các Bên, bằng hình thức trao đổi miệng hoặc bằng văn bản, liên quan đến nội dung của Hợp đồng.
- 15.4** Hợp đồng này được lập thành [●] bản gốc bằng [●], mỗi Bên giữ [●] bản có giá trị pháp lý như nhau.

*Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp đồng này.*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

---

## MẪU 13. HỢP ĐỒNG GIA CÔNG

---

### **GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:**

1. Hợp đồng gia công là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên nhận gia công thực hiện công việc để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu của bên đặt gia công, bên đặt gia công nhận sản phẩm và trả tiền công. (*Điều 542 Bộ luật Dân sự năm 2015*).
2. Một số quy định của pháp luật về hợp đồng dịch vụ cần tham khảo khi soạn thảo hợp đồng dịch vụ: Điều 178 đến Điều 184 Luật Thương mại năm 2005, Điều 542 đến Điều 553 Bộ luật Dân sự năm 2015.
3. Ký hiệu [•] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
4. Mẫu Hợp đồng kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các Bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG GIA CÔNG**

Số: ..../HDGC

Hợp Đồng Gia Công này (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") được lập và ký ngày [...] giữa các Bên:

**BÊN A (BÊN ĐẶT HÀNG):**

**CÔNG TY [•]**

Mã số thuế : [•]  
Địa chỉ trụ sở chính : [•]  
Đại diện bởi : [•]  
Chức danh : [•] - Người đại diện theo pháp luật.

[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]

**VÀ**

**BÊN B (BÊN SẢN XUẤT GIA CÔNG):**

**CÔNG TY [•]**

Mã số thuế : [•]  
Địa chỉ trụ sở chính : [•]  
Đại diện bởi : [•]  
Chức danh : [•] - Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:]

**ÔNG / BÀ** : [•]  
Ngày sinh : [•]  
CCCD / CMND : [•]  
Ngày cấp : [•]  
Địa chỉ: : [•]  
Điện thoại, email : [•]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là "**Bên**", gọi chung là "**các Bên**".

## **XÉT RÀNG:**

- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên A];
- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên B];

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết **Hợp Đồng Gia Công** này theo các điều khoản và điều kiện sau:

### **ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG**

Bên A thuê bên B gia công:

- Tên sản phẩm: [•]
- Số lượng: [•]
- Chất lượng: [•]
- Tiêu chuẩn kỹ thuật: [•]

(Đối tượng của Hợp đồng gia công là vật được xác định trước theo mẫu, theo tiêu chuẩn mà các bên thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định).

### **ĐIỀU 2. NGUYÊN VẬT LIỆU**

Bên A có trách nhiệm cung ứng nguyên vật liệu chính gồm:

- Tên từng loại [•] Số lượng [•] Chất lượng [•]
- Thời gian giao [•] Tại địa điểm [•]
- Trách nhiệm bảo quản: Bên B chịu mọi trách nhiệm về số lượng, chất lượng các nguyên liệu do bên A cung ứng và phải sử dụng đúng loại nguyên liệu đã giao vào sản xuất sản phẩm.

Bên B có trách nhiệm cung ứng các phụ liệu để sản xuất:

- Tên từng loại [•] Số lượng [•] Đơn giá (hoặc Quy định chất lượng theo hàm lượng, theo tiêu chuẩn)
- Bên A cung ứng tiền trước để mua phụ liệu trên. Tổng chi phí là: [•]

(Bên A và bên B thỏa thuận các nội dung về cung cấp nguyên vật liệu và ghi cụ thể vào trong hợp đồng này).

### **ĐIỀU 3. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**

Thời Hạn của Hợp đồng này được bắt đầu và có hiệu lực kể từ ngày được đề cập ở phần đầu của Hợp đồng và có thời hạn [•] [nêu rõ ngày hoặc tháng].

Sau khi kết thúc thời hạn thực hiện công việc theo Hợp đồng này mà công việc chưa hoàn thành và Bên B vẫn tiếp tục thực hiện công việc, Bên A biết nhưng không phản đối thì Hợp đồng này đương nhiên được tiếp tục thực hiện theo nội dung đã thoả thuận cho đến khi công việc được hoàn thành.

### **ĐIỀU 4. ĐƠN GIÁ GIA CÔNG, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

Đơn giá gia công là: [•] đồng/ sản phẩm (Bằng chữ: [•]).

Tổng cộng tiền công gia công sản phẩm là: [•] đồng (Bằng chữ: [•])

Phương thức thanh toán: [•]

Thanh toán đợt [•] hoạt toàn bộ tại thời điểm nhận sản phẩm là [•] đồng (Bằng chữ: [•])

(Bên A và bên B thoả thuận các nội dung dung cụ thể và ghi vào trong hợp đồng này).

### **ĐIỀU 5. HÌNH THỨC THANH TOÁN**

Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản ngân hàng theo thông tin người thụ hưởng như sau:

*Chủ tài khoản* : [•]

*Số tài khoản* : [•]

*Ngân hàng* : [•]

### **ĐIỀU 6. THỜI HẠN, ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

Bên B bắt đầu sản xuất từ ngày: [•]

Trong quá trình sản xuất bên A có quyền kiểm tra và yêu cầu bên B sản xuất theo đúng mẫu sản phẩm đã thoả thuận bắt đầu từ ngày đưa nguyên liệu vào sản xuất (nếu cần).

Thời gian giao nhận sản phẩm: [•]

Nếu giao theo đợt thì:

a) Đợt 1: Ngày [•] địa điểm [•]

b) Đợt 2: Ngày [•] địa điểm [•]

c) Đợt 3: Ngày [•] địa điểm [•]

Nếu bên A không nhận đúng thời gian sẽ bị phạt lưu kho là [•]

Nếu bên B không giao hàng đúng thời gian địa điểm sẽ phải bồi thường các chi phí [•]

## **ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

Bên A có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Nhận lại toàn bộ sản phẩm gia công, máy móc, thiết bị cho thuê hoặc cho mượn, nguyên, phụ liệu, vật tư, phế liệu, vật tư dư thừa, phế phẩm, phế liệu theo đúng số lượng, chất lượng, phương thức, thời hạn và địa điểm đã thoả thuận; được quyền tạm ngừng hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng này nếu Bên B vi phạm Hợp đồng.
- b) Bên A có quyền yêu cầu Bên B thực hiện các công việc theo phạm vi dịch vụ đã thoả thuận theo Hợp đồng này. Trường hợp Bên A có các yêu cầu tư vấn, trao đổi về Dịch Vụ, Bên A sẽ liên hệ với Bên B và nhân sự trực tiếp phụ trách vụ việc trong giờ làm việc của Bên B theo hình thức liên hệ phù hợp (điện thoại, email hoặc/và các phương thức liên lạc khác).
- c) Cử người đại diện để kiểm tra, giám sát việc gia công tại nơi nhận gia công, cử chuyên gia để hướng dẫn kỹ thuật sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm gia công theo thoả thuận trong hợp đồng gia công.
- d) Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại khi bên B vi phạm hợp đồng nghiêm trọng;
- e) Trong trường hợp sản phẩm không bảo đảm chất lượng mà bên A đồng ý nhận sản phẩm và yêu cầu sửa chữa nhưng bên B không thể sửa chữa được trong thời hạn đã thoả thuận thì bên A có quyền hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.
- f) Cung cấp nguyên vật liệu theo đúng số lượng, chất lượng, thời hạn và địa điểm cho bên B, trừ trường hợp có thoả thuận khác; cung cấp các giấy tờ cần thiết liên quan đến việc gia công.
- g) Chỉ dẫn cho bên B thực hiện hợp đồng.
- h) Chịu trách nhiệm đối với tính hợp pháp về quyền sở hữu trí tuệ của hàng hoá gia công, nguyên liệu, vật liệu, máy móc, thiết bị dùng để gia công chuyên cho bên B.
- i) Trả tiền công theo đúng thoả thuận.
- j) Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

Bên B có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Yêu cầu bên A giao nguyên vật liệu đúng chất lượng, số lượng, thời hạn và địa điểm đã thoả thuận.
- b) Từ chối sự chỉ dẫn không hợp lý của bên A, nếu thấy chỉ dẫn đó có thể làm giảm chất lượng sản phẩm, nhưng phải báo ngay cho bên A.
- c) Yêu cầu bên A trả đủ tiền công theo đúng thời hạn và phương thức đã thoả thuận.
- d) Bên B có nghĩa vụ bảo quản nguyên vật liệu do bên A cung cấp.

- e) Bên B có nghĩa vụ cung ứng một phần hoặc toàn bộ nguyên liệu, vật liệu để gia công theo thỏa thuận với bên A về số lượng, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật và giá.
- f) Báo cho bên A biết để đổi nguyên vật liệu khác, nếu nguyên vật liệu không bảo đảm chất lượng; từ chối thực hiện gia công, nếu việc sử dụng nguyên vật liệu có thể tạo ra sản phẩm nguy hại cho xã hội; trường hợp không báo hoặc không từ chối thì phải chịu trách nhiệm về sản phẩm tạo ra;
- g) Giao sản phẩm cho bên A đúng số lượng, chất lượng, phương thức, thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận;
- h) Giữ bí mật các thông tin về quy trình gia công và sản phẩm tạo ra;
- i) Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, trừ trường hợp sản phẩm không bảo đảm chất lượng do nguyên vật liệu mà bên A cung cấp hoặc do sự chỉ dẫn không hợp lý của bên A.
- j) Hoàn trả nguyên vật liệu còn lại cho bên A sau khi hoàn thành hợp đồng.
- k) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hoạt động gia công hàng hoá trong trường hợp hàng hoá gia công thuộc diện cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu.
- l) Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 9. BẢO MẬT THÔNG TIN**

Mỗi Bên phải giữ bí mật toàn bộ các thông tin, tài liệu, thỏa thuận có được do Bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ nội dung của Hợp đồng này; các email, thư từ, tài liệu, văn bản tư vấn của Bên B; các văn bản do Bên B soạn thảo, cung cấp; các thông tin, dữ liệu, tài liệu do Bên A cung cấp,... (gọi chung là “**Thông Tin Mật**”), ngoại trừ:

- a) Các thông tin đó là hoặc sẽ trở thành thông tin công khai, mà không do lỗi của bất kỳ Bên nào;
- b) Các thông tin đó được cung cấp cho Cơ quan có thẩm quyền;
- c) Một Bên nhận được thông tin từ bên thứ ba độc lập mà bên thứ ba này không chịu trách nhiệm đối với bên nào khác;
- d) Các thông tin mà một Bên đã có sẵn tại thời điểm mà thông tin đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, được Bên kia cung cấp.

Một Bên không được, khi chưa có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia, sử dụng Thông Tin Mật mà Bên kia yêu cầu giữ bí mật cho bất kỳ mục đích nào khác trừ trường hợp tiết lộ vì mục đích thực hiện Dịch Vụ theo Hợp đồng này hoặc tiết lộ theo yêu cầu của pháp luật hoặc có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý Nhà nước.

## **ĐIỀU 10. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

- a) Bên nào vi phạm Hợp đồng phải chịu các chế tài theo quy định của Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Đồng thời, bồi thường thiệt hại cho Bên kia theo đúng quy định của pháp luật.

- b) Vi phạm về chất lượng: (làm lại, giảm giá, sửa chữa, bồi thường nguyên vật liệu v.v...).
- c) Vi phạm số lượng: Nguyên vật liệu hư hỏng phải bồi thường nguyên vật liệu theo giá hiện thời [●].
- d) Ký hợp đồng mà không thực hiện: Bị phạt tới [●]% giá trị hợp đồng.
- e) Vi phạm nghĩa vụ thanh toán: Bồi thường theo tỉ lệ lãi suất ngân hàng v.v.....
- f) Bồi thường thiệt hại: Bên vi phạm nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật cho bên bị vi phạm (nếu có).
- g) Phạt vi phạm hợp đồng: Bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền bằng ... % giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm cho bên bị vi phạm.

## **ĐIỀU 11. CHI PHÍ KHÁC**

Chi phí vận chuyển nguyên vật liệu là [●] đồng, do bên [●] chịu trách nhiệm thanh toán.

Chi phí mua bảo hiểm hàng hoá là [●] đồng, do bên [●] chịu trách nhiệm thanh toán.

Chi phí [●] là [●] đồng, do bên [●] chịu trách nhiệm thanh toán.

(Bên A và bên A tự thoả thuận về nội dung các khoản chi phí khác và ghi cụ thể vào trong hợp đồng này).

## **ĐIỀU 12. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN**

Bất kể quy định tại Điều 3 của Hợp đồng, Hợp đồng này có thể chấm dứt trước hạn nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Các Bên thoả thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;
- b) Một Bên vi phạm bất cứ điều khoản nào của Hợp đồng này và Bên còn lại thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng cho Bên vi phạm trước [●] ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng; hoặc
- c) Một Bên ở trong tình trạng mất khả năng thanh toán hoặc đang trong quá trình đi đến phá sản (hoặc trong một tình trạng tương tự khác theo quy định của luật pháp Việt Nam) và Bên còn lại thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng cho Bên vi phạm trước [●] ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng.

Trong trường hợp Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn thì Bên A vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên B phần chi phí tương ứng với công việc thực tế hoặc từng giai đoạn dịch vụ mà Bên B đã thực hiện, hoàn trả các chi phí thực tế đã phát sinh không bao gồm trong Thủ lao Dịch vụ (xác định theo Điều 4 của Hợp đồng này).

## **ĐIỀU 13. THÔNG BÁO**

Bất kỳ thông báo, đồng ý, chấp thuận, hoặc liên hệ, trao đổi thông tin, khiếu nại giữa các Bên về các nội dung, vấn đề liên quan đến Hợp đồng này ("**Thông Báo**") phải thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực khi được chuyển bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm chuyển trực tiếp, gửi qua bưu điện, fax hoặc email hoặc các phương tiện truyền tin khác đến một trong các địa chỉ nhận tin của các Bên như sau:

a) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên A:

- Địa chỉ: [•]
- Điện thoại:[•]
- Fax: [•]
- Email: [•]
- Nhân sự liên hệ: [•]
- Tài khoản zalo/ viber: [•]

b) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên B:

- Địa chỉ: [•]
- Điện thoại[•]
- Fax: [•]
- Email: [•]
- Nhân sự liên hệ: [•]
- Tài khoản zalo/ viber: [•]

Thông báo cũng có thể được gửi trực tiếp, bằng dịch vụ chuyển phát hoặc bằng e-mail, các phương tiện trực tuyến với điều kiện là phải có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng chứng rõ ràng về việc gửi. Các thông báo được gửi trực tiếp, hoặc được gửi bằng bất kỳ phương tiện nào khác được phép sẽ được xem là đã nhận được vào thời điểm gửi.

Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận các Thông Báo của mình bằng cách gửi Thông Báo cho Bên kia về việc thay đổi địa chỉ nhận thông báo theo phương thức được quy định tại Hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 14. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các sự kiện sau đây, bao gồm nhưng không giới hạn, được xem là các sự kiện bất khả kháng:

- Thiên tai;
- Động đất, hoả hoạn, lũ lụt, dịch bệnh và những thảm hoạ thiên nhiên khác;
- Chiến tranh, phá hoại, nội chiến, khủng bố;
- Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Bên B;

- Thay đổi chính sách pháp luật của nhà nước.

Bên bị cản trở việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên kia và không quá [•] ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, nêu rõ sự bắt đầu, ngày bắt đầu, ngày dự tính kết thúc của sự kiện bất khả kháng, nghĩa vụ theo Hợp đồng bị ảnh hưởng.

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên gặp sự kiện bất khả kháng sẽ được hoãn thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng tương với thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng và được miễn trừ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng từ sự kiện bất khả kháng gây ra.

## **ĐIỀU 15. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng này, các Bên sẽ nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải trên tinh thần hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

## **ĐIỀU 16. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với các điều khoản của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được thực hiện bằng văn bản và được Bên A và Bên B cùng ký xác nhận.

Hợp đồng này hình thành toàn bộ thỏa thuận giữa Bên B và Bên A, và thay thế tất cả các đàm phán, tuyên bố hoặc thỏa thuận trước đây giữa các Bên, bằng hình thức trao đổi miệng hoặc bằng văn bản, liên quan đến nội dung của Hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành [•] bản gốc bằng [•] mỗi Bên giữ [•] bản có giá trị pháp lý như nhau.

*Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp đồng này.*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Đóng dấu)*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Đóng dấu)*

---

## MẪU 14. HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUA MẠNG

---

### *GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:*

1. Hợp đồng mua bán hàng hóa qua mạng là hợp đồng thương mại điện tử, được xác lập và thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu, phản ánh thỏa thuận giữa các bên về việc mua bán hàng hóa và trên không gian mạng. Hợp đồng này có giá trị pháp lý tương đương với hợp đồng mua bán truyền thống, trong đó bên bán cam kết chuyển quyền sở hữu hàng hóa, còn bên mua cam kết thanh toán.
2. Một số quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa qua mạng có thể tham khảo: Điều 34 đến Điều 62 Luật Thương mại năm 2005, Điều 34 đến Điều 38 Luật Giao dịch điện tử năm 2023.
3. Ký hiệu [•] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
4. Mẫu Hợp đồng kèm theo chỉ có giá trị tham khảo, dùng trong giao dịch mua bán hàng hóa trong nước; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUA MẠNG

Số: [•]

Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa Qua Mạng này (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") được lập và ký ngày [•] giữa các Bên:

**BÊN A (BÊN MUA)** :

**CÔNG TY [•]**

Mã số thuế : [•]

Địa chỉ trụ sở chính : [•]

Đại diện bởi : [•]

Chức danh : [•] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]

**VÀ**

**BÊN B (BÊN BÁN)** :

**CÔNG TY [•]**

Mã số thuế : [•]

Địa chỉ trụ sở chính : [•]

Đại diện bởi : [•]

Chức danh : [•] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:]

**ÔNG / BÀ** : [•]

Ngày sinh : [•]

CCCD / CMND : [•]

Ngày cấp : [•]

Địa chỉ: : [•]

Điện thoại, email : [•]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là "**Bên**", gọi chung là "**các Bên**".

**XÉT RẰNG:**

- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên A];

- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên B];

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa này theo các điều khoản và điều kiện sau:

## **ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

- 1.1** “Hàng hóa” là các sản phẩm được đăng tải trên website của Bên B.
- 1.2** “Giá hàng hóa” là đơn giá hàng được niêm yết trên website của Bên B tại thời điểm Bên A gửi Đơn đặt hàng.
- 1.3** “Tổng giá trị hàng hóa” là tổng số tiền mà Bên A phải trả cho Bên B theo chứng từ xác nhận của Bên B.
- 1.4** “Mã hàng hóa” được hiểu là mã số được mã hóa cho từng sản phẩm hàng hóa được đăng trên website của Bên B.
- 1.5** “Đơn đặt hàng” được hiểu là mẫu Đơn đặt hàng do Bên B cung cấp. Đơn đặt hàng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.
- 1.6** “Trang điện tử” được hiểu là website [●].
- 1.7** “Hợp đồng” được hiểu là Hợp đồng mua bán hàng qua mạng Internet.
- 1.8** “Ngày hiệu lực của Hợp đồng” là ngày Bên B gửi cho Bên A xác nhận về việc đã nhận được đơn đặt hàng của Bên A.
- 1.9** “Ngày” được hiểu là ngày bao gồm cả ngày thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 1.10** “Ngày làm việc” được hiểu là ngày không bao gồm ngày thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 1.11** “Đơn vị vận chuyển” được hiểu là tổ chức có chức năng vận chuyển hàng hóa hoặc cá nhân được Bên B yêu cầu vận chuyển hàng hóa.
- 1.12** “Địa chỉ thư điện tử của Bên B” là [●]
- 1.13** “Địa chỉ thư điện tử của Bên A” được Bên A cung cấp trong Đơn đặt hàng.

## **ĐIỀU 2. HÀNG HÓA**

- 2.1** Bên B đồng ý bán và Bên A đồng ý mua các sản phẩm ở trạng thái “còn hàng” được đăng tải trên website của Bên B và theo các điều kiện quy định ở Hợp đồng này.
- 2.2** Chi tiết về hàng hóa, số lượng, đơn giá, giao hàng, phương thức thanh toán và các điều khoản khác (nếu có) được thể hiện trong Đơn đặt hàng.
- 2.3** Bên A có thể mua hàng hóa để sử dụng hoặc bán hàng hóa đó cho người khác, nhưng Bên A phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc hoàn tất các thủ tục bán hàng hóa sao cho các thủ tục này là hợp pháp.

## **ĐIỀU 3. QUY TRÌNH MUA BÁN HÀNG HÓA**

- 3.1 Bên A tìm hiểu thông tin về đặc tính và các điều kiện khác của hàng hóa, nơi sản xuất hàng hóa, giá hàng hóa và điều kiện mua bán (Hợp đồng) được đăng tải trên website của Bên B.
- 3.2 Trong trường hợp cần mua hàng hóa, Bên A phải điền đầy đủ và chính xác các nội dung trong Đơn đặt hàng (theo mẫu được đăng tải trên website của Bên B) và chấp nhận một cách vô điều kiện các nội dung trong Hợp đồng này.
- 3.3 Sự đồng ý của Bên B được thể hiện bằng chứng từ xác nhận của Bên B được gửi cho Bên A theo địa chỉ thư điện tử của Bên A được ghi trong Đơn đặt hàng. Nội dung của chứng từ xác nhận bao gồm: Hàng hóa, tổng giá trị hàng hóa, thời hạn giao hàng.
- 3.4 Bên B chuyển hàng cho Bên A thông qua đơn vị vận chuyển hoặc bưu điện theo thời hạn quy định sau khi nhận đầy đủ số tiền thể hiện trên chứng từ xác nhận của Bên B.

#### **ĐIỀU 4. GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

- 4.1 Đơn giá được niêm yết tại website của Bên B đã bao gồm Thuế giá trị gia tăng nhưng chưa bao gồm phí vận chuyển. Giá mua được áp dụng cho Bên A là giá được niêm yết tại thời điểm Bên A gửi Đơn đặt hàng cho Bên B.
- 4.2 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng theo thông tin tài khoản sau đây: [•].
- 4.3 Thời hạn thanh toán: Thanh toán [•] đợt hoạt toàn bộ tại thời điểm nhận sản phẩm là [•]. đồng (Bằng chữ: [•].)

(Bên A và bên B thoả thuận các nội dung dung cụ thể và ghi vào trong hợp đồng này).

#### **ĐIỀU 5. CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT**

- 5.1 Các loại hàng hóa do Bên B cung cấp cho Bên A đảm bảo tính hợp pháp, đúng điều kiện tiêu chuẩn, nguồn gốc, thông số kỹ thuật và chất lượng như các Bên đã thỏa thuận.
- 5.2 Bên B phải giao hàng có chất lượng tương đương với chất lượng hàng đã nghiệm thu sơ bộ và được Bên A chấp nhận trước khi giao hàng.
- 5.3 Bên B xuất hàng kèm theo đầy đủ các hồ sơ chứng từ, chứng chỉ xuất kho, xuất xưởng, chứng nhận chất lượng,...theo yêu cầu của Bên A (nếu có).

#### **ĐIỀU 6. GIAO, NHẬN HÀNG HÓA VÀ CÁC TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ KÈM THEO**

- 6.1 Bên B có nghĩa vụ giao hàng cho đơn vị vận chuyển để chuyển cho Bên A trong thời hạn ghi trong giấy xác nhận mà Bên B gửi cho Bên A sau khi nhận được đơn đặt hàng. Khi hàng hóa đã được chuyển cho đơn vị vận chuyển thì Bên B phải thông báo bằng thư điện tử hoặc gọi điện cho Bên A về việc hàng hóa đã được chuyển. Nếu hết thời hạn giao hàng mà Bên A không nhận được hàng thì Bên A phải thông báo cho Bên B trong thời hạn [•] ngày, kể từ ngày hết thời hạn giao hàng. Quá thời hạn này mà Bên A không thông báo thì bên B hoàn toàn không chịu trách nhiệm về việc đó.
- 6.2 Địa điểm giao nhận hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo đối với từng lô hàng được quy định chi tiết trong Đơn đặt hàng. Hai bên thống nhất rằng, hàng hóa có thể

được giao một lần hoặc nhiều lần tùy thuộc vào số lượng hàng hóa và thỏa thuận của hai bên đối với từng lô hàng cụ thể.

- 6.3 Trong trường hợp có thay đổi về người nhận hàng thì Bên A phải thông báo cho Bên B trước thời điểm Bên mua chuyển hàng cho đơn vị vận chuyển. Nếu có sự thay đổi về địa chỉ nhận hàng của Người nhận hàng, sau khi hàng hóa đã được đơn vị vận chuyển chuyên đi, thì Bên A phải chịu phí vận chuyển mới cho việc vận chuyển hàng hóa đến địa chỉ mới.
- 6.4 Bên A phải nhận hàng theo đúng thời hạn ghi trong Giấy xác nhận mà Bên B gửi cho Bên A. Trong thời hạn [●] ngày, kể từ ngày đơn vị vận chuyển đã thực hiện việc giao hàng mà Bên A chưa nhận hàng thì Bên A phải tự liên hệ với đơn vị vận chuyển để nhận hàng. Nếu quá thời hạn nêu trên mà Bên A không nhận hàng thì được coi như Bên A vứt bỏ và Bên B có quyền tự định đoạt đối với hàng hóa đó.
- 6.5 Phương thức giao hàng: Khi tiến hành nhận hàng, Bên A phải kiểm tra phẩm chất, quy cách, số lượng hàng hóa tại chỗ, nếu phát hiện hàng thiếu hoặc hỏng, vỡ không đúng tiêu chuẩn chất lượng, không phù hợp với Hợp đồng thì phải lập biên bản tại chỗ yêu cầu Bên B hoặc bên vận chuyển, giao hàng xác nhận. Nếu không phát hiện lỗi, hỏng, thiếu hoặc không đúng quy cách chất lượng từ hàng hóa thì bên A phải kết hợp với Bên B ký vào biên bản bàn giao hàng hóa để tiện cho các thủ tục thanh lý Hợp đồng về sau.

## **ĐIỀU 7. THỜI ĐIỂM CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU VÀ RỦI RO ĐỐI VỚI HÀNG HÓA**

- 7.1 Quyền sở hữu đối với hàng hóa, cũng như rủi ro mất hàng được chuyển từ Bên B sang Bên A kể từ thời điểm Bên B chuyển hàng cho đơn vị vận chuyển.
- 7.2 Bên A có quyền trả lại hàng hóa trong trường hợp hàng hóa không đúng chủng loại và không phù hợp đối với hàng hóa theo đơn đặt hàng. Đối với hàng hóa bị lỗi ở bên ngoài, Bên A có quyền yêu cầu đổi hàng hóa. Việc đổi, trả lại hàng hóa chỉ được thực hiện trong thời hạn [●] ngày, kể từ ngày Bên A nhận được hàng hóa. Nếu quá thời hạn này Bên B hoàn toàn không chịu trách nhiệm về việc đổi, trả lại hàng hóa. Ngày đổi hàng được tính từ ngày có dấu bưu điện hoặc từ ngày Bên A nhận hàng, nếu hàng được giao trực tiếp cho Bên A. Trong trường hợp trả lại hàng thì Bên A phải hoàn trả lại hóa đơn bán đã xuất cho Bên A đối với phần hàng hóa trả lại. Nếu Bên A không xuất trình được hóa đơn thì sẽ không được hoàn lại giá trị phần thuế được ghi trong hóa đơn đó.
- 7.3 Toàn bộ chi phí vận chuyển liên quan đến việc đổi, trả lại hàng hóa do bên có lỗi chịu trách nhiệm chi trả.

## **ĐIỀU 8. BẢO HÀNH**

- 8.1 Bên A thực hiện bảo hành đối với các hàng hóa có bảo hành theo tiêu chuẩn bảo hành của nhà cung cấp/nhà sản xuất về bảo hành hàng hóa. Bên B cung cấp bảo hành đối với các hàng hóa do Bên B bán ra.
- 8.2 Bên B đảm bảo hàng hóa cung cấp là hàng mới 100%, chất lượng tốt và các chỉ tiêu kỹ thuật phù hợp với yêu cầu kỹ thuật được mô tả trong Hợp đồng. Mọi lý do sử dụng không đúng với bản hướng dẫn sử dụng thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm bảo hành.

- 8.3** Thời hạn bảo hành là [•] tháng kể từ ngày Bên B giao hàng cho Bên A.
- 8.4** Trong thời gian bảo hành, nếu có bất kỳ một phần hoặc toàn bộ hàng hóa bị hỏng hóc hoặc không phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật như trong Hợp đồng, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trong thời hạn [•] giờ kể từ thời điểm phát sinh sự cố cần bảo hành.

Sau khi nhận được Thông báo của Bên A, Bên B tiến hành xem xét lỗi, nếu lỗi được xác định là do vật liệu và kỹ thuật sản xuất của Bên B không đạt chất lượng như quy định trong Hợp đồng thì Bên B sẽ chịu mọi chi phí sửa chữa và khắc phục, nếu không thể sửa chữa được thì Bên B thay thế bằng sản phẩm mới cho Bên A. Bên B không chịu trách nhiệm bảo hành nếu lỗi được xác định không phải là do vật liệu và kỹ thuật sản xuất của Bên B. Đồng thời, Bên B sẽ không chịu trách nhiệm nào đối với công việc sửa chữa do Bên A và Bên thứ ba thực hiện.

## **ĐIỀU 9. KHIẾU NẠI**

- 9.1** Thời hạn khiếu nại về số lượng, chất lượng hàng hóa là [•] tháng kể từ ngày giao hàng.
- 9.2** Bên B được miễn trừ trách nhiệm về số lượng, chất lượng hàng hóa nếu Bên A không khiếu nại trong thời hạn nêu trên.

## **ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

### **10.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên mua (Bên A)**

- a. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B.
- b. Bố trí thời gian và địa điểm nhận hàng theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.
- c. Kiểm tra chất lượng, số lượng, quy cách hàng hóa khi nhận hàng và xác nhận hàng theo Biên bản bàn giao.
- d. Sử dụng hàng hóa theo đúng hướng dẫn kỹ thuật mà Bên B cung cấp.
- e. Bên A phải giữ bí mật thông tin về tài khoản và mật khẩu tài khoản của mình.
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định pháp luật.

### **10.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên bán (Bên B)**

- a. Cung cấp kịp thời, đầy đủ số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa theo Hợp đồng này. Nếu hàng hóa không phù hợp với Hợp đồng, Bên A có quyền trả hàng và Bên B phải hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng cho Bên A (nếu có).
- b. Bên B phải hướng dẫn cho Bên A cách thức đăng ký là người sử dụng website và lập Đơn đặt hàng.
- c. Cung cấp các chứng từ cần thiết liên quan đến hàng hóa do Bên A yêu cầu khi giao nhận hàng (nếu có).
- d. Xuất hóa đơn cho Bên A sau khi hai bên hoàn thành việc giao hàng.

- e. Bên bán phải cung cấp bảo hành đối với hàng hóa theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng này.
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định pháp luật.

## **ĐIỀU 11. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

Bên nào vi phạm Hợp đồng này thì phải chịu phạt vi phạm là [●] % giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm và phải bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm theo quy định pháp luật.

## **ĐIỀU 12. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

**12.1** Sự kiện bất khả kháng là sự kiện khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các sự kiện sau đây, bao gồm nhưng không giới hạn, được xem là các sự kiện bất khả kháng:

- Thiên tai;
- Động đất, hoả hoạn, lũ lụt, dịch bệnh và những thảm hoạ thiên nhiên khác;
- Chiến tranh, phá hoại, nội chiến, khủng bố.

**12.2** Bên bị cản trở việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên kia và không quá [●] ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, nêu rõ sự bắt đầu, ngày bắt đầu, ngày dự tính kết thúc của sự kiện bất khả kháng, nghĩa vụ theo Hợp đồng bị ảnh hưởng.

**12.3** Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng được hai Bên công nhận là đúng, Bên gặp sự kiện bất khả kháng sẽ được hoãn thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng tương với thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng và được miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng từ sự kiện bất khả kháng gây ra.

## **ĐIỀU 13. TẠM NGỪNG HOẶC ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT, CHẤM DỨT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

**13.1** Mỗi bên được quyền tạm ngừng thực hiện Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trước thời hạn khi xảy ra một trong các trường hợp sau :

- a) Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;
- b) Một Bên vi phạm bất cứ điều khoản nào của Hợp đồng này và Bên còn lại thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng cho Bên vi phạm trước [●] ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng; hoặc
- c) Một Bên ở trong tình trạng mất khả năng thanh toán hoặc đang trong quá trình đi đến phá sản (hoặc trong một tình trạng tương tự khác theo quy định của luật pháp Việt Nam) và Bên còn lại thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng cho Bên vi phạm trước [●] ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng.

**13.3** (Bên A, Bên B thỏa thuận về giải quyết hậu quả pháp lý khi tạm ngừng hoặc chấm dứt Hợp đồng.)

## **ĐIỀU 14. SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG**

Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và được đại diện hợp pháp của hai bên ký. Văn bản sửa đổi, bổ sung là phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 15. THÔNG BÁO**

**15.1** Bất kỳ thông báo, đồng ý, chấp thuận, hoặc liên hệ, trao đổi thông tin, khiếu nại giữa các Bên về các nội dung, vấn đề liên quan đến Hợp đồng này (“Thông Báo”) phải thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực khi được chuyển bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm chuyển trực tiếp, gửi qua bưu điện, fax hoặc email hoặc các phương tiện truyền tin khác đến một trong các địa chỉ nhận tin của các Bên như sau:

a) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên A:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

b) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên B:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

**15.2** Thông báo cũng có thể được gửi trực tiếp, bằng dịch vụ chuyển phát hoặc bằng email, các phương tiện trực tuyến với điều kiện là phải có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng chứng rõ ràng về việc gửi. Các thông báo được gửi trực tiếp, hoặc được gửi bằng bất kỳ phương tiện nào khác được phép sẽ được xem là đã nhận được vào thời điểm gửi.

**15.3** Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận các Thông Báo của mình bằng cách gửi Thông Báo cho Bên kia về việc thay đổi địa chỉ nhận thông báo theo phương thức được quy định tại Hợp Đồng này.

## **ĐIỀU 16. BẢO MẬT**

- 16.1** Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận các Thông Báo của mình bằng cách gửi Thông Báo cho Bên kia về việc thay đổi địa chỉ nhận thông báo theo phương thức được quy định tại Hợp Đồng này.
- 16.2** Một Bên đảm bảo, thừa nhận và cam kết với Bên kia rằng: Tất cả các Thông Tin Mật sẽ được sử dụng duy nhất cho mục đích của Hợp đồng này; được bảo mật tuyệt đối; không được sao chép trừ trường hợp thật sự cần thiết trong phạm vi được ủy quyền; và được hoàn trả và/hoặc hủy bỏ sau khi chấm dứt Hợp đồng.
- 16.3** Nghĩa vụ bảo mật thông tin nêu tại Điều này không được áp dụng cho bất kỳ thông tin nào: (i) đã được phổ biến ra công chúng (trừ trường hợp thông tin bị tiết lộ là hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin quy định tại Hợp đồng này); hoặc (ii) đã được thể hiện trong các báo cáo có trước ngày Hợp đồng này có hiệu lực; hoặc (iii) được tiết lộ một cách độc lập từ một Bên thứ ba có quyền được tiết lộ những thông tin này; hoặc (iv) buộc phải tiết lộ theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc theo yêu cầu của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền.
- 16.4** Nếu một Bên vi phạm quy định về bảo mật thông tin và không khắc phục trong thời hạn [•] ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên bị vi phạm, hoặc vi phạm lần [•] thì Bên bị vi phạm có quyền chấm dứt Hợp đồng này, sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm.

## **ĐIỀU 17. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

## **ĐIỀU 18. CHỐNG TRỰC LỢI**

- 18.1** Trục lợi là hành vi lợi dụng chức vụ, chức danh quản lý, vị trí công tác, lợi dụng thẩm quyền được giao, lợi dụng hoàn cảnh, cơ hội để đem lại lợi ích cho cá nhân/nhóm cá nhân trong quá trình chào giá, đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp đồng này.
- 18.2** Hai Bên cam kết mỗi bên không chi/nhận hoa hồng; không chi/nhận chiết khấu, tiền chênh lệch giá; không bao che, hỗ trợ, thúc đẩy các hành vi trục lợi của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào; không thực hiện bất kỳ hành vi tương tự dưới bất kỳ hình thức nào trước, trong và sau quá trình thực hiện Hợp đồng.
- 18.3** Nếu Bên A phát hiện hành vi trục lợi như trên thì Bên A có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên B và phối hợp với Bên B để xử lý. Trường hợp không có thông báo từ Bên A mà Bên B phát hiện có các hành vi trên thì ngay lập tức, Bên B có quyền chấm dứt hợp tác, chấm dứt Hợp đồng đang có hiệu lực với Bên A mà không phải chịu bất kỳ chế tài nào; Bên A phải có nghĩa vụ bồi thường đối với những thiệt hại mà Bên B phải chịu từ việc chấm dứt Hợp đồng trên. Ngoài ra, Bên A còn phải chịu phạt [•]% tổng giá trị Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 19. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 19.1** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- 19.2** Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản quy định trong Hợp đồng và phụ lục khác kèm theo của Hợp đồng này. Các vấn đề còn lại không đề cập trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo pháp luật Việt Nam hiện hành.
- 19.3** Hợp đồng này có thể sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận bằng phụ lục Hợp đồng, có đầy đủ chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của hai Bên. Các phụ lục Hợp đồng này là phần không tách rời và có giá trị pháp lý như Hợp đồng.
- 19.4** Hợp đồng này được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện.
- 19.5** Hợp đồng này được lập thành [•] bản chính bằng [•] và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ [•] bản.

*Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp đồng này.*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

MOCAS

---

## MẪU 15. HỢP ĐỒNG ĐÀO TẠO NGHỀ GIỮA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

---

### *GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:*

1. Người lao động và Người sử dụng lao động phải ký kết hợp đồng đào tạo nghề trong trường hợp người lao động được đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, đào tạo lại ở trong nước hoặc nước ngoài từ kinh phí của người sử dụng lao động, kể cả kinh phí do đối tác tài trợ cho người sử dụng lao động.
2. Một số quy định của pháp luật về hợp đồng đào tạo nghề *giữa người lao động và người sử dụng lao động* được quy định tại Bộ luật lao động năm 2019 và Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014.
3. Ký hiệu [•] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
4. Mẫu Hợp đồng đào tạo nghề giữa người lao động và người sử dụng lao động dưới đây chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các Bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### HỢP ĐỒNG ĐÀO TẠO NGHỀ

Hôm nay, vào lúc [•] giờ [•] ngày [•] tháng [•] năm [•], tại trụ sở [•] Chúng tôi gồm:

#### 1. Bên sử dụng lao động: [•]

Mã số thuế : [•]

Địa chỉ trụ sở chính : [•]

Đại diện bởi : [•]

Chức danh : [•].

Sau đây được gọi là “Bên A”.

#### 2. Người lao động: Ông (Bà) [•]

CCCD số : [•]

Ngày cấp : [•]

Địa chỉ: [•]

Điện thoại : [•]

Sau đây được gọi là “Bên B”.

#### XÉT RÀNG:

Ông/Bà [•] hiện đang có nhu cầu làm việc tại Công ty [•] nhưng chưa đáp ứng đủ các điều kiện chuyên môn tay nghề của Công ty, cần thiết phải đi học để trau dồi theo kiến thức, kinh nghiệm để đáp ứng được công việc theo yêu cầu của Công ty.

Công ty [•] đồng ý hỗ trợ chi phí cho Ông/Bà được đi đào tạo nghề trước khi chính thức nhận Ông/Bà vào làm việc tại Công ty. Ông/Bà [•] cam kết sau khi hoàn thành chương trình đào tạo sẽ làm việc theo yêu cầu của Công ty và cam kết nghĩa vụ hoàn trả chi phí đào tạo, bồi thường cho Công ty khi nghỉ việc theo các quy định cụ thể dưới đây như sau:

#### ĐIỀU 1. NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1 Công ty đồng ý hỗ trợ chi phí đào tạo cho ông/bà [•] đi học tại [•], cụ thể thông tin khóa học như sau:

- Khóa học: [•]

- Đơn vị giảng dạy: [●]
- Địa điểm học: [●]
- Thời gian học: [●]

### 1.2 Giá trị các khoản chi phí hỗ trợ:

Giá trị chi phí hỗ trợ của Công ty tạm tính gồm những khoản như sau:

- Học phí: [●] VND (Bằng chữ: [●]);
- Chi phí đi lại: [●] VND (Bằng chữ: [●]);
- Chi phí lưu trú, sinh hoạt: [●] VND (Bằng chữ: [●])
- Chi phí khác: [●] VND (Bằng chữ: [●])

**Tổng cộng:** [●] VND (Bằng chữ: [●])

Trường hợp có phát sinh thêm chi phí, Người lao động tự chịu trách nhiệm chi trả để đảm bảo hoàn thành khóa đào tạo.

### 1.3 Phương thức thanh toán chi phí đào tạo:

- Đối với khoản Học phí, chi phí đi lại quy định tại Điều 1.2 Hợp đồng này, Công ty sẽ trực tiếp chi trả thay cho người lao động và được thể hiện cụ thể trong Hợp đồng và/hoặc các chứng từ thu - chi khác theo quy định pháp luật.
- Đối với các khoản chi phí lưu trú, sinh hoạt và các chi phí khác, Công ty sẽ chi trả cho người lao động sau khi người lao động làm đủ chứng từ hoàn ứng theo quy định.

## ĐIỀU 2. CAM KẾT CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Trong mọi trường hợp, Người lao động cam kết đảm bảo hoàn thành khóa học nêu trên, được cấp văn bằng chứng chỉ đào tạo (nếu có) theo đúng thời gian đào tạo và chi phí Công ty đã chi trả. Trường hợp người lao động vi phạm, Công ty có quyền lựa chọn: (i) Từ chối nhận người lao động vào làm việc và yêu cầu Người lao động hoàn trả toàn bộ chi phí, bồi thường cho Công ty; (ii) Gia hạn thời gian hoàn thành chương trình đào tạo; (iii) Ký kết Hợp đồng lao động và cần trừ chi phí đào tạo vào thu nhập của người lao động cho đến khi Người lao động thanh toán đủ chi phí đào tạo; (iv) Các lựa chọn khác.
- Sau khi kết thúc Chương trình đào tạo, Người lao động cam kết ký kết hợp đồng lao động và làm việc theo yêu cầu của Công ty. Thời gian cam kết làm việc tại Công ty không ít hơn [●] năm kể từ ngày ký kết Hợp đồng lao động.
- Trong thời gian làm việc theo Hợp đồng lao động, Người lao động cam kết nghiêm túc thực hiện theo các yêu cầu của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn: hướng dẫn, tập huấn, đào tạo lại cho các nhân sự của Công ty; chấp hành các quyết định điều động, luân chuyển công việc; giữ bí mật kinh doanh của Công ty; chấp hành nội quy lao động, an toàn lao động, kỷ luật lao động và các quy chế nội bộ của Công ty.

- 2.4 Trong thời gian làm việc tại Công ty và trong vòng [●] tháng kể từ khi nghỉ việc tại Công ty, Người lao động không được phép hợp tác, làm việc tại Công ty khác có hoạt động kinh doanh tương tự với Công ty; không được phép cung cấp thông tin, tiết lộ bí mật sản xuất kinh doanh của Công ty.
- 2.5 Người lao động vi phạm các nghĩa vụ nêu tại Hợp đồng này (như chấm dứt làm việc với Công ty trước thời hạn cam kết với bất kỳ lý do nào; không chấp hành và/hoặc không thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Công ty; vi phạm nội quy lao động, quy định của Công ty....) ("**Hành Vi Vi Phạm**") ngoài việc bị xử lý, chịu trách nhiệm cho các hành vi vi phạm theo quy định tại nội quy, thỏa ước lao động, hợp đồng lao động, pháp luật, Người lao động còn phải bồi thường chi phí đào tạo cho Công ty. Mức bồi thường được xác định như sau:
- Nếu Hành Vi Vi Phạm xảy ra trong thời gian [●] năm đầu làm việc thì Người lao động phải bồi thường [●] chi phí đào tạo nêu tại Điều 2.1 cho Công ty.
  - Nếu Hành Vi Vi Phạm xảy ra tại năm thứ 4 làm việc trở đi, Người lao động phải bồi thường [●] chi phí đào tạo nêu tại Điều 2.1 cho Công ty.
  - Người lao động phải bồi thường toàn bộ các trách nhiệm trước [●] ngày chính thức nghỉ việc. Trong trường hợp chậm thanh toán cho Công ty thì Người lao động còn phải chịu trả tiền lãi cho Công ty với mức lãi suất [●] trên số tiền chậm thanh toán.
- 2.6 Trong trường hợp người lao động chấm dứt làm việc theo yêu cầu của Công ty vì bất cứ lý do gì, Người lao động cũng phải bồi thường [●] chi phí đào tạo nêu tại Điều 2.1 cho Công ty trước [●] ngày chính thức nghỉ việc. Trong trường hợp chậm thanh toán cho Công ty thì Người lao động còn phải chịu trả tiền lãi cho Công ty với mức lãi suất [●] trên số tiền chậm thanh toán.

### **ĐIỀU 3. CAM KẾT CỦA CÔNG TY**

- 3.1 Bảo đảm việc làm và thanh toán đầy đủ chi phí đào tạo nêu tại Điều 1.2 khi Người lao động chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, các văn bản nội bộ của Công ty và tuân theo pháp luật.
- 3.2 Điều hành Người lao động hoàn thành các công việc theo Hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngưng việc...).
- 3.3 Tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng, kỷ luật người lao động, yêu cầu bồi thường chi phí đào tạo theo quy định tại Hợp đồng này, văn bản nội bộ của Công ty, theo pháp luật.

### **ĐIỀU 4. ĐIỀU KHOẢN BẢO MẬT**

- 4.1 Mỗi Bên phải giữ bí mật toàn bộ các thông tin, tài liệu, thỏa thuận có được do Bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ nội dung của Hợp đồng này; các tài liệu, văn bản của Khóa học; các văn bản do Bên A soạn thảo, cung cấp; các thông tin, dữ liệu, tài liệu do Bên A cung cấp,... (gọi chung là "**Thông Tin Mật**"), ngoại trừ:
- Các thông tin đó là hoặc sẽ trở thành thông tin công khai, mà không do lỗi của bất kỳ Bên nào;
  - Các thông tin đó được cung cấp cho Cơ quan có thẩm quyền;

- Một Bên nhận được thông tin từ bên thứ ba độc lập mà bên thứ ba này không chịu trách nhiệm đối với bên nào khác;
  - Các thông tin mà một Bên đã có sẵn tại thời điểm mà thông tin đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, được Bên kia cung cấp.
- 4.2** Một bên không được, khi chưa có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia, sử dụng Thông Tin Mật mà Bên kia yêu cầu giữ bí mật cho bất kỳ mục đích nào khác trừ trường hợp tiết lộ vì mục đích thực hiện Dịch Vụ theo Hợp đồng này hoặc tiết lộ theo yêu cầu của pháp luật hoặc có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý Nhà nước.
- 4.3** Mỗi Bên sẽ không tiết lộ bất cứ thông tin nào liên quan đến Hợp Đồng này hoặc của Bên còn lại cho bất cứ bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Bên A cam kết có biện pháp phù hợp để đảm bảo rằng những nhân viên có liên quan của mình cũng tuân thủ quy định này và sẽ chịu trách nhiệm trong trường hợp có bất cứ hành vi nào vi phạm quy định này. Điều khoản này sẽ vẫn có hiệu lực kể cả sau khi Hợp Đồng này hết hạn hoặc chấm dứt.

## **ĐIỀU 5. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- 5.1** Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.
- 5.2** Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng này, các Bên sẽ nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải trên tinh thần hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

## **ĐIỀU 6. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

- 6.1** Những vấn đề lao động không ghi trong Hợp đồng này sẽ áp dụng theo quy định tại Hợp đồng lao động, nội quy lao động và theo pháp luật lao động.
- 6.2** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi hai bên cùng ký vào, được làm thành [•] bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ [•] bản. Các bên cam kết hoàn toàn tự nguyện và đều hiểu rõ các điều kiện và thỏa thuận nêu trên và đồng ý ký dưới đây.

**NGƯỜI LAO ĐỘNG**

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**

---

## MẪU 16. HỢP ĐỒNG THI CÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

---

### *GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:*

1. Hợp đồng thi công công trình xây dựng (gọi tắt là hợp đồng xây dựng) là hợp đồng để thực hiện việc thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình hoặc phần việc xây dựng theo thiết kế xây dựng công trình. (Nghị định 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 50/2021/NĐ-CP).
2. Một số quy định của pháp luật về hợp đồng thi công công trình xây dựng cần tham khảo khi soạn thảo hợp đồng: Bộ Luật Dân sự 2015, Luật Xây dựng 2014 sửa đổi 2020, Luật An toàn vệ sinh lao động 2015, Nghị định 37/2015/NĐ-CP, Nghị định 50/2021/NĐ-CP, Nghị định 06/2021/NĐ-CP, Nghị định 39/2016/NĐ-CP, Thông tư 02/2023/TT-BXD, Thông tư 10/2021/TT-BXD.
3. Ký hiệu [•] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
4. Mẫu Hợp đồng thi công công trình xây dựng kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các Bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG THI CÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Số: [•]

Hợp Đồng Thi Công Công Trình Xây Dựng [•] này (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") được lập và ký ngày [•] giữa các Bên:

**BÊN GIAO THẦU/ CHỦ ĐẦU TƯ** (Sau đây gọi tắt là **Bên A**):

**CÔNG TY** [•]

Mã số thuế : [•]

Địa chỉ trụ sở chính : [•]

Đại diện bởi : [•]

Chức danh : [•] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]

**VÀ**

**BÊN NHẬN THẦU / NHÀ THẦU** (Sau đây gọi tắt là **Bên B**):

**CÔNG TY** [•]

Mã số thuế : [•]

Địa chỉ trụ sở chính : [•]

Đại diện bởi : [•]

Chức danh : [•] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:]

**ÔNG / BÀ** : [•]

Ngày sinh : [•]

CCCD / CMND : [•]

Ngày cấp : [•]

Địa chỉ: : [•]

Điện thoại, email : [•]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là "**Bên**", gọi chung là "**các Bên**".

**XÉT RÀNG:**

- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên A];
- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên B];

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Thi Công Công Trình Xây Dựng này theo các điều khoản và điều kiện sau:

## **ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI**

Trong Hợp đồng này các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1** “Công trình” là [•], tại địa chỉ: [•]
- 1.2** “Công trường” là địa điểm Bên A giao cho Bên B để thi công công trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được quy định trong hợp đồng.
- 1.3** “Công việc” là các công việc thi công thể hiện trong Phụ lục [•] đính kèm Hợp đồng này.
- 1.4** “Chủ đầu tư/Bên A/Bên giao thầu” là Ông/Bà: [•]
- 1.5** “Nhà thầu/Bên B/Bên nhận thầu” là Công ty [•]
- 1.6** “Bên Thứ Ba” là bất kỳ bên nào ngoài Bên A hoặc Bên B.
- 1.7** “Đại diện Chủ đầu tư” là người được Chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư.
- 1.8** “Đại diện Nhà thầu” là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng này hoặc được Nhà thầu ủy quyền bằng văn bản và Điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.
- 1.9** “Chỉ dẫn kỹ thuật” là tập hợp các yêu cầu kỹ thuật dựa trên các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn Việt Nam được áp dụng cho công trình, thiết kế xây dựng công trình để hướng dẫn, quy định về vật liệu, sản phẩm, thiết bị sử dụng cho công trình và các công tác thi công, giám sát, nghiệm thu công trình xây dựng.
- 1.10** “Hồ sơ thiết kế” là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật tương tự của công trình do Bên A cấp cho Bên B hoặc do Bên B lập đã được Bên A chấp thuận.
- 1.11** “Biên bản nghiệm thu” là văn bản ghi các nội dung nghiệm thu của Bên A, Bên B và các thành viên khác, làm cơ sở pháp lý cho việc thanh quyết toán theo Hợp đồng.
- 1.12** “Bảng tiền lương” là bảng kê chi tiết khối lượng và giá các công việc trong Hợp đồng.
- 1.13** “Nhà thầu phụ” là nhà thầu ký hợp đồng với Nhà thầu chính để thi công một phần công việc của nhà thầu. Quy định về sử dụng Nhà thầu phụ được nêu trong Điều 12 Hợp đồng này.
- 1.14** “Thời hạn bảo hành công trình xây dựng” là thời gian chịu trách nhiệm về sửa chữa các sai sót của Bên B. Thời hạn bảo hành được ghi trong Điều kiện cụ thể của Hợp đồng và được tính từ ngày bàn giao theo Biên bản nghiệm thu hạng mục Công trình.

- 1.15 “Vật tư” là tất cả các nguyên liệu, kể cả các loại tiêu hao được Bên B sử dụng để tạo nên công trình.
- 1.16 “Thiết bị của Bên B” là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để Bên B thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).

## **ĐIỀU 2. HỒ SƠ HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN**

Những tài liệu quy định dưới đây là toàn bộ hồ sơ cấu thành nên Hợp đồng và là những bộ phận không tách rời khỏi Hợp đồng (Hồ sơ hợp đồng). Giữa những tài liệu này có quan hệ thống nhất giải thích tương hỗ cho nhau, nhưng nếu có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất thì Các Bên có trách nhiệm trao đổi và thống nhất. Trường hợp, Các Bên không thống nhất được thì thứ tự ưu tiên cấu thành hợp đồng để xử lý vấn đề không thống nhất được như sau (theo thứ tự từ trên xuống):

- a) Văn bản Hợp đồng;
- b) Các Phụ lục kèm theo Hợp đồng;
- c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt;
- d) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, biện pháp thi công;
- e) Các sửa đổi, bổ sung bằng văn bản trong quá trình thực hiện hợp đồng của nhà thầu, các tài liệu bổ sung làm rõ;
- f) Các tài liệu có liên quan khác.

## **ĐIỀU 3. LUẬT VÀ NGÔN NGỮ SỬ DỤNG TRONG HỢP ĐỒNG**

3.1 Hợp đồng này được diễn giải và áp dụng theo Pháp luật Việt Nam.

3.2 Ngôn ngữ của Hợp đồng là tiếng Việt.

## **ĐIỀU 4. NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC**

4.1 Bên A giao và Bên B đồng ý nhận Thi công phần thô xây dựng thuộc công trình [•] do [•] làm chủ đầu tư tại địa chỉ [•] theo Hồ sơ thiết kế được phê duyệt, đảm bảo các yêu cầu về tiến độ, yêu cầu về kỹ thuật, yêu cầu về vật liệu xây dựng, yêu cầu về chất lượng hạng mục công trình như quy định trong Hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các phụ lục kèm theo Hợp đồng.

4.2 Khối lượng công việc cụ thể thể hiện trong Phụ lục [•] đính kèm hợp đồng này.

## **ĐIỀU 5. YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG, NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO**

5.1 Yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật, sản phẩm của Hợp đồng

- a) Bên B đảm bảo vật tư, thiết bị có nguồn gốc xuất xứ như quy định của Nhà nước và của Hồ sơ Hợp đồng. Trường hợp các vật tư - thiết bị của nhà thầu chưa quy định trong Hồ sơ hợp đồng thì khi thực hiện Hợp đồng Bên B phải trình duyệt mẫu vật tư, vật liệu và thiết bị với Bên A trước khi thi công.

- b) Bên B phải cung cấp cho Bên A các kết quả thí nghiệm vật liệu mà bên B cung cấp, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm do Bên B cung cấp và phải được sự đồng ý của Bên A. Giấy tờ, kiểm định còn hiệu lực sử dụng, đảm bảo chất lượng, an toàn trong suốt quá trình sử dụng và phải được kiểm tra thường xuyên khi có yêu cầu của Bên A. Những máy móc, thiết bị không bảo đảm các yêu cầu buộc phải di chuyển khỏi công trường ngay khi Bên A yêu cầu. Chi phí cho việc di dời tất cả các loại máy móc, thiết bị do Bên B chịu.
- c) Bên B có trách nhiệm: (i) Thi công Công trình/hạng mục công trình theo đúng Hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, quy chuẩn, quy trình, tiêu chuẩn, biện pháp thi công đã được phê duyệt; (ii) Đảm bảo Công trình hoàn thành đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng quy định trong Hồ sơ hợp đồng và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của nhà nước có liên quan. Bên B chịu trách nhiệm trước Bên A về kỹ thuật, mỹ thuật và chất lượng các hạng mục công việc mà mình thực hiện, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong quá trình thi công.

## 5.2 Kiểm tra, giám sát của Bên A

- a) Bên A được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi lấy nguyên vật liệu để kiểm tra việc thi công của Bên B. Bên B sẽ tạo mọi điều kiện cho người của Bên A để tiến hành các hoạt động kiểm tra này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Bên B.
- b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở trên công trường, nơi được quy định trong Hợp đồng Bên A được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu, và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.
- c) Đối với các công việc mà người của Bên A được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Bên B phải thông báo cho Bên A biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lấp, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Trường hợp Bên B không thông báo thì phần công việc đó coi như không được chấp nhận, trừ trường hợp Bên A có quyết định khác.
- d) Tư vấn giám sát của Bên A sẽ có mặt kịp thời để giám sát, nghiệm thu các hạng mục 24/24 để Bên B tiếp tục công việc, đảm bảo tiến độ. Trường hợp Giám sát của Bên A làm ảnh hưởng đến Bên B thì Bên B có trách nhiệm báo cáo với Bên A và tiến độ thi công sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp.

## 5.3 Nghiệm thu công việc hoàn thành, bàn giao công trình/ hạng mục công trình

- a) Điều kiện nghiệm thu công việc xây dựng hoàn thành:
- Sau khi các công việc theo hạng mục Hợp đồng được hoàn thành, đáp ứng yêu cầu chất lượng sản phẩm của Hợp đồng, Bên B sẽ thông báo cho Bên A để tiến hành nghiệm thu công việc.
  - Trong vòng [●] ngày sau khi nhận được đề nghị nghiệm thu công trình của Bên B, Bên A sẽ:
    - Có thông báo ấn định thời gian nghiệm thu các hạng mục công trình để Bên B kết hợp với Bên A, Bên thứ ba khác (nếu có) thực hiện nghiệm thu công trình;

- Không đồng ý và đưa ra những yêu cầu về công việc mà Bên B cần phải làm để được thực hiện việc nghiệm thu công trình;
  - Việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên B sẽ không được coi là đã hoàn thành nếu Bên B chưa được Bên A tiến hành nghiệm thu và cấp Biên bản nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng, nêu rõ ngày mà Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo đúng Hợp đồng.
- Bên A chỉ nghiệm thu các công việc của Hợp Đồng khi các công việc này đảm bảo chất lượng, tiến độ, quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định được thỏa thuận tại Hợp Đồng này và các quy định của pháp luật liên quan tại thời điểm nghiệm thu.
  - Bên A sẽ nghiệm thu từng công việc xây dựng, từng bộ phận công trình, các giai đoạn thi công xây dựng, từng hạng mục công trình xây dựng; công trình xây dựng đưa vào sử dụng, kể cả các bộ phận bị che khuất của công trình theo Bản vẽ được phê duyệt và Hợp đồng khi các công việc này hoàn thành và đảm bảo đúng theo quy định trong Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.
  - Chủ đầu tư Bên A (hoặc Nhà tư vấn) sẽ cấp Biên bản nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng trong vòng [•] ngày sau khi Bên B đã cung cấp tất cả các tài liệu của Bên B theo yêu cầu của Bên A và các bên đã tiến hành nghiệm thu hoàn thành và thử nghiệm khi hoàn thành tất cả công trình, hạng mục công trình bao gồm cả việc sửa chữa các sai sót để công trình được hoàn thành theo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Hợp đồng này.
  - Sau khi đã cấp Biên bản nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng, mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện (ghi trong biên bản nghiệm thu) tại thời điểm đó. Hợp Đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.
- b) Điều kiện nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng:
- Đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật theo Tiêu chuẩn của hồ sơ thiết kế, các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao công trình đã xây dựng xong đưa vào sử dụng theo đúng nội dung Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021.
  - Đảm bảo an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa công trình vào sử dụng.
- c) Trên cơ sở Bên B đã hoàn thành tất cả các hạng mục và khối lượng công việc qui định tại Điều 4 hợp đồng này và đã được Bên A nghiệm thu từ hạng mục đầu tiên đến hạng mục cuối cùng đạt yêu cầu đưa công trình vào sử dụng, hai Bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao Công trình hoàn thành theo Hợp đồng. Nếu có những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình và được Bên A chấp thuận thì những tồn đọng này được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao Công trình và Bên B phải có trách nhiệm hoàn thành những Công việc này bằng chi phí của mình;
- d) Bên A sẽ cử người giám sát song hành 24/24 cùng với Bên B và sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên B trong việc tiến hành nghiệm thu từng hạng mục để đảm bảo tiến độ công trình.

- e) Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu bao gồm: (i) Đại diện Bên A; (ii) Đại diện Bên B; (iii) Đại diện các bên khác theo yêu cầu của Bên A hoặc quy định của Pháp luật;
- f) Tiêu chuẩn nghiệm thu áp dụng theo tiêu chuẩn [●], tiêu chuẩn thiết kế và các tiêu chuẩn hiện hành.
- g) Tài liệu, hồ sơ nghiệm thu bàn giao gồm:
  - (i) Tài liệu nghiệm thu vật tư, nguyên vật liệu:
    - Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc Chứng chỉ thí nghiệm
    - Chứng nhận chất lượng
  - (ii) Tài liệu nghiệm thu giai đoạn gồm:
    - Bảng kê khối lượng hoàn thành;
    - Biên bản nghiệm thu, thí nghiệm (nếu có) nguyên vật liệu;
    - Biên bản nghiệm thu công việc / hạng mục công việc (có xác nhận của các Bên);
  - (iii) Tài liệu nghiệm thu và bàn giao đưa Công trình vào sử dụng:
    - Hồ sơ hoàn công (Bản vẽ hoàn công, Khối lượng hoàn công).
    - Nhật kí thi công.

#### 5.4 Trách nhiệm của Bên B đối với sai sót

- a) Bằng kinh phí của mình Bên B phải: Hoàn thành các công việc còn sai sót vào ngày nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian mà Bên A yêu cầu.
- b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót:
  - Trong trường hợp có những sai sót và công trình chưa đủ điều kiện để nghiệm thu, Bằng kinh phí của mình Bên B phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng và khắc phục các sai sót vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian hợp lý mà Bên A yêu cầu.
  - Nếu Bên B không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Bên A hoặc đại diện Bên A có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Bên B biết về ngày này.
  - Nếu Bên B không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Bên A (tùy theo lựa chọn) có thể: Tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Bên B phải chịu mọi chi phí, Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo Hợp đồng. Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Bên A bị mất toàn bộ hoặc một phần lợi ích từ công trình. Khi đó, theo Hợp đồng Bên B sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A.
  - Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa tốt ngay trên công trường được và được Bên A đồng ý, Bên B có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị

sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

- Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, Bên A có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong Hợp đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và kiểm định sau khi hoàn thành. Yêu cầu này được thông báo trong khoảng thời gian [•] ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng. Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước và được chi trả chi phí kiểm định bằng kinh phí của Bên B.

#### **5.5 Các kiểm định, thăm tra thêm**

- a) Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng có thể ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, bên A có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong Hợp đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và/hoặc kiểm định sau khi hoàn thành. Yêu cầu này có thể được thông báo trong vòng [•] ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.
- b) Chi phí kiểm định máy móc thi công trước khi vận hành sử dụng (máy vận thăng hàng) và chi phí kiểm định thăm tra có nêu tại Hợp đồng này sẽ do Bên B chịu.

#### **5.6 Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành**

Sau khi đã cấp Biên bản nghiệm thu, bàn giao, mỗi Bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

#### **5.7 Hoàn trả mặt bằng**

- a) Khi nhận được Biên bản nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng, Bên B sẽ dọn khỏi công trường tất cả các thiết bị của Bên B, vật liệu còn thừa, rác và các công trình tạm còn lại trên công trường.
- b) Nếu Bên B không dọn khỏi công trường tất cả các thiết bị của Bên B, vật liệu còn thừa, rác và các công trình tạm còn lại trên công trường trong vòng 14 ngày sau khi Bên A cấp Biên bản nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng, Bên A có thể bán hoặc thải bỏ các vật đó. Bên A có quyền được thanh toán các chi phí phát sinh từ việc bán hoặc thải bỏ hay lưu các vật dụng đó trên công trường.
- c) Trường hợp Bên A phải thực hiện các công việc thu dọn các thiết bị, vật tư, rác... trên công trường mà Bên B chậm thực hiện thì Bên B có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí mà Bên A đã phải bỏ ra để thực hiện công việc thay Bên B. Số tiền này được trừ vào tiền Bên A phải thanh toán cho Bên B theo nội dung Hợp đồng này.

### **ĐIỀU 6. GIÁ HỢP ĐỒNG, TẠM ỨNG VÀ THANH TOÁN**

#### **6.1 Hình thức và giá Hợp đồng**

- a) Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định (Giá trị hợp đồng theo bảng phụ lục [•] đính kèm) dựa trên bản vẽ thiết kế kỹ thuật, hồ sơ mời chào giá, khối lượng theo thực tế thi công.
- b) Tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm VAT là: [•] đồng (Bằng chữ: [•] đồng)

- c) Giá Hợp đồng đã bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến vật tư, nhân công, máy thi công, vận chuyển, kho bãi, chi phí tuân thủ các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng, nghiệm thu, chi phí điều hành quản lý thi công, chi phí công trường, các tiện ích (khí đốt, điện, nước, phí liên lạc, chất thải...) đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường, chi phí quản lý, bản quyền, lợi nhuận, các khoản thuế của Bên B, phí bảo hiểm đối với các bảo hiểm mà Bên B có nghĩa vụ phải mua theo pháp luật Việt Nam và các chi phí liên quan khác để bên B hoàn thành các công việc tuân theo các điều khoản của Hợp đồng này.
- d) Giá trị thanh, quyết toán được tính dựa trên khối lượng thực tế thi công trên công trình được Bên A và Bên B nghiệm thu nhân với đơn giá cố định của Hợp Đồng. Đơn Giá sẽ không thay đổi theo bất kỳ sự trượt giá nào về vật tư hay nhân công, tỷ giá hay sự thay đổi về chính sách thuế của nhà nước. Đơn Giá đã bao gồm lợi nhuận, thuế (trừ thuế GTGT), phí, lệ phí và các chi phí khác để Bên B hoàn thiện công việc.
- e) Đơn Giá được áp dụng cho các công việc phát sinh có tính chất tương tự. Đơn giá cho những công việc phát sinh khác sẽ do Hai Bên thỏa thuận căn cứ trên cách tính của Đơn Giá và quy định của pháp luật hiện hành. Nếu trong Hợp Đồng không có mức giá nào áp dụng được cho công việc thay đổi/bổ sung thì Bên B sẽ đệ trình mức giá và biện pháp thực hiện cho các công việc thay đổi/bổ sung. Bên A sẽ xem xét, kiểm tra và thông báo cho Bên B việc chấp thuận.

## 6.2 Tạm ứng

- a) Chia theo từng đợt tạm ứng theo hợp đồng.

**Đợt 1:** Sau khi hai bên thống nhất kí hợp đồng thi công thì bên A tạm ứng cho bên B số tiền là: [●] VNĐ ([●] đồng.).

**Đợt 2:** Sau khi bên B thi công xong phần ngầm và đã được Bên A ký xác nhận nghiệm thu thì bên A Tạm ứng cho cho bên B số tiền là: [●] VNĐ ([●] đồng.).

**Đợt 3:** Sau khi bên B thi công xong hạng mục đổ bê tông sàn tầng 2 và đã được Bên A ký xác nhận nghiệm thu thì bên A Tạm ứng cho cho bên B số tiền là: [●] VNĐ ([●] đồng.).

**Đợt 4:** Sau khi bên B thi công xong hạng mục đổ bê tông sàn tầng mái và đã được Bên A ký xác nhận nghiệm thu thì bên A Tạm ứng cho cho bên B số tiền là: [●] VNĐ ([●] đồng.).

**Đợt 5:** Sau khi bên B xây xong tường bao, tường ngăn và đã được Bên A ký xác nhận nghiệm thu thì bên A Tạm ứng cho cho bên B số tiền là: [●] VNĐ ([●] đồng.).

**Đợt 6:** Sau khi bên B tô trát xong tường, cán lát gạch xong, lắp đặt các thiết bị điện, thiết bị nước, vệ sinh thô xong và đã được Bên A ký xác nhận nghiệm thu thì bên A Tạm ứng cho cho bên B số tiền là: [●] VNĐ ([●] đồng.).

**Đợt 7:** Quyết toán công trình

- b) Bên A sẽ giữ lại số tiền là: [●] VNĐ ([●]đồng) bảo hành công trình. Qua thời gian là [●] tháng sau khi bàn giao đưa vào sử dụng, bên A sẽ trả lại số tiền trên cho bên B sau khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành nêu tại Hợp đồng này hoặc Bên A thanh toán số tiền trên nếu bên B cung cấp chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình do ngân hàng cấp theo quy định pháp luật và theo mẫu do Bên A phê duyệt.

- c) Quyết toán: Sau khi hoàn thành toàn bộ công việc của Hợp đồng, kể cả các công việc phát sinh (nếu có) bên B lập hồ sơ quyết toán công trình trình bên A phê duyệt. Bên A thanh toán  $[\bullet]\%$  giá trị khối lượng công việc hoàn thành,  $[\bullet]\%$  ( $[\bullet]$  phần trăm) còn lại bên A giữ lại sau khi hết thời gian bảo hành. Bên A thanh toán số tiền trên nếu bên B cung cấp chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình do ngân hàng cấp theo quy định pháp luật và theo mẫu do Bên A phê duyệt.

### 6.3 Hồ sơ thanh toán, quyết toán

- a) Hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành theo giai đoạn: 03 bộ do Bên B lập theo mẫu do Bên A ban hành bao gồm những tài liệu chính như:
- (i) Công văn đề nghị thanh toán gồm các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn hoàn thành.
  - (ii) Bảng xác định khối lượng phát sinh (nếu có) có xác nhận của Hai Bên;
  - (iii) Biên bản đối chiếu công nợ giữa Hai Bên có xác nhận của Hai Bên;
  - (iv) Biên bản nghiệm thu khối lượng có xác nhận đồng ý nghiệm thu của Bên A;
- b) Hồ sơ quyết toán bao gồm những tài liệu chính như sau: 04 bộ.
- (i) Văn bản đề nghị thanh quyết toán của Bên B;
  - (ii) Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (bao gồm cả các nội dung xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh, điều chỉnh, v.v.);
  - (iii) Biên bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao công trình đưa vào sử dụng có xác nhận đồng ý nghiệm thu của Bên A;
  - (iv) Bản vẽ hoàn công theo quy định;
  - (v) Nhật ký thi công;
  - (vi) Bản gốc Bảo lãnh bảo hành được lập theo mẫu Bên A phê duyệt trị giá 02% giá trị quyết toán;
  - (vii) Biên bản đối chiếu công nợ giữa Hai Bên.

### 6.4 Đồng tiền và hình thức thanh toán

Thanh toán bằng đồng Việt Nam qua hình thức chuyển khoản.

### 6.5 Thời hạn thanh toán, quyết toán

- a) Sau khi Bên A đã ký xác nhận nghiệm thu từng phần công việc và Bên B trình các hồ sơ thanh toán từng đợt của Bên A theo quy định của Hợp đồng. Bên A được quyền kiểm tra và có quyền từ chối hồ sơ thanh toán kỳ đó, Bên A phải thông báo lý do cụ thể cho Bên B để bên B khắc phục lỗi, và sau đó Bên B được phép đệ trình lại hồ sơ thanh toán cùng với Biên bản khắc phục lỗi. Bên A có trách nhiệm thanh toán trong vòng  $[\bullet]$  ngày làm việc sau khi đã nhận được hồ sơ thanh toán đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Bên A.

- b) Thời hạn Bên B giao nộp hồ sơ quyết toán Hợp đồng không được quá [●] ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện theo Hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có). Bên A được quyền kiểm tra và có quyền từ chối hồ sơ quyết toán, Bên A phải thông báo lý do cụ thể cho Bên B để Bên B khắc phục lỗi, và sau đó Bên B được phép đệ trình lại hồ sơ quyết toán cùng với Biên bản khắc phục lỗi. Bên A có trách nhiệm quyết toán trong vòng [●] ngày làm việc sau khi đã nhận được hồ sơ quyết toán đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Bên A.
- c) Nếu thời gian thanh toán vượt quá [●] ngày, quyết toán quá [●] ngày mà Bên A chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán mà không phải do lỗi của Bên B và/hoặc sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan thì Bên A có trách nhiệm chịu lãi suất quá hạn của ngân hàng nhà nước tại thời điểm áp dụng đối với các khoản trả chậm, số ngày chậm thanh toán được tính vào tiến độ thi công cho nhà thầu và nhà thầu được phép tạm dừng thi công cho đến khi được thanh toán.

## **ĐIỀU 7. CÁC BẢO LÃNH VÀ BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH**

### **7.1 Bảo hành công trình**

- a) Tại thời điểm quyết toán, Bên A sẽ giữ lại [●] % giá trị quyết toán của Công trình;
- b) Thời gian hiệu lực của bảo hành: Bảo hành công trình có hiệu lực trong vòng [●] tháng tính từ ngày Bên A nhận bàn giao và đưa công trình vào sử dụng.
- c) Bên B phải có trách nhiệm bảo hành bao gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế vật tư thiết bị hư hỏng... hoặc khi vận hành, sử dụng không bình thường (Gọi chung là các sự cố).

**7.2** Khi xảy ra sự cố hoặc nguy cơ sự cố, Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng các hình thức như: điện thoại, gửi văn bản.... Ngay khi nhận được yêu cầu của Bên A trong thời gian sớm nhất (hoặc không quá [●] tiếng đồng hồ sau) người và phương tiện của Bên B phải có mặt đầy đủ tại hiện trường để tiến hành kiểm tra. Nếu phát hiện có hư hỏng thuộc trách nhiệm bảo hành của mình thì Bên B tiến hành khắc phục, sửa chữa, ngăn ngừa hoặc thay thế các bộ phận hư hỏng đó.

**7.3** Thời hạn sửa chữa, khắc phục sự cố không được chậm hơn 04 tiếng đồng hồ đối với sự cố nhỏ và không chậm hơn [●] tiếng đồng hồ đối với sự cố trầm trọng (sự cố lớn, đối với các vật tư thiết bị cần nhập khẩu thì thời gian sửa chữa, thay thế là [●] ngày) tính từ khi bắt đầu công việc sửa chữa/ khắc phục.

**7.4** Trường hợp quá thời hạn khắc phục/sửa chữa mà Bên B không cử người sửa chữa kịp thời hoặc Bên B không thực hiện hoặc cố tình trì hoãn việc sửa chữa, hoặc do yêu cầu gấp phải sửa chữa, bảo hành để đưa công trình vào sử dụng, hoặc Bên A không thể liên lạc được với Bên B do Bên B thay đổi địa chỉ hoặc đi vắng hoặc việc sửa chữa, khắc phục không khôi phục tính năng hoạt động của hạng mục công trình hoặc không đáp ứng yêu cầu của Bên A ... hoặc việc sửa chữa không đạt chất lượng, Bên A có quyền thuê đơn vị khác sửa chữa. Trong trường hợp này, Bên B không có quyền thắc mắc hay khiếu nại về nguyên nhân. Chi phí để sửa chữa những sai sót này sẽ được lấy từ Bảo lãnh Bảo hành và/hoặc được thanh toán từ Bên B. Trong trường hợp Bảo lãnh bảo hành không đủ chi trả chi phí này, Bên B có nghĩa vụ chi trả thêm phần còn thiếu trong vòng [●] ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thanh toán từ của Bên A.

- 7.5 Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa tốt ngay trên công trường được và được Bên A đồng ý, Bên B có thể chuyển khởi công trường hạng mục thiết bị hay công trình bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.
- 7.6 Sự cố hư hỏng (nếu có) xảy ra trong thời gian bảo hành do lỗi Bên A không tuân thủ theo các chế độ hướng dẫn sử dụng và bàn giao của Bên B thì Bên B không chịu trách nhiệm và nếu bên B tổ chức sửa chữa thì Bên A sẽ chịu mọi phí tổn liên quan đến việc sửa chữa này.
- 7.7 Trước khi hết hạn bảo hành [•] ngày, Bên B có trách nhiệm liên hệ với Bên A để thực hiện các công việc kiểm tra, xác nhận và nghiệm thu các công việc bảo hành mà Bên B đã thực hiện. Trong trường hợp phát sinh thêm nghĩa vụ bảo hành hoặc các yêu cầu bảo hành trước đó còn dang dở:
- Bên B phải tiếp tục thực hiện hoàn tất việc sửa chữa và có văn bản xác nhận của Bên A về việc Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, và
  - Bên B có nghĩa vụ gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành trong thời gian thỏa thuận với Bên A nếu trước khi bảo lãnh này hết hạn ít nhất [•] ngày mà công việc bảo hành vẫn còn tồn tại, và Bên A có quyền yêu cầu Ngân hàng thanh toán ngay khoản tiền bảo lãnh nếu việc gia hạn không được thực hiện trong thời hạn này.
  - Nếu trong thời hạn gia hạn bảo lãnh, yêu cầu bảo hành trên tiếp tục còn nguy cơ tồn tại, các nội dung sẽ được tiến hành lại theo đúng những trình tự và điều kiện đã làm trước đó.

## **ĐIỀU 8. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

- 8.1 Ngày khởi công và bắt đầu thực hiện: Ngày khởi công hạng mục công trình: Sau khi ký hợp đồng và nhà thầu nhận bàn giao mặt bằng không còn vướng mắc hiện trạng cũ, đủ điều kiện tại công trường.
- 8.2 Tiến độ thực hiện hợp đồng hoàn xong hạng mục phần thô (chưa bao gồm thời gian hoàn thành phần nhân công hoàn thiện): [•] tháng kể từ sau khi ký hợp đồng và nhà thầu nhận bàn giao mặt bằng không còn vướng mắc hiện trạng cũ, đủ điều kiện tại công trường. Thời gian hoàn thành toàn bộ Công Việc nêu trên đã bao gồm thời gian giải quyết các sai sót, tồn đọng quy định tại Hợp Đồng.
- a) Căn cứ vào thời gian thực hiện Hợp đồng Bên B phải lập tiến độ tổng thể, tiến độ thi công chi tiết và biện pháp thi công chi tiết từng phần việc để gửi cho Bên A/Tư vấn giám sát bên A phê duyệt trong vòng [•] ngày sau khi nhận được bản vẽ thiết kế.
  - b) Bên B phải thi công công trình theo đúng bản vẽ thiết kế kỹ thuật được duyệt, biện pháp thi công và tiến độ thi công đã được Bên A chấp thuận, phê duyệt. Việc chấp thuận biện pháp thi công và bản tiến độ thi công chi tiết của Bên A sẽ không thay thế các nghĩa vụ mà Bên B phải thực hiện theo Hợp đồng.
  - c) Bên B được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của Hợp đồng và phải được sự đồng ý của bên A.
  - d) Bên B phải trình tiến độ thi công đã được sửa đổi nếu tiến độ thi công trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Bên B. Trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng, mỗi bản tiến độ thi công sẽ bao gồm:

- Trình tự thực hiện công việc của Bên B và thời gian thi công cho mỗi giai đoạn chính của công trình;
- Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định;
- Báo cáo tiến độ;

Báo cáo tiến độ của Bên B:

- 8.3** Bên B phải tiến hành lập báo cáo tiến độ thực hiện theo chế độ báo cáo tuần và báo cáo tháng theo mẫu được Bên A chấp thuận.
- a) Mỗi báo cáo phải thể hiện: vị trí của các khu vực đã hoàn thành, so sánh giữa tiến độ thực tế với tiến độ theo kế hoạch.
  - b) Trong thời gian thi công, Bên B phải thông báo cho Bên A về các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công. Trong trường hợp đó, Bên A có thể yêu cầu Bên B đề xuất theo Khoản 8.5 Điều này.
  - c) Tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn Bên B thực công việc, nếu tiến độ thực tế quá chậm để hoàn thành bất kỳ phần công việc nào và/hoặc tiến độ đã bị hoặc sẽ bị chậm hơn so với tiến độ thực hiện công việc quy định tại Hợp Đồng này (theo nhận định của Bên A) thì Bên A hoặc đại diện Bên A có thể yêu cầu Bên B lập và trình một chương trình được sửa đổi và báo cáo hỗ trợ mô tả các phương pháp được sửa đổi mà Bên B đề xuất áp dụng nhằm thực hiện kịp tiến độ và hoàn thành trong thời gian hoàn thành để Bên A xem xét phê duyệt. Trừ khi Bên A có thông báo khác, Bên B sẽ áp dụng những phương pháp đã được Bên A phê duyệt (như: có thể yêu cầu tăng số giờ làm việc và số lượng nhân lực của Bên B và/hoặc vật liệu (nếu có), v.v..). Mọi rủi ro và chi phí do việc điều chỉnh này sẽ do Bên B chi trả.

#### **8.4** Gia hạn thời gian hoàn thành

Bên B được phép gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

- a) Có sự thay đổi phạm vi công việc mà được thống thay đổi bổ sung hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng;
- b) Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, mưa, gió bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác. Tuy nhiên Bên B có nghĩa vụ phải: Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra và Thông báo ngay cho Bên A về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 02 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.
- c) Do Bên A chậm thanh toán cho Bên B mà lý do chậm thanh toán không phải do lỗi của Bên B và/hoặc ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan.
- d) Do các vật tư bên A có nghĩa vụ cung cấp theo Hợp đồng này không được cung cấp kịp thời.

#### **8.5** Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như Các Bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng của công việc đó do những nguyên nhân nêu trong Khoản 8.4 [**Gia hạn thời gian hoàn thành**], Bên A sẽ chỉ đồng ý gia hạn thời gian hoàn thành theo các trường hợp nêu

trên khi, theo đánh giá của Bên A, có đủ cơ sở chứng minh cho việc gia hạn đó. Việc gia hạn thời gian thực hiện Hợp Đồng chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A. Đồng thời để được Bên A xem xét gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên B phải trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành trong thời gian Bên A yêu cầu. Bên B phải chịu các rủi ro và mọi chi phí để thực hiện theo tiến độ thi công sửa đổi đã được Bên A phê duyệt.

## **ĐIỀU 9. ĐIỀU CHỈNH KHỐI LƯỢNG, GIÁ HỢP ĐỒNG**

- 9.1** Về điều chỉnh khối lượng hợp đồng: Giá hợp đồng là đơn giá cố định và không thay đổi trong suốt quá trình hai Bên thực hiện Hợp đồng này với khối lượng thi công theo yêu cầu của Bên A giao cho Bên B trong phạm vi toàn bộ công trình. Khối lượng thanh toán sẽ tính theo khối lượng thi công thực tế được Bên A ký xác nhận nghiệm thu.
- 9.2** Nếu có khối lượng phát sinh, thay đổi (so với khối lượng giao khoán ban đầu) do Bên A yêu cầu thực hiện như các thay đổi về thiết kế làm tăng hoặc giảm khối lượng; các hạng mục bên B đã thi công xong, được xác nhận bởi bên A nhưng Bên A lại yêu cầu phá dỡ làm lại không do lỗi của Bên B; Các yêu cầu khác của Bên A không có trong phạm vi công việc tại hợp đồng thì giá trị quyết toán sẽ được cộng thêm hoặc trừ đi tương ứng với giá trị của phần công việc có khối lượng phát sinh, thay đổi đó. Giá trị cho các phần việc này lập thành phụ lục hợp đồng làm căn cứ trước khi triển khai.

## **ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

### **10.1 Quyền của Bên A**

- a) Bên A được quyền kiểm tra chất lượng, tiến độ thực hiện công việc của Bên B nhưng không làm cản trở các hoạt động bình thường của Bên B;
- b) Yêu cầu bên B tạm dừng thi công nếu bên B thi công không đảm bảo chất lượng kỹ thuật và an toàn lao động.
- c) Bên A có quyền không nghiệm thu, thanh toán những công việc do bên B thực hiện không đảm bảo chất lượng, các mất mát, hỏng hóc máy móc thiết bị do bên B không bảo quản trong quá trình sử dụng hoặc không tuân theo hướng dẫn của Nhà sản xuất. Có quyền trừ vào thanh toán định kỳ những vi phạm về nội quy công trường, an toàn lao động và vệ sinh môi trường theo như thỏa thuận trong hợp đồng.
- d) Bên A có quyền thay thế hoặc cắt bớt khối lượng của bên B nếu bên B thi công không đạt yêu cầu về chất lượng, tiến độ và an toàn lao động.
- e) Bên B chỉ được tiến hành thi công đối với các khu vực được Bên A bàn giao. Bên A có quyền từ chối thanh toán đối với các khu vực Bên B thi công mà chưa được sự đồng ý của Bên A. Ngoài ra, Bên A có quyền buộc Bên B bằng chi phí của mình tháo dỡ, phục hồi lại hiện trạng ban đầu của khu vực mà Bên B thi công chưa có sự đồng ý của Bên A.
- f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng.

### **10.2 Nghĩa vụ của Bên A**

- a) Cung cấp tài liệu có liên quan để thực hiện Công việc quy định của Hợp đồng.

- b) Cử và thông báo bằng văn bản cho Bên B về nhân lực chính tham gia quản lý và thực hiện Hợp đồng; Phối hợp với Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- c) Tiến hành thẩm định để phê duyệt các vấn đề phát sinh do Bên B trình trong thời gian nhanh nhất [•] ngày làm việc tránh làm ảnh hưởng đến tiến độ chung của Công trình. Những phát sinh thay đổi phải được Bên A phê duyệt thì Bên B mới được triển khai thi công.
- d) Bàn giao tim mốc cho bên B; chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin hoặc các thông báo để tham chiếu đó (các Điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn).
- e) Phải xin phép xây dựng theo qui định.
- f) Bàn giao toàn bộ mặt bằng xây dựng cho Bên B quản lý, sử dụng cho giai đoạn thi công phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của Hợp đồng;
- g) Cung cấp vật tư gạch ốp, lát kích thước theo quy cách và keo, ke, keo chít mạch ốp lát kịp thời để bên B thi công. Nếu phải thay đổi quy cách của toàn bộ mẫu gạch sẵn có thì Bên A phải chịu chi phí phát sinh.
- h) Bên A chịu trách nhiệm về chất lượng các vật tư bên A cung cấp cho Bên B thực hiện tại Công trình.
- i) Trường hợp bên A cung cấp vật tư chậm so với kế hoạch bên B đề xuất, trừ trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan hoặc do lỗi của Bên B thì bên A hỗ trợ các chi phí cho bên B và thời gian đó không tính vào tiến độ thi công.
- j) Trường hợp Bên A muốn tạm dừng công trình (do lỗi Bên A) thì Hai Bên tiến hành thỏa thuận chi phí và Bên A phải thanh toán các khoản chi phí cố định do tạm dừng thi công theo thỏa thuận.
- k) Bên A được quyền tạm dừng thi công xây dựng công trình và yêu cầu khắc phục hậu quả khi Bên B vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và các điều khoản khác quy định trong hợp đồng này và quy định của pháp luật.
- l) Trường hợp bên A chuyển giao hay sang nhượng lại công trình cho một bên khác thì bên A phải thanh toán cho bên B khối lượng đã thi công và đã được Bên A đồng ý nghiệm thu, các vật tư Bên A đã đồng ý cho Bên B nhập về (kể cả chưa thi công) và tất cả các chi phí liên quan trong phạm vi công việc của Hợp đồng này và đã được Bên đồng ý, nghiệm thu. Nếu bên A chưa thanh toán đầy đủ và thanh lý hợp đồng cho bên B thì các hoạt động liên quan trên công trường chưa được thực hiện tiếp.
- m) Tất cả các thầu phụ của bên A khi thi công trên công trường nếu sử dụng dịch vụ của bên B thì phải chịu phí, các nhà thầu tự liên hệ thỏa thuận với bên B.
- n) Nghiệm thu và bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán kịp thời, đúng, đủ cho Bên B theo quy định của Hợp đồng.
- o) Xem xét và chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Bên B trong quá trình thi công xây dựng công trình trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất.

## **ĐIỀU 11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

### **11.1 Quyền của Bên B**

- a) Bên B có quyền đề xuất với Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh ngoài Hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi Hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A;
- b) Bên B có quyền đề xuất thay đổi biện pháp thi công sau khi được Bên A chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá Hợp đồng đã ký kết;
- c) Bằng văn bản, Bên B nêu rõ các nội dung về thanh toán mà Bên A không thực hiện theo hợp đồng này. Bên B có quyền tạm dừng thi công và Bên A phải chịu các chi phí liên quan tính từ khi tạm dừng đến khi thi công trở lại trong trường hợp Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán quá 30 ngày làm việc kể từ ngày đến hạn thanh toán theo quy định trong Hợp đồng này, trừ trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan hoặc do lỗi của Bên B.

### **11.2 Nghĩa vụ của Bên B**

- a) Không được chuyển nhượng một phần hay toàn bộ công việc phải thực hiện cho đơn vị khác khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của bên A; Phối kết hợp, thống nhất với các nhà thầu khác (do chủ đầu tư ký hợp đồng thi công), không ảnh hưởng đến lợi ích của bên A đối với các công việc về: lắp đặt kính, phòng cháy chữa cháy, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho công trình... tương ứng để sắp xếp, đề ra giải pháp, bố trí cho phù hợp với tiến độ thi công chung được duyệt cùng với biện pháp kỹ thuật thi công xây dựng công trình. Không gây ảnh hưởng đến tiến độ chung và biện pháp kỹ thuật thi công xây dựng công trình;
- b) Nhận hồ sơ tài liệu có liên quan đến thi công công trình do Bên A bàn giao và thi công công trình theo đúng hồ sơ thiết kế, bản vẽ chi tiết, dự toán chi phí đã được Bên A phê duyệt và bàn giao đảm bảo đúng chất lượng, kỹ thuật theo tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam, đúng vật liệu đã thỏa thuận tại phụ lục 4 và Điều 16 hợp đồng này, đúng tiến độ, an toàn về phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và chịu trách nhiệm về chất lượng thi công xây dựng công trình do mình đảm nhận;
- c) Nghiêm túc tuân thủ quy phạm thi công, tiêu chuẩn nghiệm thu, yêu cầu kỹ thuật đảm bảo chất lượng công trình đạt tiêu chuẩn quy định;
- d) Có đầy đủ các giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật để thực hiện Hợp đồng;
- e) Chịu trách nhiệm hoàn toàn trong quá trình thi công làm ảnh hưởng đến các nhà lân cận và các vấn đề liên quan đến cơ quan hành chính trên địa bàn thuộc phạm vi công việc của Bên B;
- f) Bên B phải cung cấp nhân lực, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công và các điều kiện vật chất liên quan khác đủ số lượng và chủng loại theo Hợp đồng để thực hiện các công việc theo nội dung Hợp đồng đã ký kết;
- g) Bên B chỉ được sử dụng vật liệu sau khi đã được Bên A và Tư vấn giám sát chứng kiến lấy mẫu kiểm tra và đồng ý để Bên B đưa vào sử dụng. Dự trình lên Bên A kế hoạch vật tư (bao gồm: chủng loại, khối lượng, thời gian) trước thời điểm thi công

hạng mục ốp lát trong vòng [●] ngày để Bên A cung cấp vật tư gạch ốp, lát kịp thời, đầy đủ. Bên B chịu trách nhiệm vận chuyển lên các vị trí thi công.

- h) Quản lý công nhân xây dựng trên công trường, đảm bảo an ninh trật tự, không gây ảnh hưởng đến các nhà thầu khác và dân cư xung quanh; có biện pháp bảo đảm an toàn trong lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, trách nhiệm đối với người lao động và bảo hiểm thiết bị máy móc của mình trong quá trình thực hiện hợp đồng và tự chịu trách nhiệm về mọi rủi ro (nếu có xảy ra) trong suốt thời gian hợp đồng;
- i) Bên B tự mua bảo hiểm cho nhân viên và thiết bị của mình, bảo hiểm công trình lân cận, bảo hiểm bên thứ 3; Cán bộ nhân viên tham gia làm việc phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và các dụng cụ an toàn cần thiết phù hợp với tiêu chuẩn an toàn lao động. Nhân viên của Bên B làm việc tại hiện trường bắt buộc tuân thủ các nội quy, quy định trên công trường, tuân theo quy định về pháp luật, pháp quy có liên quan của nhà nước, nghiêm chỉnh tuân thủ yêu cầu an toàn sản xuất;
- j) Bên B phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, hồ sơ hoàn công, hồ sơ nghiệm thu theo quy định của Hợp đồng;
- k) Chịu mọi trách nhiệm và đền bù thiệt hại gây ra cho con người, của cải vật chất của Bên A hoặc Bên Thứ Ba (bao gồm bất kỳ mọi ảnh hưởng, thiệt hại nào cho công trình xây dựng lân cận, nhà của các hộ dân lân cận hoặc công trình đường, điện của nhà nước) trong phạm vi đảm nhận trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng do lỗi thuộc về Bên B. Bên A hoàn toàn không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về máy móc, tính mạng, sức khỏe con người và đối với Bên thứ ba khi lỗi thuộc về Bên B. Có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan để đảm bảo an toàn, tiến độ và chất lượng công trình.
- l) Bên B có trách nhiệm tuân thủ nội quy, quy định, quy chế của Bên A về quản lý thi công trên công trường;
- m) Xin phép sử dụng vỉa hè theo tiến độ hợp đồng, mặt bằng, điều kiện thi công. Xin phép đấu nối trực thoát nước thải ra cống thoát nước thành phố để thi công hạ mực nước ngầm. Xin phép đấu nối nguồn điện thi công 3 pha phù hợp với công suất trang thiết bị máy móc thi công;
- n) Lắp đặt vận thăng hàng phù hợp để vận chuyển vật tư, thiết bị phục vụ công tác thi công đảm bảo tiến độ. Bố trí nhân viên có chứng chỉ phù hợp theo quy định vận hành vận thăng hàng ngày. Vận thăng phải được kiểm định theo quy định pháp luật;
- o) Việc sử dụng nhà thầu phụ cho Bên B chỉ được tiến hành khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A. Trong mọi trường hợp, Bên B phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về nhà thầu phụ của mình;
- p) Bên B phải giữ bí mật thông tin liên quan đến Hợp đồng hoặc Pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin;
- q) Bàn giao và bảo hành công trình đúng quy định trong hợp đồng. Nhận và quản lý mặt bằng, chỉ giới xây dựng sau khi được bàn giao;
- r) Phối hợp với Bên A để giải quyết các vướng mắc trong quá trình thi công;

- s) Dọn dẹp, thu gom vật tư, phế thải trong phạm vi thi công của Bên B hàng ngày và vận chuyển về bãi tập kết dưới chân công trình theo quy định;
- t) Trong quá trình thi công, có bất cứ phát sinh nào liên quan đến công trình và bên thứ ba, Bên B phải báo cáo bằng văn bản với Bên A để tiến hành giải quyết. Nếu có bất kỳ sự kiện phát sinh mà không báo trước cho Bên A thì mọi hậu quả Bên B phải chịu trách nhiệm;
- u) Đưa khỏi công trình các công nhân, cán bộ của Bên B mà Bên A có ý kiến về việc người đó không đủ năng lực chuyên môn, trình độ để thực hiện công việc, hoặc có hành vi vi phạm an toàn lao động, phản đối, biểu tình, đánh nhau, gây rối, mất trật tự công cộng. Đồng thời chịu phạt vi phạm tương ứng được quy định trong Quy chế an toàn lao động và an ninh của Bên A ban hành.
- v) Sau khi ký kết hợp đồng, Bên B không được tự ý ngừng, hoặc chấm dứt thực hiện hợp đồng mà không có sự đồng ý của Bên A trừ trường hợp bất khả kháng hoặc Bên A vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng này;
- w) Thực hiện bảo hành theo đúng quy định của dự án với thời hạn bảo hành là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành bàn giao hạng mục cho Bên A. Bảo hành tại địa điểm thi công xây dựng. Trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ bảo hành, thì tùy theo giá trị chi phí khắc phục, Bên A sẽ thu hồi toàn bộ từ khoản tiền giữ lại đảm bảo nghĩa vụ bảo hành của Bên B.

### **11.3 Nhân lực của Bên B**

#### **a) Nhân lực của Bên B:**

- Nhân lực của Bên B phải có chứng chỉ, bằng cấp đảm bảo đúng theo quy định của Nhà nước, có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ.
- Bên B phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trong phạm vi của Bên B trên công trường.
- Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về nhân lực của nhà thầu tham gia thi công trên công trường, bao gồm nhưng không giới hạn: Chịu trách nhiệm về an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, nơi ăn và ở, đăng ký tạm trú với chính quyền địa phương. Ký kết Thỏa thuận lao động cho cán bộ của Bên B; chịu trách nhiệm về an toàn lao động; kiểm soát an toàn lao động của cán bộ tham gia thi công. Chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Bên A, cán bộ của Bên A hay Bên thứ 3 liên quan khác mà nguyên nhân do nhân sự của Nhà thầu gây ra theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành trừ nguyên nhân mang tính chất cá nhân.
- Nhà thầu phụ được xem như nhân lực của Bên B. Nhà thầu phụ có trách nhiệm như một bộ phận của Nhà thầu. Bên B chỉ được giao một phần công việc theo Thỏa thuận này cho nhà thầu phụ sau khi được Bên A đồng ý.

#### **b) Thiết bị của Bên B:**

- Bên B đảm bảo bố trí đầy đủ máy móc thiết bị phải có lý lịch, còn niên hạn sử dụng, kiểm định, hiệu chỉnh, hoạt động tốt theo đúng tiến độ thi công.
- Các nhà thầu khác khi muốn sử dụng các thiết bị máy móc và các tiện ích khác thì phải trả phí cho Bên B.

- Bên B hỗ trợ về việc cho đơn vị thi công sơn nước mượn giàn giáo để thi công.
- Bên B phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình.

#### **11.4 Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Bên B**

Bên B phải trình cho Bên A chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị hoạt động chủ yếu trên công trường trước khi khởi công.

#### **11.5 Hợp tác**

- a) Bên B phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối với: nhân lực của Bên A; các nhà thầu khác do Bên A thuê;
- b) Các dịch vụ cho những người này và các nhà thầu khác có thể bao gồm một phần các công trình tạm như mặt bằng thi công, bố trí đường vào công trường là trách nhiệm của Bên B tuy nhiên sẽ không bao gồm việc được sử dụng các thiết bị, vật tư, tiện ích của Bên B.
- c) Bên B phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường, phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các nhà thầu khác ở công trường.

#### **11.6 Bảo đảm an ninh**

- a) Bên B có trách nhiệm đảm bảo các nguyên vật liệu hoặc các thiết bị thi công được phê chuẩn mới được ra hoặc vào công trường trong phần việc của bên B. Bên B cũng có trách nhiệm tự thu xếp và đảm bảo an toàn cho các nguyên vật liệu cũng như máy móc thiết bị tại công trường.
- b) Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với mất mát xảy ra trong quá trình thi công đối với mọi tài sản của Bên B.

#### **11.7 Văn phòng tạm và Kho công trường, tiện ích công trường**

- a) Bên B tự đảm bảo văn phòng điều hành tạm thời của Bên B tại công trường.
- b) Bên B đảm bảo tự xây dựng các đường tạm, các phần hàng rào tạm thời để bảo đảm an toàn và an ninh cho khu vực công trình đang thi công;
- c) Sử dụng và bảo quản lán trại và chịu trách nhiệm trước Bên A cũng như chính quyền địa phương về nhân sự của đơn vị mình. Chịu trách nhiệm chi trả mọi loại phí do khai thác hoặc sử dụng các dịch vụ bởi Bên Thứ Ba cung cấp trong suốt quá trình thi công (như điện, nước, vệ sinh môi trường, thông tin liên lạc, các dịch vụ khác...).

#### **11.8 Bảo hiểm**

- a) Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn của hợp đồng, Bên B bằng chi phí của mình chịu trách nhiệm mua: (i) Bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị của Bên B trên công trường thi công; (ii) Bảo hiểm tai nạn cho người lao động, nhân viên của Bên B; (iii) Bảo hiểm cho bên thứ 3.
- b) Bên B phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản, tính mạng, sức khỏe của người thứ ba liên đới (người lao động, người sử dụng thiết bị, công trình xây dựng, các công trình lân cận) trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

- c) Bên B phải có trách nhiệm lập hồ sơ chứng minh tổn thất khi có thiệt hại xảy ra cho bên thứ ba bao gồm cả việc thuê giám định độc lập để được đơn vị bảo hiểm thanh toán. Phần còn lại của mức khấu trừ hoặc các phần không được đơn vị bảo hiểm thanh toán, thì Bên B phải chịu trách nhiệm chi trả.

#### **11.9 Các vấn đề khác có liên quan**

- a) Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Bên A. Bên B phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.
- b) Khi phát hiện ra những đồ vật này, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A để hướng dẫn giải quyết.

#### **11.10 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật liên quan.**

### **ĐIỀU 12. NHÀ THẦU PHỤ**

#### **12.1 Khi ký hợp đồng thầu phụ, Bên B phải thực hiện theo các quy định sau:**

- a) Đối với nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo Hợp đồng thì phải được Bên A chấp thuận bằng văn bản;
- b) Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A về tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và sai sót của mình và các công việc do các Nhà thầu phụ thực hiện;
- c) Bên B không được giao lại toàn bộ công việc theo Hợp đồng cho Nhà thầu phụ thực hiện.

#### **12.2 Nhà thầu phụ do Bên A chỉ định (nếu có)**

- a) Nhà thầu phụ do Bên A chỉ định là một nhà thầu được Bên A chỉ định cho Bên B thuê làm Nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Bên B không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi Bên A đã yêu cầu phải phù hợp chi phí thị trường và được bên B thống nhất bằng biên bản.
- b) Bên B có quyền từ chối nhà thầu phụ do Bên A chỉ định nếu công việc Bên B đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng hay chi phí không phù hợp với chi phí thị trường hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng nhà thầu phụ do Bên A chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu của Hợp đồng.

### **ĐIỀU 13. AN TOÀN LAO ĐỘNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ**

#### **13.1 An toàn lao động**

- a) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.

- b) Bên B phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải báo cáo Bên A và thực hiện biện pháp khắc phục vi phạm.
- c) Bên B có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến các quy định về ATLĐ cho người lao động của mình.

### **13.2 Bảo vệ môi trường**

- a) Bên B trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.
- b) Các Bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp Bên B không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công và yêu cầu Bên B thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường. Bên B chịu mọi chi phí liên quan.
- c) Đệ trình lên Bên A hồ sơ vị trí xả thải theo đúng quy định.

### **13.3 Phòng chống cháy nổ:**

Bên B phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công.

## **ĐIỀU 14. ĐẠI DIỆN CỦA BÊN A TẠI CÔNG TRƯỜNG**

Bên A có quyền chỉ định đại diện của mình (Có văn bản kèm theo) làm Đại diện tại Công trường với mục đích:

- a) Phê duyệt các vật tư, nguyên vật liệu xây dựng trước khi đưa vào thi công/lắp đặt.
- b) Kiểm tra các Công việc hoàn thành, xác nhận và kiểm tra các nguyên vật liệu dự kiến và trình độ tay nghề của người lao động. Trong trường hợp các nhân sự của Bên B tham gia thi công trên công trường không đáp ứng được yêu cầu thi công, hoặc thi công cầu thả, Đại diện của Bên A có quyền ra thông báo yêu cầu Bên B thay đổi nhân sự với những bằng chứng hợp lý. Yêu cầu này, phải được Bên B đáp ứng trong vòng 03 ngày kể từ ngày Bên A ra thông báo.
- c) Giám sát tiến độ thực hiện Công việc theo quy định tại Hợp đồng.
- d) Đưa ra các yêu cầu với biện pháp thay thế.
- e) Xác định và ra quyết định với các công việc nghiệm thu, các thử nghiệm, thí nghiệm tại chỗ hoặc lấy mẫu đối với vật liệu hoặc thành phẩm.
- f) Đại diện cho các quyền lợi của Bên A cũng như các công việc liên quan.

## **ĐIỀU 15. GIÁM SÁT THI CÔNG TẠI CÔNG TRƯỜNG**

**15.1** Bên B có nghĩa vụ đệ trình cho Bên A danh sách nhân sự Ban chỉ huy công trình của Bên B tham gia hoạt động thi công trên công trường trong vòng một ngày trước ngày khởi công. Bên B đảm bảo các nhân sự này có đủ năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật.

**15.2** Mọi sự thay đổi nhân sự tại công trường phải được sự chấp thuận của Bên A bằng văn bản.

## **ĐIỀU 16. VẬT TƯ, NGUYÊN VẬT LIỆU**

**16.1** Bên B đảm bảo rằng các vật tư, nguyên vật liệu đưa vào Công trình đảm bảo đúng chủng loại như Phụ lục [•] Hợp đồng này và như trong hồ sơ thiết kế kỹ thuật, cam kết chủng loại vật liệu và phải được Bên A chấp thuận. Trong trường hợp Bên B muốn thay đổi chủng loại vật tư thì chủng loại thay thế phải đảm bảo có các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn của chủng loại cũ và phải được Bên A chấp thuận trước khi đưa vào sử dụng. Trường hợp Bên A đề nghị Bên B thay đổi chủng loại vật tư, thiết bị khác với vật tư, thiết bị mà Bên B đã nêu trong hợp đồng, thì giá cả vật tư, thiết bị thay đổi đó được Hai Bên xác định lại theo giá thị trường thông qua hóa đơn tài chính.

**16.2** Ngoại trừ những vật tư do Bên A cấp (nếu có) theo thông báo bằng văn bản, Bên B chịu trách nhiệm thu xếp tài chính, tự mua sắm các loại vật tư, nguyên vật liệu cần thiết cho việc thi công Công trình. Bên B chịu trách nhiệm thanh toán trực tiếp cho các đơn vị cung cấp vật tư và Bên A không phải chịu bất cứ trách nhiệm gì đối với các khiếu kiện từ phía các đơn vị cung cấp (nếu có).

## **ĐIỀU 17. ĐIỀU KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TÁC**

**17.1** Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan, không thể lường trước được và nằm ngoài sự kiểm soát của Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn ở: thiên tai, bệnh dịch, hỏa hoạn, động đất, thủy triều, mưa lớn, bão cấp 8 trở lên hoặc các thiên tai khác; bạo động, chiến tranh, tình trạng khẩn cấp của quốc gia, khủng bố, gây rối, đình công; chế tài, lệnh cấm vận hoặc các sự kiện khác nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên... dẫn đến việc một hoặc cả hai Bên không có khả năng tiếp tục thực hiện Hợp đồng này.

**17.2** Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng (gọi tắt là “Bên Bị ảnh hưởng”) sẽ không bị coi là vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng và không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt Hợp đồng nếu Bên Bị ảnh hưởng đã:

- a) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra; và
- b) Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng [•] ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng.

**17.3** Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng.

**17.4** Tùy thuộc vào tình hình sau khi Sự kiện bất khả kháng xảy ra, Hai Bên cũng có thể thỏa thuận để chấm dứt Hợp đồng. Trong trường hợp này, Hai Bên sẽ cùng bàn bạc giải quyết quyền lợi trên cơ sở hoàn trả lại những gì đã nhận vượt quá lợi ích được hưởng.

## **ĐIỀU 18. GIẢI PHÁP THAY THẾ**

**18.1** Bên B không được phép thay đổi nội dung Công việc quy định tại Điều 4 Hợp đồng này mà không có được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A;

**18.2** Trong trường hợp Bên B nhận thấy có các giải pháp thay thế hữu hiệu hơn trong quá trình thi công, Bên B được phép đề xuất với Bên A về các giải pháp đó. Việc tiến hành các giải pháp này chỉ bắt đầu sau khi có chấp thuận của Bên A. Nếu không có chấp thuận của Bên A, các Công việc sẽ được tiến hành bình thường theo điều kiện của Hợp đồng.

## **ĐIỀU 19. ĐIỆN VÀ NƯỚC CÔNG TRƯỜNG**

Bằng kinh phí của Bên B, Bên B cung cấp và thanh toán điện nước (sử dụng nước giếng khoan, trường hợp dùng nước nhà máy theo yêu cầu thì chi phí do bên A thanh toán) cho các công việc của Bên B thực hiện, trường hợp các đơn vị thầu phụ khác của Bên A không thuộc phạm vi công việc của Bên B thì bằng chi phí của mình các đơn vị thầu phụ phải tự thỏa thuận hạng mục điện, nước tạm để thi công.

## **ĐIỀU 20. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

### **20.1** Thương Hợp đồng:

Trường hợp Bên B hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng sớm hơn so với thời gian quy định trong Hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho Bên A thì Bên A có thể sẽ xem xét thưởng cho Bên B. Mức thưởng và hình thức thưởng sẽ do Bên A quyết định.

### **20.2** Phạt do chậm thanh toán:

Nếu Bên A chậm thanh toán cho Bên B quá thời hạn [•] ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán theo quy định, trừ trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan hoặc do lỗi của Bên B thì Bên A sẽ bị phạt số tiền tương đương với tiền lãi tính trên lãi suất [•] tại thời điểm thanh toán đối với số tiền chậm thanh toán. Nếu việc thanh toán này quá thời gian cho phép, Bên B có quyền tạm dừng thi công và Bên A phải chịu mọi chi phí do việc tạm dừng này, thời gian tạm dừng này không tính vào tiến độ thi công.

### **20.3** Phạt do vi phạm tiến độ:

- a) Phạt chậm tổng tiến độ: Nếu Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hoặc thi công không đúng tiến độ quy định, Bên B sẽ chịu phạt [•]/ngày, tổng mức phạt tiến độ tối đa không quá [•] % giá trị Hợp đồng, đồng thời Bên B phải bồi thường mọi thiệt hại do việc chậm trễ của Bên B gây ra. Khoản phạt này được bên A khấu trừ ngay trong giá trị thanh toán hợp đồng của đợt thanh toán gần nhất kể từ ngày xảy ra việc vi phạm. Nếu việc chậm tiến độ vượt quá [•] ngày, bên A có quyền đơn phương chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng và bên B chịu phạt hợp đồng, đền bù toàn bộ thiệt hại do việc chậm trễ của bên B gây ra.
- b) Phạt chậm tiến độ theo giai đoạn:
  - Trong trường hợp bên B chậm tiến độ so với từng phân đoạn theo bản tiến độ chi tiết được duyệt, bên B phải chịu phạt khoản tiền bằng [•] % giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày chậm trễ. Khoản phạt này sẽ được bên A khấu trừ ngay trong các đợt thanh toán của bên B. Tùy theo chất lượng thi công của bên B, bên A có thể xem xét hoàn trả cho bên B khoản tiền phạt này nếu bên B có biện pháp khắc phục, đuổi kịp tiến độ và hoàn thành tiến độ ở phân đoạn tiếp theo.
  - Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu tổng thời gian thi công chậm tiến độ lũy kế của các phân đoạn vượt quá [•] ngày và bên B không có biện pháp khắc phục hợp lý được bên A chấp thuận, bên A có quyền cắt giảm khối lượng thi công của bên B, giao cho

nhà thầu khác thực hiện, và/ hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng, áp dụng các hình thức phạt theo quy định tại khoản 20.3(a) của điều này.

#### **20.4 Phạt vi phạm an toàn, chất lượng**

- a) Nếu bên B thi công không đúng hoặc không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của bản vẽ thiết kế thi công và tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật theo quy định hoặc vi phạm các quy định về An ninh trật tự, an toàn lao động - vệ sinh môi trường thì bên B phải thực hiện việc thay thế hoặc sửa chữa/ khắc phục và chịu mọi kinh phí cho việc thay thế/ sửa chữa/ khắc phục đó. Việc thay thế/ sửa chữa/ khắc phục được coi là hoàn thành sau khi được bên A nghiệm thu và xác nhận bằng văn bản, để làm rõ, việc thay thế/ sửa chữa/ khắc phục phải được thực hiện trong khoảng thời gian hợp lý do bên A ấn định. Trong trường hợp việc thay thế/ sửa chữa/ khắc phục làm tiến độ thực hiện hợp đồng bị chậm so với kế hoạch, bên A có quyền áp dụng các hình thức phạt như nêu tại Khoản 20.3 (a) của Điều này.
- b) Nếu bên B không thay thế/ sửa chữa/ khắc phục hoặc cố tình trì hoãn hoặc thay thế/ sửa chữa/ khắc phục không đầy đủ, không đảm bảo chất lượng, bên A có thể tự thực hiện hoặc thuê nhà thầu khác thực hiện tùy theo quyết định của bên A, và bên B sẽ phải chịu mọi chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc thực hiện việc thay thế/ sửa chữa/ khắc phục, đồng thời phải chịu phạt do vi phạm về chất lượng theo mức xử phạt.

#### **20.5 Phạt do vi phạm về chất lượng vật tư, vật liệu, sử dụng nhân sự, máy móc, thiết bị không đúng cam kết Hợp đồng:**

- a) Trường hợp Bên A phát hiện Bên B sử dụng Nhân sự không đủ điều kiện chuyên môn, kỹ năng ngành nghề hoặc không đúng với danh sách nhân sự đã được Bên A phê duyệt thì Bên B sẽ phải lập tức thay thế nhân sự đó.
- b) Nếu Bên B sử dụng vật tư không đúng chủng loại, máy móc không đảm bảo an toàn, không đáp ứng công suất, không có đăng ký, kiểm định thì Bên B phải ngay lập tức thay thế các vật tư, máy móc thiết bị này. Trường hợp gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại.

#### **20.6 Bồi thường thiệt hại**

Ngoài mức phạt do vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều này, bên nào vi phạm nghĩa vụ gây thiệt hại cho bên còn lại thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

### **ĐIỀU 21. KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

**21.1** Khiếu nại: Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 44 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

**21.2** Xử lý các tranh chấp.

- a) Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.
- b) Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Các Bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.
- c) Trường hợp thương lượng không có kết quả, Các Bên sẽ gửi vấn đề Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung để giải quyết theo Quy tắc Tổ tụng Trọng tài của Trung tâm này.

**21.3** Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

## **ĐIỀU 22. TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI BÊN A**

### **22.1** Tạm ngừng Hợp đồng bởi Bên A

- a) Bên A vào bất cứ thời điểm nào đều có quyền yêu cầu Bên B tạm ngừng thực hiện công việc của một hạng mục hay toàn bộ công trình khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- Bên A phát hiện sự cố, sai sót hoặc các lỗi thi công mà Bên A cho rằng có thể ảnh hưởng đến chất lượng của Công trình;
  - Bên B không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, tiến độ và an toàn lao động theo hợp đồng đã ký kết.
  - Bên B không thực hiện việc sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian theo yêu cầu bằng văn bản của Bên A;
  - Vi phạm bất cứ quy định nào theo Hợp đồng này và theo quy định pháp luật;
  - Thông báo khác từ Bên A;
- b) Khi nhận được thông báo tạm ngưng, Bên B sẽ ngay lập tức ngừng tiến hành công việc. Nếu việc tạm ngưng xuất phát từ nguyên nhân của Bên B, trách nhiệm của Bên B, khi đó Bên B phải chịu hậu quả của việc tạm ngưng. Trong thời gian tạm ngưng đó, Bên B phải bảo vệ, đảm bảo hạng mục hoặc công trình không bị xuống cấp, mất mát hay bị hư hỏng.

### **22.2** Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

- a) Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng tại bất cứ thời điểm nào bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B. Bên A không phải chịu bất kỳ trách nhiệm và nghĩa vụ nào khi Hợp đồng này được chấm dứt.
- b) Ngoài các quy định của Hợp đồng, Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B:
- Không thực hiện theo bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc một thông báo theo Khoản 22.1 [Tạm ngừng Hợp đồng bởi Bên A] của Hợp đồng;
  - Dừng, không thực hiện công việc theo Hợp đồng mà không có lý do, bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng trong vòng [●] ngày liên tục hoặc [●] ngày mà không có lý do chính đáng;
  - Không đủ năng lực tổ chức thi công, thường xuyên thi công không đảm bảo chất lượng, chậm tiến độ, có nguy cơ gây hậu quả nghiêm trọng về ATLĐ cho người và thiết bị tại công trình;
  - Giao thầu phụ toàn bộ công trình hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự chấp thuận trước của Bên A bằng văn bản;
  - Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc phải tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản.

- Bên B vi phạm một trong các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc thi công không đảm bảo chất lượng theo quy định của Hợp đồng và đã được bên A nhắc nhở và yêu cầu khắc phục mà bên B vẫn không khắc phục hoặc có khắc phục nhưng không triệt để trong khoản thời gian hợp lý do bên A đưa ra;
  - Bên B thực hiện các hành vi hối lộ, đưa hoa hồng, quà tặng, trực tiếp hoặc gián tiếp cho nhân viên của bên A;
  - Bên B không mở hoặc không duy trì các loại bảo lãnh theo quy định tại Hợp đồng này.
- c) Sự lựa chọn của Bên A trong việc quyết định chấm dứt Hợp đồng sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên B theo Hợp đồng.
- d) Bên B phải rời công trường và chuyển các vật tư, vật liệu cần thiết đi, các tài liệu của bên A phải chuyển cho bên A. Bên B sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo (i) chuyển nhượng hợp đồng thầu phụ, và (ii) bảo vệ tính mạng và tài sản hay cho sự an toàn của công trình. Nếu bên B không thực hiện đầy đủ các chỉ thị này của bên A, bên A có quyền tiến hành tự di dời thiết bị, công trình tạm, vật tư phục vụ thi công của bên B. Bên A sẽ thông báo rằng thiết bị của Bên B và các Công trình tạm thời sẽ được giải phóng cho Bên B ở tại hoặc gần Công trường. Bên B sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi, rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Bên B chịu và Bên B không có bất kỳ khiếu nại nào đối với bên A, kể cả việc di dời của bên A gây ra hư hỏng, mất mát đối với thiết bị, công trình tạm và vật tư phục vụ thi công của bên B. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Bên B còn nợ Bên A một khoản thanh toán nào thì Bên A được quyền bán chúng để lấy lại tiền, số tiền dư ra sẽ được trả cho Bên B.
- e) Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể hoàn thành Công trình và/hoặc sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Bên A và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ hàng hóa, tài liệu nào của Nhà thầu nào và các tài liệu thiết kế khác do Bên B thực hiện hoặc do đại diện Bên B thực hiện.
- f) Bên A sẽ thông báo rằng thiết bị của Bên B và các công trình tạm thời sẽ được giải phóng cho Bên B ở tại hoặc gần công trường. Bên B sẽ phải sắp xếp để chuyển đi, rủi ro và chi phí cho việc này do bên B chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Bên B còn nợ Bên A một khoản thanh toán nào thì Bên A được quyền thanh lý máy móc, thiết bị đó để lấy lại tiền, số tiền dư ra sẽ được trả cho Bên B.
- g) Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng vào bất cứ lúc nào thuận tiện cho Bên A, bằng cách thông báo cho Bên B việc chấm dứt Hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực sau 07 ngày sau khi Bên B nhận được thông báo của Bên A hoặc Bên A trả lại bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

### **22.3 Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng**

Ngay khi thông báo chấm dứt theo khoản 22.2 của Hợp đồng [chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A] có hiệu lực, Bên A sẽ xem xét để đồng ý hoặc không đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Bên B và các khoản tiền phải thanh toán cho Bên B đối với các công việc đã được thực hiện theo đúng Hợp đồng.

## 22.4 Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo khoản 22.2 của Hợp đồng [chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A] có hiệu lực, Bên A có thể:

- a) Không thanh toán thêm cho Bên B cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Bên A chấp thuận đã được xác định;
- b) Thu lại từ Bên B các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Bên A phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành Công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Bên B. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Bên A sẽ thanh toán phần tiền cân đối cho Bên B.

## ĐIỀU 23. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI BÊN B

Bên B được quyền tạm dừng hoặc chấm dứt Hợp đồng nếu:

- a) Bên A không thanh toán hoặc thanh toán chậm quá 30 ngày kể từ ngày bên B trình hồ sơ thanh toán đủ tài liệu theo quy định tại Hợp đồng, trừ trường hợp do lỗi của Bên B, sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Nếu Bên B tiếp đó nhận được tạm ứng hoặc thanh toán trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.
- b) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, giải thể, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc phải tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác.
- c) Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Bên B có thể, bằng thông báo trước 15 ngày cho Bên A trước ngày chấm dứt Hợp đồng.
- d) Ngừng và việc di dời thiết bị của bên B:
- e) Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo đúng quy định tại Hợp đồng này, Bên B sẽ ngay lập tức:
- f) Ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Bên A hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của Công trình.
- g) Chuyển giao cho Bên A toàn bộ tài liệu của Bên B, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Bên B đã được thanh toán theo Hợp đồng này.
- h) Di dời tất cả thiết bị, vật tư, vật liệu khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi Công trường theo hướng dẫn của Bên A.
- i) Giải quyết sau khi chấm dứt Hợp đồng:
- j) Trong các trường hợp chấm dứt Hợp đồng nêu trên, Bên B phải dọn dẹp công trường và tiến hành giao trả mặt bằng Công trình lại cho Bên A trong vòng 05 ngày theo quy định Hợp đồng. Quá thời hạn này Bên A có quyền trưng thu máy móc thiết bị của Bên B. Bên B không có quyền phá hủy các hạng mục Công trình đã thực hiện.
- k) Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có quyền tự thực hiện hoặc chỉ định đơn vị khác thực hiện để hoàn thành Công trình. Bên A có quyền sử dụng toàn bộ các tài liệu và hàng hóa tại công trường của Bên B cho mục đích hoàn thành Công trình.

## **ĐIỀU 24. THANH LÝ HỢP ĐỒNG**

**24.1** Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

- a) Các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký;
- b) Hợp đồng bị chấm dứt theo quy định của Điều 22 [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A], Điều 23 [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B].

**24.2** Thời hạn hoàn tất:

Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 1 năm kể từ ngày Các Bên tham gia Hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc sau 60 ngày với trường hợp hợp đồng bị chấm dứt theo quy định của điều 22 (tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi bên A) hoặc Điều 23 (chấm dứt hợp đồng bởi bên B).

**24.3** Chấm dứt trách nhiệm của Bên A

Bên A sẽ không chịu trách nhiệm với Bên B về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp đồng hoặc liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng.

## **ĐIỀU 25. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**25.1** Các phụ lục sau là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng này:

- Phụ lục [●]: Bảng báo giá thi công
- Phụ lục [●]: [Bảng tổng hợp giá trị khối lượng công việc đính kèm hợp đồng].
- Phụ lục [●]: [Bảng phụ lục diễn giải giá trị các hạng mục thanh toán theo hợp đồng].
- Phụ lục [●]: [Bảng tổng hợp chi tiết chủng loại vật tư].
- Phụ lục [●]: [Đề nghị thanh toán]
- Phụ lục [●]: [Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng]
- Phụ lục [●]: [Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài phạm vi công việc của hợp đồng]

**25.2** Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến Hợp đồng sẽ được coi là thông tin Mật và các Bên không được phép tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác mà chưa được sự chấp thuận của Bên kia, trừ trường hợp có yêu cầu của Tòa án có thẩm quyền hoặc quyết định hành chính từ cơ quan chức năng;

**25.3** Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng phải được Hai Bên thống nhất và lập thành văn bản, có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của cả Hai Bên;

**25.4** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành [●] bản bằng [●] có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ [●] bản, Bên B giữ [●] bản để thực hiện./.

Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp đồng này.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

MCCAC

---

## MẪU 17. HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA

---

### ***GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:***

1. Hợp đồng sửa chữa là một dạng của Hợp đồng dịch vụ, thể hiện sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc sửa chữa cho bên yêu cầu sửa chữa và bên yêu cầu phải trả tiền dịch vụ sửa chữa cho bên cung ứng dịch vụ sửa chữa
2. Một số quy định của pháp luật về hợp đồng dịch vụ cần tham khảo khi soạn thảo hợp đồng dịch vụ: Điều 74 đến Điều 87 Luật Thương mại năm 2005, Điều 513 đến Điều 521 Bộ luật Dân sự năm 2015.
3. Ký hiệu [•] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
4. Mẫu Hợp đồng kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các Bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng..... năm.....

**HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA**

**(Ô TÔ, MÁY MÓC)**

Số: [•]

Hợp Đồng Sửa Chữa này (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") được lập và ký ngày [•] giữa các Bên:

**BÊN A (BÊN YÊU CẦU SỬA CHỮA):**

**CÔNG TY** : [•]  
Mã số thuế : [•]  
Địa chỉ trụ sở chính : [•]  
Đại diện bởi : [•]  
Chức danh : [•] – Người đại diện theo pháp luật.

*[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]*

**VÀ**

**BÊN B (BÊN NHẬN SỬA CHỮA):**

**CÔNG TY** : [•]  
Mã số thuế : [•]  
Địa chỉ trụ sở chính : [•]  
Đại diện bởi : [•]  
Chức danh : [•] – Người đại diện theo pháp luật

*[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:]*

**ÔNG / BÀ** : [•]  
Ngày sinh : [•]  
CCCD / CMND : [•]  
Ngày cấp : [•]  
Địa chỉ: : [•]  
Điện thoại, email : [•]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là “**Bên**”, gọi chung là “**các Bên**”.

### **XÉT RÀNG:**

- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên A];
- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên B];

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Sửa Chữa này theo các điều khoản và điều kiện sau:

### **ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG**

Bên A thuê bên B gia công:

- Tên loại máy móc, ô tô cần sửa chữa [●]
- Những bộ phận hư hỏng cần sửa chữa, phục hồi: [●]
- Những bộ phận cần thay thế phụ tùng khác: [●]

### **ĐIỀU 2. YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM**

- Bộ phận 1: [●] (tên bộ phận hư hỏng)  
Yêu cầu: [●] (mức chất lượng cần đạt sau khi sửa chữa)
- Bộ phận 2: [●] (tên bộ phận hư hỏng)  
Yêu cầu: [●] (mức chất lượng cần đạt sau khi sửa chữa)

### **ĐIỀU 3. VỀ VẬT TƯ**

- 3.1** Vật tư cũ, hư hỏng không sử dụng được tháo ra từ [●] do bên B thu hồi.
- 3.2** Bên A (B) có trách nhiệm cung ứng vật tư, phụ tùng thay thế và phải chịu trách nhiệm về vật tư đó.
- 3.3** Thời gian cung cấp vật tư trong [●] ngày, bắt đầu từ ngày [●] đến ngày [●] (trong thời hạn hợp đồng).

### **ĐIỀU 4. THỜI GIAN SỬA CHỮA**

- 4.1** Bên B có trách nhiệm hoàn tất công việc sửa chữa toàn bộ [●] trong thời gian là [●] ngày (tháng) (Có cụ thể hóa thời gian hoàn thành sửa chữa từng bộ phận khi xét thấy cần.)
- 4.2** Nếu có khó khăn về vật tư hoặc gặp hoàn cảnh đột xuất không thể khắc phục thì bên B báo cho bên A xin kéo dài thêm một thời gian cần thiết, nếu bên A không được thông báo bên B mà giao nghiệm thu chậm, coi như vi phạm hợp đồng.

### **ĐIỀU 5. ĐƠN GIÁ**

- 5.1** Hai bên thỏa thuận giá vật tư theo giá thị trường tự do (ghi trong bản chiết tính dưới đây).
- 5.2** Đơn giá ngày công của một công nhân kỹ thuật trong sửa chữa là [●] đồng/ngày.

- 5.3 Khi giá thị trường có biến động thì giá vật tư và giá ngày công của công nhân kỹ thuật sẽ được tính lại theo mặt bằng giá mới của thị trường vào thời điểm bàn giao nghiệm thu.
- 5.4 Lập bản chiết tính vật tư, nhân công cần phải sử dụng cho việc sửa chữa

STT	Yêu cầu chất lượng sửa chữa	Số lượng	Trị giá	Thành tiền
1.	Bộ phận cần sửa chữa thay thế			
2.	Chi phí vật tư			
3.	Nhân công			
<b>Tổng cộng</b>				

5.5 Tổng chi phí: [•] (Bằng chữ)

## ĐIỀU 6. THANH TOÁN VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

- 6.1 Bên A thanh toán cho bên B đợt 1 là [•] % chi phí sửa chữa là [•] đồng theo biên bản nghiệm thu đợt 1.
- 6.2 Thanh toán hết số tiền còn lại là [•] khi có biên bản nghiệm thu bàn giao.
- 6.3 Phương thức thanh toán [•] (tiền mặt hoặc chuyển khoản)
- 6.4 Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản ngân hàng theo thông tin người thụ hưởng như sau:
- Chủ tài khoản : [•]
  - Số tài khoản : [•]
  - Ngân hàng : [•]

## ĐIỀU 7. NGHIỆM THU

- 7.1 Bên A có quyền mời cơ quan giám định chuyên môn hoặc chuyên gia giúp cho mình kiểm tra chất lượng sửa chữa vào thành phần ban nghiệm thu.
- 7.2 Bên B có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện cho hoạt động nghiệm thu theo hai đợt. Đợt 1 khi đạt [•] % giá trị hợp đồng và đợt 2 khi hoàn tất (nếu công việc đơn giản, thực hiện trong thời gian ngắn thì nghiệm thu một lần).

## ĐIỀU 8. BẢO HÀNH

- 8.1 Thời gian bảo hành kết quả sửa chữa [•] (dựa theo quy định của Nhà nước, nếu không có thì hai bên tự thỏa thuận).
- 8.2 Trong thời hạn bảo hành nếu bên A phát hiện có hư hỏng, sai sót về chất lượng, về

kỹ thuật thì phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho bên B biết để cùng nhau xác minh. Việc xác minh phải được tiến hành không chậm quá [•] ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Việc xác minh phải được lập thành biên bản. Hai bên có kết luận rõ ràng về nguyên nhân gây ra hư hỏng đó thuộc về bên nào, quy định thời gian sửa chữa.

- 8.3** Trong thời hạn [•] ngày kể từ ngày được thông báo, nếu bên B không trả lời thì coi như đã chấp nhận có sai sót và có trách nhiệm sửa chữa sai sót đó.
- 8.4** Nếu sai sót không được sửa chữa hoặc việc sửa chữa kéo dài dẫn đến những thiệt hại khác trong kế hoạch sử dụng [•] thì bên A có quyền phạt bên B vì phạm hợp đồng là [•] % giá trị bộ phận hư hỏng và bắt bồi thiệt hại như trường hợp không thực hiện hợp đồng.

## **ĐIỀU 9. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

- 9.1** Bên nào vi phạm hợp đồng một mặt phải trả cho bên bị vi phạm hợp đồng, mặt khác nếu có thiệt hại xảy ra do lỗi vi phạm hợp đồng dẫn đến như: mất mát, hư hỏng tài sản, phải chi phí để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại do vi phạm gây ra, tiền phạt do vi phạm hợp đồng khác và tiền bồi thường thiệt hại mà bên bị vi phạm phải trả cho bên thứ ba là hậu quả trực tiếp của sự vi phạm này gây ra.
- 9.2** Khi công việc không đúng với yêu cầu kỹ thuật đã thỏa thuận trong hợp đồng thì bên A có quyền không nhận. Nếu nhận có quyền yêu cầu phải giảm giá hoặc sửa chữa sai sót trước khi nhận. Trong trường hợp do phải sửa chữa sai sót mà hợp đồng không được thực hiện đúng thời hạn thì bên B bị phạt vi phạm hợp đồng như trường hợp vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng.
- 9.3** Nếu bên A không tiếp nhận [•] đã hoàn thành theo đúng hợp đồng, trong [•] ngày đầu sẽ bị phạt [•] % giá trị phần hợp đồng và phạt thêm [•] % cho mỗi đợt [•] ngày tiếp theo cho tới mức cao nhất là [•] % giá trị phần hợp đồng.
- 9.4** Nếu bên B vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng sẽ bị phạt [•] % giá trị hợp đồng cho [•] ngày lịch đầu và phạt thêm [•] % mỗi ngày tiếp theo cho tới [•] % giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.
- 9.5** Nếu bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán sẽ bị phạt theo mức lãi suất tín dụng quá hạn của [•] tính từ ngày hết thời hạn thanh toán. Ngoài ra còn phải chịu bồi thường thiệt hại bằng tổng số tiền lãi mà bên B phải trả cho ngân hàng do vay mua vật tư sửa chữa cho [•] của bên A (nếu có) mà nguyên nhân là do bên A chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.
- 9.6** Bên nào đã ký kết hợp đồng mà không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng không có lý do chính đáng thì bị phạt vi phạm là [•] % giá trị hợp đồng đã ký (cao nhất là [•] %).
- 9.7** Nếu hợp đồng này có bên nào đó gây ra đồng thời nhiều loại vi phạm thì chỉ phải chịu một loại phạt có số tiền phạt ở mức cao nhất theo mức phạt mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng này.

## **ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

- 10.1** Quyền của Bên A:

- Yêu cầu bên B thực hiện sửa chữa theo đúng chất lượng, bộ phận cần sửa chữa, thời hạn, theo thỏa thuận tại hợp đồng này. Trường hợp Bên B có các yêu cầu tư vấn, trao đổi, Bên A sẽ liên hệ với Bên B và nhân sự trực tiếp phụ trách vụ việc trong giờ làm việc của Bên B theo hình thức liên hệ phù hợp (điện thoại, email hoặc/và các phương thức liên lạc khác).
- Yêu cầu bên B thông báo về tiến độ sửa chữa.
- Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại nếu bên B gây thiệt hại cho bên A trong quá trình sửa chữa.
- Trường hợp bên B vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

## **10.2 Nghĩa vụ của bên A:**

- Thanh toán tiền dịch vụ cho bên B như đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- Cung cấp cho bên B thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc, nếu có thỏa thuận hoặc việc thực hiện công việc đòi hỏi.
- Cung cấp kịp thời các kế hoạch, chỉ dẫn và những chi tiết khác để việc sửa chữa được thực hiện không bị trì hoãn hay gián đoạn.
- Hợp tác trong tất cả những vấn đề cần thiết khác để bên cung ứng có thể sửa chữa một cách thích hợp.
- Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

### **11.1 Quyền của bên B:**

- Yêu cầu bên A cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện để thực hiện công việc.
- Được yêu cầu, nhận thanh toán Phí Sửa Chữa theo thỏa thuận tại Hợp đồng này; được quyền tạm ngừng sửa chữa hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng này nếu Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán.
- Được yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến Sửa Chữa và không chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, đầy đủ của các tài liệu.
- Yêu cầu Bên A bồi thường thiệt hại nếu Bên A gây thiệt hại cho Bên B trong quá trình sửa chữa.

### **11.2 Nghĩa vụ của bên B:**

- Bên B có nghĩa vụ sửa chữa theo đúng yêu cầu đã thỏa thuận.
- Không được giao cho người khác thực hiện thay công việc nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của bên A.
- Bảo quản và phải giao lại cho bên A các tài liệu và phương tiện được giao sau khi hoàn thành công việc (nếu có).
- Báo ngay cho bên A về việc thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện không bảo đảm chất lượng để hoàn thành công việc.
- Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong thời gian thực hiện công việc.
- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình cho Bên A trong quá trình sửa chữa.

- Thực hiện bảo hành trong thời hạn bảo hành theo Điều 8 Hợp đồng này nếu phát sinh vấn đề.

## **ĐIỀU 12. BẢO MẬT THÔNG TIN**

- 12.1** Mỗi Bên phải giữ bí mật toàn bộ các thông tin, tài liệu, thỏa thuận có được do Bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ nội dung của Hợp đồng này; các email, thư từ, tài liệu, văn bản tư vấn của Bên B; các văn bản do Bên B soạn thảo, cung cấp; các thông tin, dữ liệu, tài liệu do Bên A cung cấp,... (gọi chung là “**Thông Tin Mật**”), ngoại trừ:
- a) Các thông tin đó là hoặc sẽ trở thành thông tin công khai, mà không do lỗi của bất kỳ Bên nào;
  - b) Các thông tin đó được cung cấp cho Cơ quan có thẩm quyền;
  - c) Một Bên nhận được thông tin từ bên thứ ba độc lập mà bên thứ ba này không chịu trách nhiệm đối với bên nào khác;
  - d) Các thông tin mà một Bên đã có sẵn tại thời điểm mà thông tin đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, được Bên kia cung cấp.
- 12.2** Một Bên không được, khi chưa có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia, sử dụng Thông Tin Mật mà Bên kia yêu cầu giữ bí mật cho bất kỳ mục đích nào khác trừ trường hợp tiết lộ vì mục đích thực hiện Sửa Chữa theo Hợp đồng này hoặc tiết lộ theo yêu cầu của pháp luật hoặc có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý Nhà nước.

## **ĐIỀU 13. CHI PHÍ KHÁC**

- 13.1** Chi phí vận chuyển nguyên vật liệu là: [•] đồng, do bên [•] chịu trách nhiệm thanh toán.
- 13.2** Chi phí mua bảo hiểm hàng hoá là [•] đồng, do bên [•] chịu trách nhiệm thanh toán.
- 13.3** Chi phí [•] là [•] đồng, do bên [•] chịu trách nhiệm thanh toán.

(Bên A và bên A tự thỏa thuận về nội dung các khoản chi phí khác và ghi cụ thể vào trong hợp đồng này).

## **ĐIỀU 14. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN**

- 14.1** Hợp đồng này có thể chấm dứt trước hạn nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- a) Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;
  - b) Một Bên vi phạm bất cứ điều khoản nào của Hợp đồng này và Bên còn lại thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng cho Bên vi phạm trước 07 ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng;
  - c) Một Bên ở trong tình trạng mất khả năng thanh toán hoặc đang trong quá trình đi đến phá sản (hoặc trong một trình trạng tương tự khác theo quy định của luật pháp Việt Nam) và Bên còn lại thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng cho Bên vi phạm trước [•] ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng; hoặc
- 14.2** Trong trường hợp Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn thì Bên A vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên B phần chi phí tương ứng với công việc thực tế hoặc từng giai đoạn dịch vụ mà Bên B đã thực hiện, hoàn trả các chi phí thực tế đã phát sinh

không bao gồm trong Thù lao Dịch vụ (xác định theo Điều 4 của Hợp đồng này).

## **ĐIỀU 15. THÔNG BÁO**

**15.1** Bất kỳ thông báo, đồng ý, chấp thuận, hoặc liên hệ, trao đổi thông tin, khiếu nại giữa các Bên về các nội dung, vấn đề liên quan đến Hợp đồng này ("**Thông Báo**") phải thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực khi được chuyển bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm chuyên trực tiếp, gửi qua bưu điện, fax hoặc email hoặc các phương tiện truyền tin khác đến một trong các địa chỉ nhận tin của các Bên như sau:

a) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên A:

- Địa chỉ: [●]
- Điện thoại:[●]
- Fax: [●]
- Email: [●]
- Nhân sự liên hệ: [●]
- Tài khoản zalo/ viber: [●]

b) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên B:

- Địa chỉ: [●]
- Điện thoại[●]
- Fax: [●]
- Email: [●]
- Nhân sự liên hệ: [●]
- Tài khoản zalo/ viber: [●]

**15.2** Thông báo cũng có thể được gửi trực tiếp, bằng dịch vụ chuyển phát hoặc bằng e-mail, các phương tiện trực tuyến với điều kiện là phải có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng chứng rõ ràng về việc gửi. Các thông báo được gửi trực tiếp, hoặc được gửi bằng bất kỳ phương tiện nào khác được phép sẽ được xem là đã nhận được vào thời điểm gửi.

**15.3** Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận các Thông Báo của mình bằng cách gửi Thông Báo cho Bên kia về việc thay đổi địa chỉ nhận thông báo theo phương thức được quy định tại Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 16. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

**16.1** Sự kiện bất khả kháng là sự kiện khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các sự kiện sau đây, bao gồm nhưng không giới hạn, được xem là các sự kiện bất khả kháng:

- Thiên tai;
- Động đất, hoả hoạn, lũ lụt, dịch bệnh và những thảm hoạ thiên nhiên khác;
- Chiến tranh, phá hoại, nội chiến, khủng bố;
- Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Bên B;
- Thay đổi chính sách pháp luật của nhà nước.

- 16.2 Bên bị cản trở việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên kia và không quá [•] ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, nêu rõ sự bắt đầu, ngày bắt đầu, ngày dự tính kết thúc của sự kiện bất khả kháng, nghĩa vụ theo Hợp đồng bị ảnh hưởng.
- 16.3 Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng được hai Bên công nhận là đúng, bên gặp sự kiện bất khả kháng sẽ được hoãn thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng tương với thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng và được miễn trừ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng từ sự kiện bất khả kháng gây ra.

## **ĐIỀU 17. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- 17.1 Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.
- 17.2 Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng này, các Bên sẽ nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải trên tinh thần hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

## **ĐIỀU 18. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- 18.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 18.2 Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với các điều khoản của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được thực hiện bằng văn bản và được Bên A và Bên B cùng ký xác nhận.
- 18.3 Hợp đồng này hình thành toàn bộ thỏa thuận giữa Bên B và Bên A, và thay thế tất cả các đàm phán, tuyên bố hoặc thỏa thuận trước đây giữa các Bên, bằng hình thức trao đổi miệng hoặc bằng văn bản, liên quan đến nội dung của Hợp đồng.
- 18.4 Hợp đồng này được lập thành [•] bản gốc bằng [•], mỗi Bên giữ [•] bản có giá trị pháp lý như nhau.

*Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp đồng này.*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Đóng dấu)*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Đóng dấu)*

---

## MẪU 18. HỢP ĐỒNG LI-XĂNG CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU

---

### *GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:*

1. Hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu là một thỏa thuận pháp lý, trong đó chủ sở hữu nhãn hiệu (bên chuyển giao) cho phép một tổ chức hoặc cá nhân khác (bên nhận chuyển giao) sử dụng nhãn hiệu của mình trong một phạm vi, thời gian và điều kiện nhất định.
2. Một số quy định của pháp luật về hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu cần tham khảo khi soạn thảo hợp đồng: Bộ Luật Dân sự 2015, Luật Sở hữu trí tuệ 2005 sửa đổi bổ sung 2022, và các quy định có liên quan khác.
3. Ký hiệu [•] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
4. Mẫu Hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các Bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**HỢP ĐỒNG LI-XĂNG**  
**CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU**  
**Số: [•]**

Hợp Đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu [•] này (sau đây gọi là “**Hợp đồng**”) được lập và ký ngày [•] giữa các Bên:

**BÊN CHUYỂN GIAO (Sau đây gọi tắt là Bên A):**

**CÔNG TY [•]**

Mã số thuế : [•]  
Địa chỉ trụ sở chính : [•]  
Đại diện bởi : [•]  
Chức danh : [•] – Người đại diện theo pháp luật

*[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]*

**VÀ**

**BÊN NHẬN CHUYỂN GIAO (Sau đây gọi tắt là Bên B):**

**CÔNG TY [•]**

Mã số thuế : [•]  
Địa chỉ trụ sở chính : [•]  
Đại diện bởi : [•]  
Chức danh : [•] – Người đại diện theo pháp luật

*[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:]*

**ÔNG / BÀ** : [•]  
Ngày sinh : [•]  
CCCD / CMND : [•]  
Ngày cấp : [•]  
Địa chỉ: : [•]  
Điện thoại, email : [•]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là “**Bên**”, gọi chung là “**các Bên**”.

## **XÉT RÀNG:**

- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên A];
- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên B];

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu này theo các điều khoản và điều kiện sau:

### **ĐIỀU 1. CĂN CỨ CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU**

Bên chuyển giao cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của nhãn hiệu sau đây tại Việt Nam:

Nhãn hiệu [•]Nhóm [•] Sản phẩm [•] Số đơn [•] Quyết định chấp nhận hợp lệ ngày [•]

### **ĐIỀU 2. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI**

- 2.1 “Nhãn hiệu” có nghĩa là nhãn hiệu được bảo hộ tại [•]
- 2.2 “Bên A/Bên giao quyền sở hữu” là Công ty: [•]
- 2.3 “Bên B/Bên nhận quyền sở hữu” là Công ty [•]
- 2.4 “Phí chuyển giao” có nghĩa là khoản tiền mà Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A để đổi lấy quyền sử dụng Nhãn hiệu, được quy định tại điều 6.
- 2.5 “Ngày có hiệu lực” là ngày Hợp đồng này được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam xác nhận đăng ký.
- 2.6 “Cục Sở hữu trí tuệ” là Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký Hợp đồng Li-xăng này.
- 2.7 “Li-xăng độc quyền” nghĩa là trong thời hạn Hợp đồng, Bên giao không được sử dụng Nhãn hiệu và không được cấp phép cho bất kỳ Bên thứ ba nào khác.

### **ĐIỀU 3. LUẬT VÀ NGÔN NGỮ SỬ DỤNG TRONG HỢP ĐỒNG**

- 3.1 Hợp đồng này được diễn giải và áp dụng theo Pháp luật Việt Nam.
- 3.2 Ngôn ngữ của Hợp đồng là tiếng Việt.

### **ĐIỀU 4. CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU (LI-XĂNG)**

Bên A bằng văn bản này chuyển giao cho bên B quyền sử dụng Nhãn hiệu tại Việt Nam cho sản phẩm đã được đăng kí theo Số đơn [•] nêu trên và Bên B bằng văn bản này tiếp nhận quyền sử dụng nhãn hiệu theo đúng phương thức quy định trong Hợp đồng này.

### **ĐIỀU 5. PHẠM VI CHUYỂN GIAO LI-XĂNG**

- 5.1 Hình thức chuyển giao : Độc quyền.
- 5.2 Lãnh thổ Li-xăng : Việt Nam.
- 5.3 Thời hạn Li-xăng : Hợp đồng sẽ có hiệu lực trong vòng [•] năm kể từ ngày Hợp

đồng này được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ trừ trường hợp bị hủy bỏ hoặc chấm dứt trước thời hạn theo các điều kiện nêu tại Điều 8 dưới đây.

## **ĐIỀU 6. PHÍ CHUYỂN GIAO VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

- 6.1** Tổng phí chuyển giao chưa bao gồm VAT: [●]
- 6.2** Phương thức thanh toán: [●]
- 6.3** Thời hạn thanh toán: [●]
- 6.4** Nghĩa vụ nộp thuế liên quan đến việc chuyển giao
- 6.5** Bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm liên quan đến nghĩa vụ nộp thuế liên quan đến việc chuyển giao Li-xăng.

## **ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều khoản khác của Hợp Đồng này, Bên A và Bên B có các quyền và nghĩa vụ nêu dưới đây.

- 7.1** Quyền và nghĩa vụ của bên A
  - a. Bên giao có nghĩa vụ giao đủ toàn bộ giấy tờ liên quan đến Nhãn hiệu kể từ khi Hợp đồng này có hiệu lực trong thời hạn [●] ngày kể từ ngày ký kết tại địa điểm và bằng phương thức như hai bên đã thoả thuận.
  - b. Bên A phải đảm bảo điều kiện về quyền sở hữu cho Bên B đối với Nhãn hiệu không bị tranh chấp bởi bên thứ ba, không vi phạm bản quyền.
  - c. Không sử dụng và không cấp phép cho bất kỳ bên thứ ba nào sử dụng Nhãn Hiệu trên phạm vi Lãnh Thổ trong thời hạn li-xăng.
  - d. Nếu Bên B chậm thanh toán tiền và các chi phí khác thì Bên B phải trả tiền lãi theo lãi suất nợ quán hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.
- 7.2** Quyền và nghĩa vụ của Bên B
  - a. Độc quyền sử dụng Nhãn Hiệu được li-xăng vào mục đích kinh doanh của mình trong phạm vi li-xăng được quy định tại Hợp Đồng này.
  - b. Bên B có trách nhiệm thực hiện mọi nghĩa vụ liên quan đến Nhãn hiệu sau khi được Bên A chuyển quyền đối với Nhãn hiệu đang đăng ký bảo hộ [●], số đơn: [●]

## **ĐIỀU 8. ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG, THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

- 8.1** Bên B có nghĩa vụ tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký việc chuyển giao Li-xăng này với Cục sở hữu trí tuệ của Việt Nam và tự chịu mọi chi phí liên quan.
- 8.2** Hợp đồng này được xem như có hiệu lực kể từ ngày được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam xác nhận đăng ký và sẽ duy trì hiệu lực đầy đủ trừ khi chấm dứt trước thời hạn theo các điều khoản khác của Hợp đồng.

- 8.3** Hợp đồng có thể được gia hạn theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa các bên trên cơ sở các điều khoản và điều kiện do hai bên thỏa thuận và được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

## **ĐIỀU 9. DUY TRÌ HIỆU LỰC CỦA NHÃN HIỆU**

Bên A đảm bảo có đầy đủ quyền hợp pháp và chính đáng đối với Nhãn hiệu, cũng như quyền cấp Li - xăng sử dụng nhãn hiệu tại thời điểm kí kết hợp đồng này. Đồng thời, Bên A cam kết nỗ lực hết sức trong việc đảm bảo và duy trì hiệu lực của đăng ký Nhãn hiệu tại Việt Nam trong suốt thời hạn của Hợp đồng.

## **ĐIỀU 10. CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ SỬA ĐỔI, ĐÌNH CHỈ, VÔ HIỆU HỢP ĐỒNG**

- 10.1** Mọi sửa đổi hoặc bổ sung đối với Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi lập thành văn bản, chữ ký bởi đại diện có thẩm quyền của các Bên và được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.
- 10.2** Hợp đồng sẽ bị đình chỉ hiệu lực nếu quyền sở hữu công nghiệp của Bên A bị đình chỉ hoặc trong trường hợp bất khả kháng.
- 10.3** Hợp đồng này sẽ vô hiệu nếu quyền sở hữu công nghiệp của Bên A đối với Nhãn hiệu bị hủy bỏ theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **ĐIỀU 11. PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Mọi tranh chấp liên quan và/hoặc phát sinh từ Hợp Đồng này sẽ được bàn bạc giải quyết trên tinh thần thương lượng, hòa giải giữa Các Bên. Trong trường hợp không thể giải quyết thông qua thương lượng hòa giải, mỗi Bên có thể đưa tranh chấp ra để giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

## **ĐIỀU 12. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

- 12.1** Sự kiện bất khả kháng có nghĩa là những sự kiện nằm ngoài sự kiểm soát của các Bên, không thể lường trước được khiến cho bất cứ Bên nào hoặc cả Hai bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này: Sự cấm đoán, hành vi hoặc sự trì hoãn của Chính phủ, của chính quyền địa phương; bạo loạn, chiến tranh, tình trạng khẩn cấp của Quốc gia (cho dù có tuyên bố hay không) bạo động hoặc đình công, động đất hoặc các thiên tai khác; Sự thay đổi của chính sách, pháp và tất cả các sự kiện khác nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên (“Sự Kiện Bất Khả Kháng”).
- 12.2** Trường hợp một Bên bị trì hoãn hoặc cản trở thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng do Sự Kiện Bất Khả Kháng (“Bên Bị Ảnh Hưởng”), Bên Bị Ảnh Hưởng phải:
- Thông báo bằng văn bản tới Bên còn lại về Sự Kiện Bất Khả Kháng và những chứng cứ hợp lý của sự kiện này.
  - Gửi thông báo bằng văn bản tới Bên còn lại thông báo về sự trì hoãn hoặc trở ngại này sớm nhất trong khả năng có thể và xác định ngày bắt đầu và mức độ của sự trì hoãn hoặc trở ngại này, nguyên nhân của sự trì hoãn hoặc trở ngại này và thời gian ước tính của sự trì hoãn hoặc trở ngại này.

- c. Sử dụng tất cả những nỗ lực hợp lý để giảm thiểu tới mức thấp nhất tác động của sự trì hoãn hoặc trở ngại này đến việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Hợp Đồng này; và
- d. Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình sớm nhất có thể sau khi loại bỏ được lý do gây ra sự trì hoãn hoặc trở ngại này.

**12.3** Khi xảy ra Sự kiện bất khả kháng, thời hạn để thực hiện nghĩa vụ bị chậm trễ do bị ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng sẽ được kéo dài tương ứng với thời gian tồn tại của Sự kiện bất khả kháng mà Bên chịu ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này. Nếu sau [•] liên tiếp, kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng mà Bên chịu ảnh hưởng không thể tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình thì một trong các bên có quyền chấm dứt và tiến hành thanh lý Hợp đồng này.

### **ĐIỀU 13. THÔNG BÁO**

**13.1** Bất kỳ thông báo yêu cầu thông tin, mọi thay đổi về trách nhiệm nghĩa vụ và quyền lợi trong các điều khoản đã thỏa thuận, khiếu nại phát sinh liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản bằng Tiếng Việt và gửi đến các địa chỉ ở phần đầu Hợp đồng này hoặc địa chỉ thay đổi sau này theo thông báo của Hai Bên.

**13.2** Trong trường hợp không có thỏa thuận khác, tất cả các thông báo sẽ được gửi qua bưu điện hoặc giao trực tiếp. Khi bưu điện không phát thư được vì bất kỳ lý do gì thì Bên thông báo sẽ thông tin cho Bên kia được biết và gửi thông báo bằng fax hoặc thư điện tử cho Bên kia. Trong một số trường hợp đặc biệt khẩn cấp, một trong Hai Bên đồng ý hình thức thông báo cho Bên kia bằng điện thoại trực tiếp.

**13.3** Hai bên thống nhất rằng, các thông báo, yêu cầu, thông tin, khiếu nại được coi là đã nhận nếu đúng địa chỉ, đúng tên người nhận, đúng hình thức thông báo theo thỏa thuận tại Khoản 1,2 nêu trên và thời gian được xác định như sau:

- a. Khi giao trực tiếp: là ngày gửi và có chữ ký của người nhận thông báo;
- b. Khi gửi qua bưu điện: sau [•] ngày làm việc kể từ ngày đóng dấu bưu điện đến;
- c. Khi gửi qua fax: là thời điểm Bên đó nhận được tín hiệu chuyển fax thành công;
- d. Trong các trường hợp này, nếu ngày tương ứng rơi vào ngày chủ nhật hoặc ngày lễ của Việt Nam thì các thông báo, yêu cầu, khiếu nại hoặc thư từ giao dịch... nói trên sẽ được xem như bên kia nhận được vào ngày kế tiếp.

**13.4** Hai Bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có đề nghị thay đổi địa chỉ, hình thức, tên người nhận thông báo... Nếu Bên có thay đổi không thông báo lại cho Bên kia biết thì Bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc Bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.

### **ĐIỀU 14. BẢO MẬT**

**14.1** Tại Hợp đồng này, các thông tin mật được hiểu là toàn bộ các thông tin của bất kỳ Bên nào, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ các thông tin về hoạt động kinh doanh, thông tin tài chính, cơ cấu tổ chức, thông tin khách hàng, thông tin tiếp thị, bí quyết và bí mật kinh doanh liên quan đến hoạt động của Bên đó, thông tin liên quan đến việc hợp tác theo hợp đồng này hay việc kinh doanh.

**14.2** Một Bên đảm bảo, thừa nhận và cam kết với Bên kia rằng: Tất cả các Thông Tin Mật

sẽ được sử dụng duy nhất cho mục đích của Hợp đồng này; được bảo mật tuyệt đối; không được sao chép trừ trường hợp thật sự cần thiết trong phạm vi được ủy quyền; và được hoàn trả và/hoặc hủy bỏ sau khi chấm dứt Hợp đồng.

- 14.3** Nghĩa vụ bảo mật thông tin nêu tại Điều này không được áp dụng cho bất kỳ thông tin nào: (i) là hoặc trở thành một phần của thông tin đã được phổ biến ra công chúng trừ trường hợp thông tin bị tiết lộ là hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin quy định tại Hợp đồng này; hoặc (ii) đã được thể hiện trong các báo cáo có trước ngày Hợp đồng này có hiệu lực; hoặc (iii) được tiết lộ một cách độc lập từ một Bên thứ ba có quyền được tiết lộ những thông tin này; hoặc (iv) buộc phải tiết lộ theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc theo yêu cầu của tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 14.4** Nếu một Bên vi phạm quy định về bảo mật thông tin và không khắc phục trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên bị vi phạm, hoặc vi phạm lần 2 thì Bên bị vi phạm có quyền chấm dứt Hợp đồng này, sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm.

## **ĐIỀU 15. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 15.1** Hợp đồng này được giải thích và hiểu theo pháp luật Việt Nam.
- 15.2** Các bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các điều khoản của Hợp đồng. Các điều khoản, nội dung công việc cam kết trong Hợp đồng khi cần có thể được sửa đổi, bổ sung, lập phụ lục thỏa thuận Hợp đồng giữa Hai bên. Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung hoặc lập Phụ lục Hợp đồng phải được lập thành văn bản, có chữ ký của Hai bên và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng.
- 15.3** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày Hai Bên ký kết. Hợp đồng này là toàn bộ thỏa thuận giữa các bên và thay thế bất kỳ thỏa thuận, cam kết, sắp xếp, thông đạt hoặc diễn đạt ý định nào mà có liên quan đến nội dung Hợp đồng này. Hợp đồng này được xem là kết thúc khi có Biên bản thanh lý Hợp đồng được đại diện hợp pháp của 02 Bên ký kết.
- 15.4** Hợp đồng này được lập thành [•] bản [•] có giá trị pháp lý như nhau; mỗi Bên giữ [•] bản.
- 15.5** Hợp đồng này được ký bởi đại diện có thẩm quyền của các Bên vào ngày được nêu ở phần đầu.

*Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp đồng này.*

**BÊN CHUYỂN GIAO**

*(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**BÊN NHẬN CHUYỂN GIAO**

*(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

---

## MẪU 19. HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ

---

### **GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:**

1. Hợp đồng đại lý là văn bản ghi nhận thỏa thuận về việc bên đại lý nhân danh chính mình mua, bán hàng hoá cho bên giao đại lý hoặc cung ứng dịch vụ của bên giao đại lý cho khách hàng để hưởng thù lao. (*Điều 166 Luật thương mại năm 2005*).
2. Một số quy định của pháp luật về hợp đồng dịch vụ cần tham khảo khi soạn thảo hợp đồng dịch vụ: Điều 166 đến Điều 177 Luật Thương mại năm 2005.
3. Ký hiệu [•] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
4. Mẫu Hợp đồng đại lý kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các Bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng..... năm.....

**HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ**

**ĐẠI LÝ CẤP 1**

Số: .../HDDL

Hợp Đồng Đại Lý Độc Quyền này (sau đây gọi là “**Hợp đồng**”) được lập và ký ngày [•] giữa các Bên:

**BÊN GIAO ĐẠI LÝ:**

**CÔNG TY [•]**

Mã số thuế : [•]  
Địa chỉ trụ sở chính : [•]  
Đại diện bởi : [•]  
Chức danh : [•] – Người đại diện theo pháp luật.

*[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]*

**VÀ**

**BÊN ĐẠI LÝ:**

**CÔNG TY [•]**

Mã số thuế : [•]  
Địa chỉ trụ sở chính : [•]  
Đại diện bởi : [•]  
Chức danh : [•]

*[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:]*

**ÔNG / BÀ** : [•]  
Ngày sinh : [•]  
CCCD / CMND : [•]  
Ngày cấp : [•]  
Địa chỉ: : [•]

Điện thoại, email : [•]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là “**Bên**”, gọi chung là “**các Bên**”.

**XÉT RÀNG:**

- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên Giao Đại Lý];
- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên Đại Lý];

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Đại Lý này theo các điều khoản và điều kiện sau:

**ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH**

Trừ khi có quy định cụ thể khác trong Hợp đồng này hoặc ngữ cảnh bắt buộc phải giải thích theo một ý nghĩa khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu và diễn giải như sau:

- 1.1 “Khu vực độc quyền” có nghĩa là toàn bộ diện tích khu vực tỉnh/thành phố, hoặc toàn bộ diện tích khu vực quận/huyện, thuộc tỉnh/thành phố được phân định theo địa giới hành chính cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc địa giới hành chính cấp quận/huyện do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành tại thời điểm ký kết hợp đồng.
- 1.2 “Thù lao đại lý” là khoản tiền mà Bên Đại Lý nhận được từ việc làm đại lý cho Bên Giao Đại Lý;
- 1.3 “Tiền hàng” là khoản tiền được tính trên Sản phẩm mà Bên Đại Lý đã bán được cho Bên Giao Đại Lý khi làm đại lý cho Bên Giao Đại Lý;
- 1.4 “Sản phẩm cạnh tranh trực tiếp” là các hàng hóa cùng chức năng, chủng loại và có khả năng ảnh hưởng tiêu cực đến sức tiêu thụ của sản phẩm được phân phối theo Hợp đồng này;
- 1.5 “Kiểm soát” tức là khả năng chỉ đạo việc quản lý hay các chính sách một cách trực tiếp hoặc gián tiếp,
- 1.6 “Giá bán lẻ” có nghĩa là giá bán lẻ Sản phẩm cho Người tiêu dùng cuối cùng trên thị trường;
- 1.7 “Cơ sở kinh doanh” là nơi Bên Đại Lý sẽ thực hiện hoạt động phân phối bán buôn, bán lẻ Sản phẩm cho Khách hàng;
- 1.8 “Nhà phân phối” nghĩa là các đơn vị, tổ chức và/hoặc cá nhân thực hiện kinh doanh bán buôn Sản phẩm trên thị trường Việt Nam hoặc nước ngoài;
- 1.9 “Bên khác” là cá nhân, tổ chức không phải là Bên Giao Đại Lý, Bên Đại Lý;
- 1.10 “Pháp luật Việt Nam” có nghĩa là bất kỳ văn bản nào trong Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- 1.11 “Ngày” có nghĩa là ngày tính theo dương lịch và là ngày làm việc. Ngày làm việc là ngày không phải là ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Bộ luật Lao động.

- 1.12** Đại lý cấp 1: Là đơn vị được ký hợp đồng đại lý và được quản lý một tỉnh hoặc một thành phố (Trừ một số thành phố lớn).
- 1.13** Đại lý cấp 2: Là các đơn vị được ký hợp đồng đại lý nhưng chưa đủ điều kiện làm đại lý cấp 1. Việc quyết định đơn vị nào là đại lý cấp 2 phải tham khảo ý kiến của đại lý cấp 1 thuộc vùng quản lý của đại lý đó.

## **ĐIỀU 2. ĐẠI LÝ ĐỘC QUYỀN**

- 2.1** Bên Giao Đại Lý sau đây chỉ định và Bên Đại Lý đồng ý nhận làm Đại lý cấp 1 phân phối độc quyền Sản phẩm quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này trong Khu vực độc quyền tại tỉnh/thành phố ....., Việt Nam.
- 2.2** Các Bên xác nhận và đồng ý rằng Hợp đồng này mang tính độc quyền và do vậy Bên Đại Lý thông qua Hợp đồng này được độc quyền phân phối các Sản phẩm tại Khu vực độc quyền của Bên Đại Lý. Các Bên hiểu rằng Bên Giao Đại Lý sẽ không tự mình phân phối Sản phẩm và/hoặc giao quyền Đại lý phân phối Sản phẩm cho Bên khác (dù là cấp 1 hay cấp 2) và/hoặc hợp tác cùng Bên khác để thực hiện việc phân phối Sản phẩm trong Khu vực độc quyền của Bên Đại Lý theo Hợp đồng.
- 2.3** Bên Giao Đại Lý bảo lưu quyền điều chỉnh, sửa đổi danh mục Sản phẩm quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Việc điều chỉnh, sửa đổi danh mục sản phẩm sẽ được thông báo cho Bên Đại Lý bằng văn bản trước [•] ngày kể từ ngày áp dụng danh mục Sản phẩm mới. Trong trường hợp này, Bên Đại Lý có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận tiếp tục làm đại lý cho Bên Giao Đại Lý.
- 2.4** Nếu Bên Đại Lý chấp nhận tiếp tục làm Đại lý, Các Bên sẽ tiến hành chỉnh sửa các điều khoản trong Hợp đồng bị ảnh hưởng do thay đổi danh mục Sản phẩm.
- 2.5** Nếu Bên Đại Lý không chấp nhận tiếp tục làm đại lý thì Bên Đại Lý có quyền đình chỉ thực hiện Hợp đồng.

## **ĐIỀU 3. KẾ HOẠCH KINH DOANH**

- 3.1** Trong thời hạn [•] ngày làm việc kể từ ngày ký kết Hợp đồng này, Bên Đại Lý sẽ đệ trình kế hoạch kinh doanh phát triển thị trường phân phối Sản phẩm (sau đây gọi tắt là “Kế hoạch kinh doanh”) trên Khu vực độc quyền cho Bên Giao Đại Lý. Kế hoạch kinh doanh được lập cho thời gian từ ngày thứ [•] (tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực) tới ngày cuối cùng của năm đó.
- 3.2** Kế hoạch kinh doanh sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở các nội dung chính như sau:
- Bộ máy tổ chức hoạt động kinh doanh của Bên Đại Lý;
  - Các cơ sở kinh doanh của Bên Đại Lý, nguồn lực tài chính và các bước thực hiện kế hoạch kinh doanh để bảo đảm đáp ứng doanh số bán Sản phẩm tối thiểu theo quy định tại Khoản 3.3 dưới đây của Hợp đồng này;
  - Nguồn Khách hàng tiềm năng có xu hướng tiêu dùng cao đối với Sản phẩm và các chiến lược để tiếp cận nguồn Khách hàng này trên Khu vực độc quyền;
  - Bảng giá bán buôn và bán lẻ Sản phẩm;
- 3.3** Bên Đại Lý phải bảo đảm doanh số bán Sản phẩm theo quy định của Bên Giao Đại

Lý

- a. Tối thiểu là [•] sản phẩm/tháng (Trong vòng [•] tháng đầu tiên). Từ tháng thứ [•] trở đi tối thiểu là [•] sản phẩm/tháng.
  - b. Được phép cộng hàng quý nếu [•] tháng đầu chưa đạt doanh số trên một tháng.
- 3.4** Trong thời hạn [•] ngày làm việc kể từ ngày nhận được Kế hoạch kinh doanh của Bên Đại Lý, Bên Giao Đại Lý phải trả lời bằng văn bản về việc đồng ý phê duyệt hoặc đề xuất sửa đổi Kế hoạch kinh doanh của Bên Đại Lý. Trong thời hạn [•] ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bên Giao Đại Lý về đề xuất sửa đổi Kế hoạch kinh doanh:
- a. Bên Đại Lý gửi Kế hoạch kinh doanh đã được sửa đổi theo đề xuất của Bên Giao Đại Lý; hoặc
  - b. Bên Đại Lý gửi văn bản từ chối sửa đổi Kế hoạch kinh doanh. Trường hợp này, Bên Đại Lý có quyền đình chỉ thực hiện hợp đồng.
- 3.5** Kế hoạch kinh doanh được duyệt sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày được duyệt tới ngày làm việc cuối cùng của năm đó.
- 3.6** Trường hợp điều chỉnh kế hoạch kinh doanh: Bên Đại Lý thông báo bằng văn bản điều chỉnh kế hoạch và được Bên Giao Đại Lý duyệt trong vòng 1 [•] ngày kể từ ngày gửi. Sau [•] ngày, nếu Bên Đại Lý không nhận được sự phê duyệt của Bên Giao Đại Lý thì coi như Bên Giao Đại Lý đồng ý với Kế hoạch kinh doanh được điều chỉnh.
- 3.7** Trong các năm tiếp theo, vào ngày làm việc cuối cùng của tuần [•] tháng thứ [•], Bên Đại Lý sẽ đệ trình Kế hoạch kinh doanh bằng văn bản cho Bên Giao Đại Lý;
- 3.8** Kết thúc ngày làm việc cuối cùng của tuần thứ [•] tháng thứ [•] của năm, trong trường hợp Bên Đại Lý chỉ đáp ứng được dưới [•] % Kế hoạch kinh doanh đã được phê duyệt, Bên Giao Đại Lý thanh toán hoa hồng và có quyền đình chỉ thực hiện hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản cho Bên Đại Lý trước [•] ngày kể từ đình chỉ thực hiện Hợp đồng;
- 3.9** Trường hợp Bên Đại Lý không đạt được doanh số bán Sản phẩm tại Khoản 3.3 Hợp đồng quá [•] lần liên tục/năm thì Bên Giao Đại Lý có quyền đình chỉ thực hiện hợp đồng.

#### **ĐIỀU 4. YÊU CẦU ĐẶT HÀNG VÀ GIAO HÀNG**

- 4.1** Chậm nhất vào ngày [•] hàng tháng, Bên Đại Lý sẽ gửi Yêu cầu đặt hàng bằng văn bản cho Bên Giao Đại Lý trong đó nêu rõ tên, chủng loại, số lượng Sản phẩm cần đặt hàng, thời gian giao hàng và phương thức giao hàng.
- 4.2** Trong thời hạn [•] ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản Yêu cầu đặt hàng của Bên Đại Lý, Bên Giao Đại Lý sẽ trả lời thông báo bằng văn bản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận Yêu cầu đặt hàng của Bên Đại Lý.
  - a. Trường hợp Bên Giao Đại Lý trả lời thông báo bằng văn bản về việc chấp thuận hoặc không phản hồi Yêu cầu đặt hàng của Bên Đại Lý, Yêu cầu đặt hàng sẽ có giá trị ràng buộc Các Bên phải thực hiện và được coi là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

- b. Trường hợp Bên Giao Đại Lý trả lời thông báo bằng văn bản về việc không chấp thuận Yêu cầu đặt hàng của Bên Đại Lý thì Bên Giao Đại Lý phải giải thích bằng văn bản lý do từ chối. Trường hợp lý do Bên Giao Đại Lý từ chối không hợp lý thì Bên Giao Đại Lý phải thực hiện theo Yêu cầu đặt hàng của Bên Đại Lý và bồi thường các thiệt hại cho Bên Đại Lý do sự từ chối của Bên Giao Đại Lý (nếu có).

**4.3** Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các điều khoản trong Yêu cầu đặt hàng và các quy định trong Hợp đồng này, các điều khoản trong Yêu cầu đặt hàng sẽ được ưu tiên áp dụng. Quy định này không áp dụng đối với các thỏa thuận liên quan đến các nội dung nêu tại Điều 6 của Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 5. THÙ LAO ĐẠI LÝ VÀ TIỀN HÀNG**

### **5.1 Thù lao đại lý**

- a. Bên Đại Lý sẽ được hưởng Thù lao đại lý dưới hình thức tỷ lệ phần trăm hoa hồng trên giá sản phẩm bán được (giá sản phẩm để tính phần trăm hoa hồng là giá đã bao gồm thuế GTGT). Tỷ lệ phần trăm hoa hồng cố định của Bên Đại Lý là [•] % (... phần trăm).
- b. Mọi thay đổi về Thù lao đại lý sẽ được Bên Giao Đại Lý thông báo trước bằng văn bản trước [•] trước thời điểm chính thức áp dụng.
- c. Thay đổi về Thù lao đại lý sẽ không áp dụng cho các yêu cầu đặt hàng đã có hiệu lực trước ngày Bên Giao Đại Lý áp dụng chính sách thay đổi Thù lao đại lý.
- d. Giá bán buôn và bán lẻ Sản phẩm của Bên Đại Lý cho đối tác và khách hàng của Bên Đại Lý sẽ do Bên Giao Đại Lý quyết định trong từng thời điểm khác nhau và được quy định cụ thể tại Phụ lục [•] của Hợp đồng.
- e. Trường hợp Bên Đại Lý không chấp nhận sự thay đổi Thù lao đại lý từ Bên Giao Đại Lý, Bên Đại Lý có quyền đình chỉ thực hiện hợp đồng.
- f. Bên Giao Đại Lý sẽ thanh toán Thù lao đại lý cho Bên Đại Lý bằng tiền mặt hoặc bằng cách chuyển khoản đến tài khoản do Bên Đại Lý chỉ định trong thời hạn [•] ngày làm việc kể từ ngày Các Bên chốt công nợ theo Điều 6 Hợp đồng này. Trường hợp vượt quá thời hạn trên mà Bên Giao Đại Lý không hoàn thành việc thanh toán cho Bên Đại Lý thì Bên Giao Đại Lý sẽ trả lãi suất trả chậm tương ứng với mức lãi suất trả chậm do Ngân hàng [•] công bố ở cùng thời điểm, tính trên số ngày chậm trả và số tiền chậm trả.
- g. Đồng tiền thanh toán sẽ là: Việt Nam Đồng.

### **5.2 Tiền hàng**

- a. Bên Đại Lý sẽ thanh toán Tiền hàng cho Bên Giao Đại Lý bằng tiền mặt hoặc bằng cách chuyển khoản đến tài khoản do Bên Giao Đại Lý chỉ định cho mỗi Yêu cầu đặt hàng theo [•] đợt với nội dung cụ thể như sau:
- Đợt 1: Thanh toán [•] Tiền hàng tương ứng với Yêu cầu đặt hàng khi Các Bên hoàn thành việc giao hàng;
  - Đợt 2: Thanh toán [•] Tiền hàng tương ứng với Yêu cầu đặt hàng trong vòng [•] ngày kể từ ngày Các Bên hoàn thành việc đối chiếu công nợ tại Điều 6 Hợp đồng;

- b. Trường hợp vượt quá thời hạn trên mà Bên Đại Lý không hoàn thành việc thanh toán cho Bên Giao Đại Lý thì Bên Đại Lý sẽ trả lãi suất trả chậm tương ứng với mức lãi suất trả chậm do [•] công bố ở cùng thời điểm, tính trên số ngày chậm trả và số tiền chậm trả.
- c. Đồng tiền thanh toán sẽ là: Việt Nam Đồng.

## **ĐIỀU 6. ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ**

- 6.1 Vào ngày làm việc thứ [•] của mỗi tháng, Các Bên sẽ tiến hành đối chiếu công nợ của tháng trước đó.
- 6.2 Nội dung đối chiếu công nợ là: Số Tiền hàng của Bên Đại Lý và số Thù lao đại lý của Bên Đại Lý tương ứng với số Tiền hàng đó.
- 6.3 Việc đối chiếu công nợ phải được lập thành biên bản có đầy đủ chữ ký và đóng dấu của Giám đốc/Tổng giám đốc và kế toán của Các Bên.
- 6.4 Trong trường hợp Các Bên không thống nhất được công nợ do chưa khớp số dư thì Bên không đồng ý vẫn phải ký quyết toán và chốt công nợ, đồng thời ghi ý kiến của mình lên bản xác nhận công nợ đó. Các tranh chấp hay vướng mắc về công nợ phải được giải quyết dứt điểm trong vòng 05 (năm) ngày sau đó. Khi việc giải quyết khiếu nại hoặc cân số dư công nợ hoàn thành thì việc mua bán hàng hoá mới được tiếp tục.

## **ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN GIAO ĐẠI LÝ**

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định trong các điều khoản khác của Hợp đồng này, Bên Giao Đại Lý còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

### **7.1 Quyền của Bên Giao Đại Lý**

- a. Được thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền hàng;
- b. Yêu cầu Bên Đại Lý tiến hành cung cấp các thông tin liên quan đến doanh số bán hàng, số lượng hàng tồn kho, các chương trình xúc tiến thương mại, quảng cáo trên Khu vực độc quyền của mỗi [•].
- c. Trường hợp Bên Đại Lý vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, làm mất uy tín của Bên Giao Đại Lý thì Bên Giao Đại Lý có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

### **7.2 Nghĩa vụ của Bên Giao Đại Lý**

- a. Trả Thù lao đại lý và các chi phí hợp lý khác cho Bên Đại Lý;
- b. Định kỳ cung cấp cho Bên Đại Lý các thông tin về Sản phẩm như: Danh mục và Catalogue sản phẩm hiện có, giá cả sản phẩm, dịch vụ đối với Khách hàng;
- c. Cung cấp bản sao các hồ sơ pháp lý doanh nghiệp và Sản phẩm cho Bên Đại Lý khi Bên Đại Lý có yêu cầu;
- d. Đảm bảo cung cấp Sản phẩm đúng chủng loại, chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật của pháp luật và thỏa thuận của Các Bên và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Bên Đại Lý

- và Bên khác nếu Sản phẩm do Bên Giao Đại Lý cung cấp không đúng với các điều kiện trên;
- e. Căn cứ vào lệnh đặt hàng của Bên Đại Lý, Bên Giao Đại Lý giao hàng và hoá đơn đến địa điểm Bên Đại Lý chỉ định trong thời hạn mà Các Bên thỏa thuận;
  - f. Thực hiện các chương trình hỗ trợ, xúc tiến bán hàng phù hợp định hướng phát triển kinh doanh của Bên Giao Đại Lý;
  - g. Thông báo bằng văn bản đến Bên Đại Lý khi thực hiện các chương trình hỗ trợ, xúc tiến bán hàng hoặc khi thay đổi giá bán các Sản phẩm của Bên Giao Đại Lý;
  - h. Nhận hàng hoá hoàn trả nếu hàng hoá không đạt yêu cầu do lỗi Bên Giao Đại Lý;
  - i. Thực hiện đúng các cam kết được ghi nhận trong Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN ĐẠI LÝ**

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định trong các điều khoản khác của Hợp đồng này, Bên Đại Lý còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

### **8.1 Quyền của Bên Đại Lý**

- a. Giao kết hợp đồng đại lý với các bên giao đại lý khác ngoài Bên Giao Đại Lý;
- b. Yêu cầu Bên Giao Đại Lý giao hàng hoặc tiền theo Hợp đồng; nhận lại tài sản dùng để bảo đảm (nếu có) khi kết thúc Hợp đồng;
- c. Yêu cầu Bên Giao Đại Lý hướng dẫn, cung cấp thông tin và các điều kiện khác có liên quan để thực hiện Hợp đồng;
- d. Hưởng thù lao, các quyền và lợi ích hợp pháp khác do hoạt động đại lý mang lại;
- e. Có quyền yêu cầu Bên Giao Đại Lý bồi thường một khoản tiền cho thời gian mà mình đã làm đại lý cho Bên Giao Đại Lý. Giá trị của khoản bồi thường là một tháng thù lao đại lý trung bình trong thời gian nhận đại lý cho mỗi năm mà Bên Đại Lý làm đại lý cho Bên Giao Đại Lý. Trong trường hợp thời gian đại lý dưới [•] năm thì khoản bồi thường được tính là một tháng thù lao đại lý trung bình trong thời gian nhận đại lý;
- f. Hoàn trả sản phẩm không đạt yêu cầu do lỗi Bên Giao Đại Lý.

### **8.2 Nghĩa vụ của Bên Đại Lý**

- a. Cung cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên Đại Lý cho Bên Giao Đại Lý;
- b. Không mua, bán, phân phối các Sản phẩm cạnh tranh trực tiếp do Bên Giao Đại Lý thông báo bằng văn bản trong từng thời điểm cụ thể;
- c. Bán và phân phối sản phẩm Bên Giao Đại Lý theo giá bán lẻ và/hoặc bán buôn đã được Bên Giao Đại Lý quy định theo từng thời điểm cụ thể, giao hàng nhanh và thuận tiện đến Khách hàng.
- d. Nỗ lực để thúc đẩy doanh số bán Sản phẩm của Bên Giao Đại Lý trong phạm vi Khu vực độc quyền;

- e. Xin phê duyệt của Bên Giao Đại Lý trước khi tiến hành các chương trình khuyến mại đối với các Sản phẩm được phân phối theo Hợp đồng này;
- f. Theo yêu cầu của Bên Giao Đại Lý, tiến hành cung cấp các thông tin liên quan đến doanh số bán hàng, số lượng hàng tồn kho, các chương trình xúc tiến thương mại, quảng cáo trên Khu vực độc quyền của mỗi [●];
- g. Phát triển hệ thống phân phối sản phẩm thông qua các cơ sở kinh doanh, công ty, hệ thống phân phối do Bên Đại Lý nắm quyền kiểm soát trên vùng Khu vực độc quyền;
- h. Bồi thường thiệt hại và chịu phạt vi phạm theo quy định của pháp luật trong trường hợp Bên Đại Lý vi phạm Hợp đồng;
- i. Thực hiện đúng các cam kết được ghi trong Hợp đồng.

## **ĐIỀU 9. VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

- 9.1 Trong trường hợp một Bên vi phạm các quy định tại Hợp đồng này, Bên Đại Lý vi phạm có quyền thông báo bằng văn bản (Sau đây gọi tắt là “Thông báo vi phạm”) cho Bên vi phạm yêu cầu Bên vi phạm khắc phục hành vi vi phạm trong một thời hạn do Bên Đại Lý vi phạm ấn định. Trong mọi trường hợp vi phạm, thời hạn khắc phục hành vi vi phạm tối thiểu là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Thông báo vi phạm;
- 9.2 Nếu Bên vi phạm không khắc phục được hành vi vi phạm trong thời hạn do Bên Đại Lý vi phạm ấn định theo Khoản 9.1 trên đây thì Bên Đại Lý vi phạm có quyền đình chỉ Hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại cho Bên vi phạm;
- 9.3 Không ảnh hưởng đến hiệu lực của Khoản 9.2 trên đây, Bên Đại Lý vi phạm có quyền áp dụng một khoản phạt vi phạm Hợp đồng đối với Bên vi phạm tương ứng với [●] % giá trị của phần Hợp đồng bị vi phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có);
- 9.4 Các Bên thống nhất rằng thiệt hại thực tế để làm căn cứ tính mức bồi thường thiệt hại theo quy định tại Khoản 9.3 trên đây không bao gồm các khoản bồi thường thiệt hại mà Bên Đại Lý vi phạm phải thanh toán cho Bên khác, các khoản lợi nhuận hoặc lợi thế thương mại bị bỏ lỡ.

## **ĐIỀU 10. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

- 10.1 Hợp đồng này và các Phụ lục của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên.
- 10.2 Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:
  - a. Hợp đồng hết hạn mà không được gia hạn; hoặc
  - b. Một trong Các Bên Đại Lý giải thể, phá sản hoặc tạm ngừng hoặc bị đình chỉ hoạt động kinh doanh; hoặc
  - c. Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn; hoặc
  - d. Các trường hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam; hoặc
  - e. Một Bên đình chỉ thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên Giao Đại Lý đình chỉ Hợp đồng theo quy định tại các Khoản 3.7 và/hoặc Khoản 3.8 của Hợp đồng này bằng cách báo trước cho Bên Đại Lý một khoảng thời gian là 15 (mười lăm) ngày làm việc;
- Bên Đại Lý đình chỉ Hợp đồng theo quy định tại các Khoản 2.3.2 và/hoặc Khoản 3.4.2 và/hoặc Khoản 5.1.5 của Hợp đồng này bằng cách báo trước cho Bên Giao Đại Lý một khoảng thời gian là [●] ngày làm việc;
- Một trong Các Bên đình chỉ Hợp đồng theo quy định tại Khoản 9.1 của Hợp đồng này bằng cách báo trước cho Bên còn lại [●] ngày làm việc.

**10.3** Các Bên thống nhất rằng việc chấm dứt Hợp đồng này không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của Các Bên phát sinh hiệu lực trước ngày chấm dứt Hợp đồng và nghĩa vụ bảo mật thông tin theo quy định tại Khoản 11.4 của Hợp đồng này, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

## **ĐIỀU 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng này, các Bên sẽ nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải trên tinh thần hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

## **ĐIỀU 12. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**12.1** Luật áp dụng: Pháp luật Việt Nam sẽ áp dụng cho Hợp đồng này.

**12.2** Mọi bổ sung, sửa đổi điều khoản nào trong Hợp đồng này đều phải được Các Bên thỏa thuận bằng văn bản và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

**12.3** Nếu bất kỳ quy định nào của Hợp đồng này trở nên vô hiệu, trái luật hoặc không có khả năng thi hành, thì những điều khoản vô hiệu, trái luật hoặc không có khả năng thi hành đó sẽ không ảnh hưởng đến các điều khoản còn lại của Hợp đồng này.

**12.4** Các Bên cam kết không tiết lộ bất kỳ thông tin nào mà Các Bên đã thỏa thuận trong bản Hợp đồng này hoặc bằng hình thức khác trong thời hạn Hợp đồng và [●] năm kể từ ngày Hợp đồng hết hạn. Các Bên sẽ không bị xem là vi phạm nếu thông tin được tiết lộ là thông tin công khai và/hoặc Các Bên Đại Lý buộc phải tiết lộ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu và/hoặc tiết lộ với các nhân viên, cố vấn, luật sư của mình. Khi phải tiết lộ, Các Bên cam kết chỉ tiết lộ những thông tin được yêu cầu/cần tiết lộ và phải ngay khi có thể báo cho Bên kia về việc tiết lộ đó.

**12.5** Sự kiện Bất khả kháng:

- a. Sự kiện Bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.
- b. Sự kiện Bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện: thiên tai như mưa, lũ, hỏa hoạn, bão, sóng thần, núi lửa phun trào....; hiện tượng xã hội như chiến tranh, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của Chính phủ....
- c. Bên vi phạm sẽ được miễn trừ các trách nhiệm theo Hợp đồng này với lý do vì Sự kiện Bất khả kháng nếu đáp ứng đủ các điều kiện: (i) Vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng, không

tuyên thủ các cam kết và gây thiệt hại cho Bên còn lại trong điều kiện Sự kiện Bất khả kháng theo định nghĩa tại Khoản này; và (ii) Bên vi phạm thực hiện nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ khi xảy ra hoặc biết được Sự kiện Bất khả kháng.

- 12.6** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày đại diện theo pháp luật của Bên cuối cùng ký và đóng dấu vào Hợp đồng này cho đến ngày [●].
- 12.7** Trong thời hạn [●] tháng trước ngày hết hiệu lực theo quy định tại Khoản 11.6 nêu trên, Các Bên sẽ thông báo cho nhau quyết định về việc gia hạn hiệu lực của Hợp đồng này
- 12.8** Mọi thông báo và thông tin liên lạc chính thức liên quan đến Hợp đồng này sẽ được gửi tới địa chỉ của Các Bên như nêu tại phần đầu của Hợp đồng. Mọi thông báo và thông tin liên lạc khác hoặc thừa nhận được thực hiện theo Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực nếu được lập thành văn bản, bao gồm cả fax và telex, và chỉ được coi là đã gửi và nhận hợp lệ nếu: (i) khi giao bằng tay có giấy biên nhận; (ii) nếu gửi bưu điện thì [●] ngày làm việc sau khi gửi thư bảo đảm cước phí trả trước, có xác nhận bằng văn bản; (iii) trong trường hợp gửi bằng fax hay telex, khi gửi trong giờ làm việc bình thường tới địa điểm kinh doanh của người nhận, nếu có tín hiệu hay giấy xác nhận đã chuyển; và (iv) nếu gửi bằng dịch vụ giao nhận bảo đảm, khi thực tế đã nhận, và trong bất kỳ trường hợp nào, cũng phải gửi cho Các Bên tại địa chỉ đã được thông báo bằng văn bản tùy từng thời điểm.
- 12.9** Hợp đồng này được lập thành [●] bản, có hiệu lực ngang nhau. Mỗi bên giữ [●] bản để thực hiện.

*Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp đồng này.*

**ĐẠI DIỆN CỦA BÊN GIAO ĐẠI LÝ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Đóng dấu)*

**ĐẠI DIỆN BÊN ĐẠI LÝ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Đóng dấu)*

**PHỤ LỤC .....**

(Đính kèm Hợp đồng đại lý số: .../HĐDL ngày .../.../... giữa ..... và .....)

**DANH SÁCH SẢN PHẨM ĐẠI LÝ ĐỘC QUYỀN**

<b>STT</b>	<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Quy cách</b>	<b>Nguồn gốc</b>	<b>Giá bán</b>

MCCAC

---

## MẪU 20. HỢP ĐỒNG MUA BÁN VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ

---

### *GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:*

1. Hợp đồng mua bán và lắp đặt thiết bị là thỏa thuận giữa bên cung cấp và bên mua về việc cung cấp và lắp đặt thiết bị, theo đó bên bán sẽ cung cấp và lắp đặt thiết bị cho bên mua và bên mua phải thanh toán chi phí bên bán.
2. Một số quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán và lắp đặt thiết bị cần tham khảo khi soạn thảo hợp đồng dịch vụ: Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005.
3. Ký hiệu [•] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
4. Mẫu Hợp đồng kèm theo chỉ có giá trị tham khảo; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các Bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng..... năm.....

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ**

Số: [•]

Hợp Đồng Mua Bán và Lắp Đặt Thiết Bị này (sau đây gọi là “**Hợp đồng**”) được lập và ký ngày [•] giữa các Bên:

**BÊN A (BÊN CUNG CẤP THIẾT BỊ):**

**CÔNG TY** : [•]

Mã số thuế : [•]

Địa chỉ trụ sở chính : [•]

Đại diện bởi : [•]

Chức danh : [•] - Người đại diện theo pháp luật.

*[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]*

**VÀ**

**BÊN B (BÊN MUA THIẾT BỊ):**

**CÔNG TY** : [•]

Mã số thuế : [•]

Địa chỉ trụ sở chính : [•]

Đại diện bởi : [•]

Chức danh : [•] - Người đại diện theo pháp luật

*[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]*

*[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:*

Họ và tên : [•]

CCCD số : [•]

Địa chỉ : [•]

Số điện thoại : [•]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là “**Bên**”, gọi chung là “**các Bên**”.

**XÉT RÀNG:**

- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên A];
- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên B];

**DO VẬY**, các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Mua Bán Và Lắp Đặt Thiết Bị này theo các điều khoản và điều kiện sau:

**ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG**

Bên A đồng ý bán và bên B đồng ý mua:

STT	Thiết bị, máy móc	Số lượng	Quy cách	Nguồn gốc/Xuất xứ	Trị giá	Thành tiền
1.						
2.						
3.						
4.						

**ĐIỀU 2. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**

- 2.1 Thời hạn thực hiện hợp đồng từ ngày [•] đến hết ngày [•].
- 2.2 Bên A có trách nhiệm giao đúng số lượng và chất lượng thiết bị như đã xác định tại điều 1 của hợp đồng. Và tiến hành lắp đặt các thiết bị cho bên B muộn nhất là vào [•] giờ, ngày [•] /tháng [•] /năm [•].

**ĐIỀU 3. THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

- 3.1 Bên A thực hiện nghĩa vụ cung cấp [•] chiếc thiết bị như đã quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, và tiến hành lắp đặt thiết bị cho bên B theo đúng thời gian quy định tại hợp đồng.
- 3.2 Địa chỉ giao hàng và thi công lắp đặt tại: [•].
- 3.3 Bên B sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán khi bên A tiến hành xong công việc lắp đặt thiết bị, kể cả trường hợp hoàn thành trước thời hạn hợp đồng.
- 3.4 Trong thời hạn 06 tháng, nếu thiết bị xảy ra lỗi bên B hoàn toàn có quyền yêu cầu bên A khắc phục, sửa chữa hoặc bảo hành hay thay mới.

**ĐIỀU 4. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG**

- 4.1 Giá cả hàng hóa:

- Số tiền bên B phải thanh toán cho bên A là [•] x [•] chiếc = [•] VNĐ (Bằng chữ: [•]).
- Chi phí trên đã bao gồm: [•]
- Và chưa bao gồm: [•]

#### 4.2 Chi phí lắp đặt:

Theo thỏa thuận của hai bên chi phí lắp đặt sẽ xác định theo tổng số phòng của tòa nhà. Cụ thể: [•] phòng x [•] VNĐ/phòng= [•] VNĐ (Bằng chữ: [•]).

#### 4.3 Tổng chi phí : [•] VNĐ (Bằng chữ: [•]).

### ĐIỀU 5. THANH TOÁN VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

- 5.1 Bên B thanh toán cho bên A đợt 1 là [•] % giá trị hợp đồng là [•] đồng, kể từ ngày hai bên ký hợp đồng này trong vòng [•] ngày làm việc.
- 5.2 Bên B sẽ tiến hành thanh toán cho bên A [•] % còn lại sau khi Bên A vận chuyển đủ hàng hóa và tiến hành lắp đặt cho bên B như đã thỏa thuận, trong vòng 03 ngày làm việc Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ hợp đồng cho bên A.
- 5.3 Phương thức thanh toán [•] (tiền mặt hoặc chuyển khoản)
- 5.4 Hình thức thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A bằng chuyển khoản ngân hàng theo thông tin người thụ hưởng như sau:
  - *Chủ tài khoản* : [•]
  - *Số tài khoản* : [•]
  - *Ngân hàng* : [•]

### ĐIỀU 6. BẢO HÀNH

- 6.1 Thời gian bảo hành: [•] (dựa theo quy định của Nhà nước, nếu không có thì hai bên tự thỏa thuận).
- 6.2 Trong thời hạn bảo hành nếu bên A phát hiện có hư hỏng, sai sót về chất lượng, về kỹ thuật thì phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho bên B biết để cùng nhau xác minh. Việc xác minh phải được tiến hành không chậm quá [•] ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Việc xác minh phải được lập thành biên bản. Hai bên có kết luận rõ ràng về nguyên nhân gây ra hư hỏng đó thuộc về bên nào, quy định thời gian sửa chữa.
- 6.3 Trong thời hạn [•] ngày kể từ ngày được thông báo, nếu bên B không trả lời thì coi như đã chấp nhận có sai sót và có trách nhiệm sửa chữa sai sót đó.
- 6.4 Nếu sai sót không được sửa chữa hoặc việc sửa chữa kéo dài dẫn đến những thiệt hại khác trong kế hoạch sử dụng [•]. thì bên A có quyền phạt bên B vi phạm hợp đồng là [•] % giá trị bộ phận hư hỏng và bắt bồi thiệt hại như trường hợp không thực hiện hợp đồng.

### ĐIỀU 7. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ PHẠT VI PHẠM

- 7.1 Bên nào vi phạm Hợp đồng phải chịu các chế tài theo quy định của Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Đồng thời, bồi thường thiệt hại cho Bên kia theo đúng quy định của pháp luật.
- 7.2 Bên nào vi phạm hợp đồng một mặt phải trả cho bên bị vi phạm hợp đồng, mặt khác nếu có thiệt hại xảy ra do lỗi vi phạm hợp đồng dẫn đến như: mất mát, hư hỏng tài sản, phải chi phí để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại do vi phạm gây ra, tiền phạt do vi phạm hợp đồng khác và tiền bồi thường thiệt hại mà bên bị vi phạm phải trả cho bên thứ ba là hậu quả trực tiếp của sự vi phạm này gây ra.
- 7.3 Nếu bên A vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng sẽ bị phạt [●]% giá trị hợp đồng cho [●] ngày đầu và phạt thêm [●] % mỗi ngày tiếp theo cho tới [●]% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.
- 7.4 Nếu bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán sẽ bị phạt theo mức lãi suất tín dụng quá hạn của ngân hàng [●] tính từ ngày hết thời hạn thanh toán.
- 7.5 Bên nào đã ký kết hợp đồng mà không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng không có lý do chính đáng thì bị phạt vi phạm là [●] % giá trị hợp đồng đã ký.
- 7.6 Nếu hợp đồng này có bên nào đó gây ra đồng thời nhiều loại vi phạm thì chỉ phải chịu một loại phạt có số tiền phạt ở mức cao nhất theo mức phạt mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng này.
- 7.7 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên nào gây thiệt hại xâm phạm đến lợi ích cho đối phương thì phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trên thực tế. Bên bị thiệt hại phải có nghĩa vụ chứng minh những thiệt hại mình phải chịu do lỗi của đối phương.

## **ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

### **8.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A:**

- Yêu cầu bên B thanh toán đúng hạn và những chi phí phát sinh khác.
- Yêu cầu bên B thực hiện đúng hợp đồng như đã thỏa thuận.
- Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại nếu bên B gây thiệt hại cho bên A trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Trường hợp bên B vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.
- Hoàn thành đúng thời hạn của hợp đồng.
- Đảm bảo đúng, đủ chất lượng sản phẩm.
- Thực hiện nghĩa vụ của mình về chính sách chăm sóc khách hàng: đổi trả, bảo hành, sửa chữa khi sản phẩm xảy ra lỗi.
- Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

### **8.2 Quyền và nghĩa vụ của bên B:**

- Yêu cầu bên A giao và tiến hành lắp đặt đúng loại hàng hóa, đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận.

- Thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho bên A như đã thoả thuận trong hợp đồng.
- Yêu cầu bên A đổi các thiết bị, máy móc bị lỗi, hư hỏng, không đúng mẫu mã, chất lượng như đã giao kết;
- Từ chối nhận hàng, đơn phương hủy bỏ hợp đồng nếu bên A có hành vi vi phạm.
- Thông báo cho Bên A những thay đổi trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 9. BẢO MẬT THÔNG TIN**

- 9.1** Mỗi Bên phải giữ bí mật toàn bộ các thông tin, tài liệu, thỏa thuận có được do Bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ nội dung của Hợp đồng này; các email, thư từ, tài liệu, văn bản tư vấn của Bên B; các văn bản do Bên B soạn thảo, cung cấp; các thông tin, dữ liệu, tài liệu do Bên A cung cấp,... (gọi chung là “**Thông Tin Mật**”), ngoại trừ:
- a) Các thông tin đó là hoặc sẽ trở thành thông tin công khai, mà không do lỗi của bất kỳ Bên nào;
  - b) Các thông tin đó được cung cấp cho Cơ quan có thẩm quyền;
  - c) Một Bên nhận được thông tin từ bên thứ ba độc lập mà bên thứ ba này không chịu trách nhiệm đối với bên nào khác;
  - d) Các thông tin mà một Bên đã có sẵn tại thời điểm mà thông tin đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, được Bên kia cung cấp.
- 9.2** Một Bên không được, khi chưa có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia, sử dụng Thông Tin Mật mà Bên kia yêu cầu giữ bí mật cho bất kỳ mục đích nào khác trừ trường hợp tiết lộ vì mục đích thực hiện Sửa Chữa theo Hợp đồng này hoặc tiết lộ theo yêu cầu của pháp luật hoặc có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý Nhà nước.

## **ĐIỀU 10. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN**

Hợp đồng này có thể chấm dứt trước hạn nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;
- b) Một Bên vi phạm bất cứ điều khoản nào của Hợp đồng này và Bên còn lại thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng cho Bên vi phạm trước [●] ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng;
- c) Một Bên ở trong tình trạng mất khả năng thanh toán hoặc đang trong quá trình đi đến phá sản (hoặc trong một trình trạng tương tự khác theo quy định của luật pháp Việt Nam) và Bên còn lại thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng cho Bên vi phạm trước [●] ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng.

## **ĐIỀU 11. THÔNG BÁO**

- 11.1** Bất kỳ thông báo, đồng ý, chấp thuận, hoặc liên hệ, trao đổi thông tin, khiếu nại giữa các Bên về các nội dung, vấn đề liên quan đến Hợp đồng này (“**Thông Báo**”) phải

thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực khi được chuyển bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm chuyển trực tiếp, gửi qua bưu điện, fax hoặc email hoặc các phương tiện truyền tin khác đến một trong các địa chỉ nhận tin của các Bên như sau:

a) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên A:

- Địa chỉ: [●]
- Điện thoại:[●]
- Fax: [●]
- Email: [●]
- Nhân sự liên hệ: [●]
- Tài khoản zalo/ viber: [●]

b) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên B:

- Địa chỉ: [●]
- Điện thoại [●]
- Fax: [●]
- Email: [●]
- Nhân sự liên hệ: [●]
- Tài khoản zalo/ viber: [●]

**11.2** Thông báo cũng có thể được gửi trực tiếp, bằng dịch vụ chuyển phát hoặc bằng e-mail, các phương tiện trực tuyến với điều kiện là phải có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng chứng rõ ràng về việc gửi. Các thông báo được gửi trực tiếp, hoặc được gửi bằng bất kỳ phương tiện nào khác được phép sẽ được xem là đã nhận được vào thời điểm gửi.

**11.3** Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận các Thông Báo của mình bằng cách gửi Thông Báo cho Bên kia về việc thay đổi địa chỉ nhận thông báo theo phương thức được quy định tại Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 12. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

**12.1** Sự kiện bất khả kháng là sự kiện khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các sự kiện sau đây, bao gồm nhưng không giới hạn, được xem là các sự kiện bất khả kháng:

- Thiên tai;
- Động đất, hoả hoạn, lũ lụt, dịch bệnh và những thảm hoạ thiên nhiên khác;
- Chiến tranh, phá hoại, nội chiến, khủng bố;
- Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Bên B;
- Thay đổi chính sách pháp luật của nhà nước.

**12.2** Bên bị cản trở việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên kia và không quá [●] ngày sau khi sự kiện bất

khả kháng xảy ra, nêu rõ sự bắt đầu, ngày bắt đầu, ngày dự tính kết thúc của sự kiện bất khả kháng, nghĩa vụ theo Hợp đồng bị ảnh hưởng.

- 12.3 Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng được hai Bên công nhận là đúng, bên gặp sự kiện bất khả kháng sẽ được hoãn thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng tương với thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng và được miễn trừ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng từ sự kiện bất khả kháng gây ra.

### ĐIỀU 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 13.1 Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.
- 13.2 Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng này, các Bên sẽ nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải trên tinh thần hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

### ĐIỀU 14. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 14.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 14.2 Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với các điều khoản của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được thực hiện bằng văn bản và được Bên A và Bên B cùng ký xác nhận.
- 14.3 Hợp đồng này hình thành toàn bộ thỏa thuận giữa Bên B và Bên A, và thay thế tất cả các đàm phán, tuyên bố hoặc thỏa thuận trước đây giữa các Bên, bằng hình thức trao đổi miệng hoặc bằng văn bản, liên quan đến nội dung của Hợp đồng.
- 14.4 Hợp đồng này được lập thành [•] bản gốc bằng tiếng Việt, mỗi Bên giữ [•] bản có giá trị pháp lý như nhau.

*Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp đồng này.*

#### ĐẠI DIỆN BÊN A

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Đóng dấu)*

#### ĐẠI DIỆN BÊN B

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Đóng dấu)*